

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THỊ QUYÊN

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2026

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THỊ QUYÊN

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục
Mã số: 9140102

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS Nguyễn Thị Tính
2. PGS.TS Hà Thị Kim Linh

THÁI NGUYÊN - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận án này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 3 năm 2026

Tác giả

Đỗ Thị Quyên

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm trân trọng nhất, tác giả luận án xin bày tỏ lòng biết ơn đến **PGS.TS. Nguyễn Thị Tính** và **PGS.TS. Hà Thị Kim Linh** đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn tác giả hoàn thành luận án này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn *các thầy cô giáo, các cán bộ Khoa Tâm lý Giáo dục*, Phòng Đào tạo, Ban Giám hiệu trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong thời gian học tập, nghiên cứu, hoàn thành khóa học.

Xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc, Lãnh đạo, thầy, cô các trường Học viện, Đại học Công an nhân dân đã hỗ trợ tác giả khảo sát, lấy số liệu phục vụ cho luận án.

Thái Nguyên, tháng 3 năm 2026

Tác giả

Đỗ Thị Quyên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT.....	viii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	ix
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	xi
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài luận án.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
5. Giả thuyết khoa học	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	4
7. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu	5
8. Những luận điểm cần bảo vệ của luận án	7
9. Đóng góp mới của luận án	8
10. Kết cấu của luận án	9
Chương 1. 10CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP 10CHO HỌC VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	10
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	10
1.1.1. Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp.....	10
1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp.....	15
1.1.3. Nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công an.....	17
1.1.4. Khái quát chung về các công trình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho luận án tiếp tục nghiên cứu	22
1.2. Một số khái niệm cơ bản.....	24
1.2.1. Đạo đức	24
1.2.2. Đạo đức nghề nghiệp	26
1.2.3. Đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân	28

1.2.4. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân	29
1.3. Đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	31
1.3.1. Bối cảnh hiện nay và yêu cầu đặt ra đối với lao động, đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân	31
1.3.2. Cơ sở xác định đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân	35
1.3.3. Các biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân ở học viên trong trường đại học Công an nhân dân hiện nay	45
1.3.4. Quá trình phát triển đạo đức nghề nghiệp người chiến sĩ Công an nhân dân cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân.....	50
1.4. Lý luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	54
1.4.1. Đặc điểm và nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân	54
1.4.2. Mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân.....	58
1.4.3. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân	60
1.4.4. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân.....	62
1.4.5. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân.....	66
1.4.6. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân	69
1.4.7. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân.....	73
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân	75
1.5.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng Công an nhân dân	75

1.5.2. Năng lực giáo dục của giảng viên, cán bộ quản lý	75
1.5.3. Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của học viên	76
1.5.4. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trong Công an nhân dân	77
1.5.5. Môi trường giáo dục của các trường đại học Công an nhân dân	78
1.5.6. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường	78
1.5.7. Sự phối hợp giữa trường đại học Công an nhân dân với cơ quan Công an các đơn vị, địa phương	79
1.5.8. Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội	79
Kết luận chương 1	81
Chương 2. 82THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN 82Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	82
2.1. Khái quát đặc điểm, tình hình các trường đại học Công an nhân dân và tổ chức khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	82
2.1.1. Khái quát đặc điểm, tình hình các trường đại học Công an nhân dân hiện nay	82
2.1.2. Khái quát tình hình chung về các trường đại học CAND tổ chức khảo sát	82
2.1.3. Tổ chức khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học CAND.....	84
2.2. Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân hiện nay	91
2.2.1. Thực trạng nhận thức của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	91
2.2.2. Thực trạng biểu hiện thái độ đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân	95
2.2.3. Thực trạng về hành vi đạo đức nghề nghiệp của học viên các trường đại học Công an nhân dân	99
2.2.4. Thực trạng về một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân	105
2.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân	108

2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	110
2.3.1. Thực trạng mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	110
2.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân.....	113
2.3.3. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân.....	117
2.3.4. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân.....	120
2.3.5. Lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	124
2.3.6. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	127
2.3.7. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	130
2.4. Nhận xét chung về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	133
2.4.1. Ưu điểm.....	133
2.4.2. Về tồn tại, hạn chế.....	134
Kết luận chương 2	136
Chương 3. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY.....	137
3.1. Nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	137
3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu giáo dục	137
3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn.....	137
3.1.3. Đảm bảo tính kế thừa	138
3.1.4. Đảm bảo tính hệ thống	139
3.1.5. Đảm bảo tính cần thiết và tính hiệu quả.....	139

3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay	140
3.2.1. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và động cơ rèn luyện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân cho học viên ..	140
3.2.2. Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân	145
3.2.3. Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho học viên trong bối cảnh hiện nay	158
3.2.4. Phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở	162
3.2.5. Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân	169
3.2.6. Xây dựng và thực hiện bộ chỉ số đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân	173
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	179
3.4. Thực nghiệm sư phạm	180
3.4.1. Mục đích, đối tượng thực nghiệm	180
3.4.2. Giả thuyết thực nghiệm và thời gian thực nghiệm	181
3.4.3. Nội dung thực nghiệm	181
3.4.4. Quy trình tổ chức thực nghiệm	182
3.4.5. Tiêu chí đo, thang đo kết quả thực nghiệm	182
3.4.6. Kết quả thực nghiệm	186
Kết luận chương 3	204
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	205
1. Kết luận	205
2. Khuyến nghị	206
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	209
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	210
PHỤ LỤC	

NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT

CAND	: Công an nhân dân
CB	: Cán bộ
ĐC	: Đối chứng
ĐĐNN	: ĐĐNN
DTB	: Điểm trung bình
GV	: GV
HV	: Học viên
TN	: Thực nghiệm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Phân bố khách thể nghiên cứu	85
Bảng 2.2. Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo	91
Bảng 2.3. Đánh giá của HV về nhận thức các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân	92
Bảng 2.4. Đánh giá của HV về biểu hiện thái độ đối với ĐĐNN của học viên ở các trường đại học CAND	95
Bảng 2.5. Đánh giá của CB, GV, HV về hành vi đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân	99
Bảng 2.6. Đánh giá của CB, GV, HV về một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN của HV ở các trường đại học Công an nhân dân	105
Bảng 2.7. Đánh giá của CB, GV, HV về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND.....	110
Bảng 2.8. Đánh giá của CB, GV, HV về nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND.....	113
Bảng 2.9. Đánh giá của CB, GV, HV về phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND	118
Bảng 2.10. Đánh giá của CB, GV, HV về các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND.....	121
Bảng 2.11. Đánh giá của CB, GV, HV về lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND.....	125
Bảng 2.12. Đánh giá của CB, GV, HV về kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND.....	127
Bảng 2.13. Đánh giá của CB, GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND.....	130
Bảng 3.1. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC trước thực nghiệm	186
Bảng 3.2. So sánh 2 giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC ...	187
Bảng 3.3. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1	188
Bảng 3.4. Mô tả những tham số thống kê kết quả học tập của lớp TN và lớp ĐC sau TN lần 1.....	188

Bảng 3.5. So sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 1	189
Bảng 3.6. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau thực nghiệm lần 2	190
Bảng 3.7. Mô tả những tham số thống kê kết quả học tập của lớp TN và lớp ĐC sau TN lần 2.....	190
Bảng 3.8. So sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 2	191
Bảng 3.9. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN.....	192
Bảng 3.10. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 1.....	195
Bảng 3.11. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 2.....	199

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Kết quả nhận thức sau TN lần 1	197
Biểu đồ 3.2. Kết quả thái độ sau TN lần 1	197
Biểu đồ 3.3. Kết quả hành vi sau TN lần 1	198

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Đạo đức là những phẩm chất tốt đẹp trong nhân cách con người, được thể hiện thông qua nhận thức, thái độ và hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội như gia đình, học tập, lao động và cộng đồng. Đạo đức luôn gắn chặt với các quan hệ xã hội của con người đối với bản thân, gia đình, công việc và xã hội.

Trong xã hội, mỗi ngành nghề đều có những chuẩn mực đạo đức riêng, phù hợp với đặc điểm, tính chất và yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp. ĐĐNN có vai trò định hướng động cơ phấn đấu, nuôi dưỡng lòng yêu nghề, lương tâm, trách nhiệm và tinh thần cống hiến của người lao động đối với nghề nghiệp và xã hội. Xuất phát từ vai trò đặc biệt quan trọng của đạo đức và ĐĐNN đối với cá nhân, tổ chức và sự phát triển bền vững của xã hội, vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục ĐĐNN luôn được xã hội và các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực quan tâm. Giáo dục ĐĐNN cho người học là quá trình giúp người học nhận thức đúng các chuẩn mực đạo đức xã hội và chuẩn mực ĐĐNN, từ đó hình thành thái độ và hành vi phù hợp trong các mối quan hệ với con người, công việc, xã hội và môi trường sống.

Ở Việt Nam, giáo dục đạo đức luôn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong mọi thời kỳ lịch sử, nhất là giáo dục đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “đã là người cách mạng cần phải có sức mạnh, đó chính là sức mạnh của đạo đức cách mạng... Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang” [16]. Theo Người, giáo dục đạo đức cách mạng là yếu tố cốt lõi, là “cái gốc”, “cái nền tảng” tạo nên nhân cách người cách mạng.

Công an nhân dân là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng và Nhà nước, nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; do đặc thù thường xuyên tiếp xúc với mặt trái xã hội, trực tiếp đấu tranh với tội phạm và các thế lực thù địch, ĐĐNN giữ vai trò nền tảng, quyết định hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; nhằm tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 144-QĐ/TW (09/5/2024) và Chỉ thị số 42-CT/TW (26/01/2025) về chuẩn mực đạo đức và giáo dục phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại [21, tr.329], công tác giáo dục, đào tạo, trong đó có giáo dục ĐĐNN cho HV, được đặt ra yêu cầu mới nhằm xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh [22]; dù chưa có hệ thống tiêu chuẩn đầy đủ về ĐĐNN, các văn bản như “Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân”, “Luật Công an nhân dân”, “Điều lệnh CAND”, “Quy tắc ứng xử của CAND”... cùng các quy định của Đảng và Bộ Công an đã từng bước cụ thể hóa các chuẩn mực ĐĐNN trong lực lượng.

Bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo, tác động trực tiếp đến hệ giá trị đạo đức xã hội và đạo đức của CB, chiến sĩ CAND; mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng cùng với âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của các thế lực thù địch làm gia tăng các yếu tố tiêu cực, thúc đẩy lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, đề cao giá trị vật chất, dẫn đến nguy cơ xói mòn chuẩn mực đạo đức, trong đó một bộ phận nhỏ CB, chiến sĩ có biểu hiện lệch chuẩn ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng; đồng thời, yêu cầu xây dựng lực lượng Công an theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại cùng với sự phát triển mạnh mẽ, xâm nhập sâu rộng của công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đã làm thay đổi phương thức hoạt động và đặc thù lao động theo hướng số hóa, liên thông, đặt ra nhiều thách thức mới về bảo mật, kiểm soát quyền lực và chuẩn mực ĐĐNN trong môi trường số. Do đó, giáo dục ĐĐNN cho CB CAND nói chung và giáo dục ĐĐNN cho HV tại các học viện, trường đại học CAND trong thời đại mới là một yêu cầu cấp bách và lâu dài.

Trong những năm qua, ngoài việc giáo dục nghề nghiệp, các trường CAND đã chú trọng giáo dục ĐĐNN cho HV. Đa số HV có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống lành mạnh, tích cực học tập, nghiên cứu khoa học và sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Tuy nhiên trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV trong các nhà trường còn tồn tại một số điểm chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trong bối cảnh hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của Ngành Công an về nội dung giáo dục, phương pháp và cách thức tổ chức giáo dục ĐĐNN cho HV dẫn tới còn một bộ phận HV không có lý

tưởng phần đầu rõ ràng, hiểu biết chưa đầy đủ về truyền thống cách mạng của Đảng, của Ngành và dân tộc, thiếu quan tâm đến tình hình đất nước...

Với những lý do đó, có thể khẳng định việc lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay”*** là rất cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần đào tạo CB, chiến sĩ Công an có phẩm chất đạo đức tốt, có nhân cách toàn diện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay, luận án đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng lực lượng CAND trong bối cảnh hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động giáo dục ĐĐNN trong các trường đại học CAND hiện nay.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

4.2. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng ĐĐNN của HV và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

4.3. Đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay và thực nghiệm một số biện pháp.

5. Giả thuyết khoa học

Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay là một quá trình giáo dục đặc thù, chịu sự tác động tổng hợp của các yếu tố chính trị, pháp lý, xã hội và giáo dục. Thực tiễn cho thấy, kết quả giáo dục ĐĐNN tại các trường đại học CAND chưa tương xứng với yêu cầu xây dựng lực lượng CAND trong bối cảnh hiện nay. Nếu đánh giá được những hạn chế về ĐĐNN, bắt cập trong giáo dục ĐĐNN cho học viên và nâng cao nhận thức về rèn luyện ĐĐNN cho HV,

đề xuất được các biện pháp giáo dục ĐĐNN thông qua lồng ghép trong dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện nghề nghiệp cho học viên tại các nhà trường thì sẽ góp phần hình thành và phát triển phẩm chất ĐĐNN, bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm của học viên CAND, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho lực lượng CAND.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung

Trong các trường đại học, học viện CAND có nhiều ngành đào tạo, mỗi chuyên ngành đào tạo sẽ đòi hỏi HV sau khi tốt nghiệp sẽ có những phẩm chất ĐĐNN chung và những phẩm chất ĐĐNN mang tính đặc thù. Trong luận án này tác giả chỉ tập trung nghiên cứu giáo dục các phẩm chất ĐĐNN chung cho HV các ngành đào tạo của các trường CAND không đi sâu vào các phẩm chất ĐĐNN có tính đặc thù riêng của từng ngành đào tạo.

6.2. Giới hạn địa bàn và khách thể nghiên cứu

Luận án nghiên cứu và khảo sát thực trạng giáo dục ĐĐNN cho học viên tại các trường đại học, học viện CAND gọi chung là trường đại học CAND.

Luận án chỉ tập trung nghiên cứu HV các trường đại học CAND hệ chính quy (những HV đang trong tiến trình đào tạo 4 năm để trở thành người CB CAND) và CB quản lý, GV, các lực lượng liên quan, trong đó lựa chọn ngẫu nhiên khách thể khảo sát 350 HV năm cuối khóa, bởi đến giai đoạn này hầu hết các HV đã trải qua các hoạt động đào tạo, huấn luyện, tập luyện nên hình thành được các năng lực, phẩm chất cơ bản của người chiến sĩ Công an để chuẩn bị bước vào lao động nghề nghiệp, đây là những HV có phẩm chất ĐĐNN CAND đã được hình thành, tuy nhiên vẫn đang tiếp tục được củng cố và hoàn thiện và 165 CB, GV ở 5 trường đại học CAND thuộc Bộ Công an gồm: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Chính trị CAND, Đại học Cảnh sát nhân dân, Đại học Phòng cháy - chữa cháy. Các học viện, đại học trên có các ngành đào tạo mang tính đại diện cho ngành Công an.

6.3. Giới hạn thời gian nghiên cứu

Các số liệu thu thập liên quan đến luận án được giới hạn chủ yếu từ năm 2022 đến năm 2024.

7. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

- Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về đạo đức, ĐĐNN, giáo dục ĐĐNN; Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác giáo dục ĐĐNN; Tư tưởng về đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chung và ĐĐNN đối với ngành Công an nói riêng; Các quan điểm, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng uỷ Công an Trung ương về công tác giáo dục, đào tạo.

- Các quan điểm tiếp cận nghiên cứu:

+ Tiếp cận hệ thống và cấu trúc: Hoạt động giáo dục ĐĐNN là một hệ thống cấu trúc bao gồm các thành tố mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức có quan hệ mật thiết với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Nghiên cứu quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV gắn liền với quá trình đào tạo và trải nghiệm nghề nghiệp của HV tại các đơn vị cơ sở.

+ Tiếp cận tích hợp: Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học Công an nhân dân là một trong những hoạt động cơ bản tại các nhà trường nhằm phát triển toàn diện nhân cách người chiến sĩ Công an, nó không tồn tại biệt lập mà cần được tiến hành tích hợp trong mọi hoạt động đào tạo, huấn luyện và sinh hoạt của HV tại trường đại học CAND, đồng thời đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, liên tục trong các hoạt động dạy học, huấn luyện, thực hành, thực tế và sinh hoạt tập thể cũng như rèn luyện quân ngũ và kỷ luật của ngành Công an ở mỗi HV trong quá trình học tập, rèn luyện.

+ Tiếp cận thực tiễn: Nghiên cứu quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV gắn liền với những yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp đặt ra cho người chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay và thực tiễn đào tạo nghề của các học viện, trường đại học CAND.

+ Tiếp cận giá trị: Giáo dục ĐĐNN chính là giúp HV có khả năng xác định những giá trị, chuẩn mực, những phẩm chất đạo đức phù hợp với đặc trưng của ngành nghề, giáo dục hình thành động cơ tốt đẹp phù hợp với yêu cầu chuẩn mực xã hội để từ đó HV tự điều chỉnh thái độ, hành vi của mình phù hợp với chuẩn mực của lực lượng CAND.

+ Tiếp cận cùng tham gia: Giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND được tiến hành trong mối quan hệ phối hợp giữa GV với các lực lượng giáo

dục trong nhà trường (phòng, khoa chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên...) và ngoài cơ sở đào tạo (địa bàn trường đóng quân, công an các đơn vị, địa phương, chính quyền và nhân dân nơi thực tế...), nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất giáo dục HV ở mọi nơi mọi chỗ, mọi lúc.

+ Tiếp cận trải nghiệm: Giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND được tiến hành thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc trải nghiệm mô phỏng để HV tự giải quyết vấn đề qua đó hình thành phẩm chất ĐĐNN cho HV đáp ứng yêu cầu thực tế.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hóa: tìm hiểu, đánh giá lịch sử nghiên cứu, xác định những yêu cầu về ĐĐNN và yêu cầu đối với giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay; nghiên cứu các tài liệu liên quan đến giáo dục ĐĐNN để xây dựng quan niệm, khung lý thuyết của nghiên cứu về cơ sở lý luận của giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

- Phương pháp nghiên cứu hệ thống các văn bản chỉ đạo của Đảng, của Bộ Công an về giáo dục ĐĐNN cho học viên CAND, từ đó xác định cơ sở pháp lý của giáo dục ĐĐNN và các chuẩn mực ĐĐNN cần giáo dục cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

7.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

+ Phương pháp quan sát sư phạm: Để thu thập những thông tin trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND, từ đó có thể khái quát rút ra được những qui luật nhằm tổ chức quá trình giáo dục ĐĐNN được tốt hơn.

+ Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi tiến hành khảo sát trên cán bộ quản lý; giảng viên và học viên tại 5 trường Đại học CAND để thu thông tin về thực trạng ĐĐNN của HV tại trường đại học CAND và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV tại trường đại học CAND, phân tích, đánh giá về thực trạng ĐĐNN của HV và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

+ Phương pháp phỏng vấn: Sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với Ban Giám đốc, Ban giám hiệu, GV, giáo viên chủ nhiệm lớp và HV ở các trường đại học

CAND để làm rõ hơn thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

+ Phương pháp chuyên gia: Sử dụng phương pháp xin ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục, giảng viên giảng dạy có thâm niên và kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục đạo đức cho HV ở các trường đại học CAND về các vấn đề: Lý luận về giáo dục ĐĐNN cho HV tại trường đại học CAND; Xây dựng và thiết kế công cụ khảo sát; các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV tại trường đại học CAND.

+ Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục: Nghiên cứu các hồ sơ giảng dạy của giảng viên, sổ theo dõi thực hiện nề nếp của học viên; chương trình đào tạo, nội quy, quy tắc ứng xử của các trường, những quy định về hoạt động của học viên trong học tập, sinh hoạt vv... để đánh giá về thực hiện mục tiêu, nội dung, các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV của các trường đại học CAND.

+ Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Sử dụng phương pháp thực nghiệm sư phạm để chứng minh tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV tại trường đại học CAND.

7.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS, toán thống kê để xử lý thông tin định tính và định lượng; sơ đồ hóa các bảng số liệu khi so sánh, đối chiếu.

8. Những luận điểm cần bảo vệ của luận án

Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay cần được được tích hợp với quá trình đào tạo, huấn luyện và gắn với thực tiễn nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an trong tình hình mới, đòi hỏi phải có sự thống nhất, đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và các con đường giáo dục cũng như đánh giá kết quả giáo dục, những thành tố trên phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; việc bảo đảm tính đồng bộ của các thành tố này là điều kiện nền tảng quyết định hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho HV.

Yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong bối cảnh hiện nay đặt ra những chuẩn mực và giá trị mới đối với ĐĐNN của người chiến sĩ CAND, trong khi thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND vẫn còn những hạn chế nhất định; việc nhận diện đúng thực trạng và nguyên nhân là cơ sở khoa học quan trọng để định hướng đổi mới hoạt động giáo dục ĐĐNN hiện nay.

Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND về bản chất là quá trình chuyển hóa tự giác từ nhận thức về các chuẩn mực ĐĐNN thành thái độ và hành vi phù hợp, quá trình này chỉ đạt hiệu quả khi gắn với hoạt động đào tạo, huấn luyện học viên và trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp của HV với sự tham gia của các lực lượng giáo dục; việc đề xuất và triển khai hệ thống các biện pháp giáo dục mang tính đồng bộ, khả thi sẽ góp phần hình thành nhận thức, tình cảm và hành vi đạo đức nghề nghiệp cho HV, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học CAND hiện nay.

9. Đóng góp mới của luận án

9.1. Về mặt lý luận

Phát triển hệ thống lý luận về giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay gắn với hoạt động đào tạo, huấn luyện và tự giáo dục của HV dựa trên tính đặc thù của lao động nghề nghiệp, chức năng nhiệm vụ của người chiến sĩ CAND trong bối cảnh mới và những yếu tố tác động tới hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

9.2. Về mặt thực tiễn

Khảo sát, phân tích một cách hệ thống và có cơ sở khoa học thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND hiện nay, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu, cung cấp luận cứ thực tiễn đáng tin cậy cho việc đổi mới hoạt động giáo dục ĐĐNN.

Đề xuất được các biện pháp nhằm chuyển hóa một cách tự giác nhận thức về các chuẩn mực ĐĐNN thành thái độ và hành vi ĐĐNN ở HV các trường đại học CAND dựa trên nâng cao nhận thức về ĐĐNN, lồng ghép giáo dục ĐĐNN trong giảng dạy các học phần, phối hợp các lực lượng giáo dục tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp và phát triển môi trường giáo dục ĐĐNN cho HV cùng với xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của HV nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

Các kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị ứng dụng trực tiếp trong thực tiễn đào tạo tại các học viện, trường đại học CAND; đồng thời có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý, giảng viên trong việc tổ chức, đổi mới giáo dục ĐĐNN cho HV hiện nay.

10. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, mục lục tài liệu tham khảo, phụ lục và danh mục các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài, luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2: Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Chương 3: Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức, giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục ĐĐNN nói riêng được rất nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam quan tâm nghiên cứu dựa trên nhiều cách tiếp cận khác nhau:

i) Nghiên cứu về ĐĐNN gắn với chuyên môn của ngành nghề:

J. Patric Dobel (1990) nghiên cứu về ĐĐNN dưới góc độ “Liêm chính trong các dịch vụ công cộng”, trong cuốn sách này nhà nghiên cứu đã đưa ra những tiêu chuẩn, yêu cầu, cam kết đối với thái độ, trách nhiệm của bộ phận phụ trách chế độ, đó là: tinh thần trách nhiệm; tính thận trọng, chu đáo. Phẩm chất đó là nguồn đạo đức điều chỉnh hành động, cách ứng xử linh hoạt, khéo léo, sáng tạo [88].

Jonh Hardwig (1991), trong cuốn nghiên cứu về đạo đức chuyên môn “Vấn đề đạo đức chuyên môn” (Toward an ethics of expertise) đã đưa ra nhận xét, đánh giá cụ thể về đạo đức chuyên môn và đề ra những qui tắc chung của đạo đức chuyên môn. Đồng thời, tác giả đã đề xuất những nguyên tắc đạo đức định hướng cho HV của những người làm chuyên môn như: tính trung thành, yếu tố nhân đức, sự hài hòa, sự công bằng... [89].

Joshua Joseph (2000) trong tác phẩm “đạo đức nơi làm việc” đã cho thấy vai trò, sự phát triển của các chương trình đạo đức trong các tổ chức của Mỹ. Các chương trình đạo đức có ảnh hưởng, tác động đến tư duy, phương pháp giải quyết những tình huống trong công việc của các tổ chức, các cơ quan theo hướng đúng đắn, hiệu quả. Vì vậy, để điều chỉnh hành vi của các cá nhân tại công sở, nơi làm việc, mỗi đơn vị cần xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn đạo đức. Bộ tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi cũng như dựa trên sự quan sát, học hỏi thông qua hành động của người khác [90].

Rennie (2001), trong cuốn “*Thái độ của học viên ngành y khoa*” đã đưa ra nhận định về phẩm chất “trung thực” của bác sĩ trong tương lai. Bàn về ĐĐNN của

các bác sĩ, tác giả cho rằng: phẩm chất “trung thực” và “sự chính trực” là những giá trị đạo đức cốt lõi của các bác sĩ. Nhà nghiên cứu đã chỉ ra vai trò hướng dẫn, điều chỉnh HV của ĐĐNN đối với HV [101].

G.Collste (2012) trong bài “*Đạo đức nghề nghiệp và ứng dụng*” cho rằng: “ĐĐNN là đạo đức trong công việc. Có mối quan hệ giữa đạo đức ứng dụng và ĐĐNN, thậm chí có thể nói rằng, ĐĐNN là sự phản ánh của đạo đức ứng dụng” [84; tr.17]. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu, luận giải và nhận định, ĐĐNN của một số nhóm nghề có những điểm tương đồng nhau, nhưng giữa ĐĐNN và đạo đức ứng dụng cũng có những điểm khác biệt nhau, ĐĐNN dựa trên thực tiễn của một nghề, đạo đức ứng dụng chủ yếu dựa trên sự nỗ lực học tập của cá nhân.

Năm 2012, trên cơ sở đánh giá thực tiễn và yêu cầu của sự phát triển nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu của Hoa Kỳ đã đưa ra “Bộ qui tắc ứng xử và ĐĐNN” [dẫn theo 86]. Bộ quy tắc nêu rõ những tiêu chuẩn, nguyên tắc cơ bản chi phối hoạt động nghề nghiệp đó là: duy trì những tiêu chuẩn đạo đức cao nhất và thực hiện tất cả những gì mà chúng ta làm với sự chính trực; tiếp tục tập trung cao độ vào việc làm hài hòa các kết quả kinh doanh và sự hài lòng cũng như thành công của cộng đồng; bảo vệ sức khỏe, sự an toàn, phẩm giá của nhân viên và quản lý nơi làm việc của chúng ta với tinh thần, trách nhiệm và sự tôn trọng; tuân thủ luật và các qui luật có liên quan đến việc kinh doanh.

Lê Thanh Thập (2005) trong bài “*Về đạo đức nghề nghiệp*” [63] đã nghiên cứu, làm rõ lương tâm nghề nghiệp và nghĩa vụ ĐĐNN; làm rõ mối quan hệ biện chứng của các thành phần trong ĐĐNN, đặc biệt giữa nghĩa vụ ĐĐNN và lương tâm nghề nghiệp. Tác giả quan niệm, để có được thành công trong sự nghiệp và hoạt động nghề nghiệp mỗi người phải xây dựng được các chuẩn mực đạo đức phù hợp, đó chính là ĐĐNN. ĐĐNN là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là một loại đạo đức đã được xã hội hoá trong hoạt động nghề nghiệp cụ thể.

Thích Giác Toàn (2012) trong bài “*Phật giáo và đạo đức nghề nghiệp*” đã quan niệm, ĐĐNN thực chất đó là những phẩm chất của người hành nghề. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng nguồn gốc tạo nên ĐĐNN xuất phát từ đạo đức xã hội, dựa trên đạo đức xã hội ĐĐNN được điều chỉnh phù hợp với ngành nghề, pháp luật, hoàn cảnh sinh hoạt [66].

Vũ Tinh (2016) trong bài “*Đạo đức trong chương trình đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hoá các dịch vụ công tác xã hội ở Việt Nam*” [65, tr.51], tác giả chỉ rõ những tiêu chí về phẩm chất đạo đức đối với người lao động trong lĩnh vực lao động này là: Lòng nhân ái, sự sẻ chia, tính kiên trì, đức tính trung thực; tình yêu thương con người; tình yêu nghề và sự đam mê, trách nhiệm nghề nghiệp vv...

Nhận xét: Các nghiên cứu về ĐĐNN đã triển khai ở Việt Nam và thế giới gắn với chuyên môn của ngành nghề đều đề cập đến thái độ, trách nhiệm, phẩm chất, cách ứng xử của người làm nghề trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

ii) Nghiên cứu về vai trò của ĐĐNN

Blatz C.V (1991) trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tác giả đã đề cao vai trò của ĐĐNN và cho rằng: “ĐĐNN là một yêu cầu không thể thiếu của bất cứ loại hình công việc nào. Mỗi loại nghề đòi hỏi người tham gia nghề đó cần phải hội đủ các thành tố: tri thức, thái độ, kỹ năng. Do đó mỗi nghề nghiệp thường có những chuẩn mực đạo đức riêng biệt”. Trong cuốn “*Ethics and agriculture: an anthology on current issues world context*”, tác giả đã đánh giá, bàn luận rất sâu về ý thức, thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất nhân cách cần thiết của mỗi chủ thể [82].

Daniel E. Wueste (1998) trong cuốn “*Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội*” [85], trên cơ sở phân tích, đánh giá về ĐĐNN và đạo đức xã hội đã chỉ ra mối quan hệ giữa ĐĐNN và đạo đức xã hội, trong đó, ĐĐNN có phạm vi hẹp hơn, nhỏ hơn so với đạo đức xã hội và đạo đức trong các cơ quan, tổ chức.

Beikzad (2012) nghiên cứu ĐĐNN, tác giả quan niệm “ĐĐNN được hình thành trên cơ sở đạo đức công ty và năng lực nghề nghiệp. Đồng thời, các tác giả đã xây dựng thang đo cho hai yếu tố năng lực hành nghề và đạo đức công ty” [dẫn theo 67, tr. 84]. Như vậy giữa ĐĐNN và năng lực nghề nghiệp có mối quan hệ với nhau.

Hiệp hội Tham vấn Tâm lý Hoa Kỳ ASCA (ASCA code of ethics) đã xây dựng, ban hành qui định về ĐĐNN của Hội.

Các nghiên cứu trên thế giới về ĐĐNN đã tập trung bàn luận, làm rõ những nội dung cơ bản sau: Khẳng định vai trò quan trọng của ĐĐNN đối với sự phát triển nghề nghiệp và có tác dụng định hướng, điều chỉnh thái độ, HV của con người trong hoạt động nghề nghiệp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vai trò của đạo đức cách mạng, người cho rằng: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi

đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [44, tr252-253]. Vì vậy, Người rất quan tâm đến vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức cho CB, đảng viên. Khi gặp và làm việc với các bộ phận, cán bộ, đảng viên, từ người công nhân đến người lãnh đạo, từ người thầy giáo đến những chiến sỹ công an, người thầy thuốc... Người luôn đề cập và nêu ra những tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức của mỗi ngành nghề, bộ phận đó như: Lương y như từ mẫu của nghề y; trung với Đảng, hiếu với dân của Quân đội nhân dân Việt Nam; Sáu điều Bác Hồ dạy của lực lượng CAND...

Trần Hữu Quang (2014) trong bài nghiên cứu về ĐĐNN, tác giả nghiên cứu về giá trị lao động của nghề nghiệp và ý nghĩa của hành vi đạo đức đã đi đến khẳng định: “Đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực quy định thái độ chủ quan của người lao động trong một ngành nghề nào đó đối với công việc và sản phẩm của mình khi hành nghề”, trong đó động cơ chủ quan và lương tâm của người lao động, sự tôn trọng các qui tắc của nghề nghiệp là những giá trị được tác giả quan tâm và đề cao [51].

Tác giả Bùi Thị Hồng Thái (2016) dựa trên nghiên cứu về vai trò ĐĐNN trong định hướng hành vi của người lao động cơ quan, đơn vị làm việc; dựa trên “Bộ qui tắc ứng xử và ĐĐNN” của Hoa Kỳ đã xác định các phẩm chất có mối quan hệ với ĐĐNN của người, tham vấn, trợ giúp tâm lý, đó là: Đảm bảo tính công bằng về quyền lợi, trung thực trong kiểm tra, giám sát; ý thức tự bồi dưỡng, đào tạo, tính trách nhiệm nghề nghiệp cao của người trợ giúp [60].

Nhận xét: Các nghiên cứu về vai trò của ĐĐNN đều khẳng định ĐĐNN có vai trò quan trọng trong phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân và nó có tác dụng định hướng sự phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời điều chỉnh thái độ, hành vi của cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp, nó ảnh hưởng tới hiệu quả lao động của mỗi người.

iii) Nghiên cứu về phát triển ĐĐNN

J.R.Rest (1994), trong tác phẩm “*Phát triển đạo đức trong các ngành nghề*” [99], đã chỉ ra tầm quan trọng, ảnh hưởng của ĐĐNN đối với sự phát triển các ngành nghề trong xã hội. Xuất phát từ vai trò của ĐĐNN, J. R. Rest đã bàn luận về giá trị ĐĐNN của một số ngành nghề trong xã hội như: Giáo viên, kế toán, bác sĩ... Trong đó, tác giả rất coi trọng giá trị đạo đức trong các ngành nghề của xã hội, coi đó là cơ sở nền tảng định hướng, điều chỉnh hành vi và phát triển các phẩm chất, năng lực nghề cần thiết, phù hợp.

Các tác giả B.Bjerregaard và V.B.Lord (2004) trong bài “*Kiểm tra định hướng đạo đức và giá trị của HV Tư pháp hình sự*” [81], đã chỉ ra mối quan hệ giữa ĐĐNN và văn hoá nghề nghiệp, văn hóa nghề nghiệp có ảnh hưởng, chi phối đến ĐĐNN của họ. Từ đó, tác giả đi đến khẳng định đạo đức nghề, văn hoá nghề nghiệp cần phải được coi trọng, xây dựng, phát triển trong các tổ chức và hoạt động quản lý.

Nguyễn Huy Phòng (2013) trong bài viết “*Đạo đức nghề nghiệp trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*” [49], tác giả trên cơ sở khảo sát, đánh giá về thực trạng ĐĐNN trong tất cả các ngành nghề của CB công chức, viên chức lao động tuy nhiên chưa đưa ra định nghĩa, giải pháp cụ thể, cho những đặc trưng riêng mang tính đặc thù của từng ngành nghề.

Trong công trình “*Thực trạng hoạt động trợ giúp tâm lý nhằm xây dựng Bộ Tiêu chuẩn ĐĐNN cho các nhà Tâm lý học Việt Nam*”, tác giả Trần Thị Minh Đức (2013) nêu lên các phẩm chất, giá trị đạo đức cơ bản của người làm công tác nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực Tâm lý học đó là: “tính liêm chính, lòng nhiệt tình và thái độ làm việc tích cực”. Kết quả nghiên cứu này có tác dụng định hướng nghề nghiệp cho người làm nghề [26].

Nguyễn Thu Trang, cùng cộng sự (2014) khi nghiên cứu về ĐĐNN đã tập trung đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của ĐĐNN trong giáo dục HV ở Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Các tác giả chỉ rõ “ĐĐNN chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như: kiến thức văn hoá xã hội; Các quy định của nhà nước, ngành nghề; chuẩn mực nghề nghiệp; đạo đức công ty; đạo đức cá nhân; năng lực hành nghề” [67, tr.80-91]. Nhóm tác giả đã xây dựng khung lý thuyết của giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học.

Đặng Vũ Tuấn Sơn (2015) dựa trên bài viết nghiên cứu thực trạng sự phát triển của xã hội tác động đến sự phong phú, đa dạng của các loại hình nghề nghiệp, tác giả có rút ra kết luận: “*Có say mê mới có đạo đức nghề nghiệp*” [58]. Dựa vào các kết quả nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân, các yếu tố tác động đến ĐĐNN, tác giả cho rằng: “để ĐĐNN được ổn định và bền vững trong người lao động là sự say mê nghề nghiệp của mỗi con người. Do đó, giáo dục ĐĐNN cần hướng đến hứng thú, lòng yêu nghề, đặc biệt là niềm đam mê với nghề”.

Nhận xét: Các nghiên cứu về phát triển ĐĐNN đã chỉ ra phát triển ĐĐNN cho người lao động gắn với lòng yêu nghề và đam mê nghề nghiệp, ĐĐNN chịu sự tác động của các yếu tố lịch sử, xã hội, văn hóa, pháp luật.

1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp

i) Nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN trong đào tạo giáo viên

Luận án tiến sĩ Giáo dục học “*Những biện pháp giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Anh Tuấn (2008) đã phân tích, đánh giá những tác động của nền kinh tế thị trường đến quá trình giáo dục đạo đức của sinh viên sư phạm. Đặc biệt, tác giả đã phân tích, ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường đến nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên, quá trình giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm. Từ luận cứ đó, tác giả đã đề xuất và nhấn mạnh biện pháp đổi mới giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm, coi đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức là trọng tâm để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm [69].

Nguyễn Bá Hùng (2010), trong luận án tiến sĩ Giáo dục học “*Giáo dục ĐĐNN cho sinh viên sư phạm tại các trường Quân sự*”, tác giả đã chỉ ra những đặc trưng của HV sư phạm ở trường Quân sự và những đặc trưng nghề nghiệp của ngành Quân sự, xác định yêu cầu đối HV được đào tạo để trở thành giáo viên giảng dạy trong các trường đại học khối ngành quân sự, theo đó đề xuất các giải pháp giáo dục ĐĐNN cho HV thuộc lĩnh vực này nhằm giúp HV sau khi tốt nghiệp có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp [36].

Luận án tiến sĩ Giáo dục học “*Giáo dục ĐĐNN cho sinh viên Cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục*” của tác giả Bùi Thị Tuyết Mai (2016) đã phân tích, đánh giá thực trạng về tình hình ĐĐNN của sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Từ đó, tác giả nhấn mạnh giáo dục ĐĐNN và lối sống sinh viên sư phạm, những thầy cô giáo tương lai là vô cùng cần thiết, bởi đây là nghề đặc thù trong xã hội, “nghề giáo dục con người”, đề xuất 8 biện pháp nhằm giáo dục ĐĐNN cho sinh viên cao đẳng sư phạm, trong đó nhấn mạnh các biện pháp cần triển khai với các hình thức, cách thức tổ chức hợp lý, linh hoạt phù hợp với năng lực, đặc điểm của sinh viên ở các địa phương [43].

Nhận xét: Các nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN trong đào tạo GV đã đề cập đến đặc điểm, đặc trưng của nghề dạy học và những yêu cầu về phẩm chất nghề nghiệp đối với giáo viên trong hoạt động, đề xuất các giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục và đổi mới hình thức giáo dục ĐĐNN cho sinh viên đáp ứng yêu cầu của nghề dạy học đề ra.

ii) *Nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN trong Quân đội nhân dân Việt Nam*

Luận án Tiến sĩ Giáo dục học *Những giải pháp giáo dục đạo đức cho sĩ quan Biên phòng ở đơn vị cơ sở trong tình hình hiện nay*” của tác giả Trần Ngọc Tuân (2001) nghiên cứu trên cơ sở phân tích các quan điểm cơ bản về đạo đức và giáo dục đạo đức; Điều tra, phân tích, đánh giá các kết quả về thực trạng đạo đức và thực trạng giáo dục đạo đức cho đội ngũ sĩ quan biên phòng ở đơn vị cơ sở, chỉ ra những bất cập, tồn tại theo đó tác giả đã đề xuất giải pháp giáo dục đạo đức cho CB sĩ quan biên phòng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo sĩ quan tại các nhà trường [68].

Lại Ngọc Hải (2002), trong cuốn *“Định hướng giá trị nhân cách đội ngũ sĩ quan trẻ QĐND Việt Nam hiện nay”* [30], đã nghiên cứu giáo dục đạo đức dựa trên tiếp cận nhân cách, phân tích và lập luận những vấn đề cơ bản về nhân cách, giá trị nhân cách, phân tích những đặc trưng của nó từ đó đề xuất các giải pháp giáo dục đạo đức cho sĩ quan trẻ trong giai đoạn mới. Quân đội nhân dân và CAND là hai lực lượng chủ lực bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa của Nhà nước và bảo vệ nhân dân. Bản chất của giáo dục ĐĐNN trong lực lượng vũ trang là như nhau đó là cùng hướng đến xây dựng nhân cách của người chiến sĩ cách mạng. Đây là nội dung quan trọng mà luận án có thể kế thừa những kết quả nghiên cứu về biểu hiện phẩm chất ĐĐNN của HV các trường CAND.

Phạm Minh Thụ (2003), trong luận án Tiến sĩ Giáo dục học *“Sử dụng tổng hợp các phương pháp giáo dục thói quen hành vi kỷ luật cho HV sĩ quan ở các trường đại học quân sự”*, tác giả đã nghiên cứu giáo dục đạo đức cho HV các trường quân đội tiếp cận trên sự vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục thói quen, kỹ năng hành vi kỷ luật nhằm nâng cao kết quả của quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV quân sự. Tuy nhiên nghiên cứu trên chưa bàn sâu đến nội dung giáo dục đạo đức cho HV, chưa chỉ ra những nội dung cụ thể mà chỉ tập trung vào khai thác các phương pháp giáo dục đạo đức cho HV [64].

Vũ Quang Hải (2009), trong luận án Tiến sĩ *“Quy trình tổ chức giáo dục kỷ luật cho HV trong các nhà trường Quân đội”* [31], tác giả đã nghiên cứu giáo dục ĐĐNN cho HV quân đội theo tiếp cận quy trình giáo dục kỷ luật cho HV, đề tài đã xác định được những thành tố cơ bản của giáo dục kỷ luật cho HV và đề xuất quy trình giáo dục kỷ luật cho HV, tuy nhiên giáo dục kỷ luật mới chỉ là một khía cạnh trong giáo dục ĐĐNN cho HV [31].

Nguyễn Văn Quân (2016) trong bài viết “*Giáo dục nếp sống chính quy cho HV ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh hiện nay*”, tác giả đã đề cao vai trò của trách nhiệm nghề nghiệp, mối quan hệ của nó với ĐĐNN, từ đó đưa ra các giải pháp giáo dục ĐĐNN gắn với trách nhiệm nghề nghiệp của HV để nâng cao chất lượng giáo dục [52].

Trịnh Quang Từ (2024) trong bài “*Thách thức và giải pháp giáo dục ĐĐNN khi ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào giáo dục*”, tác giả coi trọng việc giáo dục ý thức tự giác, giáo dục động cơ học tập đúng đắn, giáo dục thói quen, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin có trách nhiệm, xây dựng quy tắc ĐĐNN trong môi trường AI cho người học và đổi mới đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học trong môi trường AI trong đó coi trọng việc giáo dục động cơ sử dụng trí tuệ nhân tạo và phẩm chất đạo đức trung thực cho người học [70]. Như vậy vấn đề giáo dục ĐĐNN gắn với khai thác và sử dụng công nghệ đã được đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số.

Nhận xét: Các nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN trong đào tạo lực lượng Quân đội nhân dân đã công bố quan tâm đến vấn đề giá trị ĐĐNN, tính đặc thù của nghề nghiệp như tính kỷ luật, tính chính trị của nghề. Từ đó đề xuất nội dung, quy trình và phương pháp, hình thức giáo dục ĐĐNN mang tính đặc trưng của nghề.

1.1.3. Nghiên cứu về giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công an

i. Nghiên cứu về giáo dục giá trị ĐĐNN

A. Juntunen (2008), trong công trình nghiên cứu “*Sự tha hoá của cảnh sát, đạo đức nghề và giá trị của cảnh sát*” [92]. Dưới góc độ nhìn nhận sự suy thoái, tha hóa các phẩm chất ĐĐNN, giá trị của cảnh sát, tác giả A.Juntunen đã tiến hành khảo sát trên 1.000 người dân có độ tuổi từ 15 đến 79, dựa trên 8 nhóm giá trị khác nhau về sự tha hoá và hành vi phi đạo đức nghề của cảnh sát để tìm ra sự phù hợp của đạo đức nghề cảnh sát của tổ chức và giá trị cá nhân với yêu cầu thực tiễn. Qua nghiên cứu, tác giả tìm ra giá trị đạo đức nghề có thể được tìm thấy nhiều hơn ở trong văn hoá của tổ chức thay vì ở những hệ thống chính sách, giá trị đạo đức nghề nên được hỗ trợ bởi chính sách và chiến lược của tổ chức. Trên cơ sở đó, A.Juntunen đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm làm giảm thiểu tình trạng tha hoá và hành vi phi đạo đức nghề [92].

Trong tác phẩm *Trở thành một sĩ quan hoà bình gương mẫu* [91], tác giả M.Josephson (2009), đã nghiên cứu, bàn luận và xây dựng về giá trị và ĐĐNN.

Trong đó, tác giả đã xây dựng 6 đặc điểm trụ cột để trở thành một sĩ quan hoà bình gương mẫu của người cảnh sát, đó là: công bằng, trách nhiệm, tin cậy, tôn trọng, quan tâm, và tính công dân. Đây không chỉ là trụ cột của đạo đức, giá trị người cảnh sát mà nó còn có tính phổ quát cho cho tất cả mọi người. Bên cạnh những giá trị trụ cột trên, người cảnh sát còn phải tuân theo là 5 quy tắc riêng của nghề nghiệp, đó là: lợi ích cộng đồng, đánh giá khách quan, trách nhiệm giải trình, dân chủ, sự tôn trọng.

L.Ruibyte và R.Adamonienė (2012), trong bài viết “*Các phẩm chất và đặc điểm chính ở sĩ quan cảnh sát*” [100] đã tổng kết các phẩm chất và đặc điểm của người cảnh sát bao gồm 90 phẩm chất được coi như là ĐĐNN của sĩ quan cảnh sát. Trong đó các phẩm chất cốt lõi được sử dụng để đánh giá gồm: (1). Kỹ năng giao tiếp hiệu quả; (2). Hướng về cộng đồng; (3). Kỹ năng liên cá nhân; (4). Tôn trọng cá nhân; (5). Đánh giá toàn diện/năng lực tư duy lý trí/giải quyết vấn đề; (6). Trung thực và liêm chính; (7). Khả năng làm việc nhóm; (8). Kiên trì [99].

Các nghiên cứu về đạo đức người Công an trên thế giới chủ yếu tập trung vào lực lượng cảnh sát, bàn luận, xây dựng những giá trị, phẩm chất đạo đức của người cảnh sát. Trên thế giới, những phẩm chất đạo đức của cảnh sát thường được thể chế hóa để định hướng, quy định, điều chỉnh hành vi của các chiến sĩ trong lực lượng CAND. Các nghiên cứu đó đã đưa ra hai thành phần cơ bản trong đạo đức nghề cảnh sát đó là: các phẩm chất, giá trị cốt lõi và hành vi, văn hóa ứng xử.

Ở nước ta, khi nói về đạo đức của người chiến sĩ CAND, Chí Minh đã đưa ra Sáu điều dạy đối với lực lượng CAND, đó là: “Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính; Đối với đồng sự, phải thân ái, giúp đỡ; Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành; Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép; Đối với công việc, phải tận tụy; Đối với địch, phải kiên quyết, khôn khéo” [46]. Nội dung lời dạy trên của Bác là cơ sở để xác định những đặc trưng và yêu cầu về ĐĐNN của chiến sĩ CAND và nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV CAND.

Nghiên cứu về đạo đức và tư cách người Công an, nhiều tác giả cũng đã dẫn chứng đến những giá trị ĐĐNN của CAND được thể hiện ở đạo đức của người CB, chiến sĩ, văn hoá ứng xử trong CAND. Đặc biệt, trong cuốn “Văn hoá ứng xử CAND Việt Nam” [50, tr.61], các tác giả đã đề cập đến ĐĐNN thể hiện trong Tư cách người Công an: “Tư cách người Công an cách mệnh đã trở thành di sản tinh thần thiêng liêng, là kim chỉ nam cho mọi hành động của lực lượng CAND, là chuẩn mực đạo

đức, lối sống, mục tiêu phấn đấu, rèn luyện, phương châm hành động, biện pháp công tác của các thể hệ CB, chiến sĩ Công an” [50, tr.62].

Nhận xét: Các nghiên cứu về giáo dục giá trị ĐĐNN cho CAND được tiến hành dựa trên những nghiên cứu về đặc điểm nghề nghiệp, chuẩn mực hành vi nghề nghiệp và văn hóa ứng xử nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND.

ii. Vai trò của giáo dục ĐĐNN và nội dung giáo dục ĐĐNN cho cán bộ, chiến sĩ CAND

Tác giả Trần Đại Quang (2015) nghiên cứu về ĐĐNN người cán bộ CAND dựa trên nghiên cứu văn hóa giao tiếp ứng xử, coi đây chính là một giá trị cốt lõi, là biểu hiện bên ngoài của ĐĐNN cán bộ Công an. Văn hóa ứng xử của CAND là thước đo giá trị của nhân cách, đạo đức của người cán bộ CAND, tác giả khẳng định: “Văn hóa ứng xử của CAND Việt Nam là hệ thống thái độ, hành vi của Công an các đơn vị địa phương và cá nhân cán bộ chiến sĩ Công an được xác định để xử lý tốt nhất các mối quan hệ với tổ chức, cá nhân trong và ngoài lực lượng CAND, với môi trường tự nhiên và với chính bản thân mình trong thi hành công vụ, trong sinh hoạt cộng đồng và các hoạt động giao tiếp khác, dựa trên các chuẩn mực xã hội về chính trị, pháp luật, đạo đức và văn hóa Việt Nam” [50].

Phạm Bá Lượng (2009) trong luận án Tiến sĩ Triết học “*Giá trị đạo đức truyền thống trong việc giáo dục đạo đức cho học viên CAND Việt Nam hiện nay*”, tác giả đã nghiên cứu về giáo dục đạo đức cho HV CAND dựa trên những giá trị cốt lõi của đạo đức truyền thống, giá trị văn hóa, truyền thống và đạo đức con người, dân tộc Việt Nam chính là cơ sở nền tảng cho giáo dục đạo đức cho HV CAND, qua đó đề xuất các giải pháp giáo dục đạo đức cho HV CAND Việt Nam hiện nay nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho HV trong các nhà trường CAND [42].

Trương Công Am (2015), khi nghiên cứu về nhân cách, những phẩm chất của người cán bộ CAND, tác giả cho rằng “nhân cách người cán bộ CAND bao gồm 4 trụ cột cơ bản, đó là: các phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, phẩm chất đạo đức. Theo đó, tác giả cho rằng, phẩm chất đạo đức người cán bộ CAND là cách thể hiện thái độ đặc thù của người cán bộ Công an đối với các đối tượng trong hoạt động nghề nghiệp. Những phẩm chất này là một trong những cơ sở chi phối hành vi, cách ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp của người Công an. Các phẩm chất đạo đức của người cán bộ Công an bao gồm nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm” [3]. Vì vậy nội dung giáo dục ĐĐNN cho cán bộ, chiến sĩ CAND quan tâm đến

những vấn đề trên và đây cũng là cơ sở để xây dựng các nội dung giáo dục cho HV trong các trường đại học CAND.

Trần Quang Tám (2016), bàn về đạo đức chiến sĩ CAND, tác giả đã khẳng định lại quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trần Đại Quang về CAND và giáo dục đạo đức cho HV Công an: “Sáu điều Bác Hồ dạy người Công an cách mạng là đạo lý, nguyên tắc, phương châm, thái độ đối nhân xử thế, là chuẩn mực về nhân cách mà mỗi CB, chiến sĩ Công an dù ở bất kỳ cương vị nào, hoàn cảnh công tác nào đều phải thường xuyên rèn luyện, phấn đấu” [59, tr.161]. Qua đó, chúng ta nhận thấy vai trò, nội dung của giáo dục ĐĐNN cho chiến sĩ CAND đã được đúc kết từ những quan điểm lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trịnh Xuân Huân (2018) trong bài *“Vai trò của giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND trong bối cảnh hiện nay”* đã chỉ rõ vai trò của công tác giáo dục ĐĐNN cho người CB CAND trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã chỉ ra những nội dung giáo dục ĐĐNN: “Người cán bộ Công an cần giáo dục, rèn luyện đó là: tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; hết lòng phụng sự Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, tận trung với nước, tận hiếu với dân; chí công vô tư, luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của tập thể lên trên lợi ích cá nhân; đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, tương thân, tương ái, yêu ngành, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, lương tâm nghề nghiệp trong sáng; lối sống giản dị, trong sáng, cần cù, trung thực, khiêm tốn; ý thức tự lực tự cường, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao...” [34]. Đây cũng là nội dung luận án có thể kế thừa trong xác định nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong nghiên cứu của mình.

Trần Thu Hương (2018) trong bài viết *“Vận dụng Sáu điều Bác Hồ dạy trong xây dựng ĐĐNN cho HV các trường CAND hiện nay”*, trên cơ sở Sáu điều Bác Hồ dạy CAND, tác giả cho rằng ĐĐNN người CB CAND là những quy tắc, chuẩn mực hành vi đạo đức của người chiến sĩ trong CAND, đòi hỏi CB CAND phải tuân theo trong thực tiễn cuộc sống và công tác Công an [38, tr.89 - 91].

Lê Trọng Hanh (2019), trong bài viết *“Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo trong giai đoạn hiện nay”* [32] nghiên cứu đã chỉ ra những yêu cầu của bối cảnh đối với người chiến sĩ CAND và sự cần thiết phải giáo dục ĐĐNN cho HV. Theo nghiên cứu này “Giáo dục đạo đức cho sinh viên, HV các trường CAND là một hệ thống các hoạt động, các giải pháp nhằm

giáo dục đạo đức cách mạng cho học sinh, HV thông qua đó góp phần rèn luyện bản lĩnh chính trị cho lực lượng CAND nhằm không ngừng xây dựng lực lượng CAND tinh nhuệ, chuẩn mực đáp ứng yêu cầu bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ quốc và nhân dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng”. Như vậy, giáo dục đạo đức cho HV ngành CAND là giáo dục đạo đức cách mạng cho HV.

Luận án Tiến sĩ Tâm lý học “*Định hướng giá trị ĐĐNN của sinh viên các học viện, trường đại học CAND*” của tác giả Nguyễn Thị Huệ (2022) dựa trên tiếp cận giá trị, tác giả đã đưa ra những giá trị ĐĐNN của sinh viên các học viện, trường đại học CAND cần hướng tới là “một phẩm chất nhân cách, phản ánh sự lựa chọn đối với các giá trị đạo đức nghề, được biểu hiện ở nhận thức, thái độ, hành động chiếm lĩnh, hiện thực hoá các giá trị ĐĐNN của ngành CAND. Phẩm chất nhân cách này được hình thành, phát triển và biểu hiện ở 3 mặt: Tri thức, thái độ, hành động chiếm lĩnh, hiện thực hoá các giá trị ĐĐNN của sinh viên”. Xuất phát từ căn cứ trên, tác giả cho rằng: “các yếu tố như nhu cầu, động cơ học tập và rèn luyện; phương pháp nêu gương, điển hình trong CAND có ảnh hưởng mạnh nhất đến định hướng giá trị ĐĐNN của sinh viên”, vì vậy các nhà giáo dục cần quan tâm đến vấn đề trên [35].

Nguyễn Ngọc Huân (2023) trong Luận án Tiến sĩ “*Quản lý giáo dục ĐĐNN cho HV các học viện, trường đại học CAND ở khu vực phía Bắc*”, tác giả đã xác định cơ sở lý luận và thực trạng quản lý giáo dục ĐĐNN cho HV, vai trò của giáo dục ĐĐNN cho HV các học viện, trường đại học CAND ở khu vực phía Bắc. Trên cơ sở phân tích tác động của quản lý nhà trường đối với giáo dục ĐĐNN tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND ở khu vực phía Bắc, nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo [33].

Nguyễn Văn Quân (2024), trong Luận án Tiến sĩ “*Quản lý giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường Trung cấp CAND trong bối cảnh hiện nay*” đã phân tích làm rõ thực trạng quản lý hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường Trung cấp CAND trong bối cảnh hiện nay. Tác giả đã đề cao việc xây dựng hệ thống chuẩn mực ĐĐNN của CAND và có những biện pháp tổ chức, chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục ĐĐNN người chiến sĩ CAND theo hướng tích hợp dựa trên các chuẩn mực đã xây dựng; phối hợp các lực lượng giáo dục ĐĐNN hợp lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát giáo dục ĐĐNN cho HV thì sẽ nâng cao hiệu quả quản lý giáo

dục ĐĐNN cho HV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường trung cấp CAND trong bối cảnh hiện nay [53].

Kết quả nghiên cứu trên là căn cứ để luận án tiếp cận giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND tại các trường CAND đáp ứng yêu cầu mới.

Hiện nay, ở nước ta các nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN đề cập đến ở nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau, tập trung nhiều vẫn là các công trình trên lĩnh vực xã hội học. Các nghiên cứu về Tâm lý học chủ yếu chỉ đề cập đến vấn đề giá trị ĐĐNN, giá trị nhân cách, giá trị đạo đức cụ thể đối với từng nghề như: Nghề Sư phạm, nghề Y, nghề Kinh doanh, dịch vụ...

Nhận xét: Các nghiên cứu về vai trò của giáo dục ĐĐNN và nội dung giáo dục ĐĐNN cho cán bộ, chiến sĩ CAND đã được các tác giả khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng đều tập trung vào các vấn đề: Cơ sở nền tảng giáo dục ĐĐNN, các biện pháp, giải pháp giáo dục ĐĐNN người chiến sĩ CAND cho HV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và định hướng giá trị nghề nghiệp cho HV sau khi tốt nghiệp.

1.1.4. Khái quát chung về các công trình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cho luận án tiếp tục nghiên cứu

1.1.4.1. Khái quát chung về các công trình nghiên cứu

Giáo dục ĐĐNN, giáo dục ĐĐNN ngành CAND hiện nay đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trong nước và trên thế giới. Bởi lẽ, nó là những cơ sở, căn cứ khoa học để tiến hành giáo dục ĐĐNN cho mỗi cá nhân, tập thể, dân tộc và đất nước. Giáo dục ĐĐNN được bàn đến trên mọi lĩnh vực, mọi hoạt động xã hội, mọi tổ chức, Nhà nước và vấn đề này được ngành giáo dục, đào tạo, quản lý nhân lực quan tâm hàng đầu. Phần lớn các công trình nghiên cứu đều có những khẳng định về các nội dung sau đây:

- ĐĐNN giữ vai trò vô cùng quan trọng trong nhân cách người lao động của từng lĩnh vực ngành nghề nó ảnh hưởng tới chất lượng lao động, hiệu quả công việc của mỗi ngành nghề.

- ĐĐNN và lòng say mê nghề nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau, phụ thuộc nhau.

- ĐĐNN và việc hoàn thiện, phát triển phẩm chất ĐĐNN của mỗi cá nhân thuộc các lĩnh vực chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau như truyền thống, văn

hóa; chính trị, pháp luật, kinh tế, những quy định của từng lĩnh vực ngành nghề về phẩm chất, năng lực của người làm việc trong từng lĩnh vực cụ thể.

Giáo dục ĐĐNN được triển khai theo các cách tiếp cận giáo dục chuyên môn nghiệp vụ; giáo dục tính kỷ luật của ngành nghề; giáo dục đạo đức lối sống và kỹ năng sống... và được nghiên cứu theo các hướng:

- Giáo dục giá trị ĐĐNN của người chiến sĩ CAND: Các phẩm chất ĐĐNN đặc trưng, 6 điều Bác Hồ dạy CAND và giá trị của những phẩm chất này, giáo dục chống tha hóa biến chất trong người cán bộ, chiến sĩ CAND và giáo dục sự gương mẫu của người chiến sĩ CAND.

- Vai trò và tầm quan trọng của giáo dục ĐĐNN cho cán bộ, chiến sĩ CAND và nội dung giáo dục đạo đức cho người cán bộ, chiến sĩ CAND hiện nay.

Nhóm khách thể được tập trung nhiều nhất là HV, sinh viên, công chức, viên chức trẻ trong các trường học, lĩnh vực nghề nghiệp nói chung và trong các trường CAND nói riêng, tuy nhiên được khai thác dưới các góc độ vai trò của giáo dục ĐĐNN, giá trị, nội dung của giáo dục ĐĐNN.

Các công trình nghiên cứu đều thống nhất khẳng định rằng giáo dục ĐĐNN cho HV, sinh viên các trường đại học là cơ sở nền tảng trong giáo dục nhân cách và phát triển năng lực nghề nghiệp, là con đường quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, định hướng giá trị nghề nghiệp và thái độ nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp. Đối với lực lượng CAND, giáo dục ĐĐNN có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND.

Tuy nhiên, cho đến nay, giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học, học viện CAND trong bối cảnh hiện nay chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện. Phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc làm rõ vai trò, giá trị hoặc nội dung ĐĐNN của người chiến sĩ CAND, chưa đặt hoạt động giáo dục ĐĐNN trong bối cảnh xã hội và yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới, cũng như chưa tiếp cận giáo dục ĐĐNN cho HV như một quá trình giáo dục có cấu trúc, có cơ chế vận hành cụ thể. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, việc nghiên cứu giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học, học viện CAND trong bối cảnh hiện nay nhằm xác định mục tiêu, nội dung và cách thức tổ chức giáo dục phù hợp chính là vấn đề trọng tâm mà luận án cần giải quyết.

1.1.4.2. Những vấn đề nghiên cứu luận án cần giải quyết

1. Nghiên cứu làm rõ đặc điểm của bối cảnh hiện nay và yêu cầu đặt ra đối với ĐĐNN, giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND, từ đó xác định những yêu cầu đối với mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND.

2. Xây dựng và luận giải cơ sở lý luận của giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay, tiếp cận giáo dục ĐĐNN như một quá trình giáo dục có cấu trúc, làm rõ các thành tố và mối quan hệ giữa các thành tố trong hoạt động giáo dục.

3. Phát hiện những bất cập trong giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

4. Đề xuất các giải pháp giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND mang tính đồng bộ, khả thi, phù hợp với bối cảnh xã hội và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Đạo đức

Đạo đức là một phạm trù được rất nhiều ngành khoa học nghiên cứu như: Triết học, đạo đức học, Giáo dục học, xã hội học, Tâm lý học, Tôn giáo học... Mỗi ngành khoa học đều có cách tiếp cận riêng và có một hệ thống các quan niệm khác nhau về đạo đức.

Trên bình diện Triết học: “Đạo đức là một hình thái thuộc phạm trù của ý thức xã hội, nó bao gồm những nguyên lý, quy tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng. Dựa trên những nguyên lý, quy tắc, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng, xã hội, người ta đánh giá hành vi, phẩm giá của con người trong các mối quan hệ đạo đức” [40].

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội có nguồn gốc từ lao động sản xuất và đời sống cộng đồng xã hội. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội phản ánh và chịu sự chi phối của tồn tại xã hội, vì vậy tồn tại xã hội thay đổi thì đạo đức cũng thay đổi theo. Như vậy, đạo đức xã hội luôn mang tính lịch sử, tính giai cấp và tính dân tộc” [45].

Trần Hậu Kiêm: “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, bao gồm một hệ thống những quan điểm, quan niệm, những quy tắc, yêu cầu, chuẩn mực xã hội. Nó ra đời, tồn tại và biến đổi từ nhu cầu của xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ của xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội” [40].

Trên bình diện Giáo dục học: “Đạo đức được hiểu là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, nó bao gồm một hệ thống các quan niệm về cái thực, cái có trong mối quan hệ của con người với con người” [16].

Từ điển Tiếng Việt: “Đạo đức được hiểu là những tiêu chuẩn, những nguyên tắc quy định hành vi quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội. Đạo đức là những phẩm chất tốt đẹp của con người theo những tiêu chuẩn, giá trị của một giai cấp nhất định” [48].

Phạm Khắc Chương và cộng sự: “Đạo đức là một hình thái của ý thức xã hội, là tổng hợp những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội” [15].

Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực, quy định, nguyên tắc hướng con người đến giá trị tốt đẹp, đó chính là những phẩm chất nhân cách của con người, phản ánh ý thức, tình cảm, ý chí, hành vi, thói quen và các ứng xử của họ trong các mối quan hệ xã hội.

Các chuẩn mực đạo đức có tác dụng chi phối và quy định hành vi, thái độ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội. Các chuẩn mực đạo đức luôn thể hiện quan niệm về cái thiện, lòng nhân ái, nghĩa vụ, lương tâm, danh dự, lòng tự trọng... của con người.

Trong luận án này khái niệm đạo đức được hiểu như sau: *“Đạo đức là những phẩm chất tốt đẹp của nhân cách, biểu hiện và phản ánh nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi cá nhân và được hình thành do tu dưỡng theo chuẩn mực, quy tắc đạo đức trong xã hội”*.

Đạo đức là những phẩm chất tốt đẹp của nhân cách như yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

Những phẩm chất đạo đức trên quy định nhận thức, thái độ, hành vi của cá nhân trong các mối quan hệ với bản thân, người khác và xã hội, công việc.

Các phẩm chất đạo đức của con người được hình thành, phát triển trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện, lao động ĐĐNN của mỗi cá nhân.

Phẩm chất đạo đức được biểu hiện thông qua các hành vi đạo đức cụ thể của cá nhân. Tuy nhiên, các hành vi đạo đức không tự phát sinh mà luôn được thúc đẩy bởi những động cơ đạo đức nhất định. Cùng một hành vi đạo đức có thể xuất phát từ những động cơ khác nhau, do đó giá trị và ý nghĩa đạo đức của hành vi không chỉ được đánh giá ở biểu hiện bên ngoài mà còn ở nguồn gốc bên trong của động cơ thúc đẩy. Chỉ khi hành vi đạo đức được hình thành trên cơ sở những động cơ đạo đức đúng đắn, tự giác và bền vững, thì phẩm chất đạo đức của cá nhân mới được củng cố vững chắc và có khả năng duy trì lâu dài trong thực tiễn hoạt động.

Để đánh giá đạo đức của con người được hình thành phát triển thông qua sự tham gia của con người vào hoạt động thực tiễn. Vì vậy muốn đánh giá đạo đức của con người cần dựa trên các kết quả nghiên cứu nhận thức, thái độ và hành vi của cá nhân, đặc biệt là phải phân tích động cơ hành vi đạo đức của con người, không nên chỉ dựa vào một căn cứ để đánh giá đạo đức của một con người.

Đạo đức mang tính truyền thống dân tộc, tính lịch sử, văn hóa xã hội và mang tính đặc trưng nghề nghiệp, nó được hoàn thiện phát triển trong quá trình hoạt động học tập, lao động và tham gia các quan hệ xã hội của mỗi cá nhân, nó phụ thuộc năng lực tự giáo dục của mỗi cá nhân và sự định hướng giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội.

1.2.2. Đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp được biết đến với tư cách là phạm trù của các ngành khoa học xã hội, có vai trò quan trọng để nâng cao hiệu suất công việc, tính hiệu quả và sức mạnh của tổ chức. Do vậy, ĐĐNN là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm, ở nhiều lĩnh vực và cũng có nhiều phát biểu khác nhau về nó, dưới đây là những quan niệm tiêu biểu nhất:

Trong ngành y thì vấn đề “Lương y như từ mẫu” được coi nét đặc trưng đạo đức của ngành này.

Đối với giáo viên thì: “Cô giáo như mẹ hiền”; “Tất cả vì học sinh thân yêu” là nét đặc trưng trong đạo đức của người thầy giáo.

M. Alla (2003), định nghĩa “ĐĐNN được hiểu là hệ thống các chuẩn mực, giá trị điều chỉnh hành vi của con người trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp” [78, tr.45].

Lê Thanh Thập (2005) quan niệm: “ĐĐNN là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp” [63, tr.196].

Khoản 2 Điều 3 Luật viên chức (2010) quy định: “ĐĐNN là các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định” [55].

Những tác giả nêu trên đều có sự thống nhất cho rằng ĐĐNN là những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực do tổ chức nghề nghiệp, người đứng đầu hoặc bộ phận chuyên trách đề ra nhằm hướng đến việc các cá nhân tham gia trong hoạt động nghề nghiệp phải tuân thủ để nâng cao hiệu quả công việc.

Bùi Thị Hồng Thái (2016) xem “ĐĐNN như *giá trị cốt lõi* định hướng hành vi cho mỗi người lao động trong tổ chức” [60];

Mirsepasi (2005) quan niệm “ĐĐNN là một trong những *công cụ kiểm soát nội bộ và tự kiểm soát hiệu quả nhất*” [dẫn theo 53];

F.Ar.David (2010) cho rằng ĐĐNN được xem là một lợi thế cạnh tranh giữa các tổ chức; Sarmadivà Shalbaf (2007) khẳng định: việc suy nghĩ hợp lý, theo quá trình nhằm xác định được thời gian thực hiện và những giá trị gì nên được duy trì, nhân bản và quan sát ở các tổ chức tạo nên ĐĐNN;

Còn Cheraghi (2009) lại cho rằng “sự nhạy cảm và nhiệm vụ của cá nhân trong phục vụ xã hội hình thành ĐĐNN của họ” [dẫn theo 35].

Từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, kết quả nghiên cứu của các tác giả nêu trên có những khác biệt nhất định trong cách định nghĩa về ĐĐNN. ĐĐNN là một trong những phạm trù của đạo đức xã hội, nó được hình thành, phát triển, hoàn thiện trong quá trình đào tạo, tu dưỡng, rèn luyện và lao động nghề nghiệp của con người và được thể hiện trong lao động nghề nghiệp và quan hệ giữa con người với con người và con người với công việc.

Đạo đức nghề nghiệp là những quan điểm, quy tắc mang tính xã hội và đặc trưng nghề nghiệp, chi phối nhận thức, thái độ và hành vi cá nhân trong lao động nghề nghiệp.

Đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực về hành vi đòi hỏi phải người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp. ĐĐNN có

liên quan đến hiệu quả lao động nghề nghiệp của cá nhân và sự phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

Kế thừa những kết quả trên, tác giả chọn khái niệm sau: *“Đạo đức nghề nghiệp là những phẩm chất nhân cách phản ánh nhận thức, thái độ, hành vi của cá nhân, nó mang tính đặc trưng của nghề nghiệp và được phát triển trong quá trình học tập, hoạt động nghề nghiệp”* làm khái niệm công cụ.

Như vậy, ĐĐNN là phẩm chất tốt đẹp của người lao động trong những lĩnh vực lao động nghề nghiệp cụ thể. Nó bao gồm các phẩm chất đạo đức xã hội của con người và những phẩm chất đạo đức mang tính đặc thù của nghề nghiệp.

ĐĐNN được phản ánh trong nhận thức, thái độ, hành vi của con người đối với người khác, xã hội và đặc biệt đối với công việc thuộc lĩnh vực lao động nghề nghiệp do họ đảm nhận. Trong đó, biểu hiện hành vi đạo đức là kết quả cuối cùng phản ánh ĐĐNN của cá nhân giữ vai trò quan trọng đối với phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

Hành vi ĐĐNN là cách ứng xử thể hiện tính chuyên nghiệp, trung thực, liêm chính, trách nhiệm và năng lực chuyên môn của người làm nghề.

Các hành vi ĐĐNN luôn luôn được thôi thúc bởi lương tâm, ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của mỗi cá nhân và tính tự giác, ý thức phấn đấu của cá nhân.

Đạo đức nghề nghiệp là những phẩm chất nhân cách mang tính đặc trưng nghề nghiệp, giữ vai trò quan trọng trong phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân.

1.2.3. Đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân

Trên cơ sở tiếp cận và kế thừa khái niệm “Đạo đức nghề nghiệp” và những đặc trưng của hoạt động trong ngành Công an, luận án đưa ra khái niệm ĐĐNN của người chiến sĩ CAND như sau: *“Đạo đức nghề nghiệp CAND là những phẩm chất nhân cách phản ánh qua nhận thức, thái độ, hành vi của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ với Tổ quốc, với Đảng, Nhân dân, với đồng chí, đồng đội, với công việc, với kẻ địch và với bản thân, nó phản ánh tính đặc thù của ngành, được phát triển trong quá trình đào tạo HV tại các trường CAND và hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND”*.

Đạo đức nghề nghiệp CAND được phát triển, hoàn thiện trong hoạt động học tập, rèn luyện, tu dưỡng của HV và hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND, nó phản ánh đặc thù ngành nghề.

Đạo đức nghề nghiệp CAND được phản ánh trong nhận thức, thái độ, hành vi của người cán bộ, chiến sĩ Công an và HV Công an trong các mối quan hệ sau:

(1) Quan hệ với Tổ quốc, Đảng và Nhân dân, thể hiện ở lòng trung thành tuyệt đối, tinh thần phụng sự Nhân dân và ý thức trách nhiệm chính trị cao.

(2) Quan hệ với đồng chí, đồng nghiệp, được biểu hiện qua tinh thần đoàn kết, tương trợ, kỷ luật và chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức của lực lượng.

(3) Quan hệ với công việc, thể hiện ở tinh thần tận tụy, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ.

(4) Quan hệ với kẻ địch, đòi hỏi bản lĩnh chính trị vững vàng, mưu trí, kiên quyết nhưng đúng pháp luật, nhân văn và có tính nghiệp vụ cao.

(5) Quan hệ với bản thân, thể hiện ở ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện, tự kiểm soát hành vi và hoàn thiện nhân cách người CB CAND.

Trong mỗi mối quan hệ kể trên, người cán bộ, chiến sĩ và HV CAND phải thể hiện tính chuyên nghiệp thông qua tư thế, tác phong, chấp hành nghiêm điều lệnh, nội quy, kỷ luật; đồng thời bảo đảm các phẩm chất cốt lõi như trung thực, liêm chính, bảo mật, tinh thần trách nhiệm, công bằng trong xử lý công việc và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các biểu hiện này thống nhất với nhau, tạo nên nền tảng ĐĐNN đặc thù của lực lượng CAND trong bối cảnh hiện nay.

1.2.4. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

Hoạt động giáo dục HV tại các trường đại học CAND gồm các hoạt động cơ bản đó là hoạt động giảng dạy, huấn luyện và hoạt động giáo dục đạo đức. Như vậy, hoạt động giáo dục HV trong các trường đại học CAND được hiểu như là một quá trình sư phạm tổng thể nhằm hình thành phát triển nhân cách sinh viên một cách toàn diện cả về phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp đặt ra [70].

Giáo dục ĐĐNN là nội dung quan trọng trong đào tạo người chiến sĩ CAND ở trường đại học, Thông qua các hoạt động giáo dục, người học nhận thức một cách đúng đắn, đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức từ đó có thái độ, hành vi phù hợp, đồng thời có thể điều chỉnh hành vi của họ trong các mối quan hệ công việc, con người sao cho phù hợp với những chuẩn mực ĐĐNN và đạo đức xã hội để trở thành “chiến sĩ CAND vừa hồng, vừa chuyên”.

Từ những phân tích trên có thể hiểu: “*Giáo dục ĐĐNN là hoạt động có mục đích, có kế hoạch, nội dung, được thực hiện thông qua các con đường, phương pháp*

giáo dục dưới vai trò của chủ thể giáo dục và hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở đối tượng giáo dục nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội và chuẩn mực nghề nghiệp đặt ra”.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV trong các trường CAND được thực hiện tích hợp trong các hoạt động đào tạo và các hoạt động sinh hoạt tập thể, rèn luyện quân ngũ, thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường nhằm chuyển hóa các yêu cầu về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND thành nhu cầu thực hiện hành vi và thói quen đạo đức của mỗi HV. Nó được tiến hành trong suốt quá trình đào tạo HV tại trường, trong quá trình sinh hoạt tập thể chấp hành nội quy, quy chế quân ngũ của người chiến sĩ CAND.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp CAND cho HV là giáo dục cho mỗi HV, chiến sĩ Công an có nhận thức đúng về chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND, cách thức rèn luyện để hoàn thiện và ý nghĩa của việc tập luyện, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN của HV; Giáo dục HV có thái độ, tình cảm, niềm tin tích cực đối với chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND và tính chủ động tự giáo dục các phẩm chất ĐĐNN của HV.

Như vậy, quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND là quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) với mục đích phát triển các phẩm chất đạo đức, hình thành ý thức tổ chức kỷ luật quân ngũ, lễ tiết, tác phong và điều lệnh CAND. Các nội dung giáo dục trên được tích hợp trong hoạt động đào tạo, rèn luyện tại các trường đại học, học viện CAND với sự đa dạng về phương pháp và hình thức tổ chức nhằm giúp HV trở thành người chiến sĩ CAND thực thụ.

Đối với lực lượng CAND, những chuẩn mực ĐĐNN cần phải giáo dục để hình thành ở HV được thiết lập theo các quy định của Đảng, Nhà nước về phẩm chất, yêu cầu nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND, đặc biệt là Sáu điều dạy của Bác Hồ đối với chiến sĩ CAND;

Trong đó các phẩm chất, các nét tính cách, các hành vi, thói quen về ĐĐNN, về nếp sống văn hóa, thẩm mỹ nghề nghiệp ... của HV dần dần hình thành, phát triển. Quá trình đó được tổ chức thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian học tập tại trường và cả khi ra trường thực hiện nhiệm vụ công tác tại Công an các đơn vị, địa phương với mục đích giúp HV hiểu được những yêu cầu và chuẩn mực của xã hội đối với cá nhân, trên cơ sở đó hình thành tình cảm và hành vi, thói quen tương ứng.

Như vậy, có thể khái quát: “*Giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND là hoạt động được tổ chức có mục đích, có kế hoạch, nội dung, được thực hiện thông qua các con đường, phương pháp giáo dục dưới vai trò của GV, lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, hoạt động tự giáo dục, rèn luyện của HV nhằm hình thành cho HV ý thức, thái độ và hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội, chuẩn mực ngành Công an*”.

1.3. Đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

1.3.1. Bối cảnh hiện nay và yêu cầu đặt ra đối với lao động, đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân

Đạo đức nghề nghiệp có vai trò có tính chất quyết định đến sự hình thành và phát triển nhân cách của HV trong quá trình đào tạo của chiến sĩ CAND. Giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND là một hoạt động mang tính hệ thống thông qua hoạt động đào tạo, huấn luyện của nhà trường và hoạt động tự tu dưỡng, tự rèn luyện của HV ở các trường đại học CAND, trong đó giáo dục nhà trường là yếu tố tạo môi trường, động cơ tập luyện, rèn luyện, hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện là yếu tố quyết định đến kết quả hình thành các phẩm chất quý giá về ĐĐNN của mỗi HV. Giáo dục ĐĐNN là một quá trình mang tính lâu dài, liên tục, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau cùng tác động tới HV. Nó là quá trình mang tính đồng tâm, kế tiếp và liên tục cùng một phẩm chất đạo đức được giáo dục nhiều lần lặp đi, lặp lại và phải thường xuyên được củng cố. Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập diễn biến xã hội có nhiều vấn đề phức tạp, khó lường ảnh hưởng không tốt tới HV và hoạt động đào tạo, giáo dục HV trong các nhà trường CAND, nó vừa đặt ra cơ may nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn cho giáo dục HV.

Thứ nhất, tình hình thế giới và khu vực đang diễn ra phức tạp đa dạng, nhiều chiều, đòi hỏi người chiến sĩ CAND phải có năng lực tốt, bản lĩnh chính trị, thật sự yêu nghề, gắn bó với nghề. Thế giới đang có những diễn biến về thay đổi địa chính trị, chiến tranh thương mại, vấn đề cạnh tranh quyền lực; vấn đề thương mại xuyên biên giới; vấn đề tội phạm trực tuyến, tội phạm công nghệ cao, an ninh mạng đòi người chiến sĩ CAND phải giỏi về năng lực và vững vàng về bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng để chủ động nhận diện, tận dụng thời cơ, vượt qua mọi thử thách và khó khăn để bảo vệ đất nước, nhân dân. Từ thực tiễn trên cũng đặt

ra yêu cầu đối với giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường CAND phải gắn với bối cảnh mới, những yêu cầu mới về phẩm chất và năng lực cần đạt ở HV.

Thứ hai, đất nước ta đang trong giai đoạn phát triển vừa có những thuận lợi, vừa có những nguy cơ tiềm ẩn, khó lường trực tiếp tác động đến nhiệm vụ người cán bộ CAND. Trong bối cảnh phát triển mạnh của kinh tế, hội nhập âm mưu về “diễn biến hoà bình”, bạo loạn, chống phá sự lãnh đạo của Đảng và chế độ Nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân vào chế độ. Trong khi đó, những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng đạo đức, lối sống của một bộ phận CB, đảng viên đang làm giảm uy tín của Đảng, lòng tin của CB, nhân dân, đe dọa sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa, đặt ra nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ chế độ trong hoàn cảnh mới đối với lực lượng CAND. Từ vấn đề trên đòi hỏi công tác giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường CAND cần tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức, chính trị cho HV để HV có lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có ý chí rèn luyện để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Đảng và bảo vệ nhân dân.

Thứ ba, những nguy cơ gia tăng đe dọa từ “an ninh phi truyền thống”.

Bảo vệ An ninh quốc gia trước các đe dọa “an ninh phi truyền thống” là mục tiêu hàng đầu mà Đảng và Nhà nước đặt ra, bởi nó là vấn đề tác động mạnh đến đời sống xã hội và nhân dân, quá trình này đòi hỏi mỗi chiến sĩ CAND phải có đủ bản lĩnh chính trị và các phẩm chất nhân cách để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và sứ mệnh của ngành CAND nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ chế độ và bảo vệ nhân dân. Sự xuất hiện “an ninh phi truyền thống” đặt ra cho quốc gia phải đối mặt với nhiều thách thức phi truyền thống như vấn đề dân tộc, tôn giáo và hội nhập; vấn đề phát triển kinh tế khoa học công nghệ, văn hóa thông tin, môi trường, dịch bệnh, tài nguyên, biến đổi khí hậu, thiên tai; chủ nghĩa khủng bố, v.v.. Từ đó An ninh quốc gia được bổ sung những nội dung mới, tạo ra những yêu cầu mới với vấn đề đạo đức xã hội nói chung và vấn đề giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND nói riêng trên những bình diện sau:

(1) Vấn đề “tranh chấp quyền lực, lãnh thổ truyền thống đang từng bước chuyển hóa thành tranh chấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực

phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tranh chấp quyền lực cứng và quyền lực mềm để mở rộng không gian ảnh hưởng phục vụ cho lợi ích quốc gia, dân tộc” [10].

(2) Các thủ đoạn tận dụng ưu thế về công nghệ cao, tiềm lực kinh tế mạnh của nhiều quốc gia phương Tây làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, khó khăn ở các nước kém phát triển, các nước theo chế độ XHCN để buộc các quốc gia này phụ thuộc vào khu vực ảnh hưởng của mình.

(3) Nguy cơ mất an ninh mạng đang hằng ngày hàng giờ đe dọa sự bình yên của nhân dân, xã hội, sự phát triển của các loại vũ khí công nghệ cao có sức mạnh hủy diệt lớn; sự nảy sinh của tệ nạn lừa đảo trực tuyến; những thảm họa khốc liệt do tấn công mạng ngày càng trầm trọng đặt con người với tâm lý mất an toàn và căng thẳng, rủi ro.

(4) Chủ nghĩa khủng bố, phân biệt chủng tộc, ly khai dân tộc, các hiện tượng tôn giáo cực đoan, làm xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp tại các quốc gia, đây chính là những uy hiếp nghiêm trọng đối với an ninh của mọi quốc gia.

(5) Trong quá trình phát triển, nhân loại đang đối mặt với những nguy cơ từ chính sự “phát triển” của mình, đó là các thảm họa về thiên tai liên tiếp xảy ra do biến đổi khí hậu; vấn đề ô nhiễm môi trường sự cạn kiệt tài nguyên, vấn đề dịch bệnh đối với con người, cây trồng và vật nuôi... ngày càng diễn biến phức tạp, vấn đề an ninh an toàn thực phẩm, sức khỏe,...

(6) Trong tiến trình toàn cầu hóa, thế giới phẳng không biên giới giữa các quốc gia vấn đề tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên biên giới, lừa đảo xuyên quốc gia đặt ra cho lực lượng An ninh quốc gia nhiều nhiệm vụ mới khó khăn và phức tạp và những áp lực ngày càng lớn, nguy cơ ngày càng cao đối với An ninh quốc gia và vai trò của người chiến sĩ CAND.

Từ vấn đề trên công tác giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường CAND cần tăng cường giáo dục bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, giáo dục về bảo vệ và giữ gìn an ninh trên không gian mạng, đấu tranh chống lại tội phạm công nghệ cao, đấu tranh chống lại kẻ thù chống phá Đảng, Nhà nước trên không gian mạng, đồng thời coi trọng việc tu dưỡng rèn luyện của mỗi HV để chống lại các diễn biến hòa bình, tự diễn biến, tự chuyển hóa...

Thứ tư, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ CAND trong tình hình mới.

Đối với CB chiến sĩ công an, việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt. Với tính chất đặc biệt quan trọng nên Đảng, Bộ Công an đã có nhiều văn bản chỉ đạo các trường học viện, đại học CAND và các đơn vị nâng cao chất lượng hiệu quả của hoạt động học tập, làm theo 6 lời dạy đối với CAND của Chủ tịch Hồ Chí Minh để nhấn mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự “trong sạch, vững mạnh” bên cạnh chú trọng xây dựng về tư tưởng, chính trị, tổ chức, hậu cần, kỹ thuật và còn đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ về đạo đức.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, với những diễn biến phức tạp của an ninh quốc gia truyền thống và “phi truyền thống”, đòi hỏi lực lượng CAND cần tăng cường mối quan hệ truyền thống với CAND các nước, chân thành học hỏi cũng như chia sẻ kinh nghiệm với CAND các nước, xây dựng lực lượng CAND Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đồng thời tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho chiến sĩ CAND, nội dung cần quan tâm giáo dục:

“Chăm lo nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, xây dựng đội ngũ CB, chiến sĩ, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp thực sự gương mẫu, đi đầu, nói đi đôi với làm, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, có uy tín, năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện, có trình độ, trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, có tâm trong sáng, trách nhiệm cao trong công việc, có kỷ cương, kỷ luật và tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, xây dựng nội bộ đơn vị đoàn kết, thống nhất, kết hợp và giải quyết tốt mối quan hệ giữa tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng với công tác nghiệp vụ, tránh không để chỉ có tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng hoặc nghiệp vụ đơn thuần, đủ sức hoàn thành trọng trách được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy, giao phó” [22].

Như vậy nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên cần quan tâm trong giai đoạn hiện nay là:

Giáo dục lòng yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng, với tổ quốc;

Giáo dục ý thức rèn luyện phẩm chất ĐĐNN;

Giáo dục kỷ luật của ngành;

Giáo dục lối sống giản dị, liêm khiết, chí công vô tư của người chiến sĩ;

Giáo dục tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phát triển nghề nghiệp vv...

1.3.2. Cơ sở xác định đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân

1.3.2.1. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý xác định ĐĐNN CAND được hình thành từ hệ thống các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đồng thời được cụ thể hóa trực tiếp bằng các quy định, chỉ thị, thông tư của Bộ Công an. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng để định hướng nội dung, chuẩn mực và phương pháp giáo dục, rèn luyện ĐĐNN cho học viên Công an nhân dân.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu “...xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” [21]; trong đó đặc biệt coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức, kỷ luật, trách nhiệm công vụ và văn hóa ứng xử của cán bộ, chiến sĩ CAND. Các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiêu biểu như Nghị quyết Trung ương khóa XII và khóa XIII, tiếp tục khẳng định vai trò của đạo đức cách mạng, yêu cầu phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, bao gồm CB, chiến sĩ CAND. Bên cạnh đó, các quy định, chỉ thị của Đảng về chuẩn mực đạo đức đã tạo cơ sở trực tiếp cho việc xác lập nội dung ĐĐNN của lực lượng CAND. Quy định số 144-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về “chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” đã xác định rõ những giá trị cốt lõi như trung thành, liêm chính, trách nhiệm, gương mẫu và tận tụy phục vụ Nhân dân. Các chỉ thị, quy định của Bộ Chính trị về tăng cường rèn luyện đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa công vụ đã góp phần định hướng hệ chuẩn mực ĐĐNN đối với CB, chiến sĩ CAND trong bối cảnh mới.

Trong hệ thống các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an về ĐĐNN, Thông tư số 27/2017/TT-BCA của Bộ Công an quy định về “quy tắc ứng xử của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân” [8] là văn bản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông tư này đã cụ thể hóa các yêu cầu về ĐĐNN thành những chuẩn mực hành vi rõ ràng, áp dụng trực tiếp trong hoạt động công vụ và sinh hoạt hằng ngày của CB, chiến sĩ và HV CAND. Nội dung của Thông tư nhấn mạnh văn hóa ứng xử trong các mối quan hệ cơ bản như: với Nhân dân, với đồng chí, đồng nghiệp, với cấp trên và cấp dưới, cũng như

trong sử dụng mạng xã hội và giao tiếp nơi công cộng. Việc ban hành Thông tư 27 đã tạo cơ sở pháp lý trực tiếp để giáo dục, rèn luyện và kiểm tra việc thực hiện ĐĐNN của HV CAND ngay trong quá trình đào tạo.

Bên cạnh đó, “Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân” là nền tảng tư tưởng - đạo đức có giá trị bền vững, xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng CAND [45]. Sáu điều dạy của Bác không chỉ là những chuẩn mực đạo đức cách mạng chung mà còn hàm chứa những yêu cầu cốt lõi của ĐĐNN CAND, như: tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, kính trọng và lễ phép với Nhân dân, tận tụy trong công việc, đoàn kết với đồng chí, đồng đội, mưu trí, dũng cảm trong đấu tranh với kẻ thù và không ngừng tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

Bên cạnh Thông tư 27/2017/TT-BCA và Sáu điều Bác Hồ dạy CAND, Luật Công an nhân dân năm 2018 là cơ sở pháp lý có giá trị cao nhất trong hệ thống pháp luật chuyên ngành, trực tiếp xác định những yêu cầu cốt lõi về phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ, chiến sĩ CAND [56]. Luật CAND quy định rõ CAND là lực lượng vũ trang nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, có chức năng bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phục vụ Nhân dân. Đối với HV các trường đại học CAND, Luật Công an nhân dân là căn cứ pháp lý nền tảng để hình thành nhận thức đúng đắn về trách nhiệm nghề nghiệp và động cơ phấn đấu ngay từ giai đoạn đào tạo. Cùng với Luật Công an nhân dân, hệ thống các văn bản về điều lệnh, kỷ luật và chế độ công tác trong CAND cũng cụ thể hóa ĐĐNN thành các chuẩn mực, hành vi mang tính điều lệnh, kỷ luật. Các quy định về điều lệnh CAND xác định rõ yêu cầu về tư thế, tác phong, lễ tiết, lễ lễ làm việc, chấp hành mệnh lệnh và quy tắc sinh hoạt trong lực lượng. Đối với HV, việc chấp hành kỷ luật được xem là tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hình thành phẩm chất ĐĐNN và ý thức phát triển nghề nghiệp

Như vậy, từ Luật Công an nhân dân đến các thông tư, chỉ thị của Bộ Công an về quy tắc ứng xử, điều lệnh và kỷ luật là nền tảng quan trọng để tổ chức giáo dục, quản lý, rèn luyện và đánh giá ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chính trị, chuẩn mực đạo đức và hành vi nghề nghiệp trong bối cảnh hiện nay.

1.3.2.2. Cơ sở lý luận

i) Chức năng, nhiệm vụ đặc thù của ngành Công an

Ở góc độ cơ sở lý luận, chức năng, nhiệm vụ đặc thù của ngành Công an được xem xét không phải như những quy định mang tính pháp lý cụ thể, mà là những đặc điểm bản chất của hoạt động nghề nghiệp, từ đó quy định một cách tất yếu hệ chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND. Với tư cách là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng và Nhà nước, CAND có chức năng nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và bảo vệ Nhân dân. Những chức năng, nhiệm vụ đó mang tính chính trị - xã hội đặc biệt, thường xuyên gắn với hiểm nguy, thử thách và áp lực nghề nghiệp cao, qua đó đặt ra những yêu cầu đặc thù về bản lĩnh, trách nhiệm và ĐĐNN của người chiến sĩ CAND.

Xuất phát từ tính chất đặc thù của chức năng, nhiệm vụ ngành Công an, hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND không chỉ là hoạt động lao động chuyên môn mà còn là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước, trực tiếp tác động đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và trật tự, an toàn xã hội. Do đó, ĐĐNN của người chiến sĩ CAND được xác định trên cơ sở sự thống nhất biện chứng giữa giá trị đạo đức cá nhân với giá trị đạo đức xã hội, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, được chuẩn hóa bằng những chuẩn mực phù hợp với từng nhiệm vụ chính trị trong mỗi giai đoạn lịch sử. Nhấn mạnh vai trò của yếu tố đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp CAND, Vũ Trọng Lâm cho rằng: “CAND là lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia... Để hoàn thành nhiệm vụ khó khăn, gian khổ, nặng nề nhưng hết sức vẻ vang đó, mỗi CB, chiến sĩ CAND phải thường xuyên trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” [41].

Trên nền tảng đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xác lập hệ chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND. Người khẳng định, đạo đức là nền tảng tinh thần, là “cái gốc” của người cán bộ, giúp họ vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Những phẩm chất như trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí

công vô tư; yêu thương con người... vừa mang giá trị đạo đức phổ quát, vừa đáp ứng trực tiếp yêu cầu đặc thù của hoạt động nghề nghiệp CAND [46].

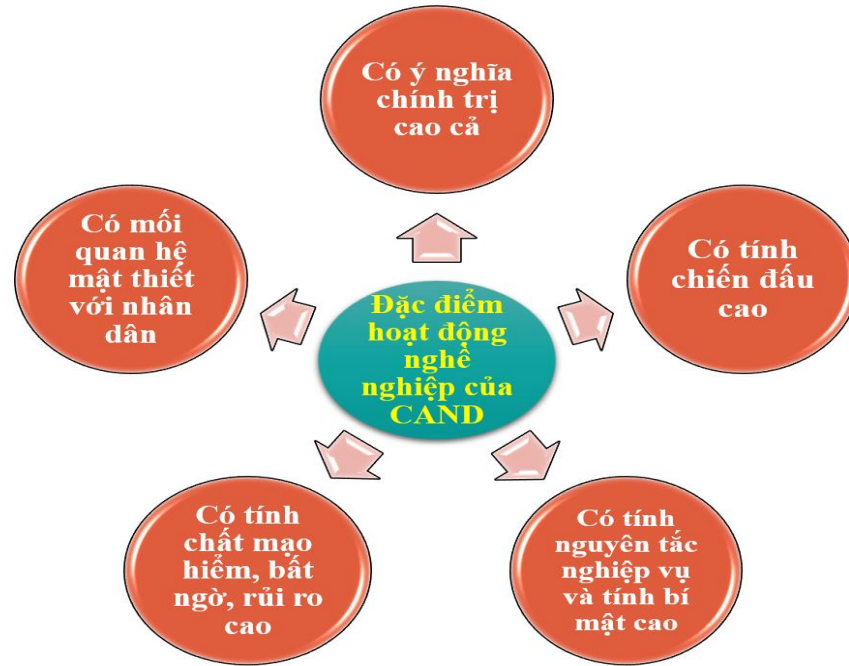
Đặc biệt, Sáu điều Bác Hồ dạy về “tư cách người Công an cách mệnh” đã khái quát một cách súc tích hệ chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ cơ bản của hoạt động nghề nghiệp, qua đó thể hiện rõ mối quan hệ nội tại giữa chức năng, nhiệm vụ đặc thù của ngành Công an với yêu cầu rèn luyện đạo đức của người chiến sĩ CAND [47].

Từ phương diện lý luận, các chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND không phải là những yêu cầu mang tính chủ quan, mà là kết quả tất yếu của yêu cầu khách quan trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Công an. Các phẩm chất như trung thành, tận tụy, trung thực, dũng cảm, liêm chính, chí công vô tư, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật cao vừa là biểu hiện của ĐĐNN, vừa là điều kiện bảo đảm để người chiến sĩ CAND hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thực tiễn.

Trên cơ sở đó, chức năng, nhiệm vụ đặc thù của ngành Công an trở thành căn cứ khoa học quan trọng để xác định mục tiêu, nội dung và định hướng giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu đào tạo trong nhà trường với yêu cầu thực tiễn xây dựng lực lượng CAND trong tình hình mới.

ii) Đặc điểm hoạt động nghề nghiệp Công an nhân dân

CAND Việt Nam là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng và Nhà nước, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt đó, hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND mang những đặc điểm riêng biệt, khác biệt rõ nét so với nhiều loại hình nghề nghiệp khác trong xã hội. Những đặc điểm này vừa phản ánh tính chất đặc thù của hoạt động nghề nghiệp Công an, vừa đặt ra những yêu cầu khách quan đối với nhân cách và ĐĐNN của CB, chiến sĩ CAND.



Các đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của chiến sĩ CAND

(1) Hoạt động nghề nghiệp CAND có ý nghĩa chính trị cao cả

Luật CAND (2018) quy đã định: “Công an nhân dân là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội” [56]. CAND được coi là một dạng nghề nghiệp, có tính đặc thù, với chức năng, nhiệm vụ của mình đã cho thấy nghề nghiệp CAND có ý nghĩa chính trị và sứ mệnh, vai trò xã hội to lớn.

Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch vẫn đang tiếp tục thực hiện âm mưu, ý đồ lật đổ chính quyền nhân dân, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chống phá con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, chúng lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để đấu tranh chống phá; “chúng thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ, thúc đẩy tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”. Mặt khác, quá trình phát triển của đất nước trước bối cảnh mới cũng làm phát sinh những mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ nhân dân thúc đẩy các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, hình thành các điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh trật tự; tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường dẫn đến đạo đức xã hội xuống cấp, làm phát sinh tình trạng trộm cắp, cướp giật và các hành

vi phạm pháp luật khác. Thực tế đó, đòi hỏi lực lượng CAND cần có chủ trương, biện pháp để bảo vệ nhân dân, bảo vệ sự công minh của pháp luật. Hoạt động nghề nghiệp của lực lượng CAND vô cùng phức tạp, gian nan, vất vả và nguy hiểm, đánh đổi cả tính mạng để giữ vững an ninh quốc gia, sự bình yên cho nhân dân. Với đặc điểm trên đòi hỏi CAND phải có lòng yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng.

(2) Hoạt động nghề nghiệp CAND có tính chiến đấu cao

Hoạt động của lực lượng CAND có nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân nên có tính chất đối đầu, chiến đấu, căng thẳng nhằm đấu tranh phòng, chống lại kẻ thù và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, các loại tội phạm khác. Cuộc chiến đó diễn ra cam go, quyết liệt giữa lực lượng Công an với thế lực thù địch và các loại tội phạm đôi khi người chiến sĩ CAND phải hy sinh cả tính mạng, hạnh phúc cá nhân của mình để bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân. Thành công của cuộc chiến đôi khi phải trả giá bằng sự hi sinh, mất mát, kể cả tính mạng, hạnh phúc gia đình của người chiến sĩ CAND. Vì vậy, cán bộ, chiến sĩ CAND phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về pháp luật và tinh thông về công nghệ và nghiệp vụ, phải là người mưu trí, thông minh nhưng có tính kỷ luật cao trong đấu tranh với tội phạm.

(3) Hoạt động nghề nghiệp Công an nhân dân có tính nguyên tắc nghiệp vụ và tính bí mật cao

Nghề nghiệp CAND là nghề có nhiều khác biệt so với những nghề khác trong xã hội. Đây là loại hình ngành nghề được đào tạo công phu, đặc thù, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội mà chỉ gián tiếp thông qua chức năng, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Sự khác biệt này được thể hiện trong những đặc điểm mang tính đặc thù nghề nghiệp CAND.

Xuất phát từ 3 chức năng của lực lượng CAND đó là: “tham mưu với Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù

địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội” [56]. Các chức năng này được cụ thể hóa trong các lĩnh vực công tác của ngành, được quy định cụ thể trong vị trí công tác của người chiến sĩ CAND trong từng lĩnh vực như: Tình báo, An ninh, Cảnh sát, an ninh mạng, điều tra xét xử vv... Từ yêu cầu của vị trí việc làm đòi hỏi người chiến sĩ CAND phải phải giữ vững những nguyên tắc, tính bảo mật trong hoạt động nghề nghiệp. Cán bộ, chiến sĩ Công an trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật của ngành, các quy trình công tác, các điều lệnh CAND. Nếu cán bộ, chiến sĩ không có đủ bản lĩnh, đạo đức sẽ bị sa ngã trước cám dỗ vật chất, tự chuyển hóa. Thực tế đó, đòi hỏi ở người cán bộ Công an những phẩm chất đạo đức như: tính độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc giữ bí mật trong nghề nghiệp, không chia sẻ và làm lộ lọt thông tin. Đây là những phẩm chất ĐĐNN có giá trị cao, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công việc, sự nghiệp của ngành và đất nước mà các trường CAND cần đặc biệt quan tâm, giáo dục cho HV.

(4) Hoạt động nghề nghiệp CAND có tính chất mạo hiểm, bất ngờ, rủi ro cao

Trong cuộc đấu tranh với tội phạm, tính chất rủi ro mạo hiểm được thể hiện ở chỗ không phải lúc nào lực lượng Công an cũng có đầy đủ thông tin cần thiết. Có những thời điểm lực lượng Công an phải có kế hoạch đối phó hoặc tìm cách ngăn chặn tác động tiêu cực do tội phạm gây ra mà chưa thực sự đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy, trong quá trình đấu tranh không thể tránh khỏi những tình huống sơ hở do chưa lường hết được thủ đoạn của đối tượng hoặc do trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc do bản lĩnh của người cán bộ Công an chưa đạt đến yêu cầu mong muốn. Bên cạnh đó, không thể tránh khỏi những sai sót trong công tác chuyên môn hay gây ra hậu quả thiệt hại về sức khỏe, tính mạng cho cán bộ, chiến sĩ Công an. Cán bộ, chiến sĩ khi quyết định theo nghề nghiệp CAND thì họ phải hiểu rất rõ tính chất này.

Tính chất gay go quyết liệt của cuộc đấu tranh còn thể hiện ở chỗ, các đối tượng tình báo, gián điệp, các loại tội phạm nguy hiểm có rất nhiều âm mưu xảo quyệt, chúng không từ một thủ đoạn nào để chống chế độ và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đòi hỏi chiến sĩ CAND phải gan dạ, dũng cảm, mưu trí, bất khuất kiên cường vv... Vì vậy, những yêu cầu về giáo dục đạo đức nói chung, ĐĐNN nói riêng đối với HV các trường đại học CAND là một đòi hỏi tất yếu. Bởi chính bản thân họ là người kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng,

của Ngành Công an trong bảo vệ an ninh Tổ quốc. Từ những phân tích trên đây, cho thấy hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND là công việc đòi hỏi tính chất nghiệp vụ, tính sáng tạo, biết giữ bí mật, tính chất căng thẳng, mạo hiểm, rủi ro. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao thì người chiến sĩ CAND phải thấm nhuần những nguyên tắc nghề nghiệp, hiểu và nắm rõ luật pháp để áp dụng một cách thông minh, linh hoạt trong từng vụ việc, từng đối tượng cụ thể. Góp phần vào việc thực hiện tốt những yêu cầu và nguyên tắc trên, không thể không nói đến vai trò quan trọng của yếu tố giáo dục, rèn luyện ĐĐNN cho HV trong các trường đại học CAND.

(5) Hoạt động nghề nghiệp CAND có mối quan hệ mật thiết với nhân dân

Lực lượng CAND Việt Nam với bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, từ nhân dân mà ra đã luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, nhận thức đầy đủ về vai trò và sứ mệnh của quần chúng nhân dân; vận động, thuyết phục, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia vào các mặt công tác chiến đấu ngày càng tự giác, hiệu quả.

Hoạt động của lực lượng CAND có liên quan trực tiếp đến quần chúng, một mặt nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân, mặt khác lực lượng Công an phải dựa trên sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Những đóng góp đặc biệt quan trọng đó của quần chúng nhân dân đã giúp cho lực lượng CAND đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ, phá hoại của các thế lực thù địch, phản động, góp phần bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, “quần chúng nhân dân chính là người kiểm tra, giám sát, đánh giá phẩm chất đạo đức, nhân cách của người cán bộ CAND. Vì vậy, cán bộ CAND phải tích cực tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN, văn hóa ứng xử, suốt đời phấn đấu phụng sự nhân dân, vì nhân dân phục vụ” [50]. Đây là yêu cầu đặt ra cho các nhà trường CAND trong công tác giáo dục ĐĐNN cho HV hiện nay.

1.3.2.3. Yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp về đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân hiện nay

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo; các mối đe dọa an ninh truyền thống và

phi truyền thống đan xen; quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống xã hội, thực tiễn hoạt động của lực lượng CAND đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với ĐĐNN của CB, chiến sĩ. ĐĐNN không chỉ là nền tảng hình thành nhân cách người HV Công an mà còn là nhân tố quyết định hiệu quả, chất lượng thực thi nhiệm vụ, uy tín và sức chiến đấu của lực lượng CAND trong tình hình mới.

Thứ nhất, thực tiễn nghề nghiệp đặt ra yêu cầu về sự tuyệt đối trung thành và bản lĩnh chính trị vững vàng của CB, chiến sĩ CAND.

Trong điều kiện các thế lực thù địch không ngừng gia tăng hoạt động chống phá với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp, việc giữ vững lập trường chính trị, tư tưởng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng là yêu cầu mang tính nguyên tắc, chi phối toàn bộ hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND. Thực tiễn cho thấy, mọi biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin chính trị đều có thể dẫn đến những lệch lạc trong hành vi công vụ, làm suy giảm hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự. Do đó, ĐĐNN của CB, chiến sĩ CAND trước hết phải được xây dựng trên nền tảng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; coi đây là chuẩn mực cốt lõi, xuyên suốt trong nhận thức và hành động nghề nghiệp.

Thứ hai, thực tiễn công tác đòi hỏi CB, chiến sĩ CAND thường xuyên rèn luyện và giữ gìn các phẩm chất đạo đức cốt lõi.

Hoạt động nghề nghiệp CAND diễn ra trong môi trường đặc thù, thường xuyên tiếp xúc với quyền lực nhà nước, với các mối quan hệ xã hội phức tạp và những lợi ích vật chất, tinh thần đa dạng. Trong điều kiện đó, nếu không có nền tảng ĐĐNN vững chắc, CB, chiến sĩ rất dễ bị tác động tiêu cực, dẫn đến suy thoái đạo đức, vi phạm kỷ luật, pháp luật. Thực tiễn đặt ra yêu cầu mỗi CB, chiến sĩ CAND phải kiên trì tu dưỡng các phẩm chất như: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; giữ vững sự công tâm, khách quan trong giải quyết công việc; chống mọi biểu hiện vụ lợi cá nhân. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt đạo đức cá nhân mà còn là điều kiện quan trọng để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với lực lượng CAND.

Thứ ba, thực tiễn nghề nghiệp đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao và thái độ tận tụy trong thực thi nhiệm vụ.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngày càng phức tạp, đòi hỏi CB, chiến sĩ CAND phải sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, kể cả trong những điều kiện khó khăn, nguy hiểm. ĐĐNN của người chiến sĩ Công an được thể hiện trực tiếp qua tinh thần dũng cảm, ý chí vượt qua thử thách, thái độ tận tụy, trách nhiệm trong công việc, luôn đặt lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Thực tiễn cho thấy, tinh thần trách nhiệm là yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ, đồng thời phản ánh mức độ trưởng thành về ĐĐNN của CB, chiến sĩ.

Thứ tư, thực tiễn xây dựng lực lượng đặt ra yêu cầu kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái đạo đức ngoài xã hội và trong nội bộ CAND.

Bên cạnh những thành tích, kết quả đạt được, thực tiễn hoạt động của lực lượng CAND cũng cho thấy vẫn còn những biểu hiện vi phạm đạo đức, kỷ luật ở một bộ phận CB, chiến sĩ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của lực lượng. Do đó, yêu cầu đặt ra là mỗi CB, chiến sĩ CAND không chỉ tự giác tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN mà còn phải có tinh thần trách nhiệm trong đấu tranh, phê phán và khắc phục các biểu hiện sai trái trong nội bộ. Việc xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh, kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh là điều kiện quan trọng để nâng cao sức chiến đấu và bản lĩnh chính trị của lực lượng CAND trong tình hình mới.

Thứ năm, thực tiễn hoạt động trong môi trường tổ chức chặt chẽ đòi hỏi ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp chuẩn mực của CB, chiến sĩ CAND.

Hoạt động của lực lượng CAND được tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, chấp hành nghiêm điều lệnh, kỷ luật của ngành. Trong thực tiễn, mọi biểu hiện tùy tiện, thiếu kỷ luật đều có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi nhiệm vụ và uy tín của Ngành. Do đó, ý thức chấp hành kỷ luật, tuân thủ quy trình, quy chế công tác không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chuẩn mực ĐĐNN, thể hiện thái độ tôn trọng tổ chức, trách nhiệm với tập thể và với Nhân dân.

Thứ sáu, thực tiễn nghề nghiệp đặt ra yêu cầu xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác và văn hóa ứng xử lành mạnh trong nội bộ lực lượng CAND.

Trong điều kiện nhiệm vụ ngày càng phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, cá nhân, tinh thần đoàn kết, tương trợ, công bằng và minh bạch trong ứng xử trở thành yêu cầu không thể thiếu của ĐĐNN. Thực tiễn cho thấy, sự đoàn kết

nội bộ là điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh tập thể, nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác, đồng thời góp phần hình thành môi trường văn hóa nghề nghiệp lành mạnh, tạo động lực cho CB, chiến sĩ phấn đấu, rèn luyện và cống hiến.

Thứ bảy, thực tiễn nghề nghiệp trong bối cảnh mới đòi hỏi CB, chiến sĩ CAND không ngừng tự học, tự rèn luyện và hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các hình thức tội phạm mới đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CB, chiến sĩ CAND. Tuy nhiên, quá trình nâng cao trình độ chuyên môn phải luôn gắn liền với việc tu dưỡng ĐĐNN, bởi chỉ khi có nền tảng đạo đức vững chắc, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp mới được sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật và vì lợi ích của Nhân dân. Thực tiễn đó khẳng định vai trò quyết định của quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện trong việc hình thành phong cách người chiến sĩ Công an “bản lĩnh, nhân văn, vì Nhân dân phục vụ”.

1.3.3. Các biểu hiện đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân ở học viên trong trường đại học Công an nhân dân hiện nay

1.3.3.1. Các biểu hiện về nhận thức

Học viên ở trường đại học CAND cần hình thành và củng cố nhận thức đúng đắn, đầy đủ về những nội dung cơ bản của ĐĐNN, coi đây là nền tảng tư tưởng và giá trị định hướng cho quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ sau này. Học viên nhận thức đúng đắn, đầy đủ về các nội dung sau đây:

i). Phẩm chất ĐĐNN đối với Tổ Quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân; Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện qua tình yêu quê hương, đất nước và con người;

- Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân; Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân; Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân. Đây được coi là một trong những phẩm chất cốt lõi làm nên bản chất cách mạng và nhân văn của lực lượng CAND.

ii). Phẩm chất ĐĐNN trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ

Nhận thức đúng về đức tính cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

- Nhận thức đúng, đầy đủ về các phẩm chất trung thực, kỷ luật trong công tác. Việc thấm nhuần các phẩm chất này giúp HV hiểu rõ yêu cầu về sự công tâm, khách quan, minh bạch trong thực thi nhiệm vụ, đồng thời là cơ sở quan trọng để phòng ngừa những biểu hiện tiêu cực, sai phạm trong quá trình công tác sau này;

- Nhận thức đúng về sự tự giác, ý thức thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao, ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của HV.

iii). Phẩm chất ĐĐNN đối với nghề nghiệp CAND

Nhận thức đúng về đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp không chỉ là sự tự giác tuân thủ chuẩn mực đạo đức mà còn là động lực nội tại thúc đẩy mỗi cá nhân hành động vì lợi ích của Nhân dân, vì danh dự của lực lượng, sẵn sàng chịu trách nhiệm về quyết định và hành vi nghề nghiệp của mình;

Nhận thức đúng và đầy đủ về đức tính kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong hoạt động nghề nghiệp CAND và gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao;

Nhận thức đúng đắn về ý thức trách nhiệm trong phát triển nghề nghiệp của bản thân: thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ... có trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện, coi việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và xuyên suốt trong suốt quá trình học tập và công tác.

iv). Phẩm chất ĐĐNN đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống

Nhận thức đúng về tinh thần đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội giúp HV hiểu rõ ý nghĩa của mối quan hệ đồng chí, đồng đội trong môi trường kỷ luật, chính quy; qua đó hình thành ý thức tôn trọng, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện và công tác, góp phần xây dựng tập thể thống nhất, vững mạnh.

Nhận thức đúng và đầy đủ về đức tính khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm trong lối sống giúp HV định hướng hành vi ứng xử đúng mực, tránh lối sống hình thức, thực dụng; hình thành phong cách sống lành mạnh, phù hợp với truyền thống và chuẩn mực đạo đức của lực lượng CAND.

Phẩm chất thanh liêm, chính trực trong đời sống và công việc là nền tảng để HV xây dựng uy tín cá nhân, giữ gìn danh dự, hình ảnh của người CB, chiến sĩ

CAND; đồng thời tạo cơ sở cho việc phòng ngừa suy thoái đạo đức, tiêu cực, góp phần củng cố niềm tin của đồng chí, đồng đội và nhân dân đối với lực lượng CAND.

1.3.3.2. Các biểu hiện về thái độ ĐĐNN của học viên

i). Thái độ đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân

Thể hiện ở ý thức tự giác phấn đấu trong học tập, rèn luyện đạo đức và tu dưỡng bản thân với mong muốn được cống hiến, phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, bảo vệ Tổ quốc và Nhân dân. Học viên coi đây là trách nhiệm cao cả, thiêng liêng và lớn lao của người chiến sĩ Công an nhân dân;

Học viên có thái độ kiên quyết đấu tranh, phê phán và phản đối những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong đội ngũ cán bộ Công an và trong xã hội;

Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân được học viên coi là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động, được thấm nhuần và vận dụng một cách tự giác, thường xuyên trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ.

ii). Thái độ đối với học tập, rèn luyện

Học viên có thái độ tích cực, hứng thú và say mê đối với hoạt động học tập, rèn luyện trong trường đại học CAND; nỗ lực học tập và rèn luyện để sớm trở thành CB, chiến sĩ CAND. Thái độ đó được thể hiện ở tinh thần học tập nghiêm túc, chủ động, say sưa trong tiếp thu kiến thức, đặc biệt là các nội dung về ĐĐNN luôn thu hút sự quan tâm của HV; có ý thức gắn kết giữa học tập lý luận với rèn luyện thực tiễn nhằm hình thành phẩm chất và nhân cách người CB Công an tâm huyết, trách nhiệm.

Học viên thể hiện sự hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm thực tế tại nhà trường cũng như tại Công an các đơn vị, địa phương; coi đây là môi trường quan trọng để rèn luyện bản lĩnh, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, từng bước đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác CAND hiện nay.

Luôn luôn phấn đấu học tập và rèn luyện để đạt được các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND mà ngành quy định, coi đây là yêu cầu bắt buộc trong quá trình rèn luyện và trưởng thành về ĐĐNN.

iii). Thái độ đối với nghề nghiệp CAND

Học viên có thái độ đúng đắn, tích cực đối với nghề nghiệp CAND, thể hiện ở mong muốn thường xuyên và bền vững được trở thành chiến sĩ CAND, được cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, quê hương và Nhân dân.

Học viên yêu thích và gắn bó với ngành nghề đã lựa chọn, nhận thức rõ ý nghĩa xã hội và giá trị nhân văn của nghề Công an; từ đó hình thành niềm tự hào chính đáng về nghề nghiệp và môi trường công tác CAND mà mình đã lựa chọn.

Thái độ nghề nghiệp của HV còn được thể hiện qua tinh thần hứng khởi, cảm hứng nghề nghiệp cao, HV luôn chủ động, tích cực, nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Học viên cảm nhận được niềm tự hào, sự kiêu hãnh và hạnh phúc khi được học tập, rèn luyện, làm việc trong môi trường CAND.

Đồng thời, học viên thể hiện ý thức theo đuổi và gìn giữ các giá trị nghề nghiệp cốt lõi của lực lượng CAND, có ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn, thử thách để đạt được và khẳng định giá trị nghề nghiệp của bản thân.

iv). Thái độ đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống

Học viên coi tập thể lớp, tập thể đơn vị là môi trường quan trọng để học tập, rèn luyện và trải nghiệm tinh thần tập thể, tình đồng chí, đồng đội trong lực lượng CAND. Thông qua sinh hoạt, học tập và rèn luyện chung, học viên hình thành ý thức tôn trọng, đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập và công tác.

Học viên có thái độ cầu thị, chủ động học hỏi những tấm gương tiêu biểu, điển hình tiên tiến trong ngành; không ngừng tiếp thu kinh nghiệm, cách sống, cách làm việc của những người xung quanh.

Trên cơ sở đó, học viên từng bước hình thành lối sống lành mạnh, giản dị, thấm nhuần các giá trị đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người CB CAND, phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND.

1.3.3.3. Các biểu hiện về hành vi ĐĐNN của học viên

i) Biểu hiện về hành vi đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân

- Thể hiện trách nhiệm công hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV;

- Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc;

- Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội, qua đó góp phần giữ gìn uy tín, danh dự của lực lượng CAND, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước

- Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân;

- Thể hiện ở việc học viên thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND, tự giác học tập, làm theo Sáu điều Bác Hồ dạy CAND, vận dụng các chuẩn mực đó vào hành động cụ thể trong học tập, rèn luyện và sinh hoạt hằng ngày.

ii). Biểu hiện về hành vi học tập, rèn luyện

- Nghiêm túc chấp hành các quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật, chính quy của các trường đại học CAND;

- Vượt qua mọi khó khăn trong học tập thông qua việc thực hiện đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập được giao, chủ động tích lũy kiến thức, kỹ năng nhằm từng bước tự tin đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp Công an;

- Học viên duy trì nỗ lực học tập và rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề đã lựa chọn, qua đó hoàn thiện bản thân về phẩm chất, năng lực và tác phong nghề nghiệp;

- Hành vi học tập, rèn luyện còn được thể hiện ở sự tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp;

- Học viên có ý thức vượt khó, tinh thần tự giác, tích cực trong học tập và rèn luyện nghiêm túc để hoàn thành các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao;

- Trong môi trường nội quy kỷ túc xá, lớp học, HV tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật và chú trọng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN, xây dựng nếp sống chính quy, lành mạnh, phù hợp với chuẩn mực của người chiến sĩ CAND.

iii). Các hành vi thể hiện đối với nghề nghiệp Công an nhân dân

- Học viên chủ động lựa chọn và thực hành các giá trị ĐĐNN của lực lượng CAND để rèn luyện trong học tập, sinh hoạt và công tác;

- Giữ gìn hình ảnh, tác phong, danh dự của người học viên CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hàng ngày;

- Học viên thể hiện sự gắn bó với nghề nghiệp Công an thông qua việc nghiêm túc học tập, tích cực rèn luyện và kiên trì theo đuổi, chủ động hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND;

- HV tích cực học tập và làm theo những tấm gương điển hình tiên tiến của người chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp;

- Tích cực rèn luyện, phấn đấu để có được các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND.

iv) *Các biểu hiện về hành vi đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống*

- Tinh thần đoàn kết, hợp tác với đồng chí, đồng đội; tôn trọng, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện và sinh hoạt tập thể; khiêm tốn, cầu thị, chủ động học hỏi từ thầy cô, đồng nghiệp và mọi người xung quanh;

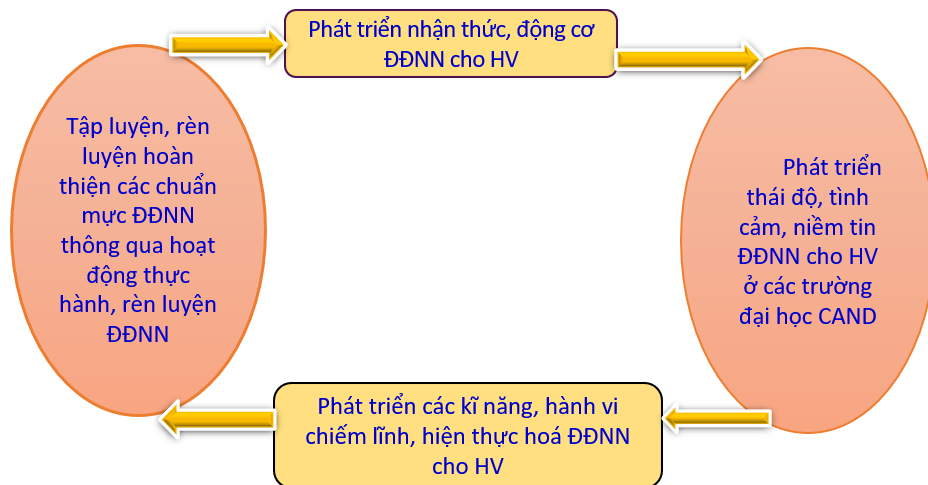
- Có hành vi giao tiếp, ứng xử văn hóa, chuẩn mực, giữ gìn tác phong, hình ảnh của người học viên CAND trong học tập, sinh hoạt và các quan hệ xã hội;

- Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu ký túc xá, chấp hành nghiêm túc các quy định, góp phần xây dựng tập thể đoàn kết, kỷ cương, nề nếp;

- Kiên quyết đấu tranh, phê phán các biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường lớp học, ký túc xá và khi tham gia các hoạt động xã hội. Chủ động điều chỉnh hành vi cá nhân, xây dựng lối sống lành mạnh, đúng điều lệnh, phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp CAND.

1.3.4. Quá trình phát triển đạo đức nghề nghiệp người chiến sĩ Công an nhân dân cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

Nghề nghiệp CAND là nghề có nhiều khác biệt so với những nghề khác trong xã hội, nó liên quan đến an toàn của nhân dân và quốc gia và dân tộc. Đây là loại hình ngành nghề được đào tạo công phu, có tính đặc thù, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội mà chỉ gián tiếp thông qua chức năng, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Sự khác biệt này được thể hiện trong quá trình hình thành phát triển, hoàn thiện ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong quá trình đào tạo ở các trường đại học CAND mang tính đặc thù nghề nghiệp CAND.



Quá trình phát triển đạo đức nghề nghiệp cho HV

Một là, phát triển nhận thức, động cơ ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND.

Nhận thức là cơ sở, nền tảng cơ bản để HV tiếp thu, lĩnh hội các giá trị đạo đức của nghề nghiệp CAND. Động cơ được hình thành từ việc nhu cầu được thoả mãn hay không thoả mãn trong quá trình học tập và rèn luyện. Trong quá trình học tập và rèn luyện, ở HV bao giờ cũng diễn ra những cuộc đấu tranh bên trong, liên quan đến sự lựa chọn những giá trị nghề nghiệp mà HV đang hướng tới và có kế hoạch chiếm lĩnh. Nhận thức về các phẩm chất ĐĐNN cũng là cơ sở để HV tỏ thái độ và thực hiện các hành động nhằm chiếm lĩnh các giá trị ĐĐNN, biến thành những phẩm chất tâm lý, nhân cách của cá nhân.

Nhận thức, động cơ ĐĐNN của HV được hình thành ngay từ khi HV còn học ở trường phổ thông và phát triển mạnh bắt đầu đào tạo ở các Nhà trường CAND về ĐĐNN CAND, đó chính là sự hiểu biết của HV về các phẩm chất ĐĐNN được thể hiện trong các mối quan hệ: với Đảng, Nhà nước; với nhân dân; với công việc và đồng nghiệp; với bản thân và với kẻ địch. Đồng thời, nhận thức của HV về ĐĐNN CAND còn thể hiện ở sự hiểu biết về vai trò, tầm quan trọng của nó trong hoạt động nghề nghiệp thông qua việc HV tìm hiểu, nhận thức về vai trò của ĐĐNN, từ đó hình thành những thuộc tính tâm lý, nhân cách nghề nghiệp trong tương lai. Xã hội luôn vận động, phát triển và yếu tố tác động đến giáo dục ĐĐNN CAND cũng vận động, biến đổi không ngừng. Vì thế, mà HV không chỉ phát huy những giá trị đạo đức truyền thống của nghề nghiệp mà còn phải biết chọn lọc, biết thay đổi để thích nghi với cuộc sống, thích nghi nghề nghiệp và thích nghi với yêu cầu của nghề nghiệp hiện nay. HV nhận thức được sự cần thiết phải biết kết hợp hài hoà giữa các phẩm chất đạo đức trong các mối quan hệ với Đảng, Nhà nước, với nhân dân, với công việc và đồng nghiệp, với bản thân mình; kết hợp giữa đạo đức truyền thống trong nghề nghiệp với các đạo đức nghề trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, thời kỳ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang có nhiều thay đổi.

Tóm lại, động cơ ĐĐNN thể hiện khác nhau ở mỗi HV và có ảnh hưởng đến kết quả giáo dục ĐĐNN của HV nếu động cơ ĐĐNN được xác định đúng đắn dựa trên phục vụ nhân dân, tổ quốc và tập thể sẽ giúp cho CB, HV có ý thức học tập, rèn luyện được nhiều phẩm chất đạo đức tốt hoàn thiện nhân cách người chiến sĩ CAND và ngược lại nếu xuất phát từ động cơ cá nhân, thăng tiến vì lợi ích sẽ làm cho CB, HV có những hành vi lệch chuẩn với ĐĐNN mà ngành CAND đã đặt ra.

Hai là, phát triển thái độ, tình cảm, niềm tin ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND.

Nghề nghiệp CAND nói chung, ĐĐNN CAND nói riêng là những thuộc tính của nghề, có ý nghĩa xã hội với tư cách là phương thức thoả mãn nhu cầu, lợi ích của những người đang trực tiếp tham gia hoạt động nghề nghiệp và của HV các trường CAND. Đối với HV, việc lựa chọn vào các trường CAND là một nhu cầu nghề nghiệp đã được các em nhận thức, lựa chọn và phấn đấu để đạt được, nhằm chiếm lĩnh các tri thức, kiến thức, kỹ năng, trong đó có ĐĐNN. Việc thoả mãn nhu cầu này chính là thái độ của HV đối với các đạo đức của nghề mang lại. Do vậy, mặt thái độ trong giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND thể hiện ở trạng thái cảm xúc, sự hài lòng, mong muốn chiếm lĩnh các giá trị ĐĐNN CAND trong quá trình học tập, rèn luyện để hiện thực hoá nó thành phẩm chất tâm lý cần thiết trong quá trình hình thành nhân cách nghề nghiệp CAND của HV.

Cảm xúc của HV đối với các phẩm chất ĐĐNN được thể hiện thông qua việc ở HV xuất hiện các nguồn cảm xúc yêu thương, tự hào, vui vẻ, hạnh phúc, thoải mái dễ chịu đối với các giá trị đạo đức thể hiện trong các mối quan hệ nghề nghiệp CAND. Những xúc cảm, tình cảm này thể hiện thái độ của HV đối với các giá trị đó.

Sự hài lòng, mong muốn chiếm lĩnh của HV trong quá trình học tập, rèn luyện được thể hiện ở việc tiếp thu tri thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức đáp ứng được nhu cầu, mong muốn của HV. Mong muốn lựa chọn, chiếm lĩnh đối với các phẩm chất ĐĐNN CAND là những dấu hiệu thái độ của HV trong giáo dục ĐĐNN CAND. Đó là đặc điểm tâm lý của cán bộ, chiến sĩ nói chung, HV các trường đại học CAND nói riêng trong các mối quan hệ với Đảng và nhà nước; với quần chúng nhân dân; với công việc và đồng nghiệp; với bản thân mình... cho thấy được nhận thức, thái độ và sự lựa chọn của họ đối với các phẩm chất ĐĐNN.

Ba là, phát triển các kỹ năng, hành vi chiếm lĩnh, hiện thực hoá ĐĐNN cho HV trong quá trình học tập, nghiên cứu, tập luyện và rèn luyện đạo đức tại các trường đại học CAND.

Trong quá trình phát triển và hoàn thiện ĐĐNN của HV các trường đại học CAND còn là sự tập hợp các hành động của HV trong quá trình học tập, rèn luyện và tham gia các mối quan hệ xã hội khác nhau nhằm hình thành các kỹ năng, chiếm

lĩnh, hiện thực hoá đạo đức nghề đã lựa chọn thành những phẩm chất tâm lý, nhân cách nghề nghiệp thuộc về cá nhân. Hành động là mặt biểu hiện ra bên ngoài của nhận thức và thái độ đối với ĐĐNN của HV các trường đại học CAND. Hình thành các kỹ năng, hành động chiếm lĩnh, hiện thực hoá ĐĐNN cũng chính là cơ sở để chúng ta nhận định, đánh giá hiệu quả của giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND ở mức độ khác nhau với những đặc điểm khác nhau ở các nhóm khách thể HV khác nhau.

Phát triển các kỹ năng, hành động chiếm lĩnh, hiện thực hoá ĐĐNN là hành động tự giác, có ý thức, được thúc đẩy bởi động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức phục vụ cho nghề nghiệp và sự trưởng thành của nhân cách. Hành động đó thường được biểu hiện thông qua lối sống, cách cư xử, ý chí của cá nhân. Các mặt biểu hiện của phẩm chất ĐĐNN của HV các trường đại học CAND được thể hiện thông qua hoạt động học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh, hiện thực hoá đạo đức nghề, có mối quan hệ khăng khít với nhau. Khi chủ thể có nhận thức đúng đắn, có mong muốn, tình cảm tích cực, có ý chí vượt qua những khó khăn trong học tập và rèn luyện thì sẽ có hành động phù hợp và ngược lại. Tuy vậy, ở một số trường hợp, với các cá nhân khác nhau, phẩm chất ĐĐNN lại không thể hiện tương ứng với nhận thức và thái độ của họ. Nguyên nhân có thể là do các yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến nhận thức, thái độ và hành động của cá nhân đó trong việc xử lý các tình huống; hay do cá nhân đó thiếu tình cảm, thiếu niềm tin vào ĐĐNN trong thực tế cuộc sống.

Bốn là, tập luyện, rèn luyện hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐNN thông qua hoạt động thực hành, rèn luyện ĐĐNN

Hình thành các chuẩn mực ĐĐNN của HV các trường đại học CAND diễn ra trong suốt quá trình đào tạo, từ khi HV vào trường đến khi HV tốt nghiệp và làm việc tại Công an các đơn vị, địa phương. Quá trình rèn luyện và hoàn thiện ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ CAND chính là quá trình hình thành sự hiểu biết về nghề nghiệp, trau dồi ý thức nghề nghiệp cho bản thân, trải nghiệm nghề nghiệp, bước vào môi trường công tác mới. Học viên ra trường công tác tại Công an các đơn vị, địa phương cần nhận thức rõ ý nghĩa, tính chất lao động của nghề nghiệp CAND, tính chiến đấu cao trong hoạt động nghề nghiệp mà các nghề khác không

có. Chính vì vậy, đòi hỏi HV phải có quá trình miệt mài nghiên cứu học tập, rèn luyện để hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐNN, đổ mồ hôi khổ luyện trên thao trường, trong công tác phòng, chống tội phạm để tích lũy cho mình những kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng trong nghề nghiệp, sự dẻo dai, khoẻ mạnh. Từ đó, HV có được những phẩm chất tâm lý, lựa chọn các giá trị đạo đức về sự cần cù, tận tụy, khôn khéo nhưng đầy cương quyết, dũng cảm, mạnh dạn, dám hi sinh trước những gian nguy của đất nước, trước những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù...

Mặt khác, quần chúng nhân dân chính là người kiểm tra, giám sát, đánh giá phẩm chất đạo đức, nhân cách của người CB CAND. Vì vậy, cán bộ CAND khi ra trường công tác thực tế tại Công an các đơn vị, địa phương phải thường xuyên thực hành ĐĐNN, rèn luyện hình thành HV, thói quen đạo đức để xử lý, giải quyết các tình huống của thực tiễn công tác, chiến đấu đặt ra phù hợp với chuẩn mực ứng xử, quy tắc nghề nghiệp, văn hóa truyền thống của lực lượng CAND; trên cơ sở đó tích cực tu dưỡng, rèn luyện hoàn thiện ĐĐNN, văn hóa ứng xử, suốt đời phấn đấu phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân.

1.4. Lý luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

1.4.1. Đặc điểm và nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân

1.4.1.1. Đặc điểm giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên

Từ đặc điểm nghề nghiệp và yêu cầu về ĐĐNN của người chiến sĩ CAND và các thành tố cấu thành nên ĐĐNN của người chiến sĩ CAND và bản chất của giáo dục đạo đức có thể rút ra một số đặc điểm của giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND như sau:

Giáo dục ĐĐNN cho HV là quá trình mang tính mục tiêu đó là phát triển ở HV các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ đối với tổ quốc, với Đảng, nhà nước và nhân dân với công việc, đồng nghiệp, với kẻ thù và với chính bản thân.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động chuyển hóa những yêu cầu về thực hiện các chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND thành nhận thức, thái độ và hành vi phù hợp với các chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND ở mỗi HV trong quá trình huấn luyện đầu khóa, trong học tập, huấn luyện tại thao trường,

trong thực hiện nội quy sinh hoạt tại ký túc xá, sinh hoạt tập thể, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp; chấp hành kỷ luật của nhà trường và của ngành.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động luôn gắn liền với hoạt động huấn luyện, đào tạo không tách rời quá trình huấn luyện và hoạt động đào tạo, nó được thực hiện song hành cùng với quá trình huấn luyện chiến sĩ CAND và thực hiện chương trình đào tạo các học phần.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động mang tính chính trị, tính pháp luật và tính nhân dân đòi hỏi mục tiêu, nội dung giáo dục và các con đường giáo dục phải mang tính chuẩn mực để hình thành nên các phẩm chất đạo đức cách mạng cho HV đồng thời quá trình tổ chức triển khai phải mang tính kỷ luật cao nhưng lại rất gần gũi với cuộc sống đời thường của nhân dân nhằm giúp HV hình thành được các phẩm chất ĐĐNN.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động mang tính kỷ luật đòi hỏi người giáo dục và người được giáo dục phải thường xuyên tuân thủ các nguyên tắc, quy tắc mang tính quân lệnh của ngành CAND và những quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực hiện các nội dung giáo dục.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động gắn liền với giáo dục giá trị ĐĐNN cho HV, các phẩm chất ĐĐNN của HV được hình thành gắn với tình yêu nghề nghiệp và hiểu sâu sắc về giá trị nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND vì vậy trong giáo dục, đào tạo GV, cán bộ quản lý cần giáo dục HV lòng yêu nghề, tự hào về giá trị nghề nghiệp của bản thân.

Giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động đòi hỏi mỗi HV phải tự giáo dục, tự rèn luyện thường xuyên trong nhiều tình huống và môi trường khác nhau, đặc biệt là phải được trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp trong các mối quan hệ để tự hình thành nhận thức, thái độ và kỹ năng, hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ.

1.4.1.2. Nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên

i. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng

Nhà trường, CB, GV và HV phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục ĐĐNN cho HV trong mọi hoạt động của nhà trường.

Đây là nguyên tắc chủ đạo giữ vai trò quyết định đến phương hướng chính trị đối với hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND. Nguyên tắc này thể hiện tính Đảng, tính giai cấp của hoạt động nâng cao.

Giáo dục ĐĐNN phải xuất phát từ quan điểm chỉ đạo của Đảng trong thời kỳ mới, từ mục tiêu, yêu cầu xây dựng lực lượng CAND trong tình hình mới. Đồng thời gắn với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng với thực hành đạo đức, nêu gương sáng về đạo đức của người thầy, người cô.

Quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc này đòi hỏi trong giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường CAND hiện nay CB, GV và HV cần nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng đối với ngành CAND trong mọi hoạt động, thực hiện đúng sự chỉ đạo đó, đồng thời nêu cao trách nhiệm nêu gương của CB, đảng viên.

ii. Đảm bảo tính mục đích trong giáo dục

Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích trong giáo dục ĐĐNN cho HV CAND là yêu cầu xuyên suốt toàn bộ quá trình giáo dục, từ xác định nội dung, con đường, phương pháp, lực lượng đến kiểm tra, đánh giá kết quả. Mọi hoạt động giáo dục ĐĐNN phải thống nhất với mục tiêu đào tạo CB CAND “vừa hồng, vừa chuyên”, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh và tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Việc đảm bảo tính mục đích đòi hỏi nội dung giáo dục ĐĐNN phải gắn chặt với yêu cầu thực tiễn công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng CAND; bảo đảm sự thống nhất giữa giáo dục nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, thái độ và rèn luyện hành vi ĐĐNN cho HV. Qua đó, giúp HV chuyển hóa các chuẩn mực ĐĐNN thành nhu cầu tự giác tu dưỡng, rèn luyện và động cơ hành động bền vững trong học tập, sinh hoạt và thực tiễn công tác.

iii. Đảm bảo phối hợp các lực lượng trong giáo dục

Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, cơ quan chức năng các cấp.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, Ban Giám hiệu với tư cách là thủ trưởng các trường đại học chỉ đạo, điều hành hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV các

trường đại học CAND có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Đề hoạt động giáo dục đảm bảo tính thống nhất, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đạt hiệu quả cao phải có sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc của thủ trưởng, sự điều hành của Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, Ban lãnh đạo khoa các trường học viện, đại học. Đồng thời phải có sự vào cuộc của tất cả các tổ chức trong nhà trường, khoa, phòng ban, trung tâm và GV, CB, nhân viên nhà trường nhằm thực hiện giáo dục HV ở mọi nơi, mọi chỗ.

iv. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục gắn với thực tiễn nghề nghiệp

Nguyên tắc đảm bảo giáo dục gắn với thực tiễn nghề nghiệp trong giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND là yêu cầu bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ giữa lý luận ĐĐNN với hoạt động thực tiễn công tác, chiến đấu của lực lượng CAND. Việc giáo dục ĐĐNN không chỉ dừng lại ở truyền thụ hệ thống chuẩn mực, quy tắc và giá trị đạo đức, mà phải đặt trong bối cảnh cụ thể của hoạt động nghề nghiệp, giúp HV nhận thức đầy đủ ý nghĩa, yêu cầu và trách nhiệm đạo đức của người CB CAND trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục ĐĐNN phải gắn với các tình huống nghề nghiệp điển hình, hoạt động thực tế, thực tập, rèn luyện kỷ luật và trải nghiệm nghề nghiệp tại đơn vị cơ sở. Thông qua đó, HV từng bước hình thành khả năng vận dụng các chuẩn mực ĐĐNN vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, chuyển hóa nhận thức đạo đức thành thái độ, hành vi và phong cách ứng xử đúng đắn của người CB CAND, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

v. Nguyên tắc đảm bảo “kết hợp giữa xây và chống”

Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND phải phát triển chuẩn mực đạo đức cách mạng kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, xây dựng phát triển những thang giá trị ĐĐNN gắn với đấu tranh không khoan nhượng với những hành vi phi đạo đức, tiêu cực, lạc hậu và suy thoái về đạo đức, lối sống.

Muốn củng cố và phát triển những giá trị ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND, GV, nhà trường phải tăng cường bồi dưỡng, khơi dậy khát vọng, ý thức tự giác trau dồi, rèn luyện những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới của mỗi HV ngay từ khi ngồi trên ghế giảng đường, biết kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, chất lọc những nhân tố hợp lý của những giá trị đạo đức

mới của nhân loại, trên nền tảng đạo đức, văn hóa truyền thống lực lượng CAND và tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng; đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh với những hành vi phi đạo đức, những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, thủ cựu trong thực tiễn giảng dạy. Bác Hồ đã chỉ rõ: *“Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi...”* [44, tr.672].

vi. Nguyên tắc đảm bảo thống nhất giữa hoạt động giáo dục của giảng viên, nhà trường với hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của học viên

Đây là nguyên tắc tạo môi trường lành mạnh, nhất trí cao. Vì mục đích giáo dục ĐĐNN là rèn luyện, bồi dưỡng HV trở thành một nhân cách phát triển toàn diện, thể hiện trong việc thống nhất mục đích giáo dục ĐĐNN.

Đảm bảo thống nhất giữa hoạt động giáo dục của giảng viên, nhà trường với hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của HV là yêu cầu bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa tác động giáo dục có mục đích, có tổ chức của nhà trường với vai trò chủ thể tích cực, tự giác của HV nhằm phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện về ĐĐNN của người CB CAND cho HV ngay từ khi bước vào học tập và rèn luyện ở trường đại học CAND. Giáo dục ĐĐNN chỉ thực sự đạt hiệu quả khi HV không chỉ tiếp nhận các chuẩn mực đạo đức từ GV và môi trường sư phạm, mà còn chủ động biến những chuẩn mực đó thành nhu cầu tự thân trong quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện và tu dưỡng đạo đức.

Việc thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi nhà trường, GV phải định hướng, hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi để HV xây dựng động cơ học tập đúng đắn, kế hoạch tự rèn luyện phù hợp với yêu cầu ĐĐNN của lực lượng CAND. Thông qua sự thống nhất giữa giáo dục bên ngoài và tự giáo dục bên trong, giữa yêu cầu kỷ luật nghiêm minh của Ngành và ý thức tự giác, HV từng bước hình thành phẩm chất ĐĐNN vững chắc, phong cách ứng xử chuẩn mực và bản lĩnh của người CB CAND trong bối cảnh 4.0.

1.4.2. Mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

Mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND là nhằm trang bị cho HV những tri thức, thái độ và kỹ năng cần thiết về đạo đức xã hội, đạo

đức truyền thống của dân tộc và đạo đức của ngành CAND giúp cho HV trở thành người chiến sĩ CAND vừa hồng, vừa chuyên.

Mục tiêu giáo dục đạo đức cho HV ở các trường đại học CAND bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

Về hình thành, phát triển tri thức ĐĐNN cho HV:

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND hướng tới phát triển ở HV các tri thức hiểu biết về chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND: Trung với Đảng, hiếu với dân, yêu nước, hết lòng phục vụ nhân dân, cần kiệm, liêm, chính, trung thực, dũng cảm, mưu trí dũng cảm, kỷ luật vv..., HV hiểu được vai trò của việc tập luyện rèn luyện và tu dưỡng các phẩm chất ĐĐNN đối với người chiến sĩ CAND và các phương pháp, con đường tập luyện, rèn luyện các phẩm chất này từ đó có thái độ đúng mực đối với việc học tập, rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN trong học tập, tu dưỡng, chấp hành kỷ luật của nhà trường và tự giác tích cực các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, có thái độ hành vi ứng xử đúng mực trong mọi mối quan hệ để phát triển các phẩm chất ĐĐNN.

Về hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV:

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND hướng tới hình thành, phát triển ở HV các thái độ, niềm tin và tình cảm tích cực về các chuẩn mực ĐĐNN trong các mối quan hệ: HV yêu nghề lựa chọn, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, yêu thương nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Đảng, nhà nước và nhân dân trong mọi hoàn cảnh khó khăn; Cần, kiệm, liêm chính, thái độ đúng mực với nhân dân; Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Về hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN cho HV:

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND hướng tới hình thành, phát triển ở HV các kỹ năng hành vi phù hợp với các chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong mọi mối quan hệ với tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, với công việc, với kẻ thù và với chính bản thân, các kỹ năng, hành vi hình thành phải thể hiện được các phẩm chất ĐĐNN sau đây của người chiến sĩ CAND: Trung thành; dũng cảm; kiên quyết; khôn khéo; mưu trí; trung thực; kỷ luật; tự giác, ý chí vượt khó, cần cù, lễ phép, khiêm tốn, nhân ái, tự học để hoàn thiện bản thân vv... nhiều hành vi khác mang tính đặc thù trong lao động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND.

Việc thực hiện các mục tiêu trên được đan xen vào nhau, không có tính tách bạch rõ ràng bởi trong quá trình phát triển, hình thành tri thức về các chuẩn mực ĐĐNN cho HV đồng thời cũng giáo dục để hình thành, phát triển thái độ, niềm tin và hành vi thói quen trong quá trình học tập, rèn luyện của HV. Vì vậy GV, cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm cần tiến hành triển khai các hoạt động giáo dục mang tính hệ thống, tính đồng bộ để mang lại hiệu quả thiết thực.

1.4.3. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân

Trong bức thư gửi cho Giám đốc Công an khu 12 năm 1948, Bác Hồ đã căn dặn lực lượng CAND phải rèn luyện tư cách đạo đức người công an cách mạng. Các điều dạy của Người đã thể hiện những yêu cầu cần có của người công an cách mạng cả về đức và tài, về nhân sinh quan và triết lý về bản lĩnh chính trị cũng như lối sống văn hóa. Các điều dạy đó đã hội đủ những phẩm chất ĐĐNN cần có của người cán bộ cách mạng nói chung và người cán bộ Công an nói riêng. Bởi vậy, giáo dục ĐĐNN cho HV viên các trường đại học CAND cần tập trung vào giáo dục các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của hoạt động nghề nghiệp CAND như lời Bác Hồ đã dạy đối với lực lượng CAND, đó là: *“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính; Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ; Đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành; Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép; Đối với công việc, phải tận tụy; Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”* [46].

Nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND là hệ thống các giá trị, chuẩn mực ĐĐNN mà người GV cần phải giáo dục cho HV. Nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND được quy định trong Quyết định số 50/2007/QĐ- BGĐĐT về quy định Công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho HV, HV trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và Thông tư 50/2009/TT- BCA(X11), của Bộ Công an quy định về “công tác quản lý, giáo dục HV các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp CAND” [5]. Từ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Công an có thể khái quát các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV CAND bao gồm:

Thứ nhất, giáo dục lòng yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân cho HV, nội dung giáo dục cần quan tâm và thực hiện các nội dung giáo dục sau:

Giáo dục cho HV lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, bảo vệ Đảng, nhà nước và nhân dân trong mọi hoàn cảnh khó khăn;

Giáo dục cho HV sự tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc;

Giáo dục cho HV có tình yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam, từ đó phát triển ở HV tinh thần và thái độ cũng như hành vi tích cực xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, bảo vệ nhân dân.

Thứ hai, giáo dục ý thức tự giác, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho HV, nội dung cần tập trung vào các nội dung sau:

Giáo dục cho HV tính tự giác trong thực hiện các nhiệm vụ được giao: Nhiệm vụ học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, hoạt động bảo vệ chính trị nội bộ và phát triển nhà trường vv...

Giáo dục cho HV đức tính cần cù, chịu khó trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao: cần cù, chịu khó trong học tập, rèn luyện các phẩm chất nhân cách của người chiến sĩ CAND. Giáo dục HV “tích cực học tập, rèn luyện với tinh thần sáng tạo, có chất lượng hiệu quả cao; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, bệnh lười biếng và tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong học tập, rèn luyện, công tác” [45, tr147].

Giáo dục HV thường xuyên rèn luyện phẩm chất thanh liêm, chính trực trong đời sống, công việc, luôn ưu tiên đặt lợi ích của Tổ quốc, lợi ích của nhân dân, của tập thể lên trên lợi ích cá nhân để hành động và giải quyết công việc.

Thứ ba, giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an cho HV:

Giáo dục đức tính trung thực, tính kỷ luật, tính bảo mật trong công việc, nhiệm vụ được giao cho HV: Trung thực trong học tập, rèn luyện, ý thức tổ chức kỷ luật, bảo mật của ngành, của nhà trường, của cá nhân.

Giáo dục HV tính gương mẫu, tính chuẩn mực về đạo đức, kỹ năng, hành vi của bản thân trong mọi mối quan hệ: Giáo dục HV tính gương mẫu trong học tập, rèn luyện, giao tiếp ứng xử, trong thực hiện các nhiệm vụ được giao vv...

Thứ tư, Giáo dục lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp:

Giáo dục HV về lòng yêu nghề, tự hào nghề nghiệp, gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao: Tôn trọng và bảo vệ các giá trị nghề nghiệp, luôn tự hào mình được đứng trong lĩnh vực nghề nghiệp, trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh.

Giáo dục nghĩa vụ đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, đó là gần dân, bảo vệ dân, trách nhiệm chiến đấu bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Đảng trong mọi tình huống; luôn giữ phẩm chất của người chiến sĩ CAND trong sạch.

Giáo dục phẩm chất kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Giáo dục tinh thần đoàn kết, hợp tác trong công việc và sinh hoạt cho HV.

Thứ năm, giáo dục lối sống trong sáng, giản dị, lành mạnh và ý thức phục vụ nhân dân cho HV cần quan tâm tới các nội dung giáo dục sau đây:

Giáo dục HV đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm trong mọi mối quan hệ;

Giáo dục HV tình yêu thương nhân dân, tận tình giúp đỡ nhân dân, phục vụ nhân dân;

Giáo dục HV đức tính kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân.

Thứ sáu, Giáo dục ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ: Chịu trách nhiệm trước cấp trên, cơ quan pháp lý về thực hiện mệnh lệnh được giao.

Thứ bảy, Giáo dục HV về ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ và công nghệ số, hoàn thiện các phẩm chất chính trị và phẩm chất ĐĐNN.

1.4.4. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân

Con đường giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND rất phong phú và đa dạng, không chỉ trong các giờ giảng trên lớp mà còn thông qua các hoạt động thực tiễn của cá nhân và tập thể HV ở ngoài giờ trên lớp và ở ngoài xã hội như: sinh hoạt tập thể, hoạt động thực tế xã hội, thể thao, văn nghệ, tham quan thực tế... Hiện nay có nhiều con đường giáo dục đạo đức cho HV ở các trường đại học CAND được sử dụng, tuy nhiên chủ yếu thông qua các cách thức sau:

i. Giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học các môn học

Mục tiêu của giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học là thông qua tổ chức học tập các học phần giúp HV hình thành tri thức, thái độ, niềm tin, hành vi phù hợp với các chuẩn mực ĐĐNN được đề cập trong nội dung học phần.

Nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học là GV căn cứ vào nội dung chương trình dạy học môn học lựa chọn các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học để tiến hành tích hợp giáo dục theo các hình thức khác nhau: Tích hợp hoàn toàn nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học, bài học; Tích hợp từng phần giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học, bài học; Rút ra những kết luận về giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua dạy học môn học, bài học.

Các môn học có thể tiến hành giáo dục đạo đức cho HV thông qua các môn học như: các môn Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn, các môn học Pháp luật, Tâm lý học, nghiệp vụ cơ bản, nghiệp vụ chuyên ngành nhằm giúp HV có nhận thức đúng đắn về một số giá trị đạo đức, quyền và nghĩa vụ của người cán bộ, chiến sĩ CAND trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và hoạt động nghề nghiệp.

Trong các trường CAND, các môn học như: Tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức học, lịch sử truyền thống của lực lượng CAND, Tâm lý, kỹ năng giao tiếp... có nội dung liên quan trực tiếp đến mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN của người HV CAND. Bên cạnh đó, các môn học khác cũng thuộc miền liên quan, vì vậy GV cần lồng ghép, tích hợp giáo dục ĐĐNN cho HV với nội dung của các môn học, bài học.

ii. Giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học và thực hiện nội quy kỷ túc xá

Huấn luyện đầu khóa và việc thực hiện nghiêm túc nội quy kỷ túc xá là một trong những con đường cơ bản, trực tiếp và có hiệu quả cao trong giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND. Thông qua con đường này, HV từng bước được định hướng, rèn luyện và chuyển hóa từ vai trò người học sang người chiến sĩ CAND, hình thành những nền tảng đạo đức và tác phong nghề nghiệp ban đầu.

Mục tiêu của con đường giáo dục này là hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất ĐĐNN mang tính chính trị, tính pháp lệnh và tính kỷ luật cao, giúp HV học tập, sinh hoạt và rèn luyện theo điều lệnh, quy định của ngành CAND một cách tự giác, chuẩn mực và thống nhất. Qua đó, HV dần hình thành ý thức chấp hành kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và tác phong chính quy của người chiến sĩ CAND.

Các nội dung huấn luyện đầu khóa góp phần giáo dục những chuẩn mực ĐĐNN cốt lõi của người chiến sĩ CAND, đặc biệt là ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần phục tùng mệnh lệnh và tác phong giao tiếp theo điều lệnh. Song song với đó, việc thực hiện nội quy kỷ túc xá tạo môi trường giáo dục thường xuyên, liên tục, giúp HV

rèn luyện nếp sống, nếp sinh hoạt chính quy, từng bước hình thành lối sống kỷ luật, lành mạnh, phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN và văn hóa của lực lượng CAND.

Thông qua sự kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện đầu khóa và quản lý, giáo dục HV trong môi trường kỷ túc xá, con đường giáo dục này góp phần quan trọng vào việc chuyển hóa các chuẩn mực ĐĐNN thành hành vi, thói quen và phong cách sống của HV, tạo nền tảng cho quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp trong các giai đoạn tiếp theo.

iii. Giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể

Mục tiêu của con đường này là hình thành và phát triển ở HV các kiến thức, kỹ năng về Đảng, Nhà nước, Pháp luật về giá trị nghề nghiệp; các phẩm chất ĐĐNN như yêu nước, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân; đoàn kết, nhân ái, tôn trọng kỷ luật tập thể;

Nội dung hoạt động sinh hoạt tập thể cần tập trung vào các nội dung: Nguyên tắc hoạt động nghề nghiệp của ngành CAND, những phẩm chất ĐĐNN của ngành, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp; động cơ, thái độ nghề nghiệp; tư thế tác phong nghề nghiệp; lòng yêu nghề, lòng nhân ái, ý thức kỷ luật trong công việc vv...

Các hình thức sinh hoạt tập thể có thể triển khai: Các học tập chính trị, hoạt động đoàn thể xã hội, hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; hoạt động từ thiện nhân đạo; Sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt Đảng; học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Ngành; báo cáo, nói chuyện chuyên đề về đạo đức, lối sống; hội thi nghiệp vụ CAND; tọa đàm, hội thảo khoa học...

iv. Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND thông qua hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp

Thực hành, luyện tập tại thao trường trước những tình huống mang tính giả định là môi trường để tập luyện, rèn luyện các phẩm chất đạo đức cho HV, giúp HV trải nghiệm nghề nghiệp thông qua môi trường mang tính giả định, qua đó hình thành và củng cố các phẩm chất ĐĐNN đã được hình thành, phát triển các kỹ năng ứng phó trước những tình huống nguy hiểm.

Thực tế chuyên môn thuộc môn học, thực tập và nghiên cứu thực tế tại các đơn vị cơ sở, qua môi trường này giúp HV có cơ hội trải nghiệm kiến thức, thái độ và kỹ năng đã được hình thành thông qua các giờ lên lớp và tập luyện tại thao trường để xử lý các mối quan hệ trong thực hành nghiệp vụ của người CB CAND. Qua đó củng cố thêm tri thức, thái độ, niềm tin và tình cảm, rèn luyện kỹ năng hành vi đạo đức cho HV.

v. Giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua sự giáo dục của gia đình và xã hội

Mục tiêu của con đường này nhằm xã hội hóa giáo dục và khai thác tối ưu mọi nguồn lực trong và ngoài nhà trường để giáo dục HV một cách hiệu quả, tạo ra môi trường giáo dục thống nhất, đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục ĐĐNN cho HV ngành CAND.

Các trường CAND luôn xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương nơi trường đóng quân để giáo dục ĐĐNN cho HV nhằm tăng cường tính trải nghiệm nghề nghiệp. Đây là một nội dung quan trọng nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn, thực hành, gắn đào tạo với sử dụng trong giáo dục HV. Học viên các trường CAND đã có sự trưởng thành về mọi mặt, tham gia các mối quan hệ xã hội với tư cách là công dân đã trưởng thành, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi của mình. Vì vậy, ngoài việc chấp hành quy chế quản lý giáo dục của Nhà trường và Bộ Công an, HV được tham gia các hoạt động ngoài trường, đó là lúc HV tiếp xúc với cả những mặt trái, các tệ nạn xã hội. Vì vậy, sự phối hợp thống nhất giữa Nhà trường, gia đình và xã hội là con đường, cách thức quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức cho HV.

vi. Giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV

Tự giáo dục, tự rèn luyện là một con đường hiệu quả để hình thành phẩm chất ĐĐNN cho HV, đặc biệt là trong các nhà trường CAND. Việc này đòi hỏi HV phải chủ động, tích cực xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động tự rèn luyện, đồng thời kết hợp với sự hướng dẫn, định hướng của GV, giáo viên chủ nhiệm và cán bộ quản lý. Cụ thể, việc giáo dục ĐĐNN thông qua tự giáo dục, tự rèn luyện của HV được tiến hành như sau: Xây dựng kế hoạch tự rèn luyện; Thực hiện các hoạt động tự rèn luyện; Kết hợp với sự hướng dẫn, định hướng của GV, giáo viên chủ nhiệm và cán bộ quản lý:

Việc giáo dục ĐĐNN thông qua tự giáo dục, tự rèn luyện đòi hỏi sự nỗ lực, kiên trì, quyết tâm cao của mỗi HV, sự quan tâm, định hướng của nhà trường và sự phối hợp, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân liên quan. Chỉ khi đó, việc giáo dục ĐĐNN mới thực sự đạt hiệu quả, góp phần đào tạo người HV CAND có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Quá trình giáo dục ĐĐNN diễn ra thường xuyên, liên tục, trong suốt thời gian đào tạo; tuân theo logic của quá trình giáo dục, từ tác động, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, niềm tin và từng bước rèn luyện thói quen, hành vi đạo đức của chủ thể giáo dục cho người học. Mỗi giai đoạn được xem như là mục tiêu

mà HV phải vươn lên chiếm lĩnh và chuyển hóa thành những phẩm chất riêng phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN. Trong thực tế, các giai đoạn đó diễn ra hết sức sinh động; giữa chúng vừa có khoảng cách, vừa quan hệ biện chứng với nhau và đan xen vào nhau. Đòi hỏi quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV vừa phải tuân theo logic các giai đoạn, vừa phải linh hoạt sáng tạo vận dụng trong từng điều kiện cụ thể.

1.4.5. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

Phương pháp giáo dục đạo đức cho HV là cách thức tác động của CB, GV nhà trường tới quá trình học tập, rèn luyện của HV nhằm biến yêu cầu về chuẩn mực ĐĐNN thành nhu cầu thực hiện ở mỗi HV thông qua phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện của HV. Các phương pháp giáo dục gồm:

a. Nhóm các phương pháp giáo dục hình thành ý thức cá nhân

(1) Phương pháp giải thích, minh họa: GV, CB nhà trường dùng lời nói giải thích, minh họa về các chuẩn mực ĐĐNN CAND, ý nghĩa của việc thực hiện các chuẩn mực đó và những yêu cầu của nghề nghiệp đối với HV cần rèn luyện về các phẩm chất đạo đức.

(2) Phương pháp thuyết trình, giảng giải: GV, CB nhà trường dùng phương pháp thuyết trình, giảng giải để thuyết phục, hướng dẫn, động viên HV thực hiện các chuẩn mực đạo đức, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp đặt ra

(3) Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề: GV, CB nhà trường tạo ra tình huống có vấn đề trong học tập, rèn luyện đạo đức đòi hỏi HV nhận thức về vấn đề và giải quyết vấn đề qua đó hình thành phát triển nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN.

(4) Phương pháp đàm thoại hoặc tổ chức diễn đàn: GV, CB nhà trường tổ chức đàm thoại và các diễn đàn chuyên đề, HV được làm rõ nhận thức, củng cố niềm tin và thái độ đúng đắn đối với các chuẩn mực ĐĐNN, góp phần phát triển tư duy phản biện, khả năng tự đánh giá và tự điều chỉnh hành vi. Đồng thời, việc tổ chức diễn đàn còn tăng cường sự gắn kết tập thể, phát huy tinh thần trách nhiệm và ý thức phát triển nghề nghiệp.

b. Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động hình thành hành vi

(5) Phương pháp dự án giáo dục: GV, CB nhà trường tạo điều kiện để HV học tập thông qua trải nghiệm và giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn. Thông qua việc

tham gia xây dựng và thực hiện các dự án gắn với yêu cầu nghề nghiệp Công an, HV được rèn luyện tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và khả năng làm việc tập thể. Qua đó vận dụng các chuẩn mực ĐĐNN vào hành động cụ thể, nâng cao năng lực tự đánh giá và tự điều chỉnh hành vi.

(6) Phương pháp giao việc: GV, CB nhà trường thông qua việc tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào phong phú, đa dạng để lôi cuốn HV tham gia như: hoạt động tình nguyện, thiện nguyện, hoạt động thực hành chính trị - xã hội, dân vận... Từ đó hướng dẫn hoạt động, rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN, hình thành hành vi, thói quen ở HV.

(7) Phương pháp tập luyện tại thao trường: GV, CB chiến sĩ CAND thông qua huấn luyện điều lệnh, chiến thuật, võ thuật và xử lý tình huống rèn luyện cho HV tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và ý chí vượt khó. Môi trường thao trường góp phần hình thành tác phong chính quy, chuẩn mực hành vi và thói quen chấp hành mệnh lệnh. Qua đó, ĐĐNN được chuyển hóa thành hành vi cụ thể, bền vững.

(8) Phương pháp rèn luyện kỹ năng, hành vi: GV, CB chiến sĩ CAND cho HV luyện tập thường xuyên các kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống nghiệp vụ và chấp hành kỷ luật, từ đó hình thành thói quen, hành vi phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp. Quá trình rèn luyện giúp nâng cao tính tự giác, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự kiểm soát hành vi.

(9) Phương pháp xử lý tình huống: GV, CB nhà trường tạo ra những tình huống trong các mối quan hệ với bản thân người khác và kẻ thù, đòi hỏi HV sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để xử lý tình huống trong các mối quan hệ với Tổ quốc, với Đảng, Nhân dân, với kẻ địch, với đồng nghiệp và với chính bản thân, qua đó rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN.

(10) Phương pháp nghiên cứu trường hợp: GV, CB nhà trường lựa chọn những trường hợp điển hình trong mối quan hệ của cán bộ, chiến sĩ CAND với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước, Nhân dân, đồng nghiệp, với công việc, kẻ địch và với chính bản thân mình để giáo dục HV.

c. Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi

(11) Phương pháp thi đua: Thông qua các phong trào thi đua học tập, rèn luyện và chấp hành kỷ luật, HV được khuyến khích thể hiện hành vi đúng chuẩn

mục ĐĐNN. Thi đua góp phần hình thành ý thức trách nhiệm, tinh thần vượt khó và thái độ tích cực trong thực hiện nhiệm vụ.

(12) Phương pháp khen thưởng: GV, CB nhà trường thông qua việc ghi nhận, biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập, rèn luyện và chấp hành kỷ luật, HV được củng cố niềm tin, ý thức trách nhiệm và lòng tự hào nghề nghiệp. Khen thưởng góp phần định hướng giá trị, lan tỏa các chuẩn mực ĐĐNN trong môi trường giáo dục.

(13) Phương pháp trách phạt: GV, giáo viên chủ nhiệm sử dụng để uốn nắn, ngăn ngừa và khắc phục những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, kỷ luật. Việc áp dụng trách phạt phải được thực hiện đúng nguyên tắc, công khai, công bằng, nghiêm minh và mang tính giáo dục, giúp HV nhận thức rõ sai phạm và tự giác sửa chữa. Thông qua trách phạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ tôn trọng quy định của Ngành được củng cố.

(14) Phương pháp nêu gương: GV, CB nhà trường và các điển hình tiên tiến gương mẫu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và tác phong công tác tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, định hướng hành vi và thái độ ĐĐNN cho HV. Thông qua nêu gương, các chuẩn mực ĐĐNN được cụ thể hóa, trở nên sinh động, dễ tiếp nhận và dễ thực hiện.

Học viên các trường CAND theo quy định của Bộ Công an về công tác quản lý, giáo dục HV, ngoài việc tham gia hoạt động học tập trên lớp, HV được quản lý giáo dục, rèn luyện dưới sự chỉ đạo dẫn dắt của giáo viên chủ nhiệm, phòng quản lý học viên. Giáo viên chủ nhiệm hằng ngày trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nhắc nhở việc chấp hành quy chế học tập, quy chế rèn luyện của HV; đề xuất các biện pháp khen thưởng, xử lý kỷ luật và theo dõi quá trình sửa chữa khuyết điểm của HV. Do vậy, đây là phương pháp cơ bản để định hướng, giáo dục đạo đức cho HV.

Phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV rất đa dạng, mỗi phương pháp giáo dục có những thế mạnh và hạn chế khác nhau, việc vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục sẽ giúp GV, CB chiến sĩ CAND phát huy được thế mạnh của các phương pháp giáo dục và hạn chế được những tồn tại của từng phương pháp giáo dục nâng cao hiệu quả giáo dục học viên.

1.4.6. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

Giáo dục ĐĐNN cho HV được diễn ra trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa lực lượng giáo dục (chủ thể - nhà giáo dục) với đối tượng giáo dục (HV). Mục đích giáo dục ĐĐNN cho HV CAND là rèn luyện, bồi dưỡng HV trở thành một nhân cách phát triển toàn diện. Khi tham gia vào hoạt động nghề nghiệp thì bản thân HV chịu sự tác động của những yêu cầu xã hội. Do đó, việc giáo dục ĐĐNN cho HV không chỉ bó hẹp trong trách nhiệm của các trường đại học CAND, mà nó còn cần đến sự phối kết hợp của các lực lượng, các tổ chức khác trong xã hội. Sự kết hợp giữa các lực lượng giáo dục thể hiện trong việc thống nhất mục đích giáo dục ĐĐNN. Vì vậy, các lực lượng giáo dục bao gồm:

i. Bộ Công an

Bộ Công an là lực lượng giáo dục giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý tập trung công tác giáo dục, đào tạo trong CAND, trong đó có giáo dục ĐĐNN cho HV các học viện, trường CAND. Bộ Công an có trách nhiệm định hướng chiến lược, xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục ĐĐNN, đồng thời phát huy vai trò chủ động của các học viện, trường CAND trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

Bộ Công an ban hành các quy định, tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, hướng dẫn nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và lồng ghép giáo dục ĐĐNN trong các học phần, hoạt động giáo dục; chỉ đạo, quản lý trực tiếp các học viện, trường CAND, bảo đảm thống nhất mục tiêu, nội dung và chất lượng giáo dục ĐĐNN trong toàn lực lượng. Bộ Công an đồng thời chỉ đạo biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, tổ chức đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo, định hướng và quy hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có phẩm chất ĐĐNN đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Trong quá trình đó, Cục Đào tạo (X02) giữ vai trò cơ quan tham mưu nòng cốt, giúp Bộ Công an xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định về giáo dục ĐĐNN cho HV; trực tiếp chỉ đạo chuyên môn, kiểm tra, giám sát việc triển khai nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục ĐĐNN tại các học viện, trường CAND; phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài ngành để bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả của công tác giáo dục ĐĐNN; Cục Công tác đảng và công tác chính trị chủ trì giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và lòng trung thành của HV đối với Đảng, Nhà nước và

Nhân dân; Cục Tổ chức cán bộ tham gia định hướng tiêu chuẩn phẩm chất đạo đức gắn với công tác quản lý, đánh giá và sử dụng cán bộ; các cơ quan pháp chế, thanh tra và các đơn vị nghiệp vụ phối hợp thông qua hoàn thiện hệ thống điều lệnh, kỷ luật, kiểm tra, giám sát và tổ chức huấn luyện, thực tế nghề nghiệp. Sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan trong Bộ Công an tạo nền tảng quan trọng bảo đảm chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV, góp phần hình thành nhân cách, phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Nhà trường:

Môi trường giáo dục - đào tạo của các trường CAND có sự khác biệt cơ bản so với các cơ sở giáo dục khác, thể hiện ở việc nhà trường vừa là cơ sở giáo dục, vừa là đơn vị vũ trang. Hoạt động giáo dục - đào tạo được tổ chức trên cơ sở các quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống điều lệnh, kỷ luật và các quy định đặc thù của lực lượng CAND. Trong môi trường này, thông qua các hoạt động giáo dục có mục đích, có kế hoạch và được tổ chức chặt chẽ, học viên từng bước được hình thành và phát triển hệ thống tri thức, thái độ, tình cảm và hành vi ĐĐNN tích cực. Các mối quan hệ thầy - trò, đồng chí - đồng đội, cấp trên - cấp dưới được thực hiện theo điều lệnh CAND, bảo đảm tính kỷ cương, thống nhất, đồng thời tuân thủ nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.

Chủ thể giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND bao gồm Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng; giáo viên chủ nhiệm; GV giảng dạy; Phòng Quản lý học viên; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Chính trị; Đoàn Thanh niên; Hội Sinh viên; tập thể lớp; Ban chỉ huy lớp học và các đơn vị chức năng khác trong nhà trường. Đây là lực lượng nòng cốt, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức và triển khai các hoạt động sư phạm, quản lý, rèn luyện có hệ thống, đa dạng và phong phú, góp phần giáo dục, uốn nắn và hình thành các phẩm chất ĐĐNN, nhân cách và bản lĩnh chính trị cho HV.

Trong các lực lượng giáo dục thì nhà trường giữ vai trò trung tâm, chủ đạo và mang tính quyết định trong công tác giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường CAND. Thông qua việc xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, quản lý, rèn luyện theo điều lệnh, kỷ luật; kiểm tra, đánh giá và xử lý kịp thời các biểu hiện lệch chuẩn, nhà trường định hướng và điều khiển toàn bộ quá trình hình thành, phát triển ĐĐNN của HV. Giáo viên chủ nhiệm và GV giảng dạy là lực lượng trực tiếp, giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục,

nêu gương, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá sự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của HV trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

Bên cạnh đó, nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với gia đình, các tổ chức chính trị – xã hội và chính quyền địa phương nhằm tạo môi trường giáo dục thống nhất, đồng bộ. Trong mối quan hệ phối hợp này, nhà trường giữ vai trò điều phối, định hướng và dẫn dắt; các lực lượng khác giữ vai trò phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện. Sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục góp phần rèn luyện cho HV bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, tác phong và lễ lối làm việc chính quy của người cán bộ, chiến sĩ CAND, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong học tập, cuộc sống và công tác sau này.

iii. Gia đình và các tổ chức xã hội

Gia đình là một lực lượng giáo dục và chủ thể giáo dục quan trọng, đồng thời là môi trường giáo dục đầu tiên và có ảnh hưởng lâu dài, suốt đời đối với mỗi chiến sĩ CAND. Quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐNN của học viên có mối quan hệ chặt chẽ với truyền thống, mô hình giáo dục và bầu không khí tâm lý của gia đình. Gia đình có vai trò đặc biệt trong việc định hướng giá trị, hình thành động cơ, lý tưởng và ý thức tu dưỡng ĐĐNN của HV.

Ảnh hưởng của gia đình đối với ĐĐNN của HV thể hiện chủ yếu trên hai phương diện: truyền thống giáo dục nghề nghiệp của gia đình và điều kiện, hoàn cảnh, sự quan tâm, động viên, giáo dục của các thành viên trong gia đình. Những gia đình có truyền thống cách mạng, có người thân tham gia lực lượng vũ trang hoặc lực lượng CAND thường tạo điều kiện để HV sớm hình thành nhận thức, niềm tin và lý tưởng nghề nghiệp, qua đó thúc đẩy sự tích cực, tự giác, chủ động trong học tập, rèn luyện nhằm tiếp nối và phát huy truyền thống gia đình, đáp ứng kỳ vọng của người thân và xã hội.

Bên cạnh đó, bầu không khí gia đình thân thiện, giàu tình yêu thương, phương pháp giáo dục dân chủ, gương mẫu của cha mẹ và người thân có tác động tích cực đến việc hình thành tình cảm đạo đức, lối sống, quan điểm chính trị và kỹ năng ứng xử của học viên. Các giá trị như yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm và chia sẻ trong gia đình là nền tảng quan trọng để học viên phát triển nhân cách, ý thức kỷ luật và ĐĐNN trong môi trường học tập, rèn luyện của các trường CAND.

Ngược lại, những gia đình ít quan tâm đến giáo dục con cái, thiếu truyền thống đạo đức, phương pháp giáo dục không phù hợp hoặc cha mẹ chưa gương mẫu

có thể gây khó khăn cho học viên trong quá trình nhận thức, lĩnh hội và thực hành các giá trị ĐĐNN. Trong trường hợp này, sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường có ý nghĩa quan trọng nhằm bổ sung, khắc phục hạn chế, góp phần hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển nhân cách HV.

Bên cạnh gia đình và nhà trường, môi trường xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trên địa bàn nơi nhà trường đóng quân đóng vai trò là môi trường giáo dục thực tiễn quan trọng. Thông qua sự phối hợp của các tổ chức như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức quần chúng và lực lượng Công an địa phương, học viên được tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện, phong trào thi đua, qua đó vận dụng những giá trị đạo đức đã học vào thực tiễn, củng cố niềm tin, lý tưởng và trách nhiệm nghề nghiệp. Sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội góp phần tạo nên môi trường giáo dục toàn diện, thống nhất, hiệu quả trong giáo dục ĐĐNN cho HV CAND hiện nay.

iv. Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác

Vai trò của Công an các đơn vị, địa phương trong giáo dục ĐĐNN HV rất quan trọng, bao gồm việc phối hợp với nhà trường để nắm bắt tình hình, giải quyết các vấn đề phát sinh, và tạo môi trường giáo dục lành mạnh. Cụ thể: Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác cần thường xuyên trao đổi, phối hợp với các trường đại học CAND để nắm bắt tình hình HV, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức, lối sống của HV. Bên cạnh đó, Công an các đơn vị, địa phương có vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, tích cực để HV noi theo, tránh xa các tệ nạn xã hội; phối hợp với nhà trường để tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục về đạo đức, pháp luật, truyền thống tốt đẹp của ngành Công an, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của HV; Cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương cần làm gương sáng về đạo đức, lối sống, tác phong cho HV noi theo, đặc biệt là trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Công an các đơn vị, địa phương cần phối hợp với nhà trường để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật của HV, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương của ngành; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ trong CAND, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến HV, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

Tóm lại, các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND có vai trò phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, tạo thành một hệ thống giáo dục ĐĐNN toàn diện, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong CAND, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

1.4.7. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường đại học Công an nhân dân

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV có vai trò rất quan trọng, vừa giữ vai trò thúc đẩy quá trình giáo dục đạo đức, vừa có vai trò giúp các chủ thể giáo dục tìm ra được những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại để điều chỉnh nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục cho phù hợp. Hơn nữa việc kiểm tra, đánh giá giúp cho HV nhận ra được những ưu điểm và tồn tại của mình để rút kinh nghiệm và điều chỉnh quá trình tự giáo dục, cụ thể:

Nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV cần phải: Lồng ghép, tích hợp nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN trong đánh giá kết quả học tập; Lồng ghép nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN trong đánh giá kết quả tham quan, thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp; Lồng ghép nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV trong đánh giá kết quả chấp hành nội quy, quy chế và các hoạt động tập thể do trường tổ chức; Lồng ghép nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV trong đánh giá kết quả huấn luyện, tự giáo dục của HV tại trường vv...

Kết quả giáo dục ĐĐNN là sản phẩm của những tác động giáo dục theo từng giai đoạn và của cả quá trình giáo dục. Sản phẩm của giai đoạn này là tiền đề cho giai đoạn sau và chúng nối tiếp nhau để đạt mục đích tổng thể. Nó thể hiện qua phẩm chất đạo đức, kết quả rèn luyện của HV được đánh giá, xếp loại qua từng kỳ học, năm học và cả khóa học.

Các nội dung đánh giá cần quan tâm đánh giá các nội dung sau đây:

- Tình cảm yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân;
- Ý thức tự giác, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của HV;
- Ý thức chấp hành tổ chức kỷ luật ngành Công an của HV;
- Lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp của HV;

- Lối sống và ý thức phục vụ nhân dân của HV;
- Ý thức trách nhiệm của người chiến sĩ trong thực hiện nhiệm vụ;
- Ý thức phát triển nghề nghiệp;

Các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV được thực hiện đa dạng: Đánh giá được tiến hành bằng hình thức trắc nghiệm; Đánh giá thông qua tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học viên; Đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực hành chính trị - xã hội, thực tập; Đánh giá sản phẩm hoạt động của HV qua bài tập thực hành luyện tập, rèn luyện tại thao trường, xử lý tình huống vv...

Các lực lượng tham gia đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV gồm: Cán bộ, lãnh đạo nhà trường; GV, giáo viên chủ nhiệm; Cán bộ phục vụ của các phòng ban; Cán bộ cơ sở Công an nơi công tác, thực tế, thực tập...; Tự đánh giá của HV; Đánh giá đồng đẳng giữa các HV.

Khi thực hiện kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục ĐĐNN, chủ thể giáo dục phải phát huy vai trò của các lực lượng tham gia như: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc, Đoàn thanh niên, GV, giáo viên chủ nhiệm và các lực lượng xã hội tại cơ sở trường đóng quân, cũng như cơ sở thực hành, thực tế của HV... Qua các lực lượng này để nắm bắt các thông tin một cách khách quan, chính xác về quá trình rèn luyện, giáo dục đạo đức của mỗi cá nhân, từ đó đưa ra được những đánh giá công bằng, chính xác; tránh tình trạng đánh giá cách cảm tính, chủ quan, áp đặt.

Nhà trường cần thường xuyên đánh giá các hoạt động giáo dục, nhằm cung cấp thông tin cho công tác quản lý và tổ chức giáo dục. HV phải biết tự đánh giá mình để có phương hướng phấn đấu vươn lên.

Đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV là hoạt động cần có tiêu chí và thang đo chính xác. Các tiêu chí, thang đo phải được xác định rõ ràng dựa trên mục tiêu yêu cầu cần đạt, nội dung về giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay. Đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV phải gắn liền với đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động của HV ở trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay. Đánh giá thường xuyên, đánh giá sự tiến bộ của HV sẽ tạo nên những tác động mạnh mẽ đến quá trình tự giáo dục của HV và tập thể lớp.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân

1.5.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng Công an nhân dân

Quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an là yếu tố ảnh hưởng có tính định hướng chính trị - pháp lý đối với giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND. Việc Đảng và Nhà nước xác định lực lượng CAND là lực lượng vũ trang trọng yếu, nòng cốt trong bảo vệ Đảng, Nhà nước và Nhân dân đã tạo nền tảng tư tưởng, mục tiêu và yêu cầu đối với công tác đào tạo, giáo dục ĐĐNN trong các nhà trường CAND. Các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược về công tác Công an, đặc biệt là yêu cầu xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp HV về mọi mặt của Đảng, có tác động trực tiếp đến việc xác định chuẩn mực ĐĐNN, nội dung giáo dục và phương pháp rèn luyện HV.

Cùng với đó, hệ thống quy định, điều lệnh, kỷ luật và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN của HV. Các quy định về thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy CAND, về văn hóa ứng xử, kỷ luật, trách nhiệm nêu gương và quản lý giáo dục đã tạo cơ sở pháp lý - nghề nghiệp thống nhất, giúp HV hình thành thói quen tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong và phong cách công tác của người CB CAND. Thông qua việc chấp hành nghiêm các quy định này trong học tập, sinh hoạt và rèn luyện, HV từng bước hình thành và phát triển các giá trị ĐĐNN, bảo đảm sự thống nhất giữa yêu cầu chính trị, pháp lý của ngành với quá trình hình thành nhân cách nghề nghiệp.

1.5.2. Năng lực giáo dục của giảng viên, cán bộ quản lý

Năng lực giáo dục của đội ngũ GV, CB quản lý giữ vai trò đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND. Năng lực giáo dục của đội ngũ này thể hiện ở trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, phương pháp sư phạm và khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục ĐĐNN. Đây là lực lượng trực tiếp định hướng, dẫn dắt và tạo môi trường sư phạm có kỷ luật, kỷ cương, qua đó góp phần hình thành nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN cho HV.

Giảng viên, cán bộ quản lý tại các nhà trường CAND là những người hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ HV hoàn thiện năng lực và các phẩm chất ĐĐNN. Vì vậy sự quan tâm của GV, cán bộ quản lý và các năng lực giáo dục của GV sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND, đặc biệt là sự tâm huyết với nghề, sự gương mẫu và chuẩn mực của mỗi GV, cán bộ quản lý sẽ là những tấm gương sáng để HV học tập và làm theo về bài học đạo đức.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và sự tác động đa chiều của mặt trái kinh tế thị trường, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ GV, CB quản lý các trường đại học CAND ngày càng cao. Nếu đội ngũ này có năng lực giáo dục toàn diện, gương mẫu về đạo đức, linh hoạt trong phương pháp và gắn giáo dục với thực tiễn nghề nghiệp thì sẽ phát huy được vai trò nêu gương, sức thuyết phục và hiệu quả giáo dục ĐĐNN đối với HV. Ngược lại, hạn chế về năng lực, phương pháp hoặc tính nêu gương sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục, ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp của HV trong tình hình mới.

1.5.3. Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của học viên

Động cơ, ý thức tự học tập và rèn luyện của HV là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến hình thành và phát triển ĐĐNN của HV các trường đại học CAND. Theo quan điểm A.N. Leonchiev “Cái gì được phản ánh trong đầu óc con người thúc đẩy hoạt động và hướng hoạt động vào việc thoả mãn một nhu cầu nhất định thì gọi là động cơ của hoạt động ấy” [73, tr.26]. Động cơ được hình thành từ việc nhu cầu được thoả mãn hay không thoả mãn trong quá trình học tập và rèn luyện. Khi nhu cầu học tập, rèn luyện được thoả mãn sẽ trở thành động cơ thúc đẩy để cá nhân có những thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN mà mình đã lựa chọn. Ngược lại, nếu HV không có động cơ, ý thức tự học tập và rèn luyện thì sẽ khó hình thành nên những phẩm chất ĐĐNN tốt đẹp, phù hợp chuẩn mực ngành Công an.

Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của mỗi HV quyết định về sự phát triển của họ trong sự nghiệp học tập và lao động nghề nghiệp, bởi các yếu tố đó nó như là kim chỉ nam dẫn đường cho các hoạt động học tập, tu dưỡng vượt qua những khó khăn, rào cản để hoàn thiện phẩm chất và năng lực của người chiến sĩ CAND trong mỗi HV tại các trường đại học CAND.

1.5.4. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trong Công an nhân dân

Chương trình đào tạo, huấn luyện trong Công an nhân dân là yếu tố khách quan có ảnh hưởng trực tiếp và mang tính chi phối đến giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND trong bối cảnh hiện nay. Với tư cách là khuôn khổ chính thức định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp và môi trường đào tạo, chương trình huấn luyện không chỉ trang bị tri thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn truyền tải hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức và yêu cầu về phẩm chất của người CB CAND. Thông qua các học phần Lý luận chính trị, Pháp luật, nghiệp vụ, điều lệnh và rèn luyện kỷ luật, chương trình đào tạo góp phần hình thành ở HV ý thức chính trị vững vàng, tinh thần thượng tôn pháp luật, tác phong chính quy, kỷ luật, trách nhiệm và thái độ phục vụ Nhân dân. Mức độ tích hợp giáo dục ĐĐNN trong nội dung chương trình, đặc biệt là việc lồng ghép các chuẩn mực ĐĐNN, văn hóa ứng xử và các tình huống đạo đức trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ, có tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của HV. Đồng thời, đặc thù huấn luyện tập trung, kỷ luật nghiêm và gắn với thực hành, thực tế công tác tạo môi trường khách quan để HV rèn luyện, kiểm nghiệm và chuyển hóa các giá trị ĐĐNN thành hành vi tự giác.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và yêu cầu xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, nếu chương trình đào tạo chậm đổi mới, thiếu cập nhật các nội dung về ĐĐNN, đạo đức công vụ và đạo đức trong ứng dụng công nghệ, sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho HV. Vì vậy, chương trình đào tạo, huấn luyện vừa là cơ sở định hướng, vừa là điều kiện khách quan quan trọng tác động đến chất lượng giáo dục ĐĐNN ở các trường CAND hiện nay.

Nội dung chương trình đào tạo được tiếp cận theo hướng hình thành phát triển phẩm chất ĐĐNN và năng lực cho HV, tính kỷ luật, điều lệnh phải được tích hợp trong nội dung giáo dục, đào tạo HV. Các phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo, giảng dạy phải được tích hợp theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất ĐĐNN cho HV; tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức cũng phải góp phần hình thành phát triển các phẩm chất đạo đức cho HV.

Các phẩm chất ĐĐNN của ngành được thấm sâu trong các học phần giảng dạy huấn luyện, thực hành, thực tế sẽ góp phần hình thành các phẩm chất ĐĐNN cho HV một cách bền vững.

1.5.5. Môi trường giáo dục của các trường đại học Công an nhân dân

Môi trường giáo dục là điều kiện, đồng thời là phương tiện giúp HV hoàn thiện các phẩm chất ĐĐNN trong hoạt động học tập tại trường, môi trường giáo dục nhà trường gồm các yếu tố môi trường vật chất, môi trường xã hội và môi trường tâm lý. Các yếu tố trên tác động tới quá trình phát triển và hoàn thiện phẩm chất ĐĐNN của mỗi HV tại các nhà trường. Nếu nhà trường có môi trường vật chất tốt, cách bài trí không gian mang tính truyền thống gợi nên các giá trị ĐĐNN của ngành, tạo điều kiện cho hoạt động giáo dục HV; môi trường xã hội đảm bảo tính nghiêm minh, tính kỷ luật của ngành nhưng tạo ra các mối quan hệ đa dạng, phong phú cho HV sẽ là điều kiện thuận lợi để HV phát triển, hoàn thiện các phẩm chất ĐĐNN; Nếu GV và CB chiến sĩ CAND tạo được bầu không khí tâm lý học tập, rèn luyện tích cực sẽ là động lực giúp HV phát triển hoàn thiện nhân cách một cách tốt nhất và ngược lại.

1.5.6. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường

Các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục chuyên dụng của nhà trường CAND là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình học tập, rèn luyện đạo đức của HV tại các trường đại học CAND.

Hệ thống giảng đường, thao trường, bãi tập, ký túc xá, thư viện, phòng học chuyên dùng và các thiết chế văn hóa - giáo dục, nếu được đầu tư đồng bộ, chính quy và khoa học, sẽ tạo lập môi trường sư phạm kỷ luật, nề nếp, qua đó góp phần hình thành ở HV tác phong chính quy, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và văn hóa ứng xử nghề nghiệp. Môi trường vật chất lành mạnh, sạch đẹp, chuẩn mực không chỉ phục vụ hoạt động dạy học và huấn luyện mà còn tác động thường xuyên đến nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của HV trong học tập, rèn luyện và sinh hoạt tập thể.

Trong bối cảnh xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và đẩy mạnh chuyển đổi số, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, nhất là các phương tiện ứng dụng công nghệ thông tin, mô phỏng nghiệp vụ và giáo dục tình huống, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN. Ngược lại, cơ sở

vật chất thiếu thốn, lạc hậu hoặc không đồng bộ sẽ hạn chế khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục, ảnh hưởng đến tâm lý, động cơ học tập và ý thức tuân thủ chuẩn mực ĐĐNN của HV.

1.5.7. Sự phối hợp giữa trường đại học Công an nhân dân với cơ quan Công an các đơn vị, địa phương

Công an các đơn vị, tổ chức chính trị địa phương là nơi HV thực hành, thực tế chuyên môn trong quá trình trải nghiệm nghề nghiệp, nếu nhà trường thiết lập được mối quan hệ hợp tác, thường xuyên, liên tục giữa trường đại học CAND với các đơn vị Công an, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội tại địa bàn cơ sở để tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho HV một cách tốt nhất, qua đó giáo dục ĐĐNN cho HV sẽ giúp HV củng cố nhận thức, hình thành và phát triển thái độ, kỹ năng, hành vi phù hợp với yêu cầu của ĐĐNN để hoàn thiện nhân cách người chiến sĩ CAND.

Thông qua sự phối hợp này, nội dung giáo dục ĐĐNN trong nhà trường được gắn kết với thực tiễn công tác công an ở cơ sở, tạo điều kiện để HV tiếp cận môi trường thực thi nhiệm vụ, trải nghiệm các mối quan hệ công vụ và kiểm nghiệm các chuẩn mực ĐĐNN trong tình huống cụ thể. Hoạt động thực tế, thực tập tại các Công an các đơn vị, địa phương giúp HV củng cố nhận thức về trách nhiệm, kỷ luật, tinh thần phục vụ Nhân dân, ý thức thượng tôn pháp luật và danh dự nghề nghiệp của người CB CAND. Đồng thời, đội ngũ cán bộ thực tiễn tại đơn vị, địa phương với vai trò hướng dẫn, nêu gương có tác động trực tiếp đến việc hình thành thái độ, hành vi ĐĐNN của HV. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của yếu tố này phụ thuộc lớn vào tính chặt chẽ, thường xuyên và đồng bộ trong phối hợp giữa nhà trường và các đơn vị công an địa phương; nếu phối hợp còn hình thức, thiếu thống nhất trong nội dung giáo dục, quản lý và đánh giá rèn luyện đạo đức của HV thì hiệu quả giáo dục ĐĐNN sẽ bị hạn chế.

1.5.8. Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội

Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa chính trị xã hội của đất nước trong bối cảnh phát triển như vũ bão của công nghệ, hội nhập và phát triển mạnh trên mọi lĩnh vực là những cơ may và thách thức mới đối với hoạt động nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND, hoạt động đào tạo CAND nói chung và giáo dục ĐĐNN cho HV nói riêng, nó đặt ra những tiêu chí mới cần có về phẩm chất và năng lực cần đào

tạo cho HV trong các nhà trường để sau khi tốt nghiệp HV có thể đáp ứng với yêu cầu của nghề nghiệp.

Thực tế trên đặt ra yêu cầu mới đối với lực lượng CAND, trong đó có nhiệm vụ xây dựng lực lượng, giáo dục ĐĐNN cho CB, chiến sĩ CAND trong bối cảnh mới phải chuyên nghiệp hơn, sát sao hơn với thực tế. Bên cạnh đó, một bộ phận CB, chiến sĩ chưa thực sự coi trọng việc tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, dẫn tới giảm sút ý chí phấn đấu và có những HV vi phạm văn hóa ứng xử, các quy định của ngành, của Đảng cũng là những yếu tố có thể tác động tới hoạt động đào tạo, giáo dục ĐĐNN cho HV trong các nhà trường CAND.

Kết luận chương 1

Đạo đức nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân là những phẩm chất nhân cách được phản ánh thông qua nhận thức, thái độ, hành vi của người chiến sĩ Công an nhân dân, nó mang tính nghề nghiệp và được phát triển thông qua hoạt động đào tạo tại các trường Công an nhân dân và hoạt động nghề nghiệp.

Giáo dục ĐĐNN cho học viên ở trường đại học CAND là hoạt động được tổ chức có mục đích, có kế hoạch và nội dung được thực hiện thông qua các phương pháp, con đường giáo dục với sự tham gia của các lực lượng giáo dục nhằm hình thành, phát triển ở học viên các phẩm chất ĐĐNN trong mối quan hệ với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, với đồng chí, đồng đội, với kẻ địch, với công việc và với chính bản thân mình, phù hợp với chuẩn mực đạo đức của ngành Công an. Bối cảnh hiện nay đặt ra những yêu cầu mới về nhân cách của người chiến sĩ Công an nhân dân, đòi hỏi hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên ở trường đại học CAND phải gắn với thực tiễn, gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người chiến sĩ CAND trong tình hình mới.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên tại trường đại học CAND đòi hỏi phải tiến hành một cách đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung giáo dục với con đường và phương pháp giáo dục cũng như đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên nhằm đem lại hiệu quả giáo dục, đồng thời phải luôn gắn liền với hoạt động giảng dạy, huấn luyện và sinh hoạt tập thể cũng như mọi hoạt động của HV trong nhà trường đại học CAND.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân, chịu sự tác động bởi quan điểm chỉ đạo của Đảng, của ngành Công an; năng lực giáo dục của GV, cán bộ quản lý của nhà trường; ý thức, tính tích cực, năng lực tự sáng tạo, tự giáo dục, tự rèn luyện của học viên; chương trình đào tạo, huấn luyện của nhà trường; môi trường giáo dục CAND; cơ sở, vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; môi trường kinh tế - chính trị của địa phương,... nhà trường, GV cần khai thác tối đa các yếu tố ảnh hưởng để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên tại các trường đại học Công an nhân dân.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

2.1. Khái quát đặc điểm, tình hình các trường đại học Công an nhân dân và tổ chức khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

2.1.1. *Khái quát đặc điểm, tình hình các trường đại học Công an nhân dân hiện nay*

Căn cứ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của lực lượng CAND khi triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị, theo cơ cấu tổ chức mới, các cơ sở đào tạo trình độ đại học và sau đại học trong lực lượng CAND có 03 học viện và 04 trường đại học (sau đây gọi chung là các trường đại học CAND), bao gồm: Học viện An ninh nhân dân; Học viện Cảnh sát nhân dân; Học viện Chính trị CAND; Trường Đại học An ninh nhân dân; Trường Đại học Cảnh sát nhân dân; Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy và Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND (mới đổi tên là Học viện Kỹ thuật - Công nghệ an ninh từ tháng 10/2025). Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 7712/QĐ-BCA-X02 ban hành Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo trong CAND và phân công đào tạo các ngành, chuyên ngành cho các trường CAND. Trong đó, trình độ Đại học với 16 ngành đào tạo; trình độ Thạc sĩ với 18 ngành đào tạo; trình độ Tiến sĩ với 14 ngành đào tạo.

Các trường đại học Công an nhân dân hiện nay là cơ sở đào tạo đặc thù, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ CAND trong bối cảnh yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ngày càng cao và phức tạp. Hoạt động đào tạo diễn ra trong môi trường sư phạm Công an với tính kỷ luật, kỷ cương nghiêm minh, nội dung đào tạo vừa mang tính lý luận chính trị, vừa gắn chặt với yêu cầu thực tiễn công tác, chiến đấu. Đồng thời, các nhà trường chịu tác động mạnh mẽ của quá trình hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của khoa học - công nghệ, đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức quản lý, giảng dạy, giáo dục HV, trong đó có giáo dục ĐĐNN cho HV.

2.1.2. *Khái quát tình hình chung về các trường đại học CAND tổ chức khảo sát*

Luận án được triển khai nghiên cứu tại 05 trường đại học Công an nhân dân, gồm: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Chính trị

Công an nhân dân, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy và Trường Đại học Cảnh sát nhân dân. Việc lựa chọn các cơ sở đào tạo này được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính đại diện của hệ thống các trường CAND, tính đa dạng về lĩnh vực, loại hình và quy mô đào tạo, đồng thời phản ánh tương đối đầy đủ đặc điểm chung của công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND hiện nay.

Các học viện, trường đại học được lựa chọn đều là những cơ sở đào tạo chủ lực của lực lượng CAND, có quy mô đào tạo lớn, đảm nhiệm đào tạo nguồn nhân lực cho hầu hết các lĩnh vực công tác trọng yếu của ngành như: an ninh, cảnh sát, xây dựng lực lượng, tham mưu chỉ huy, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Theo số liệu thống kê năm học 2023 - 2024, toàn lực lượng CAND hiện có 11 trường, với tổng lưu lượng học viên nhập học hằng năm khoảng 71.832 học viên [12]. Trong đó, riêng 05 trường được lựa chọn khảo sát chiếm khoảng 56.184 học viên/năm, tương đương trên 78% tổng lưu lượng học viên toàn hệ thống các trường CAND. Đây là cơ sở quan trọng bảo đảm độ tin cậy, đại diện mang tính phổ quát các ngành đào tạo và khả năng suy rộng của kết quả nghiên cứu.

Bên cạnh quy mô đào tạo lớn, các trường được lựa chọn còn có điều kiện tổ chức đào tạo, quản lý học viên và giáo dục rèn luyện đặc thù, chặt chẽ, thống nhất, tuân thủ nghiêm các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an. Học viên hệ chính quy được đào tạo tập trung, sinh hoạt trong môi trường chính quy, kỷ luật nghiêm minh, có yêu cầu rất cao về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, cả về phẩm chất chính trị, ĐĐNN, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khảo sát, đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng giáo dục ĐĐNN của học viên các trường đại học CAND. Cụ thể:

Học viện An ninh nhân dân là cơ sở giáo dục trọng điểm hàng đầu của lực lượng CAND, có quy mô đào tạo lớn, đảm nhiệm tuyển sinh và đào tạo các chuyên ngành an ninh ở các cấp trình độ từ đại học đến tiến sĩ cho các địa phương từ Quảng Bình trở ra; đồng thời thực hiện bồi dưỡng chức danh, nghiệp vụ cho cán bộ, lãnh đạo, chỉ huy thuộc lĩnh vực an ninh; đào tạo lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, an ninh; triển khai công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học, tổng kết lý luận về An ninh quốc gia.

Học viện Cảnh sát nhân dân là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có quy mô lớn của lực lượng Cảnh sát nhân dân, thực hiện đào tạo từ trình độ đại học đến tiến sĩ; bồi dưỡng chức danh, nghiệp vụ cho cán bộ, lãnh đạo, chỉ huy và giảng viên

các trường cảnh sát; tổ chức đào tạo lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng, an ninh; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Học viện Chính trị Công an nhân dân là cơ sở đào tạo chuyên sâu về chính trị, tư tưởng và xây dựng lực lượng, có quy mô đào tạo ngày càng mở rộng, thực hiện đào tạo đại học, sau đại học; bồi dưỡng chức danh, nghiệp vụ cho cán bộ, lãnh đạo, chỉ huy thuộc lĩnh vực xây dựng lực lượng và tham mưu, chỉ huy; bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị cho các trường CAND; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học và tổng kết lý luận về chính trị của lực lượng CAND.

Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là cơ sở đào tạo chuyên ngành đặc thù của lực lượng CAND, có quy mô đào tạo ổn định, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trình độ đại học và sau đại học trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học - công nghệ; tham gia trực tiếp chữa cháy, cứu nạn khi được trưng dụng; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường Đại học Cảnh sát nhân dân có quy mô đào tạo lớn ở khu vực phía Nam, đảm nhiệm đào tạo cán bộ, chiến sĩ CAND ở các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; bồi dưỡng chức danh, nghiệp vụ cảnh sát; triển khai nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và thực tiễn công tác; thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Việc lựa chọn 05 trường đại học CAND nêu trên để tổ chức khảo sát và nghiên cứu không chỉ bảo đảm tính đại diện về quy mô, loại hình và lĩnh vực đào tạo, mà còn phản ánh những đặc điểm phổ biến và đặc thù của công tác giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND hiện nay.

2.1.3. Tổ chức khảo sát thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học CAND

2.1.3.1. Mục đích, nội dung khảo sát

a. Mục đích khảo sát

Khảo sát đánh giá khách quan, chính xác, thực trạng đạo đức của HV và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND hiện nay. Phân tích, chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân để làm cơ sở đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

b. Nội dung nghiên cứu thực trạng

Khảo sát thực trạng giáo dục ĐĐNN, thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay và các yếu tố tác động đến giáo dục ĐĐNN của HV ở các trường,

2.1.3.2. Đối tượng, địa điểm, thời gian khảo sát

a. Đối tượng, địa điểm khảo sát:

Luận án tiến hành khảo sát ở 5 trường đại học CAND là: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện Chính trị CAND, Đại học Phòng cháy chữa cháy, Đại học Cảnh sát nhân dân, cụ thể:

Phân bố các nhóm khách thể được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Phân bố khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu	Các biến độc lập		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Học viên	Địa bàn	Học viện An ninh nhân dân	90	25.7	350	68.0
		Học viện Cảnh sát nhân dân	90	25.7		
		Học viện Chính trị CAND	50	14.4		
		Đại học Phòng cháy chữa cháy	60	17.1		
		Đại học Cảnh sát nhân dân	60	17.1		
Cán bộ, Giảng viên					165	32.0
Tổng khách thể nghiên cứu					515	100

b. Thời gian khảo sát:

Từ năm 2022 đến năm 2024.

2.1.3.3. Phương pháp tổ chức khảo sát

a. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

i. Mục đích: Nhằm thu thập thông tin về thực trạng đạo đức của HV và thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND và các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Nội dung khảo sát:

- Thực trạng đạo đức của HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay;

- Thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay;

- Các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

iii. Cách thức tiến hành:

- Chọn mẫu khảo sát: Số lượng, khách thể điều tra, luận án tiến hành điều tra trên 02 nhóm khách thể là 350 HV và 165 CB, GV tại 03 học viện và 02 trường đại học CAND. Cách chọn mẫu ngẫu nhiên.

- Xây dựng và thiết kế công cụ khảo sát:

Để phục vụ mục đích thu thập các thông tin phục vụ cho nghiên cứu, luận án đã thiết kế bảng hỏi dựa trên kết quả nghiên cứu lý luận, kế thừa những quan điểm về phương pháp điều tra ở các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan. Đồng thời xin ý kiến chuyên gia về lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học và các chuyên gia trong lĩnh vực Xây dựng lực lượng CAND về các vấn đề nghiên cứu.

Bảng hỏi được thiết kế thành 02 mẫu [Phụ lục 1.1 và phụ lục 1.2], gồm mẫu bảng hỏi dùng để khảo sát ở khách thể là HV và mẫu bảng hỏi dùng để khảo sát ở khách thể là CB, GV. Nội dung bảng hỏi được thiết kế dựa trên các nội dung của giáo dục ĐĐNN của HV, các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND.

- Các bước tổ chức thực hiện:

Bước 1: Thiết kế, hoàn thiện bảng hỏi.

Dựa trên khung lý thuyết đã xây dựng, bản chất và nội hàm của các nội dung về đạo đức và giáo dục ĐĐNN cho HV để xây dựng bộ công cụ khảo sát tương ứng với các nội dung nhằm soi chiếu những vấn đề lý luận trong thực tế đạo đức và giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

Bộ công cụ sẽ gồm hai bảng hỏi: 01 dành cho CB quản lý và GV; 01 bộ dành cho HV ở các trường đại học CAND.

Bảng hỏi hướng tới các nội dung khảo sát sau đây:

(1) Đánh giá đạo đức của HV thông qua nhận thức, biểu hiện hành vi đạo đức của HV với 2 kênh đánh giá là CB quản lý, GV đánh giá và HV đánh giá.

(2) Đánh giá về thực trạng giáo dục đạo đức cho HV thông qua đánh giá thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp và các con đường giáo dục đạo đức cho HV qua 2 kênh đánh giá.

(3) Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng tổ quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường CAND qua 02 kênh đánh giá là CB quản lý, GV và HV.

Bước 2: Điều tra thử.

Dự kiến khảo sát thử trên 01 HV CAND thu thông tin về thực trạng đạo đức của HV và thực trạng giáo dục đạo đức cho HV ở các trường đại học CAND hiện nay.

Bước 3: Chỉnh sửa, chuẩn hoá, hoàn thiện bảng hỏi

Phân tích dữ liệu khảo sát, xác định độ giá trị và độ tin cậy của bộ công cụ đo, hoàn thiện bộ công cụ khảo sát.

Bước 4: Điều tra chính thức đối với số lượng khách thể đã lựa chọn trên các địa bàn nghiên cứu thu thông tin và phân tích các dữ liệu thu được.

b. Phương pháp quan sát

i. Mục đích: Nhằm thu thập thông tin trực tiếp từ quá trình tri giác có tổ chức, có mục đích các biểu hiện bên ngoài của những đặc điểm về nhận thức, thái độ, hành vi trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND.

Phương pháp quan sát hỗ trợ các phương pháp nghiên cứu khác trong phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu thực trạng giáo dục ĐĐNN và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của HV.

ii. Nội dung: Quan sát nhóm khách thể (nhóm HV được chọn trong quá trình nghiên cứu), quan sát HV trong giờ học, trong giờ sinh hoạt tập thể hoặc trong các giờ tham gia câu lạc bộ...; quan sát HV trong sinh hoạt hàng ngày, tập trung vào những biểu hiện bên ngoài của việc chấp hành Điều lệnh CAND, giao tiếp, ứng xử của HV; quan sát các biểu hiện bên ngoài của khách thể trong quá trình trả lời phiếu trưng cầu ý kiến, trả lời phỏng vấn sâu của các khách thể nghiên cứu.

iii. Cách thức thực hiện:

Bước 1: Quan sát đảm bảo nguyên tắc khách quan, không tác động làm ảnh hưởng đến tâm lý của đối tượng quan sát và ghi chép đầy đủ các kết quả quan sát.

Bước 2: Lựa chọn đối tượng, địa điểm, thời gian quan sát phù hợp với kế hoạch nghiên cứu:

Tại Học viện An ninh nhân dân và tại Học viện Cảnh sát nhân dân luận án lựa chọn 2 lớp HV (mỗi trường 1 lớp) để quan sát hoạt động học tập trên lớp trong 1 buổi (4 tiết) và lựa chọn hoạt động tập thể của 2 lớp này theo lịch của lớp đó để quan sát. Quan sát theo hình thức tham dự (đối với quan sát trong giờ học), quan sát tự nhiên (đối với quan sát các hoạt động tập thể).

Tại 5 địa bàn nghiên cứu: quan sát khi trưng cầu ý kiến của HV và khi phỏng vấn sâu; quan sát hoạt động sinh hoạt chung của HV.

Tiến hành quan sát và ghi lại biên bản quan sát [Phụ lục 1.5].

Bước 3: Kết quả quan sát được ghi lại và sử dụng để đánh giá thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV.

c. Phương pháp phỏng vấn sâu

i. Mục đích: Phỏng vấn sâu được tiến hành đối với HV, CB, GV nhằm bổ sung những minh chứng cho những thông tin định tính và định lượng từ các phương pháp nghiên cứu khác. Qua đó làm tăng độ tin cậy, tính trung thực của kết quả nghiên cứu. Những nội dung trả lời phỏng vấn của các khách thể sẽ kết hợp với số liệu của bảng hỏi để phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục ĐĐNN cho HV và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN cho HV.

ii. Khách thể phỏng vấn: 12 HV; 8 CB, GV.

iii. Nội dung phỏng vấn:

Đối với HV: Đặt những câu hỏi làm rõ thêm về nhận thức của HV đối với ĐĐNN CAND, tầm quan trọng của ĐĐNN; sự tự giác, tích cực học tập và rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN của HV; các hoạt động học tập và rèn luyện chuẩn mực ĐĐNN của HV (thông qua mức độ thường xuyên tham gia, mức độ hiệu quả các hoạt động học tập và rèn luyện; thông qua hoạt động thực tiễn của HV); các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN cho HV. Bên cạnh đó, tìm hiểu những nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất để phát triển giáo dục ĐĐNN cho HV có hiệu quả.

Đối với CB, GV: Đặt các câu hỏi để làm rõ thêm những nhận định của CB, GV về các mức độ nhận thức, thái độ, hành vi và kỹ năng của HV trong giáo dục ĐĐNN. Đồng thời, tìm hiểu thêm sự quan tâm, tạo điều kiện và phương pháp, biện pháp của CB, GV đã thực hiện để giáo dục ĐĐNN cho HV như thế nào, những đề xuất, kiến nghị của họ là gì.

iv. Cách thức thực hiện

Bước 1: Xây dựng kế hoạch phỏng vấn cụ thể các nội dung, thời gian, khách thể, địa điểm phỏng vấn.

Bước 2: Thực hiện gặp gỡ trực tiếp khách thể để phỏng vấn theo trình tự về nội dung [Phụ lục 1.3].

Bước 3: Ghi chép nội dung của cuộc phỏng vấn một cách khách quan.

Bước 4: Xử lý, chọn lọc các nội dung phỏng vấn phù hợp để phục vụ phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục ĐĐNN và thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của HV.

d. Phương pháp chuyên gia

i. Mục đích: Luận án sử dụng phương pháp chuyên gia để tranh thủ ý kiến và đánh giá của các chuyên gia Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục trong CAND về hướng tiếp cận, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của luận án; nội dung giáo dục ĐĐNN của các trường đại học CAND, các tiêu chí đánh giá, yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND.

ii. Số lượng chuyên gia: 05 chuyên gia về Tâm lý học, 10 chuyên gia về Giáo dục học, 03 chuyên gia trong CAND thuộc các đơn vị: Học viện Chính trị (Bộ Quốc phòng), Trường đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Trường đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Giáo dục, Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân.

iii. Nội dung xin ý kiến chuyên gia: Luận án tiến hành xin ý kiến chuyên gia trong suốt quá trình thực hiện, nội dung xin ý kiến chuyên gia tương ứng với từng nhiệm vụ trong các giai đoạn của luận án bao gồm: Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, hướng tiếp cận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, xây dựng giả thuyết, xây dựng cơ sở lý luận, nội dung giáo dục ĐĐNN và yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của HV, xây dựng bộ công cụ nghiên cứu, chỉ ra bối cảnh hiện nay và yêu cầu ĐĐNN CAND, chuẩn hoá các thuật ngữ dùng trong luận án, xác định nội dung khảo sát thực trạng, xác định và đề xuất các biện pháp tâm lý - giáo dục nhằm giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

iv. Cách thức thực hiện

Bước 1: Xác định nội dung, vấn đề cần xin ý kiến chuyên gia.

Bước 2: Phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi văn bản xin ý kiến.

Bước 3: Chọn lọc các nội dung ý kiến của chuyên gia với sự thống nhất cao trên 50% các ý kiến.

Bước 4: Sử dụng các ý kiến chuyên gia để xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện các nội dung trong luận án.

e. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

i. Mục đích: Nhằm tìm hiểu kết quả nghiên cứu hoạt động học tập, rèn luyện của HV; những thành tích HV đạt được trong quá trình học tập, rèn luyện; mối quan

hệ giữa kết quả hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HV với kết quả giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu các hồ sơ giảng dạy của GV, sổ theo dõi thực hiện nền nếp của HV; chương trình đào tạo, nội quy, quy tắc ứng xử của các trường, những quy định về hoạt động của học viên trong học tập, sinh hoạt; phong trào thi đua của HV...

iii. Khách thể nghiên cứu: Các tập thể và HV thuộc đối tượng khảo sát.

iv. Cách thức thực hiện

Bước 1: Lập kế hoạch nghiên cứu sản phẩm hoạt động.

Bước 2: Tập hợp văn bản, hồ sơ, sản phẩm hoạt động của HV, tập thể, đơn vị có liên quan đến HV.

Bước 3: Sử dụng phối hợp các phương pháp: nghiên cứu tài liệu, quan sát, phỏng vấn... để thu thập thông tin.

Bước 4: Phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu thu được từ các sản phẩm nghiên cứu trên để bổ sung, sử dụng làm minh chứng cho các vấn đề nghiên cứu thực trạng đạo đức và giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

f. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

i. Mục đích: Luận án sử dụng nhóm phương pháp này nhằm xử lý, chuyển hoá các số liệu điều tra thông qua các thuật toán, phép tính để đưa ra các chỉ số về độ tin cậy, độ chính xác, tính tương quan... nhằm phục vụ đánh giá, nhận xét và đưa ra các kết luận khách quan về thực trạng giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay. Các số liệu được xử lý bằng chương trình thống kê SPSS 20.0 trong môi trường Window. Các thuật toán sử dụng trong luận án đều chọn mức ý nghĩa $\geq 95\%$, hay $p \leq 0,05$.

ii. Cách thức thực hiện: Những câu hỏi khảo sát với 5 mức độ, được sắp xếp theo mức độ giảm dần, tương ứng với mỗi mức độ là các điểm số 5, 4, 3, 2, 1 được xử lý theo điểm trung bình cộng. Mức độ chênh lệch của điểm trung bình cộng của các câu có thang đo mức độ được tính bằng cách lấy điểm cao nhất của thang đo 5 điểm trừ đi điểm thấp nhất của thang đo là 1 điểm chia ra 5 mức độ để thu được điểm chênh lệch là 0,8 và thu được các mức độ của thang đo là:

Bảng 2.2. Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo

Xếp loại mức độ				
Mức 5 4.20 - 5.0	Mức 4 3.40 - cận 4.20	Mức 3 2.60 - cận 3.40	Mức 2 1.80 - cận 2.60	Mức 1 1.0 - cận 1.8
Rất cần thiết	Cần thiết	Tương đối cần thiết	Không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết
Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
Rất thường xuyên vi phạm	Vi phạm	Vi phạm không thường xuyên	Không vi phạm	Hoàn toàn không vi phạm
Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Rất hiệu quả	Hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Ít hiệu quả	Không hiệu quả
Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Hoàn toàn không thực hiện
Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Tương đối ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	Hoàn toàn không ảnh hưởng

2.2. Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân hiện nay

2.2.1. Thực trạng nhận thức của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Sử dụng câu hỏi số 1 của phụ lục 1.2, tác giả đánh giá nhận thức của HV về ĐĐNN, gồm có 5 mức độ (5 - Rất cần thiết; 4 - Cần thiết; 3 - Tương đối cần thiết; 2 - Không cần thiết; 1 – Hoàn toàn không cần thiết), kết quả ghi ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Đánh giá của HV về nhận thức các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân

TT	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	ĐTB	ĐLC	TB
1	Phẩm chất ĐĐNN đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân			
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân	3.81	0.89	5
1.2	Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3.79	0.77	7
1.3	Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam	3.92	0.83	2
1.4	Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân	3.81	0.82	5
1.5	Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.	3.79	0.84	6
1.6	Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân	3.50	0.88	16
2	Phẩm chất ĐĐNN trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ			
2.1	Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao	3.74	0.75	8
2.2	Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao	3.59	0.88	14
2.3	Trung thực, kỷ luật trong công việc, nhiệm vụ được giao	3.62	0.87	13
2.4	Giương mẫu, kỷ luật trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ	3.56	0.83	15
2.5	Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	3.47	0.76	17
3	Phẩm chất ĐĐNN đối với nghề nghiệp CAND			
3.1	Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao	3.67	0.79	10
3.2	Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp	3.83	0.77	4
3.3	Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm	4.02	0.78	1
3.4	Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...	3.64	0.82	12
4	Phẩm chất ĐĐNN đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống			
4.1	Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt	3.66	0.78	11
4.2	Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm trong lối sống	3.87	0.88	3
4.3	Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc	3.67	0.86	9
Trung bình chung		3.72		

Nhận xét:

Kết quả thống kê cho thấy HV các trường đại học CAND đều đã có nhận thức đúng về các phẩm chất ĐĐNN cần có của người chiến sĩ CAND, theo tự nhận thức, tự đánh giá của HV thì mức độ cần thiết của các phẩm chất có ĐTB dao động từ 3.47 điểm đến 4.02 điểm đạt mức cần thiết trở lên chứng tỏ thang đo có hiệu lực và các kết quả thu được có độ tin cậy.

Phẩm chất ĐĐNN được HV đánh giá ở mức cần thiết có ĐTB cao nhất đó là: “Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm” với ĐTB là 4.02 điểm xếp mức cần thiết, trong đó có 72/350 ý kiến đánh giá là rất cần thiết chiếm tỷ lệ 20.6%, tuy nhiên vẫn còn 21/350 ý kiến đánh giá là hoàn toàn không cần thiết và không cần thiết chiếm tỷ lệ 6 % ý kiến. Đây là vấn đề GV và CB quản lý của các trường cần quan tâm trong giáo dục ĐĐNN cho HV.

Phẩm chất đạo đức được HV nhận thức đánh giá cao thứ 2 đó là: “Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam” với ĐTB là 3.92 điểm xếp mức cần thiết. Tuy nhiên trong đó vẫn còn 28/350 ý kiến cho rằng hoàn toàn không cần thiết và không cần thiết chiếm tỷ lệ 8% ý kiến đánh giá.

Nội dung nhận thức về ĐĐNN cần có của HV xếp cao thứ 3 là: “Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm trong lối sống” với ĐTB là 3.87 điểm xếp ở mức cần thiết tuy nhiên trong đó vẫn còn có 32/350 ý kiến cho rằng hoàn toàn không cần thiết và không cần thiết chiếm tỷ lệ 9.14% ý kiến;

Nội dung nhận thức về phẩm chất cần có của người chiến sĩ CAND “Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp” được GV đánh giá với ĐTB là 3.85 điểm xếp thứ 4 và ở mức độ cần thiết.

Nội dung nhận thức: “Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân” có ĐTB là 3.81 điểm đạt mức cần thiết và xếp thứ 5 đây là một phẩm chất rất cần thiết đối với người chiến sĩ CAND trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo vệ nhân dân, đáng mừng là trong đó có 258/350 ý kiến đánh giá rất cần thiết và cần thiết chiếm tỷ lệ 73,71% ý kiến, tuy nhiên vẫn còn 33/350 ý kiến cho rằng không cần thiết và hoàn toàn không cần thiết chiếm tỷ lệ 9.42% ý kiến.

Nội dung nhận thức: “Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân” đây là phẩm chất quan trọng của người chiến sĩ CAND, bởi họ là người

bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, nội dung này được HV đánh giá với ĐTB là 3.81 xếp thứ 5 ở mức cần thiết, tuy nhiên vẫn còn 39/350 ý kiến đánh giá là không cần thiết và hoàn toàn không cần thiết chiếm tỷ lệ 11.14% ý kiến.

Nội dung nhận thức: “Trung thực, kỷ luật trong công việc, nhiệm vụ được giao” có ĐTB là 3.62 điểm đạt mức cần thiết mặc dù đây là một phẩm chất đặc trưng nghề nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn 32/350 ý kiến đánh giá là không cần thiết và còn có ý kiến hoàn toàn không cần thiết chiếm tỷ lệ 10% ý kiến.

Nội dung nhận thức: “Gương mẫu, kỷ luật trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ” với ĐTB là 3.55 điểm xếp loại cần thiết, tuy nhiên trong nội dung này còn có 26/350 ý kiến đánh giá là không cần thiết và thậm chí còn ý kiến là hoàn toàn không cần thiết chiếm tỷ lệ 7.71% ý kiến đây là vấn đề GV và CB giáo dục của các trường và học viện cần quan tâm trong giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND hiện nay.

Nội dung nhận thức được đánh giá xếp thứ 16 là phẩm chất: “Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân” với ĐTB là 3.50 điểm đạt mức cần thiết nhưng ở mức độ thấp và còn 37/350 ý kiến đánh giá là không cần thiết và còn ý kiến cho rằng hoàn toàn không cần thiết chiếm tỷ lệ 10,57% ý kiến mặc dù đây là một phẩm chất quan trọng trong ĐĐNN của người chiến sĩ CAND.

Nội dung nhận thức được đánh giá có mức thấp nhất là: “Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ” với ĐTB là 3.47 điểm đạt mức cần thiết nhưng ở mức thấp và chỉ 41/350 ý kiến đánh giá là rất cần thiết chiếm tỷ lệ 11.71% ý kiến đánh giá.

Độ lệch chuẩn của các nội dung khảo sát có khoảng dao động từ 0,76 đến 0,88 chứng tỏ các số liệu thu được có độ tin cậy cao.

Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội, của thời đại công nghiệp 4.0, của nền kinh tế thị trường, sự nghiệp đổi mới toàn diện Giáo dục & Đào tạo và thực tiễn sinh động của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm... đòi hỏi cán bộ CAND cần phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tích cực tự học để đáp ứng thực tế công tác và các quy định về vị trí việc làm, đặc biệt là nhận thức về vấn đề sử dụng AI trong học tập, rèn luyện và đấu tranh phòng chống tội phạm xuyên quốc gia hiện nay của đất nước và của ngành Công an.

Để tìm hiểu sâu về nhận thức ĐĐNN của HV, tác giả phỏng vấn HV 1 về nhận thức của HV về ĐĐNN cần có của người chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay, kết

quả thu được như sau: “Theo em, ngoài cần đạt được những phẩm chất ĐĐNN được quy định đòi hỏi người HV là chiến sĩ CAND tương lai cần phải trung thực trong sử dụng AI trong học tập và đánh giá kết quả học tập, trung thực và đúng mực khi tham gia vào mạng xã hội và các mối quan hệ trên không gian mạng, cảnh giác với mọi thủ đoạn và âm mưu của kẻ thù, tội phạm công nghệ trên không gian mạng, tích cực đấu tranh chống lại những biểu hiện và hành vi lệch chuẩn trong tập thể và ngoài xã hội”. Như vậy, bên cạnh những HV chưa mạnh dạn thể hiện quan điểm về nhận thức của bản thân trước các vấn đề của xã hội 4.0 thì có HV đã bày tỏ được nhận thức, quan điểm của mình một cách sâu sắc về ĐĐNN trước vấn đề của xã hội hiện nay.

Nhận xét chung: Đa số HV đã có nhận thức đúng về các phẩm chất ĐĐNN cần có của người chiến sĩ CAND, tuy nhiên còn một bộ phận HV có nhận thức đúng nhưng chưa đầy đủ về các phẩm chất ĐĐNN cần có của người chiến sĩ CAND để rèn luyện và tu dưỡng trở thành người chiến sĩ CAND thực thụ.

2.2.2. Thực trạng biểu hiện thái độ đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân

Để đánh giá những biểu hiện ĐĐNN của học viên, tác giả đi sâu tìm hiểu khía cạnh biểu hiện đó là sự tự đánh giá về thái độ ĐĐNN của học viên, sử dụng câu hỏi số 2 của phụ lục 1.2, gồm có 5 mức độ (5 - Hoàn toàn phù hợp; 4 - Phù hợp; 3 - Tương đối phù hợp; 2 - Không phù hợp; 1- Hoàn toàn không phù hợp). Kết quả thu được ở bảng 2.4:

Bảng 2.4. Đánh giá của HV về biểu hiện thái độ đối với ĐĐNN của học viên ở các trường đại học CAND

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	ĐTB	ĐLC	TB
1.	Thái độ đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân			
1.1	Mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để cống hiến cho quê hương, đất nước và Nhân dân	3.79	0.84	3
1.2	Mong muốn được cống hiến nhiều hơn cho Đảng, Tổ quốc và Nhân dân.	3.46	0.75	12
1.3	Phấn đấu cống hiến vì Đảng, tổ quốc, nhân dân là mục tiêu cao cả của mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an	3.61	0.87	9
1.4	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá của lực lượng CAND	3.89	0.75	1

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	ĐTB	ĐLC	TB
1.5	Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND	3.40	0.75	14
1.6	Cảm thấy không đồng tình và khó chịu khi thấy những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội	3.58	0.75	11
2.	Thái độ đối với học tập, rèn luyện			
2.1	Hứng thú trong học tập và rèn luyện trong các trường Công an nhân dân.	3.61	0.76	9
2.2	Say mê học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân	3.75	0.93	4
2.3	Say mê học tập và rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	3.66	0.75	5
2.4	Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi	3.35	0.87	16
2.5	Hứng thú với các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường đại học CAND.	3.41	0.75	13
2.6	Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV	3.37	0.78	15
3	Thái độ đối với nghề nghiệp Công an nhân dân			
3.1	Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn	3.79	0.88	3
3.2	Có cảm hứng và động lực cao đối với nghề nghiệp CAND	3.81	0.75	2
3.3	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập và làm việc trong ngành Công an	3.60	0.75	10
3.4	Tôi tự hào về nghề nghiệp CAND mình đã chọn	3.65	0.89	6
3.5	Các giá trị đạo đức của nghề nghiệp CAND có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ động cơ nghề nghiệp của HV	3.58	0.75	11
4.	Thái độ đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống			
4.1	Thường xuyên học hỏi từ những người xung quanh về cách sống, cách làm việc trong ngành Công an	3.65	0.75	6
4.2	Tập thể lớp là môi trường để chúng tôi trải nghiệm và phát triển tình đồng chí, đồng đội	3.63	0.88	8
4.3	Những tấm gương tốt của CB, chiến sĩ Công an có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và hành vi của HV.	3.64	0.75	7
Trung bình chung		3.61		

Nhận xét: Qua bảng 2.4 cho thấy: Đa số HV đều đánh giá biểu hiện thái độ ĐĐNN của HV ở mức độ biểu hiện phù hợp (ĐTB: 3.61) điều đó khẳng định từ nhận thức đúng đắn về ĐĐNN, HV đã có thái độ đúng đắn trong việc tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN, các số liệu thu được có độ giá trị và độ tin cậy. Trong các biểu hiện đó, HV tự đánh giá biểu hiện về việc thực hiện: Có cảm hứng và động lực cao đối với nghề nghiệp CAND, Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá của lực lượng Công an nhân dân được thể hiện ở mức độ hoàn toàn phù hợp (ĐTB lần lượt là 3.81 và 3.89). Ở 2 phẩm chất ĐĐNN này đều không có HV nào có biểu hiện thái độ hoàn toàn không phù hợp, điều đó thể hiện HV đã có thái độ tương đối tốt đối với các phẩm chất ĐĐNN đặc thù của ngành CAND.

Hai phẩm chất được HV có thái độ đánh giá ở mức biểu hiện với ĐTB là 3.79 điểm là: “Mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để cống hiến cho quê hương, đất nước và nhân dân; Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn, đây là thể hiện thái độ của lòng yêu nghề và mong muốn được cống hiến trong nghề nghiệp CAND” của HV. Tuy nhiên trong đó vẫn còn có ý kiến chưa thực sự tin tưởng vào nghề đã chọn đó là còn 43/350 ý kiến cho rằng còn ít biểu hiện và không có biểu hiện về “Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn” chiếm tỷ lệ 13.71% ý kiến. Đây là vấn đề CB, GV cần lưu ý trong giáo dục ĐĐNN cho HV đặc biệt là giáo dục tình cảm và niềm tin nghề nghiệp cho HV bởi đây chính là động lực thúc đẩy HV hiện tại và tương lai vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Phỏng vấn HV 1, HV 2 và một số HV khác tại Học viện Cảnh sát nhân dân, tác giả thu được các thông tin sau: “Khi đăng ký thi vào trường, em đã mong muốn trở thành chiến sĩ CAND, được cống hiến cho quê hương, đất nước, tuy nhiên trong quá trình học tập, rèn luyện đôi lúc cũng dao động, lo lắng, chưa thực sự tin tưởng tuyệt đối vào nghề mình đã lựa chọn, trước những câu chuyện và thực tế đầy cam go của người chiến sĩ CAND trong những tình huống, công việc phải vượt qua, bởi những tình huống nguy hiểm và khó khăn thử thách trong thời bình nhưng lại liên quan đến sự hy sinh tính mạng của bản thân”.

Trong các kết quả khảo sát cho thấy còn một vài phẩm chất đạo đức HV chưa có thái độ phù hợp hoặc thể hiện không rõ ràng đó là các phẩm chất sau đây:

Phẩm chất “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND” với ĐTB là 3.40 điểm xếp mức tương đối thể hiện. Đặc biệt là có 8/350 ý kiến cho rằng biểu hiện không phù hợp chiếm tỷ lệ 2,28% ý kiến và 2/350 ý kiến cho rằng có biểu hiện hoàn toàn không phù hợp chiếm tỷ lệ 0.57% ý kiến.

Phẩm chất “Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV” với ĐTB là 3.37 điểm xếp mức tương đối phù hợp. Trong đó còn 33/350 ý kiến đánh giá là không phù hợp chiếm tỷ lệ 9.43% ý kiến và 8/350 ý kiến là có biểu hiện hoàn toàn không phù hợp chiếm tỷ lệ 2.29% ý kiến của HV.

Phẩm chất: “ Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi” với ĐTB là 3.35 điểm xếp mức tương đối phù hợp. Trong đó còn 35/350 ý kiến đánh giá là không phù hợp chiếm tỷ lệ 10% ý kiến và 11/350 ý kiến là có biểu hiện hoàn toàn không phù hợp chiếm tỷ lệ 3,14 % ý kiến của HV.

Độ lệch chuẩn của các nội dung Eterm khảo sát dao động từ 0,75 đến 0,93 chứng tỏ các số liệu thu được có độ tin cậy và thang đo có hiệu lực.

Phỏng vấn các HV1, HV2 và một số HV ở trường Học viện Cảnh sát nhân dân về thái độ đối với một số phẩm chất ĐĐNN, tác giả thu được những thông tin sau: “Trong cuộc sống của HV, chúng tôi chủ yếu là học tập, rèn luyện, chưa phải va chạm nhiều với tài chính, công việc, sự vụ nên cũng chưa hiểu sâu về vấn đề liêm, chính và tiết kiệm. Việc học tập của HV chủ yếu với mục đích là qua được các học phần và đỗ tốt nghiệp ra trường để công tác, còn việc rèn luyện được thực hiện theo chương trình đào tạo của nhà trường và nội quy, quy chế của nhà trường, nhiều khi chưa có những suy nghĩ sâu xa về vấn đề liêm, chính, chí công, vô tư và ĐĐNN”. Như vậy, HV mới chủ yếu quan tâm đến vấn đề ý thức trách nhiệm đối với bản thân, nhà trường nơi HV đang học tập, rèn luyện, chưa thực sự quan tâm nhiều đến các thái độ về ĐĐNN trong mối quan hệ xã hội sau này HV phải thực hiện của nghề nghiệp tương lai, do đó trong giảng dạy, tổ chức các hoạt động CB, GV cần quan tâm hơn đến việc mở rộng phạm vi, nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua các hoạt động học tập trải nghiệm nghề nghiệp.

Nhận xét chung: Về thái độ đối với ĐĐNN của HV, có nhiều phẩm chất ĐĐNN đã được HV nhận thức và có ý thức biểu hiện thái độ phù hợp đối với các phẩm chất đó, tuy nhiên bên cạnh vẫn còn một số phẩm chất ĐĐNN của ngành Công an thì còn một số ít HV có biểu hiện ở mức tương đối phù hợp hoặc không phù hợp do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó có nguyên nhân chủ quan về sự chưa thực sự quan tâm của HV, do nội dung hình thức giáo dục, giảng dạy của GV. Vì vậy CB, GV các trường đại học CAND cần quan tâm hơn tới nội dung, hình thức giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đó là các phẩm chất: Phẩm chất “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND; Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV; Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi”.

2.2.3. Thực trạng về hành vi đạo đức nghề nghiệp của học viên các trường đại học Công an nhân dân

Để đánh giá thực trạng thực hiện hành vi ĐĐNN của HV các trường đại học CAND, chúng tôi sử dụng câu hỏi bảng phụ lục 1.1 và 1.2 để khảo sát trên CB, GV và HV, kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 2.5. Đánh giá của CB, GV, HV về hành vi đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân (N1=350; N2=165)

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Kết quả thực hiện			
		HV		CB, GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Hành vi đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân				
1.1	Thể hiện trách nhiệm cống hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV	3.85	0.99	3.83	0.92
1.2	Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc	3.82	0.99	3.81	0.95
1.3	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội	3.63	0.94	3.62	0.92
1.4	Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, Nhà nước	3.68	0.98	3.64	0.94
1.5	Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND	3.36	0.84	3.35	0.91

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Kết quả thực hiện			
		HV		CB, GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
2.	Hành vi đối với học tập, rèn luyện				
2.1	Nghiêm túc chấp hành những quy định về học tập và rèn luyện trong môi trường kỷ luật của trường CAND	3.80	0.95	3.74	0.89
2.2	Duy trì nỗ lực học tập và rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề đã lựa chọn	3.70	0.98	3.71	0.90
2.3	Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao	3.38	0.97	3.40	0.97
2.4	Khi gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, HV vẫn kiên trì, cố gắng vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ.	3.58	0.93	3.57	0.97
2.5	HV tự giác, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường	3.32	1.03	3.38	0.99
2.6	HV tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường lớp học	3.76	0.97	3.73	0.95
3.	Hành vi đối với nghề nghiệp Công an nhân dân				
3.1	HV thể hiện sự gắn bó với nghề nghiệp CAND thông qua việc nghiêm túc học tập và rèn luyện	3.68	0.95	3.70	0.95
3.2	Giữ gìn hình ảnh, tác phong và danh dự của HV CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày	3.81	0.99	3.75	0.92
3.3	HV tích cực học tập và làm theo những tấm gương điển hình tiên tiến của người chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp	3.65	0.96	3.64	0.94
3.4	Lựa chọn và thực hành các giá trị đạo đức nghề nghiệp CAND	3.63	0.97	3.65	0.94
4.	Hành vi đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống				
4.1	Đoàn kết, chủ động, khiêm tốn, học hỏi từ thầy cô, đồng nghiệp và mọi người xung quanh để hoàn thiện bản thân	3.65	0.94	3.63	0.97
4.2	Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu kí túc xá	3.80	0.98	3.75	0.90
4.3	Giao tiếp, ứng xử văn hóa, chuẩn mực, giữ gìn tác phong, hình ảnh của người học viên CAND	3.62	0.94	3.53	0.83

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Kết quả thực hiện			
		HV		CB, GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
4.4	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học	3.27	0.76	3.13	0.80
4.5	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội	3.52	0.90	3.50	0.85
ĐTB chung		3.62		3.60	

Kết quả khảo sát về hành vi ĐĐNN của HV các trường đại học CAND đạt kết quả chung dao động từ mức phù hợp đến mức rất phù hợp, không có nội dung đánh giá nào ở mức không phù hợp các kết quả đánh giá trên CB, GV dao động từ 3.13 điểm đến 3.75 điểm, các Eterm có độ lệch chuẩn dao động từ 0,76 đến 1,03; các kết quả đánh giá trên HV dao động từ 3.27 điểm đến 3.85 điểm, các Eterm có độ lệch chuẩn dao động từ 0,80 đến 0,99 chứng tỏ thang đo có hiệu lực và các kết quả thu được có độ tin cậy.

Hành vi ĐĐNN được CB, GV và HV đánh giá có kết quả thực hiện cao nhất đó là: “Thể hiện trách nhiệm cống hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV” có ĐTB là 3.83 điểm (CB, GV) và 3.85 điểm (HV) đạt kết quả hoàn toàn phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Tuy nhiên vẫn còn 5/165 ý kiến đánh giá của CB, GV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp chiếm tỷ lệ 3.03% và 29/350 ý kiến của HV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp chiếm tỷ lệ 8.28 % ý kiến. Đánh giá của GV và của HV có sự chênh lệch không đáng kể.

Hành vi thứ 2: “Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc” với ĐTB là 3.81 điểm (CB, GV) và 3.82 điểm (HV) xếp loại phù hợp. Bên cạnh đó vẫn còn 9/165 ý kiến đánh giá của CB, GV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp với chuẩn mực đạo đức và không phù hợp chiếm tỷ lệ 5.45% và 23/350 ý kiến của HV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 6.57% ý kiến. Với nội dung này cho thấy đánh giá của CB, GV và đánh giá của HV về ĐTB thực hiện hành vi là tương đồng nhau, tuy nhiên tỷ lệ % thực hiện hành vi ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức do HV đánh

giá lại cao hơn đánh giá của GV, CB, tuy nhiên mức độ chênh lệch không nhiều và chỉ ở nội dung đánh giá về mức độ không phù hợp và tương đối phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

Hành vi thứ 3: “Giữ gìn hình ảnh, tác phong và danh dự của HV CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày” với ĐTB là 3.75 điểm (CB, GV) và 3.81 điểm (HV) xếp loại phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Bên cạnh đó vẫn còn 8/165 ý kiến đánh giá của CB, GV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 4.85% và 26/350 ý kiến của HV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 7.43% ý kiến. Kết quả đánh giá nội dung này cho thấy đánh giá của HV về ĐTB thì cao hơn của CB, GV nhưng tỷ lệ % đạt kết quả thực hiện hành vi ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức lại cao hơn CB, GV đánh giá, tuy nhiên mức độ chênh lệch không đáng kể.

Hành vi thứ 4: “HV tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường lớp học” với ĐTB là 3.73 điểm (CB, GV) và 3.76 điểm (HV) xếp loại phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN. Bên cạnh đó vẫn còn 11/165 ý kiến đánh giá của CB, GV về kết quả thực hiện hành vi này ở tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 6.67% và 27/350 ý kiến của HV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 7.71% ý kiến. Với nội dung này cho thấy đánh giá của CB, GV và đánh giá của HV có nét tương đồng nhau.

Hành vi thứ 5: “Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu kí túc xá” với ĐTB là 3.75 điểm (CB, GV) và 3.80 điểm (HV) xếp loại phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN. Bên cạnh đó vẫn còn 6/165 ý kiến đánh giá của CB, GV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 3.64% và 21/350 ý kiến của HV về kết quả thực hiện hành vi này ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chiếm tỷ lệ 6% ý kiến. Với nội dung này cho thấy đánh giá của CB, GV và đánh giá của HV có sự chênh lệch nhưng không nhiều ở ĐTB và tỷ lệ mức không phù hợp và tương đối phù hợp với chuẩn mực đạo đức.

Qua 5 hành vi trên cho thấy mặc dù được đánh giá ở mức có biểu hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN nhưng trong từng hành vi vẫn còn có ý kiến

đánh giá xếp loại không phù hợp và tương đối phù hợp với chuẩn mực đạo đức cần khắc phục, kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự chênh lệch không đáng kể giữa đánh giá của CB, GV và đánh giá của HV điều này cho thấy các số liệu thu được có độ tin cậy.

Kết quả đánh giá của CB, GV và HV về thực hiện các hành vi ĐĐNN của HV cho thấy còn có một số hành vi có kết quả đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp với chuẩn mực đạo đức cần quan tâm giáo dục nhiều hơn đó là các hành vi sau đây:

Thứ nhất: “Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học” với ĐTB là 3.13 điểm (CB, GV) và 3.27 điểm (HV) trong đó số ý kiến đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức là: 16/165 chiếm tỷ lệ là 9.69% ý kiến của CB, GV đánh giá và 9/350 ý kiến chiếm tỷ lệ 2.57% của HV đánh giá.

Thứ 2: “Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND” với ĐTB là 3.35 điểm (CB, GV) và 3.36 điểm (HV) trong đó số ý kiến đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức là: 10/165 chiếm tỷ lệ là 6.06% ý kiến của CB, GV đánh giá và 24/350 ý kiến chiếm tỷ lệ 6.86% của HV đánh giá. Kết quả đánh giá của CB, GV và HV là tương đồng nhau.

Thứ 3: “HV tự giác, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường” với ĐTB là 3.38 điểm (CB, GV) và 3.32 điểm (HV) trong đó số ý kiến đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức là: 23/165 chiếm tỷ lệ là 13.94% ý kiến của CB, GV đánh giá và 50/350 ý kiến chiếm tỷ lệ 14.29% của HV đánh giá. Kết quả đánh giá của CB, GV và HV là tương đồng nhau, sự chênh lệch không đáng kể.

Thứ 4: “Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao” với ĐTB là 3.40 điểm (CB, GV) và 3.38 điểm (HV) trong đó số ý kiến đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp và không phù hợp với chuẩn mực đạo đức là: 21/165 chiếm tỷ lệ là 12.73% ý kiến của CB, GV đánh giá và 34/350 ý kiến chiếm tỷ lệ 9.71% của HV đánh giá. Kết quả đánh giá của CB, GV và HV là tương đồng nhau, sự chênh lệch không đáng kể.

Thứ 5 là: “Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội” đạt ĐTB ở mức phù hợp nhưng ở mức thấp tiệm cận với mức tương đối phù hợp.

Phỏng vấn HV 3 về thực hiện các hành vi ĐĐNN tác giả được HV cung cấp thông tin sau: “Thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức ở nhà trường đa số HV chúng em đã phấn đấu học tập, rèn luyện theo 6 Điều Bác Hồ dạy CAND, tuy nhiên tuổi trẻ có nhiều ham muốn và cuốn hút bởi những vấn đề xã hội, đôi khi thì do quá vui chơi và nể nang bạn bè. Vì vậy, đôi khi chưa thực sự có ý chí quyết tâm cao trong học tập, rèn luyện để đạt được thành tích cao, nên đã có HV chậm tiến độ trong học tập, phải thi lại, học lại hoặc vi phạm kỷ luật của nhà trường, vi phạm nội quy của kí túc xá. Trong cuộc sống học tập và rèn luyện, còn nể nang, chưa thẳng thắn đấu tranh với những hành vi lệch chuẩn trong học tập và sinh hoạt tại kí túc xá, HV còn né tránh với một số hành vi lệch chuẩn của đồng chí, đồng đội, một bộ phận HV còn chưa thực sự tự giác trong học tập, rèn luyện dẫn tới kết quả học tập, rèn luyện chưa cao”. Như vậy, theo chia sẻ của HV thì HV còn có những hạn chế trong đấu tranh phê và tự phê bình trước các vấn đề về ĐĐNN.

Tham dự một số tiết học và sinh hoạt tập thể của HV tại Học viện Cảnh sát nhân dân cho thấy, nhiều HV đã tích cực tham gia xây dựng bài, hoạt động nhóm và các hoạt động đóng góp ý kiến cho những hoạt động chung của tập thể. Bên cạnh vẫn còn có những HV chưa tập trung nghe giảng, còn làm việc riêng trong học tập, chưa mạnh dạn thể hiện quan điểm của mình trong quá trình tiếp thu kiến thức, chưa chủ động đưa ra ý kiến của cá nhân trong các hoạt động học và hoạt động tập thể.

Nhận xét chung: Đa số HV của các trường đại học CAND có hành vi ĐĐNN ở mức phù hợp, nghiêm túc với những quy định của ngành và nhà trường, tuy nhiên chưa ở mức cao, chưa đồng đều ở tất cả các HV, mặc dù được đánh giá chung thực hiện ở mức phù hợp nhưng trong đó vẫn còn có ý kiến đánh giá thực hiện các hành vi còn ở mức không phù hợp và hoàn toàn không phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN. Bên cạnh đó còn có những hành vi ĐĐNN sau đây được CB, GV và HV đánh giá thực hiện ở mức tương đối phù hợp cần quan tâm giáo dục HV để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV đó là các hành vi sau đây: “Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học; Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND; HV tự giác, tích cực tham gia trải nghiệm trong học tập và rèn luyện ở các trường CAND; Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao; Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội”.

2.2.4. Thực trạng về một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân

Sử dụng câu hỏi của phụ lục 1.1 và 1.2, tác giả đánh giá một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN của HV, gồm 5 mức độ biểu hiện (5 - Rất thường xuyên vi phạm, 4- Vi phạm, 3- Vi phạm không thường xuyên, 2 - Không vi phạm, 1- Hoàn toàn không vi phạm), kết quả ghi ở bảng 2.6.

Bảng 2.6. Đánh giá của CB, GV, HV về một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN của HV ở các trường đại học Công an nhân dân (N1=350; N2=165)

TT	Các hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN	Kết quả thực hiện			
		HV		CB, GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Vi phạm quy chế học tập, rèn luyện	2.28	0.74	2.29	0.74
2	Vi phạm trong luyện tập Điều lệnh CAND	2.64	0.92	2.62	0.74
3	Vi phạm khi tham gia các hoạt động của nhà trường, lớp học tổ chức	2.50	0.89	2.50	0.92
4	Vi phạm khi tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện...	2.42	0.94	2.43	0.89
5	Chào hỏi chưa đúng điều lệnh, văn hóa ứng xử trong CAND	2.64	0.95	2.64	0.94
6	Vi phạm quy định khi tham gia hoạt động thực hành chính trị - xã hội, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân	2.56	0.93	2.55	0.95
7	Tham gia chưa đầy đủ các cuộc họp quán triệt về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của ngành	2.57	0.90	2.53	0.93
8	Tham gia chưa đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề do Nhà trường tổ chức	2.60	0.93	2.56	0.90
9	Sử dụng rượu, bia trong quá trình học tập tại trường	2.42	0.92	2.36	0.93
10	Ra ngoài trường để giải quyết công việc cá nhân không xin phép chủ nhiệm trung đội	2.56	0.93	2.55	0.92
ĐTB chung		2.52		2.50	

Nhận xét: Qua bảng trên cho thấy, HV các trường đại học CAND trong quá trình học tập, rèn luyện vẫn có hành vi chưa phù hợp với các quy định về công tác quản lý, giáo dục HV; vi phạm các quy định của ngành và vi phạm các chuẩn mực, giá trị ĐĐNN của lực lượng CAND. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy các hành vi chưa phù hợp đó đều được HV đánh giá ở mức không thường xuyên và không sai phạm cụ thể các đánh giá có ĐTB dao động từ 2.28 điểm đến 2.64 điểm, các Eterm có độ lệch chuẩn dao động từ 0,74 đến 0,95 và CB, GV đánh giá cũng ở mức không thường xuyên và không sai phạm với kết quả ĐTB dao động từ 2,29 điểm đến 2,64 điểm, các Eterm đánh giá có sự dao động từ 0,74 đến 0,95, chứng tỏ thang đo có hiệu lực và các kết quả thu được có độ tin cậy.

Các vi phạm phổ biến nhất, thường xuyên nhất là: “chào hỏi chưa đúng điều lệnh, văn hóa ứng xử trong Công an nhân dân” với ĐTB là 2.64 điểm (CB, GV) và 2.64 điểm (HV) xếp mức không thường xuyên vi phạm.

Hành vi tiếp theo là: “Vi phạm khi luyện tập Điều lệnh CAND” với ĐTB là 2.62 điểm (CB, GV) và 2.64 điểm (HV) ở mức không thường xuyên vi phạm, tìm hiểu thực tế lỗi mà HV thường vi phạm đó là lỗi tự quản trong phòng ở: Ngủ dậy chặn màn không gấp đúng quy định; tập trung đội hình đội ngũ còn chậm chễ vào buổi sáng, vi phạm điều lệnh trong thực hiện luyện tập tại thao trường vv...

“Sử dụng rượu, bia trong quá trình học tập tại trường” (ĐTB 2.36 và 2.42 điểm) ở mức không vi phạm mặc dù nhà trường đã có những quy định cụ thể, tuy nhiên vẫn còn có HV vi phạm quy định này nhưng với số lượng không lớn. Trao đổi với HV 4 về việc uống rượu bia trong trường, HV trả lời như sau: “trong trường HV thực hiện nghiêm việc cấm uống rượu, bia trong trường học, tuy nhiên trong những buổi tổ chức sinh nhật cho các bạn, đôi khi chúng tôi vẫn lén sử dụng để tạo không khí vui vẻ với các đồng chí, hoặc những khi tổ chức các buổi tổng kết, tổ chức ngày lễ, tết, một số HV vẫn sử dụng để tạo không khí trong tập thể phòng, tập thể lớp”.

Các hành vi còn lại đều ở mức ít vi phạm, không có hành vi nào là được đánh giá ở mức không vi phạm, hành vi vi phạm quy chế học tập có kết quả đánh giá vi phạm ở mức thấp nhất với ĐTB là 2.29 điểm và 2.28 điểm đạt mức ít vi phạm ở

mức thấp. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp cho thấy trong năm học 2022 - 2023 có 25 học viên, chiếm tỉ lệ 0,2% số HV tại 5 trường khảo sát vi phạm nội quy, quy chế học tập của nhà trường, con số này tương đối thấp.

Đối với lực lượng CAND văn hóa ứng xử, kỷ luật là một trong những nội dung quan trọng nhằm xây dựng lực lượng Công an của nhân dân, vì nhân dân, sẵn sàng phụng sự nhân dân, song phẩm chất, giá trị này của HV chưa thực sự tốt, vẫn có những vi phạm. Do đó, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cần tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao văn hóa ứng xử cho HV làm cơ sở để hướng đến xây dựng nét đẹp, giá trị truyền thống của CAND Việt Nam.

Phỏng vấn HV 3 về những hành vi vi phạm của HV tại trường, tác giả thu được những thông tin sau: “Học viên còn có tình trạng hỏi bài trong khi thi, kiểm tra và thậm chí có hiện tượng sử dụng tài liệu, trong sinh hoạt tại kí túc xá còn có HV chưa chấp hành nội quy về sinh hoạt, một vài HV còn chưa có hành vi văn hóa chuẩn mực trong giao tiếp, trong tập luyện chưa tuân thủ những quy định về điều lệnh của ngành...”.

Nghiên cứu hồ sơ tổng kết năm học của năm 2023 - 2024 cho thấy một số biểu hiện về hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN của HV tại các trường đại học CAND gồm các biểu hiện sau đây và đã được nhà trường xử lý các mức khác nhau:

Tổng số học viên còn bị nhắc nhở trong học tập, rèn luyện trong năm học 2023 - 2024 của 5 trường là: 91 học viên.

Tổng số HV còn bị phê bình thuộc 5 trường khảo sát được lưu hồ sơ HV: 21 học viên.

Tổng số HV bị cảnh cáo của 5 trường trong năm học 2023 - 2024 là: 02 học viên.

Tổng số HV bị khiển trách của 5 trường trong năm học 2023 - 2024 là: 23 học viên.

Tổng số HV bị buộc thôi học của 5 trường trong năm học 2023 - 2024 là: 03 học viên.

Nhận xét đánh giá chung: Qua nghiên cứu tài liệu thứ cấp, cho thấy HV các trường đại học CAND (5 trường khảo sát) trong quá trình học tập, rèn luyện vẫn có hành vi chưa phù hợp các quy định về nội quy học tập, công tác quản lý, giáo dục HV; vi phạm các quy định của ngành, và vi phạm các chuẩn mực, giá trị ĐĐNN của lực lượng CAND. Trong đó, số học viên bị buộc thôi học còn tồn tại những HV vi phạm nghiêm trọng, buộc thôi học ra khỏi Ngành, HV bị cảnh cáo, khiển trách còn

xảy ra, điều này cho thấy HV sống trong môi trường kỉ luật, điều lệnh, ăn ở sinh hoạt tập trung, kiểm soát chặt chẽ, giáo dục thường xuyên vẫn vi phạm. Số HV bị phê bình, nhắc nhở vẫn còn tồn tại, xảy ra, đa số các vi phạm như dạy muộn, lên lớp chưa đúng giờ, chưa ngăn nắp nơi ở... Như vậy, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV, GV và cán bộ quản lý giáo dục cần tổ chức các hoạt động dạy học và lồng ghép các hoạt động ngoài giờ nhằm nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm trong rèn luyện đạo đức cho HV làm cơ sở để hướng đến xây dựng giá trị nhân cách của CAND Việt Nam cho HV trong quá trình học tập, rèn luyện.

2.2.5. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân

i. Thực trạng về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của học viên ở các trường đại học CAND

Tổng hợp kết quả đánh giá thực trạng học tập, rèn luyện của sinh viên các trường khảo sát thông qua nghiên cứu tài liệu thứ cấp trong tổng kết năm học 2023 - 2024 tại các trường khảo sát, kết quả thu được như sau:

Nghiên cứu báo cáo tổng kết, đánh giá về tình hình học tập, rèn luyện của học viên tại năm trường khảo sát cho thấy như sau: tỷ lệ học viên có kết quả học tập, rèn luyện xếp loại tốt và khá chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên vẫn còn học viên có kết quả học tập, rèn luyện trung bình và yếu, đặc biệt còn có học viên mắc lỗi, bị phê bình, cảnh cáo và khiển trách về vi phạm nội quy quy chế của nhà trường và thậm chí có học viên buộc thôi học.

Phỏng vấn GV 3 về kết quả học tập thường xuyên của HV, tác giả thu được các thông tin sau: “Đa số HV đều có ý thức học tập và đạt kết quả từ trung bình khá trở lên, tuy nhiên còn một bộ phận nhỏ HV chưa có ý thức học tập tốt, chưa chuyên cần trong học tập và xây dựng bài trên lớp, chưa tích cực trong các hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn; Còn có HV phải thi lại và nợ môn vì chưa đạt yêu cầu. Về rèn luyện còn có tình trạng HV vi phạm quy chế học tập, quy chế lớp học và nội quy kí túc xá bị nhắc nhở hoặc phê bình. Việc đấu tranh phê và tự phê của HV chưa cao; một bộ phận nhỏ HV còn thiếu gương mẫu, ứng xử đôi khi chưa phù hợp và chuẩn mực với quy định của ngành”.

Nghiên cứu hồ sơ trực tuần của các đơn vị cho thấy số theo dõi vẫn còn có tình trạng HV vi phạm nội quy của nhà trường và nội quy ký túc xá: Vi phạm quy tắc ứng xử; vi phạm quy tắc nội quy ký túc xá, vi phạm kỷ luật đội ngũ; vv...

ii. Nhận xét chung:

Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy đa số HV các trường đại học CAND đã có nhận thức đúng về phẩm chất ĐĐNN của ngành CAND, tuy nhiên còn một bộ phận HV có nhận thức đúng nhưng chưa đầy đủ về ĐĐNN của ngành CAND;

Về thái độ ĐĐNN của HV các kết quả phân tích cho thấy: Đa số HV đã có thể hiện thái độ phù hợp với các phẩm chất ĐĐNN của ngành CAND, tuy nhiên còn một số HV có thái độ chưa phù hợp hoặc không phù hợp, hoàn toàn không thể hiện thái độ ĐĐNN đối với một số phẩm chất đó là: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND; Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi; Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV

Về hành vi ĐĐNN của HV các trường đại học CAND các kết quả nghiên cứu cho thấy đa số HV của các trường đại học CAND có hành vi ĐĐNN ở mức phù hợp, nghiêm túc với những quy định của ngành và nhà trường, tuy nhiên chưa ở mức cao, chưa đồng đều ở tất cả các HV, trong đó một số hành vi ĐĐNN của HV cần có sự quan tâm giáo dục nhiều hơn đó là các hành vi sau đây: “Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học; Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND; HV tự giác, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường; Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao; Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội”.

Kết quả học tập rèn luyện của HV cho thấy đa số HV đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện với kết quả từ mức khá trở lên trên hai mặt đánh giá đó là kết quả học tập và rèn luyện đạo đức, tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ nhỏ HV bị buộc thôi học, bị khiển trách, phê bình cảnh cáo và bị chậm tiến độ trong học tập, rèn luyện, bị nhắc nhở trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường.

Những kết quả đánh giá trên đây là căn cứ để GV, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND. Đồng thời là căn cứ để đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND nhằm nâng cao chất lượng đào tạo người CB CAND trong bối cảnh hiện nay.

2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

2.3.1. Thực trạng mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Để đánh giá mức độ và kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV, chúng tôi sử dụng câu hỏi tại phụ lục 1.1 và 1.2 tiến hành khảo sát CB, GV, HV. Kết quả thể hiện ở bảng 2.7.

Bảng 2.7. Đánh giá của CB, GV, HV về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Mục tiêu giáo dục	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1. Hình thành, phát triển các tri thức hiểu biết về chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND						
1.1. Nhận diện được vai trò của các chuẩn mực ĐĐNN	4.19	0.88	2	4.13	0.93	3
1.2. Hiểu phương pháp, con đường rèn luyện ĐĐNN	4.21	0.88	1	4.18	0.90	1
2. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV						
2.1. Hình thành, phát triển thái độ ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với Tổ quốc, với Đảng	4.18	0.90	3	4.14	0.95	2
2.2. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với Nhân dân	4.11	0.97	8	4.11	0.97	4
2.3. Hình thành, phát triển thái độ, tình cảm, niềm tin ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với công việc	4.19	0.92	2	4.06	0.99	6
2.4. Hình thành, phát triển thái độ, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với kẻ thù	4.06	0.97	8	4.04	1.01	7
2.5. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với bản thân	4.17	0.89	4	4.07	0.94	5
3. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN cho HV						
3.1. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với Tổ quốc, với Đảng	4.15	0.92	6	4.07	0.97	5
3.2. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với Nhân dân	4.18	0.88	3	3.98	1.05	8
3.3. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với công việc	4.16	0.91	5	4.07	0.96	5
3.4. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với kẻ thù	4.17	0.90	4	3.97	1.06	9
3.5. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với bản thân	4.12	0.97	7	3.96	1.04	10
Điểm trung bình chung	4.16			4.07		

Phân tích kết quả bảng 2.7 cho thấy:

Đa số CB, GV, HV đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả trong thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND ở mức khá (ĐTB chung là 4.16 và 4.07). Các mục tiêu được thực hiện đồng đều, có hiệu quả tương ứng nhau. Điều đó thể hiện các trường đại học CAND đã quan tâm, chú trọng giáo dục nhân cách người CB CAND phát triển toàn diện, đề cao việc giáo dục đạo đức người người Công an cách mạng, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn công tác, chiến đấu của lực lượng CAND. Trong các Eterm khảo sát đánh giá về mức độ thực hiện mục tiêu và kết quả thực hiện mục tiêu thì độ lệch chuẩn của các nội dung khảo sát dao động từ 0,88 đến 0,97 và 0,93 đến 1,06 điều đó chứng tỏ thang đo đánh giá có hiệu lực và các kết quả thu được có độ tin cậy.

Về mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV kết quả khảo sát cho thấy như sau:

Nhìn chung các mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND đã được thực hiện thường xuyên, có mục tiêu thực hiện đạt mức rất thường xuyên, kết quả đạt từ mức khá trở lên có nhiều mục tiêu thực hiện tiệm cận gần đến mức tốt cụ thể như sau:

Các mục tiêu giáo dục về tri thức ĐĐNN đã được GV, cán bộ quản lý và học viên đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và rất thường xuyên với ĐTB là 4.19 và 4.21 điểm; Đồng thời kết quả thực hiện các mục tiêu này cũng được đánh giá cao với kết quả thực hiện ở mức khá và tiệm cận gần mức thực hiện tốt với ĐTB là 4.13 và 4.18 điểm; Nghiên cứu sản phẩm hoạt động cho thấy GV và cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cao nhận thức cho HV về ĐĐNN, thường xuyên giáo dục HV trong các buổi sinh hoạt đầu khóa cuối khóa, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tập thể hàng tuần, các hoạt động mang tính truyền thống của nhà trường, của khoa và trong các hoạt động giảng dạy, rèn luyện của HV. Vì vậy, HV đã thấm nhuần được những chuẩn mực ĐĐNN cần phải phát triển, tập luyện, rèn luyện, hiểu biết được các con đường tập luyện, rèn luyện các phẩm chất này.

Các mục tiêu về giáo dục thái độ, niềm tin và tình cảm ĐĐNN cho HV cũng được đánh giá tương đối cao có kết quả về mức độ thực hiện dao động với ĐTB từ 4.06 điểm đến 4.19 điểm các kết quả đều đạt mức thực hiện thường xuyên và tiệm cận với mức rất thường xuyên. Trong đó phải kể đến là mục tiêu giáo dục thái độ, niềm tin, tình cảm với công việc có ĐTB cao nhất đạt 4.19 điểm còn mục tiêu giáo dục thái độ, tính cảm đối với kẻ thù có điểm thấp nhất là 4.06 điểm. Về kết quả thực

hiện mục tiêu giáo dục thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV có kết quả thực hiện đạt ĐTB từ 4.04 điểm đến 4.14 điểm đều đạt kết quả thực hiện khá và tiệm cận với mức thực hiện tốt. Cao nhất là mục tiêu giáo dục thái độ, niềm tin, tình cảm với Tổ quốc, với Đảng có ĐTB đạt 4.14 điểm, thấp nhất là thực hiện mục tiêu giáo dục thái độ, tình cảm đối với kẻ thù có ĐTB là 4.04 điểm đạt kết quả thực hiện khá.

Về thực hiện mục tiêu giáo dục hành vi ĐĐNN cho HV kết quả khảo sát cho thấy về mức độ thực hiện tương đối tốt, GV và cán bộ quản lý các trường đã thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục hành vi phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN cho HV do đó kết quả đánh giá có ĐTB dao động từ 4.12 điểm đến 4.18 điểm đạt mức thường xuyên và tiệm cận với mức rất thường xuyên. Tuy nhiên kết quả thực hiện lại thấp hơn so với mức độ thực hiện, kết quả đánh giá cho thấy ĐTB về kết quả thực hiện có ĐTB dao động từ 3.96 điểm đến 4.07 điểm đạt mức khá nhưng có kết quả thực hiện thấp nhất trong 3 mục tiêu thực hiện, điều này khiến GV, cán bộ quản lý cần quan tâm hơn tới việc giáo dục hành vi đạo đức cho HV làm thế nào để chuyển hóa, nhận thức, thái độ, niềm tin, tình cảm thành hành vi ĐĐNN cho HV.

Phỏng vấn GV1: Về thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức cho HV, được GV trả lời như sau “Thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường, tất cả các mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV được các đơn vị quan tâm quán triệt do đó từng GV, cán bộ của nhà trường đều đã quan tâm triển khai thực hiện trong mọi hoạt động của HV tại trường, từ việc thực hiện học tập trên lớp cũng như rèn luyện tại thao trường hay sinh hoạt ở kí túc xá của HV, tuy nhiên do số lượng HV lớn nên đôi khi CB, GV cũng chưa quan tâm được hết trong việc cá thể hóa thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV đến từng HV”.

Nhận xét chung: Các mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND đã được GV, CB và HV quan tâm thực hiện ở mức thường xuyên, các kết quả thực hiện đều được đánh giá ở mức khá và tiệm cận với mức thực hiện tốt, đây là cơ sở tiền đề cho thực hiện các nội dung và hình thức giáo dục ĐĐNN cho HV đạt hiệu quả và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường. Tuy nhiên, bên cạnh vẫn còn tỷ lệ không nhỏ các ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được thường xuyên hoặc không thực hiện và kết quả thực hiện còn ở mức yếu, rất yếu cần cải thiện, đặc biệt là một số mục tiêu có tính đặc thù của ĐĐNN ngành CAND.

2.3.2. Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Sử dụng câu hỏi trong phụ lục 1.1, 1.2, tác giả đánh giá về thực hiện nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên, kết quả ghi ở bảng 2.8.

Bảng 2.8. Đánh giá của CB, GV, HV về nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND

Nội dung giáo dục ĐĐNN	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1. Giáo dục lòng yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân						
1.1 Lòng yêu nước, trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân	4.21	0.86	3	4.09	0.95	3
1.2. Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	4.20	0.89	4	3.99	0.74	7
1.3. Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam	4.21	0.89	3	3.98	0.85	8
2. Giáo dục ý thức tự giác, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN, lối sống						
2.1. Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao	4.21	0.85	3	3.97	0.96	9
2.2. Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân.	4.26	0.81	1	4.01	0.80	6
2.3 Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc	3.63	0.88	12	3.29	0.85	14
2.4. Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao	4.09	0.98	9	4.08	0.98	4
3. Giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an						
3.1. Trung thực, kỷ luật, bảo mật trong công việc, nhiệm vụ được giao	4.18	0.89	5	3.93	0.89	11
3.2. Gương mẫu, chuẩn mực trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ	4.17	0.91	6	3.99	0.73	7
3.3. Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao	4.17	0.93	6	3.93	0.88	11

Nội dung giáo dục ĐĐNN	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
4. Giáo dục lòng yêu nghề, giá trị nghề nghiệp						
4.1. Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp	4.10	0.96	8	4.03	0.73	5
4.2. Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm	4.11	0.97	7	4.11	0.97	2
4.3. Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt	4.09	0.99	9	3.93	0.83	11
5. Giáo dục lối sống giản dị phục vụ nhân dân						
5.1. Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm	4.09	0.97	9	4.01	0.80	6
5.2. Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân	4.22	0.90	2	4.21	0.90	1
5.3. Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân	3.98	0.76	11	3.83	0.92	12
6. Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	4.09	0.99	9	3.96	0.89	10
7. Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...	4.07	0.80	10	3.77	0.79	13
Điểm trung bình	4.12			3.95		

Phân tích kết quả bảng 2.8 cho thấy: Đa số CB, GV, HV được hỏi đều đánh giá rất cao về việc thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND hiện nay, tuy nhiên, giữa mức độ thực hiện và kết quả thực hiện là không tương đồng nhau ĐTB chung mức độ thực hiện là 4.12 và kết quả thực hiện là 3.95; các Eterm khảo sát về mức độ thực hiện nội dung giáo dục ĐĐNN có ĐTB dao động từ 3,63 đến 4,26 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0,76 đến 0,99. Các kết quả đánh giá về kết quả thực hiện nội dung có ĐTB dao động từ 3,29 điểm đến 4,11 điểm thấp hơn so với mức độ thực hiện và độ lệch chuẩn của các Eterm dao động từ 0,73 đến 0,88 điều này chứng tỏ thang đánh giá có hiệu lực và kết quả thu được có độ giá trị và độ tin cậy.

Như vậy, kết quả thực hiện nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV được đánh giá thấp hơn mức độ thực hiện. Điều đó cho thấy, nội dung giáo dục ĐĐNN đã được các

nhà trường quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng kết quả mang lại chưa cao so với kỳ vọng đặt ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây là vấn đề mà GV và lực lượng giáo dục cần chú ý khắc phục bằng việc đổi mới phương pháp, hình thức, con đường giáo dục phù hợp nhằm mang lại kết quả cao trong việc giáo dục ĐĐNN cho HV.

Về mức độ thực hiện: nội dung giáo dục “Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân” có mức độ thực hiện xếp thứ nhất (ĐTB là: 4.26 - mức độ thực hiện rất thường xuyên). Tuy nhiên vẫn còn 27/515 chiếm tỷ lệ 5.24% ý kiến đánh giá không thực hiện. Đây là vấn đề GV, CB cần quan tâm trong thực hiện nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV.

Nội dung giáo dục về “Tình yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân” được đánh giá mức độ thực hiện cùng xếp thứ 2 (ĐTB: 4.22 - Rất thường xuyên), tuy nhiên bên cạnh vẫn còn 32/515 chiếm tỷ lệ 6.21% ý kiến không thực hiện. Điều đó cho thấy, các trường đại học CAND đã thường xuyên quan tâm, thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN gắn với việc tổ chức triển khai cuộc vận động đẩy mạnh thực hiện Sáu điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy CAND, tuy nhiên mức độ thực hiện chưa hoàn toàn triệt để đối với mọi HV.

Các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV được đánh giá có mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB là 4.21 điểm xếp thứ 3 trong các nội dung triển khai gồm các nội dung giáo dục sau:

Phẩm chất tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân.

Tình yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam.

Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, trong các nội dung thực hiện kể trên vẫn còn các ý kiến đánh giá không thực hiện.

Nội dung giáo dục: “Đức tính thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc” có kết quả đánh giá mức độ thực hiện với ĐTB là 3.63 điểm xếp mức thường xuyên thực hiện nhưng ở mức thấp, bên cạnh đó còn có 53/515 chiếm tỷ lệ 10.29% ý kiến đánh giá không thực hiện, mặc dù đây là những phẩm chất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ công tác của CB Công an, nhưng chưa được quan tâm thực hiện triệt để. Vì vậy, các trường đại học CAND cần chú ý thực hiện tốt hơn những nội dung này, nhằm giáo dục phẩm chất ĐĐNN cho HV.

Về kết quả thực hiện:

Nội dung được khách thể đánh giá cao nhất là giáo dục “Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân” (ĐTB 4.21 - kết quả thực hiện rất tốt); Xếp thứ 2 về kết quả thực hiện tiếp theo là nội dung giáo dục đảm bảo “Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm” (ĐTB 4.11 - đạt kết quả thực hiện tốt) mặc dù nhiều nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV được đánh giá kết quả thực hiện ở mức tốt tuy nhiên vẫn còn các ý kiến đánh giá kết quả thực hiện ở mức trung bình và yếu, đây là vấn đề GV, CB cần xem xét để nâng cao kết quả thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV.

Xếp cuối cùng là giáo dục cho HV về “Đức tính thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc” có kết quả thực hiện là 3.29 điểm - đạt mức khá; tuy nhiên các ý kiến đánh giá nội dung giáo dục trên còn có kết quả thực hiện ở mức trung bình và yếu là 51/515 chiếm tỷ lệ 9.90% ý kiến.

Tìm hiểu nguyên nhân cho thấy nội dung trên nếu chỉ thực hiện nội dung giáo dục HV ở trong khuôn viên nhà trường rất khó triển khai thực hiện và khó quan sát, đánh giá về sự thanh liêm, chính trực của HV, các phẩm chất này đòi hỏi phải có môi trường để HV bộc lộ qua sự trải nghiệm của HV đối với công việc và trong mối quan hệ với đồng nghiệp, với người dân và nhiều đối tượng khác.

Các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV là rất cần thiết, có liên quan chặt chẽ với việc thực hiện các nhiệm vụ của người CB CAND. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, do sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường; sự du nhập về văn hóa, lối sống thực dụng; tác động của cuộc cách mạng 4.0; đạo đức xã hội xuống cấp, suy thoái... Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đạo đức, truyền thống, giá trị con người Việt Nam, đến đạo đức người CB CAND và dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ. Vì vậy, các nhà trường đã rất quan tâm, chú trọng đến việc trang bị cho HV những nội dung, chuẩn mực, giá trị, nguyên tắc đạo đức để giúp HV hoàn thiện nhân cách người CB CAND, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và Nhân dân tin tưởng, giao phó.

Qua phỏng vấn GV 2 của các trường đại học CAND cho thấy: “Các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV chủ yếu thực hiện qua tổ chức hoạt động rèn luyện, hoạt

động phong trào mà chưa được lồng ghép sâu trong chương trình dạy học các học phần, chuẩn đầu ra, nội dung các môn học; chưa cụ thể các phẩm chất ĐĐNN của người CB CAND cần giáo dục trong nội dung các môn học trong quá trình dạy học tại nhà trường. Mặt khác việc giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua hình thức trải nghiệm nghề nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục mà theo từng chu kỳ hoạt động của mỗi khoa đào tạo”. Kết hợp nghiên cứu một số đề cương học phần của trường đại học X cho thấy chuẩn đầu ra của các học phần không có chuẩn đầu ra về phẩm chất ĐĐNN của HV cần đạt mà chủ yếu là thái độ học tập tích cực của HV.

Nhận xét chung: Về mức độ thực hiện nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đã được triển khai thực hiện ở mức thường xuyên, một số nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV được đánh giá thực hiện ở mức rất thường xuyên và thường xuyên, tuy nhiên vẫn còn hai nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV còn được đánh giá thực hiện với mức độ không thường xuyên đó là: Giáo dục “Tính tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao” và giáo dục “Đức tính thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc”. Về kết quả thực hiện giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đã đạt được kết quả đáng ghi nhận, có nội dung giáo dục được đánh giá ở kết quả thực hiện tốt, rất tốt, nhiều nội dung được đánh giá kết quả thực hiện tốt, tuy nhiên còn hai nội dung còn có kết quả thực hiện ở mức khá đó là: Giáo dục “Đức tính thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc”. Bên cạnh đó một số nội dung có kết quả đánh giá thực hiện tốt, rất tốt nhưng vẫn còn có ý kiến đánh giá thực hiện ở mức trung bình và yếu. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho HV, GV các trường đại học CAND cần phát triển chương trình dạy học theo hướng tăng cường giáo dục ĐĐNN cho HV, xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục mang tính trải nghiệm nghề nghiệp cao để giáo dục HV về các phẩm chất, chuẩn mực ĐĐNN của người CB CAND.

2.3.3. Phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Sử dụng câu hỏi trong phụ lục 1.1, 1.2, tác giả đánh giá về phương pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên, kết quả ghi ở bảng 2.9.

Bảng 2.9. Đánh giá của CB, GV, HV về phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND

Các phương pháp giáo dục ĐĐNN	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1. Giải thích, minh họa	3.78	0.87	7	3.78	0.75	4
2. Thuyết trình, giảng giải	3.80	0.83	6	3.64	0.95	10
3. Nêu và giải quyết vấn đề	3.78	0.91	7	3.78	0.86	4
4. Đàm thoại hoặc tổ chức diễn đàn	3.85	0.72	3	3.83	0.85	3
5. Dự án giáo dục	3.33	0.75	12	3.27	0.86	11
6. Phương pháp giao việc	3.77	0.84	9	3.74	0.82	8
7. Phương pháp tập luyện tại thao trường	3.76	0.75	10	3.75	0.78	7
8. Phương pháp rèn luyện kỹ năng, hành vi	3.86	0.81	2	3.85	0.86	2
9. Phương pháp xử lý tính huống	3.86	0.86	2	3.83	0.88	3
10. Phương pháp nghiên cứu trường hợp	3.35	0.85	11	3.27	0.86	11
11. Phương pháp thi đua	3.81	0.84	5	3.79	0.83	5
12. Phương pháp khen thưởng	3.83	0.81	4	3.67	0.90	9
13. Phương pháp trách phạt	3.80	0.85	6	3.79	0.83	5
14. Phương pháp nêu gương	3.91	0.81	1	3.90	0.80	1
Trung bình chung	3.75			3.71		

Kết quả bảng 2.9 cho thấy: Các trường đại học CAND đã tiến hành đa dạng hóa các phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV và thực hiện nó một cách thường xuyên, liên tục (ĐTB: 3.75); hiệu quả của các phương pháp này được đánh giá kết quả thực hiện ở mức tốt (ĐTB: 3.71). Đánh giá về mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV kết quả ĐTB dao động từ 3,33 đến 3,86 điểm và độ lệch chuẩn cũng dao động từ 0,72 đến 0,91. Đánh giá về kết quả thực hiện các các phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV kết quả ĐTB dao động từ 3,27 đến 3,85 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0,75 đến 0,95, kết quả trên thể hiện thang đánh giá có hiệu lực và các kết quả thu được có độ giá trị và độ tin cậy. Cụ thể:

Thứ nhất, về mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV:

Các phương pháp được đánh giá là GV sử dụng thường xuyên bao gồm: Phương pháp thuyết trình, giảng giải, giải thích, minh họa; Phương pháp giáo dục nêu gương, giao việc, kỷ luật tích cực, giải quyết vấn đề, thi đua, khen thưởng vv... các phương pháp này đều được đánh giá về mức độ sử dụng với điểm số dao động từ 3.75 đến 3.91 điểm, xếp mức thường xuyên thực hiện.

Tuy nhiên, có hai phương pháp chiếm ưu thế trong giáo dục ĐĐNN cho HV theo hướng trải nghiệm nghề nghiệp cao lại chưa được GV các trường sử dụng thường xuyên đó là các phương pháp giáo dục sau đây:

Phương pháp dự án giáo dục đạt ĐTB là 3.33 điểm

Phương pháp nghiên cứu trường hợp có ĐTB là 3.35 điểm.

Đặc biệt trong các ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện 2 phương pháp kể trên còn có nhiều ý kiến đánh giá là GV chưa sử dụng, hoàn toàn chưa sử dụng là 36/515 và 45/515 ý kiến chiếm tỷ lệ 7% và 8.74% ý kiến, đây là những số liệu GV và CB cần lưu tâm trong đổi mới phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV.

Phỏng vấn GV 2; GV 5 về sử dụng phương pháp giáo dục trong giáo dục ĐĐNN cho học viên, tác giả thu được những thông tin chung như sau: “Để giáo dục HV chúng tôi đã sử dụng nhiều phương pháp giáo dục trong quá trình giảng dạy học phần và trong quá trình tổ chức các hoạt động rèn luyện cho HV, tuy nhiên một số phương pháp giáo dục đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và trải nghiệm thực tiễn, GV chưa thường xuyên sử dụng do quỹ thời gian có hạn, mặt khác điều kiện về kỷ luật giờ học thực hiện theo điều lệ lên lớp nên GV tập trung cho nội dung của các nội dung dạy học là chủ yếu”.

Về kết quả thực hiện các phương pháp giáo dục cho thấy:

Nhiều phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV đã đạt kết quả thực hiện ở mức tốt như: Phương pháp thuyết trình, giảng giải, giải thích, minh họa; phương pháp giáo dục nêu gương, giao việc, giải quyết vấn đề, thi đua, khen thưởng vv... các phương pháp này đều được đánh giá về kết quả thực hiện được đánh giá với điểm số dao động từ 3.64 đến 3.90 điểm xếp mức thực hiện tốt. Nhưng bên cạnh đó cũng

các phương pháp trên còn có những ý kiến đánh giá kết quả thực hiện ở mức khá và trung bình chiếm tỷ lệ từ 3.30% đến 13.4% ý kiến đánh giá.

Có hai phương pháp chiếm ưu thế trong giáo dục ĐĐNN cho HV theo hướng trải nghiệm nghề nghiệp chưa được GV các trường sử dụng hiệu quả mà mới có kết quả thực hiện khá đó là các phương pháp giáo dục sau đây:

Phương pháp dự án giáo dục; Phương pháp nghiên cứu trường hợp có ĐTB là 3.27 điểm, đồng thời còn 53/515 ý kiến đánh giá kết quả thực hiện ở mức trung bình và yếu chiếm tỷ lệ là 10.29% ý kiến.

Thực tế đã chứng minh hành vi đạo đức và thái độ ĐĐNN của con người được hình thành thông qua hoạt động và bằng hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Vì vậy, muốn nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV đòi hỏi GV cần tăng cường vận dụng, sử dụng các phương pháp giáo dục mang tính trải nghiệm gắn với nghề nghiệp của HV, giúp HV có môi trường củng cố nhận thức, có cơ hội bày tỏ thái độ quan điểm và hành vi đạo đức của bản thân trong các mối quan hệ.

Nhận xét chung: Về phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV đã được GV, CB của các trường đại học CAND quan tâm vận dụng nhằm phát huy vai trò tự giáo dục của HV, nhiều phương pháp giáo dục được đánh giá mức độ thực hiện ở mức thường xuyên và có kết quả khá, tuy nhiên còn một số phương pháp giáo dục theo hướng trải nghiệm để giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được sử dụng thường xuyên và chưa có kết quả thực hiện tốt cần cải thiện để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV.

2.3.4. Con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Sử dụng câu hỏi trong phụ lục 1.1, 1.2, tác giả đánh giá về các con đường giáo dục ĐĐNN cho học viên, kết quả ghi ở bảng 2.10.

Bảng 2.10. Đánh giá của CB, GV, HV về các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND

Các con đường giáo dục ĐĐNN	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1. Thông qua hoạt động dạy học	3.40	0.88	10	3.31	0.88	10
2. Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học và thực hiện nội quy kí túc xá						
2.1. Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học	3.90	0.77	1	3.89	0.81	2
2.2. Thông qua thực hiện nội quy, kỷ luật kí túc xá	3.78	0.87	6	3.75	0.87	6
3. Thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể						
3.1. Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao	3.90	0.79	1	3.91	0.83	1
3.2. Thông qua học tập chính trị đầu năm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Ngành	3.77	0.83	7	3.75	0.83	6
3.3. Sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt Đảng	3.46	0.76	9	3.34	0.86	9
3.4. Qua các hoạt động từ thiện nhân đạo	3.68	0.88	8	3.64	0.90	8
3.5. Thông qua báo cáo, nói chuyện chuyên đề về đạo đức, lối sống	3.79	0.83	5	3.78	0.86	5
3.6. Thông qua tọa đàm, hội thảo khoa học	3.81	0.94	3	3.81	0.94	4
3.7. Tổ chức hội thi nghiệp vụ CAND	3.31	0.74	11	3.30	0.73	11
4. Giáo dục ĐĐNN thông qua hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp						
4.1. Qua thực tế chuyên môn tại cơ sở, thực tập và nghiên cứu thực tế tại các đơn vị cơ sở	3.31	0.87	12	3.30	0.89	11
4.2. Qua tham quan thực tế chuyên môn thuộc môn học	3.87	0.79	4	3.87	0.82	3
4.3. Qua hoạt động thực hành chính trị - xã hội	3.81	0.84	3	3.81	0.94	4
4.4. Thông qua thực hành, luyện tập, rèn luyện tại thao trường	3.83	0.91	2	3.64	1.03	7
5. Thông qua sự giáo dục của gia đình và xã hội	3.81	0.80	3	3.78	0.76	5
6. Thông qua hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV	3.27	0.87	13	3.28	0.90	12
Điểm trung bình	3.67			3.63		

Kết quả khảo sát cho thấy:

Về mức độ sử dụng các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV: Đa số khách thể đều đánh giá mức độ sử dụng các con đường, hình thức giáo dục là rất phù hợp (ĐTB: 3.67 - mức độ thường xuyên thực hiện). Đánh giá về mức độ thực hiện các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV kết quả ĐTB dao động từ 3,27 đến 3,90 điểm và độ lệch chuẩn cũng dao động từ 0,74 đến 0,94. Đánh giá về kết quả thực hiện các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV kết quả ĐTB chung là 3,63 điểm, các Eterm đánh giá có ĐTB dao động từ 3,28 đến 3,91 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0,73 đến 1,03, kết quả trên thể hiện thang đánh giá có hiệu lực, các kết quả thu được có độ giá trị và độ tin cậy.

Các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND được tiến hành thường xuyên có ĐTB dao động từ 3.27 điểm đến 3.90 điểm gồm:

- Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;
- Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học;
- Qua tham quan thực tế chuyên môn thuộc môn học;
- Thông qua tọa đàm, hội thảo khoa học;
- Thông qua báo cáo, nói chuyện chuyên đề về đạo đức, lối sống;
- Thông qua thực hiện nội quy, kỷ luật kỉ túc xá;
- Thông qua học tập học tập chính trị đầu năm, học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Ngành;
- Thông qua thực hành, luyện tập, rèn luyện tại thao trường;
- Qua các hoạt động từ thiện nhân đạo;
- Sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt Đảng.

Tuy nhiên trong các con đường trên còn nhiều ý kiến đánh giá ở mức độ chưa thực hiện và hoàn toàn chưa thực hiện chiếm tỷ lệ giao động từ: 35/515 (6.8%) đến 53/515 (10.29%).

Bên cạnh còn một số con đường giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được các trường tiến hành thường xuyên đó là:

- Thông qua việc dạy học các môn học;

- Qua thực tế chuyên môn tại cơ sở thực tập và nghiên cứu thực tế tại các đơn vị cơ sở;

- Tổ chức hội thi nghiệp vụ CAND;

- Hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV.

Phòng văn GV 3 và GV 6: về các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND tác giả thu được các thông tin chung như sau: “Để giáo dục ĐĐNN cho HV nhà trường đã chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ thông qua các ngày lễ lớn và tập luyện, rèn luyện thường xuyên hàng ngày, chính hoạt động này đã giáo dục HV về truyền thống của dân tộc, truyền thống của ngành, giáo dục về ý thức tổ chức kỷ luật rèn luyện thân thể, chấp hành nội quy của lớp, của trường vv... Bên cạnh đó trường còn tổ chức thường xuyên các buổi học tập chính trị đầu năm, đầu khóa cho HV, học tập Nghị quyết sau mỗi kỳ Đại hội, Hội nghị của TW, Trường mời các chuyên gia về giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống đến để tọa đàm, trao đổi, tuyên truyền và còn tổ chức các lớp bồi dưỡng, rèn luyện nghiệp vụ võ thuật, quân sự, thể dục thể thao cho HV vv... Đặc biệt sau khi nhập học, HV được học 6 tháng huấn luyện để trở thành người chiến sĩ CAND trước khi bước vào học tập chính khóa các môn chuyên môn, nghiệp vụ, hoạt động huấn luyện này đã giúp HV bước đầu hình thành những phẩm chất ĐĐNN về tính điều lệnh, kỷ luật, tính đoàn kết, tinh thần tập thể trong Công an nhân dân. Thông qua những hoạt động trên đã giáo dục cho HV về ý thức đạo đức, thái độ và kỹ năng hành vi đạo đức của nghề CAND”.

Về kết quả thực hiện của các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV:

Kết quả khảo sát cho thấy các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV được GV và nhà trường tiến hành thường xuyên đều đạt mức hiệu quả, tuy nhiên kết quả đạt được thấp hơn một chút so với mức độ thực hiện. Bên cạnh đó, những con đường chưa được GV và nhà trường tiến hành thường xuyên thì kết quả cũng chỉ đạt được ở mức ít hiệu quả và kết quả thực hiện thấp hơn so với mức độ thực hiện.

Phòng văn GV 6 và GV 7 về thực hiện con đường giáo dục ĐĐNN cho HV tác giả thu được các kết quả như sau: “Việc giáo dục ĐĐNN cho HV đã được tiến

hành thông qua dạy học các học phần, tuy nhiên do tính chất và khối lượng của chương trình đào tạo theo niên chế, khối lượng kiến thức nhiều, GV phải thực hiện truyền tải các nội dung học tập, hạn chế vận dụng linh hoạt được nhiều phương pháp nên việc sử dụng quỹ thời gian cho nội dung chuyên môn là quá tải, hạn chế thời gian dành cho việc mở rộng kiến thức tích hợp các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV. Hoạt động thực tế chuyên môn tại cơ sở thực tập và nghiên cứu thực tế tại công an các đơn vị, địa phương và tổ chức hội thi nghiệp vụ CAND còn mang nặng tính nội dung chuyên môn chưa quan tâm sâu đến nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV, hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của HV đã được coi trọng nhưng khâu kiểm tra, giám sát quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV chưa được thực hiện theo hướng cá biệt hóa nên còn tình trạng HV vi phạm quy chế thi, nợ môn, chậm tiến độ học tập, vi phạm kỷ luật, nội quy nhà trường và đặc biệt còn tình trạng HV buộc thôi học”.

Nhận xét chung: Nhiều con đường giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND đã được GV, CB quan tâm thực hiện thường xuyên và bước đầu đã đạt được kết quả thực hiện ở mức khá, tuy nhiên còn một số con đường giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên và còn có kết quả thực hiện ở mức trung bình, trong số các con đường thực hiện ở mức thường xuyên và chưa thường xuyên còn tồn tại những ý kiến đánh giá chưa thực hiện và kết quả thực hiện yếu, kém điều này cho thấy việc sử dụng các con đường giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND của GV chưa thực sự thường xuyên và có kết quả cao cần có những điều chỉnh trong giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND.

2.3.5. Lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Sử dụng câu hỏi trong phụ lục 1.1, 1.2, tác giả đánh giá về các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV, kết quả ghi ở bảng 2.11.

Bảng 2.11. Đánh giá của CB, GV, HV về lực lượng tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND

TT	Các lực lượng giáo dục ĐĐNN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ			
		Mức độ tham gia		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1.	Bộ Công an	3.92	0.84	3.80	0.83
2.	Nhà trường				
2.1	Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc nhà trường	3.98	0.87	3.82	0.75
2.2	Lãnh đạo các Khoa, Phòng	4.01	0.75	3.78	0.77
2.3	Giáo viên chủ nhiệm	4.07	0.72	3.87	0.86
2.4	GV giảng dạy	4.06	0.72	4.00	0.85
2.5	Phòng Quản lý học viên	4.10	0.89	4.07	0.83
2.6	Đoàn thanh niên	4.05	0.84	3.97	0.90
2.7	Hội sinh viên	4.05	0.83	3.96	0.80
2.8	Tập thể lớp	3.77	0.78	3.80	0.70
2.9	Ban chỉ huy lớp học	4.01	0.85	3.97	0.83
2.10	Phòng Quản lý đào tạo	3.81	0.84	3.77	0.72
2.11	Phòng Chính trị	3.87	0.89	3.85	0.71
2.12	Các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường	3.35	0.78	3.34	0.88
3.	Gia đình và tổ chức xã hội	3.80	0.81	3.77	0.82
4.	Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác...	3.27	0.77	3.27	0.86
Trung bình chung		3.87		3.81	

Kết quả thống kê cho thấy về mức độ tham gia của các lực lượng giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND có ĐTB dao động từ 3.27 điểm đến 4,10 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0,77 đến 0,89; Về kết quả thực hiện của hoạt động phối hợp tham gia được đánh giá với ĐTB dao động từ 3,27 điểm đến 4,07 điểm còn độ lệch chuẩn dao động từ 0,70 đến 0,88 điều này chứng tỏ thang đo có độ tin cậy và độ giá trị.

Đa số các lực lượng tham gia đều được GV và HV đánh giá tham gia ở mức độ thường xuyên với ĐTB từ 3.80 điểm đến 4.10 điểm.

Lực lượng được đánh giá tham gia thường xuyên có ĐTB cao nhất là “Phòng Quản lý học viên” với ĐTB là 4.10 điểm đạt mức độ thường xuyên tham gia; Tiếp

đến là lực lượng “Giáo viên chủ nhiệm”; GV và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên các lực lượng này đều được GV, HV đánh giá mức độ tham gia thường xuyên với ĐTB từ 4.07 đến 4.05 điểm. Kết quả này hoàn toàn phù hợp bởi các lực lượng trên được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý và giáo dục HV trong nhà trường theo mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên bên cạnh được đánh giá thường xuyên tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV thì vẫn còn các ý kiến của GV và HV đánh giá là không tham gia và hoàn toàn không tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV.

Có hai lực lượng được GV và HV đánh giá ở mức không thường xuyên tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV đó là:

Các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường với ĐTB là 3.35 điểm;

Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác... với ĐTB là 3.27 điểm trong đó còn 42/515 ý kiến đánh giá là không tham gia chiếm tỷ lệ 8.15% ý kiến đánh giá. Như vậy, các trường đại học Công an chưa thu hút được các lực lượng trên tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV một cách thường xuyên và còn có ý kiến là không tham gia và hoàn toàn không tham gia.

Về kết quả thực hiện: Đa số các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV đều được đánh giá kết quả thực hiện ở mức tốt, kết quả có ĐTB dao động từ 3.27 điểm đến 4.07 điểm. Tuy nhiên còn hai lực lượng được GV và HV đánh giá tham gia có kết quả thực hiện ở mức khá đó là: Các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường với ĐTB là 3.34 điểm;

Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác... với ĐTB là 3.27 điểm trong đó còn 53/515 ý kiến đánh giá có kết quả thực hiện ở mức TB và yếu chiếm tỷ lệ 10.29% ý kiến đánh giá. Như vậy, các trường đại học CAND chưa thu hút được các cơ quan đơn vị Công an trên địa bàn tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV một cách hiệu quả và còn nhiều ý kiến đánh giá là các lực lượng trên tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV còn có kết quả trung bình và yếu.

Nhận xét chung: Về cơ bản các trường đại học Công an nhân dân đã thu hút được nhiều lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV ở mức thường xuyên tham gia và đạt kết quả khá, tuy nhiên bên cạnh còn có những lực lượng nhà trường chưa thu hút được họ tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV ở mức thường xuyên và thậm chí trong các lực lượng giáo dục được đánh giá thường xuyên tham gia thì vẫn còn tỷ lệ các ý kiến đánh giá chưa tham gia giáo dục và kết quả thực hiện ở mức trung bình và yếu cần cải thiện.

2.3.6. Đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Bảng 2.12. Đánh giá của CB, GV, HV về kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV các trường đại học CAND

Nội dung và phương pháp đánh giá, lực lượng tham gia đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
	ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1. Nội dung đánh giá						
1.1. Lòng yêu nước, trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân	4.01	0.90	2	3.75	0.85	6
1.2. Ý thức tự giác, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của HV	3.95	0.88	4	3.80	0.76	5
1.3. Ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an của HV	4.13	0.94	1	4.05	0.69	1
1.4. Lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp của HV	3.95	0.87	4	3.85	0.89	3
1.5. Lối sống và ý thức phục vụ nhân dân của HV	3.89	0.88	5	3.82	0.65	4
1.6. Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	3.98	0.84	3	3.91	0.73	2
1.7. Ý thức phát triển nghề nghiệp	3.80	0.76	6	3.75	0.83	6
2. Phương pháp đánh giá						
2.1. Đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm	3.99	0.84	3	3.83	0.72	2
2.2. Đánh giá thông tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HV	4.00	0.65	2	3.82	0.73	3
2.3. Đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực hành chính trị - xã hội, thực tập	3.80	0.71	5	3.32	0.85	4
2.4. Đánh giá sản phẩm hoạt động	3.97	0.72	4	3.82	0.95	3
2.5. Đánh giá qua hồ sơ HV	4.07	0.63	1	3.86	0.89	1
3. Lực lượng tham gia đánh giá						
3.1. Cán bộ, lãnh đạo nhà trường	3.87	0.76	4	3.83	0.81	3
3.2. GV, giáo viên chủ nhiệm	4.11	0.98	1	4.07	0.72	1
3.3. Cán bộ phục vụ của các phòng ban	3.31	0.75	6	3.29	0.77	6
3.4. Cán bộ cơ sở Công an nơi công tác	3.65	0.73	5	3.31	0.85	5
3.5. Tự đánh giá của HV	4.01	0.65	2	3.82	0.95	4
3.6. Đánh giá đồng đẳng giữa các HV	3.97	0.89	3	3.85	0.90	2
Trung bình chung	3.92			3.77		

Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy: Các trường đại học CAND đã thực hiện việc đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV bằng nhiều nội dung, phương pháp, lực lượng khác nhau, nhằm đánh giá sát thực kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND.

Các nội dung đánh giá, lực lượng tham gia đánh giá và phương pháp đánh giá có ĐTB về mức độ thực hiện là 3,92 điểm dao động từ 3,31 điểm đến 4,13 điểm và độ lệch chuẩn dao động từ 0,63 đến 0,98; Về kết quả thực hiện hoạt động đánh giá có kết quả với ĐTB là 3,77 thấp hơn ĐTB của mức độ thực hiện, các nội dung đánh giá dao động từ 3,29 điểm đến 4,07 điểm còn độ lệch chuẩn dao động từ 0,69 đến 0,95 điều này chứng tỏ thang đo có độ tin cậy và độ giá trị.

i. Về nội dung đánh giá:

Mức độ thực hiện các nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đạt kết quả dao động từ mức độ thực hiện thường xuyên đến tiệm cận mức độ rất thường xuyên.

Kết quả thực hiện nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV được CB, GV đánh giá thực hiện với kết quả khá có thấp hơn một chút so với mức độ thực hiện, điều này cho thấy các trường đại học CAND rất quan tâm tới việc đánh giá nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV.

Tuy nhiên khi phỏng vấn GV 3 Học viện An ninh nhân dân cho thấy GV gặp khó khăn trong thực hiện các nội dung đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV: “Để đánh giá ĐĐNN cho HV, chúng tôi phải thực hiện lồng ghép các nội dung đánh giá trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và trải nghiệm của HV và gặp một số khó khăn trong thực hiện nội dung đánh giá, đặc biệt là đánh giá một số nội dung như: Lòng yêu nước trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân; Lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp của HV; ý thức phục vụ nhân dân của HV bởi khi đánh giá những nội dung trên chủ yếu chỉ đánh giá về kiến thức, thái độ, rất khó đánh giá hành vi, kỹ năng bởi đánh giá hành vi, kỹ năng phải gắn với bối cảnh thực của HV”.

ii. Về phương pháp đánh giá: Kết quả khảo sát cho thấy, phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ HV có mức độ sử dụng cao nhất (ĐTB: 4.07) và hiệu quả mang lại (ĐTB: 3.87). Điều này là phù hợp với thực tế công tác quản lý giáo dục HV của các trường đại học CAND. Hiện nay, công tác giáo dục, rèn luyện luôn được tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá trong các buổi sinh hoạt lớp; biên bản bình xét,

phân loại HV theo tháng, học kỳ, năm học, khóa học. Kết quả đánh giá trên là căn cứ để phân loại thi đua của HV trong từng học kỳ, năm học và toàn khóa.

Hình thức đánh giá “Đánh giá thông tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HV” có mức độ thực hiện ở mức thường xuyên và kết quả thực hiện đạt mức thực hiện tốt với ĐTB là 4.01 điểm và 3.82 điểm kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế về đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của HV tại các trường đại học CAND.

Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực hành chính trị - xã hội, thực tập được khách thể xếp thấp nhất (mức độ thực hiện ĐTB: 3.80, kết quả thực hiện có ĐTB: 3.32). Qua khảo sát và phỏng vấn lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm của các nhà trường đều cho rằng “Công tác phân loại thi đua của HV là rất quan trọng, nên phải tiến hành bình xét, phân loại một cách khách quan, khoa học; mặt khác, đánh giá đạo đức phải thông qua quan sát, biểu hiện trong hành vi, việc chấp hành các quy định của trường, lớp, Bộ Công an và kết quả tham gia các hoạt động giáo dục khác, tuy nhiên do quá trình lưu trữ thông tin, ghi nhật ký và việc nghiên cứu hồ sơ để đánh giá cho từng cá nhân đôi lúc chưa thực sự được tốt”.

iii. Về lực lượng tham gia đánh giá: GV, giáo viên chủ nhiệm là lực lượng tham gia đánh giá thường xuyên và hiệu quả nhất (ĐTB: 4.10 và 4.07). Kết quả này là phù hợp với thực tế công tác giáo dục ĐĐNN trong các trường CAND, bởi đây là chủ thể, lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, theo dõi, giám sát toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện của HV. Tuy nhiên, việc tham gia đánh giá của CB phục vụ các phòng ban (ĐTB: 3.29); CB cơ sở Công an nơi công tác (ĐTB: 3.31) xếp lần lượt ở vị trí cuối cùng cho thấy, nhà giáo dục chưa thực sự khai thác kết hiệu quả của hai lực lượng này. Việc bình xét, phân loại HV được tiến hành theo tuần, tháng, học kỳ, năm học, khóa học được tiến hành trên cơ sở HV có sự nhận xét, đóng góp và xếp loại đối với từng HV, đòi hỏi việc đánh giá phải có sự kết hợp của nhiều lực lượng, nhất là CB cơ sở Công an nơi công tác. Bên cạnh đó, GV và giáo viên chủ nhiệm là lực lượng chính của quá trình đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN của HV. Do vậy, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV, các nhà trường cần chú ý đến phát huy vai trò của hai lực lượng này, đồng thời đổi mới nội

dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN của HV. Trong đó, cần đánh giá trong mối tương quan, so sánh với chuẩn đầu ra trên các khía cạnh về tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, hành vi đạo đức và phát huy vai trò của tất cả các lực lượng, trong đó cần phát huy vai trò của chính HV.

2.3.7. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

Bảng 2.13. Đánh giá của CB, GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

(5- Rất ảnh hưởng; 4- Ảnh hưởng; 3- Tương đối ảnh hưởng; 2- Không ảnh hưởng;

1- Hoàn toàn không ảnh hưởng)

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng		
	ĐTB	ĐLC	TB
1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng CAND	4.29	0.81	3
2. Năng lực giáo dục của GV và cán bộ quản lý nhà trường	4.35	0.64	2
3. Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của HV	4.37	0.59	1
4. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trong CAND	4.26	0.69	4
5. Môi trường giáo dục của các trường đại học CAND	4.25	0.68	5
6. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường	4.01	0.99	7
7. Sự phối hợp giữa trường đại học CAND với cơ quan Công an các đơn vị, địa phương	4.05	0.96	6
8. Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội	3.96	1.02	8
Trung bình chung	4.24		

Nhận xét: Từ kết quả thống kê cho thấy hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND chịu sự tác động của nhiều yếu tố và tất cả các yếu tố được tiến hành khảo sát đều tác động ở mức ảnh hưởng và rất ảnh hưởng, với ĐTB dao động từ 3.96 điểm đến 4.37 điểm, độ lệch chuẩn dao động từ 0.59 đến 1.02, cụ thể như sau:

Tác động mạnh nhất đó là: Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của HV với ĐTB là 4.37 điểm đạt mức rất ảnh hưởng, thực tế cho thấy điều này hoàn toàn phù hợp bởi không ai quyết định thay sự trưởng thành, hoàn thiện và phát triển nhân cách của HV được, chỉ có HV mới quyết định được sự phát triển của mình, các yếu

tổ bên ngoài là yếu tố hỗ trợ, tạo môi trường để HV phát triển, hoàn thiện nhân cách người chiến sĩ CAND.

Yếu tố tác động lớn thứ 2 đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND đó là: Năng lực giáo dục của GV và cán bộ quản lý nhà trường với ĐTB là 4.35 điểm xếp mức rất ảnh hưởng. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp bởi nhà giáo là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

Yếu tố tác động lớn thứ 3 là: Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng CAND với ĐTB là 4.29 điểm xếp mức rất ảnh hưởng, điều này hoàn toàn hợp lý bởi chiến sĩ CAND là thanh bảo kiếm bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân. Vì vậy việc phát triển, đào tạo, bồi dưỡng chiến sĩ CAND phải thực hiện theo chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các yếu tố có tác động ở mức rất ảnh hưởng tiếp theo đó là:

Tác động từ môi trường giáo dục của các trường đại học CAND với ĐTB là 4.26 điểm, kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế, bởi môi trường giáo dục nhà trường tại các trường đại học CAND là môi trường giáo dục mang tính Đảng, tính kỷ luật cao và tính điều lệnh, đòi hỏi HV phải có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm những quy định về chính trị nội bộ và điều lệnh CAND, nội quy của nhà trường.

Chương trình đào tạo của các trường đại học CAND là yếu tố có ĐTB là 4.25 điểm, xếp mức rất ảnh hưởng. Thực tế cho thấy vì mang tính Đảng, tính chính trị, tính kỷ luật nên chương trình đào tạo của các trường chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công an, Cục Đào tạo và do phòng Quản lý đào tạo tại các nhà trường triển khai tổ chức, chương trình mang tính bí mật theo quy định, chính điều này cũng ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV.

Hai yếu tố tác động ở mức ảnh hưởng đó là:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường

Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội

Phỏng vấn GV 5; GV 4 và GV 6 về các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND, tác giả thu được những thông tin chung như sau: “Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND chịu sự tác động của nhiều yếu tố, tuy nhiên yếu tố có tính chất quyết định nhất vẫn là

động cơ học tập, rèn luyện, động cơ nghề nghiệp và ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV bởi chỉ có HV mới thay đổi được chính họ, mọi tác động của GV, cán bộ quản lý, môi trường giáo dục và nhiều yếu tố khác chỉ là những yếu tố tác động bên ngoài nhằm tạo điều kiện, tạo động lực để HV tập luyện rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN”.

Phòng văn cán bộ quản lý 1 phụ trách phòng Quản lý đào tạo tác giả thu được những thông tin sau: “Nhà trường, GV rất coi trọng việc giáo dục ĐĐNN cho HV, chương trình giáo dục, đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Công an, sau khi trúng tuyển, HV được học 6 tháng huấn luyện để trở thành chiến sĩ CAND rồi mới tiến hành học tập các học phần chuyên môn, nghiệp vụ. Quá trình huấn luyện HV được nâng cao nhận thức về kỷ luật của ngành, quy định điều lệnh CAND, nội quy và các nguyên tắc hoạt động của ngành, đây là môi trường tốt để hình thành nên những phẩm chất của người chiến sĩ CAND. Trong quá trình học chuyên môn, nghiệp vụ HV vừa được học tập, thực hành, luyện tập và trải nghiệm thực tế các nội quy, quy chế, điều lệnh, điều lệ, tác phong đã được rèn luyện trong 6 tháng đầu khóa học để củng cố thêm các phẩm chất nhân cách đã hình thành, đây cũng là tính đặc thù của ngành CAND, chính môi trường giáo dục này đã tạo nên sự khác biệt về nhân cách của HV sau khi tốt nghiệp so với sinh viên các trường đại học ngoài ngành”.

Nhận xét chung: Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND hiện nay chịu sự tác động của nhiều yếu tố trong đó các yếu tố tác động mạnh, có tính chất quyết định đến chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV gồm: Động cơ, thái độ và năng lực tự giáo dục của HV; Nhận thức, năng lực, trách nhiệm của GV và cán bộ quản lý nhà trường; Quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo HV ngành CAND; Tác động từ môi trường giáo dục của các trường đại học CAND; Chương trình đào tạo của các trường đại học ngành CAND. Vì vậy GV, cán bộ quản lý các trường cần tăng cường giáo dục động cơ, thái độ và ý thức ĐĐNN cho HV, nâng cao nhận thức, năng lực và ý thức trách nhiệm trong giáo dục ĐĐNN cho HV và xây dựng môi trường giáo dục nhà trường mang tính kỷ luật, chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

2.4. Nhận xét chung về thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

2.4.1. Ưu điểm

Được sự quan tâm giáo dục của Đảng ủy, Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu và GV, CB nhân viên các trường đại học CAND về giáo dục ĐĐNN cho HV nên hầu hết các HV tại các nhà trường đã có nhận thức, thái độ đúng mực về ĐĐNN của ngành Công an, có hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của ngành. Những hành vi ĐĐNN của HV được thể hiện thông qua việc tích cực tham gia học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tiễn, hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, hoạt động phong trào, thể hiện niềm tin vào Đảng, Nhà nước và tình yêu nghề nghiệp, yêu quê hương đất nước, yêu thương con người của HV tại các trường đại học CAND và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HV.

Về hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường đại học CAND triển khai thực hiện tương đối tốt và hiệu quả:

Về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường quan tâm thực hiện tường xuyên và rất thường xuyên, nhiều mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường đánh giá có kết quả thực hiện tốt.

Về nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường triển khai thực hiện với các nội dung: Giáo dục lòng yêu nước, lòng trung thành với tổ quốc, với Đảng và nhân dân; Ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN và lối sống; Ý thức tổ chức kỷ luật của ngành Công an; Lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp; Lối sống giản dị cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phục vụ nhân dân. Hầu hết các nội dung giáo dục trên đều được đánh giá triển khai thường xuyên và rất thường xuyên, có kết quả thực hiện ở mức tốt.

Về phương pháp và con đường giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường đại học CAND triển khai thực hiện với sự đa dạng hóa các phương pháp và con đường giáo dục nhằm huy động tối đa tính tự giác tích cực rèn luyện của HV và huy động sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục. Các phương pháp giáo dục được kết hợp giữa các phương pháp hình thành ý thức cá nhân với các phương pháp tập luyện, rèn luyện và phương pháp kích thích điều chỉnh hành vi của HV trong quá trình tập luyện, rèn luyện ĐĐNN. Các con đường giáo dục được tiến hành kết hợp giữa sinh hoạt, huấn luyện đầu khóa với giáo dục thông qua dạy học, thông qua hoạt

động xã hội, sinh hoạt tập thể, thông qua giáo dục của gia đình, xã hội và tự giáo dục của HV. Hầu hết các phương pháp và con đường giáo dục đã được triển khai ở mức thường xuyên và đạt kết quả thực hiện ở mức hiệu quả.

Việc đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV đã được CB, GV các trường đại học CAND triển khai thực hiện với nhiều nội dung, phương pháp và lực lượng đánh giá khác nhau nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HV sát thực hơn, đồng thời cũng đã huy động được các lực lượng giáo dục tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV và tham gia đánh giá kết quả học tập, rèn luyện ĐĐNN của HV.

2.4.2. Về tồn tại, hạn chế

Về ĐĐNN của HV: kết quả nghiên cứu cho thấy còn một bộ phận nhỏ HV có nhận thức, thái độ và hành vi chưa hoàn toàn phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN của ngành Công an, dẫn tới còn có HV vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm điều lệnh, nội quy kỷ túc xá và còn có HV học chậm tiến độ, bị kỉ luật và buộc phải thôi học.

Về giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND:

Còn một vài mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được thực hiện thường xuyên và kết quả thực hiện chưa tốt.

Các nội dung giáo dục về tính tự giác, tính tích cực, chủ động học tập, rèn luyện cho HV; giáo dục các phẩm chất thanh liêm, chính trực cho HV chưa được tiến hành thường xuyên và kết quả thực hiện chưa cao.

Một số phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV theo hướng trải nghiệm nghề nghiệp chưa được tiến hành thường xuyên để tạo môi trường tập luyện, rèn luyện ĐĐNN cho HV nhằm đem lại hiệu quả giáo dục cao.

Các con đường giáo dục đã được đa dạng hóa nhưng chưa thực sự khai thác được thế mạnh của một số con đường chiếm ưu thế trong tập luyện, rèn luyện ĐĐNN cho HV.

Giảng viên còn gặp khó khăn trong hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện ĐĐNN của HV.

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế

Do năng lực giáo dục theo hướng tích hợp của GV còn hạn chế nên việc lồng ghép, tích hợp mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV chưa được thực hiện một cách linh hoạt, hiệu quả, nhất là trong công tác quản lý đào tạo.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục giáo dục ĐĐNN chưa được thực hiện đa dạng, chưa được lồng ghép trong dạy học, chưa phát huy được vai trò các lực lượng tham gia đánh giá... Đây là nhiệm vụ đặt ra đối với các lực lượng trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV trong bối cảnh hiện nay.

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV chủ yếu được thực hiện trong không gian nhà trường, giáo dục gắn với thực tiễn công tác, chiến đấu của lực lượng CAND đã được triển khai nhưng còn có những hạn chế. Theo lý luận, ĐĐNN luôn gắn liền, phản ánh đặc thù lĩnh vực nghề nghiệp, phù hợp với thực tế công tác, được hình thành và biểu hiện thông qua hành vi, thói quen của chủ thể nghề nghiệp. Các trường đại học CAND chưa khai thác tốt ưu điểm của các hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực tập môn học, thực tế chính trị - xã hội, thực tập tốt nghiệp trong công tác giáo dục ĐĐNN cho HV. Vì vậy, chưa phát huy được tính tích cực, chủ động của HV cũng như các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV.

Sự kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường, phát huy vai trò của các lực lượng tham gia giáo dục vẫn còn chưa thực sự chặt chẽ, dẫn đến một bộ phận HV được đào tạo trong nhà trường khi về công tác tại Công an các đơn vị, địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Nhiệm vụ giáo dục ĐĐNN vẫn là nhiệm vụ chủ yếu do các trường đại học CAND thực hiện, chưa có sự tham gia của các lực lượng khác, nhất là Công an các đơn vị, địa phương.

Một bộ phận HV còn hạn chế bởi năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện, chưa hiểu sâu sắc về các chuẩn mực ĐĐNN, động cơ rèn luyện đạo đức chưa được xác định phù hợp dẫn tới có những hạn chế trong nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV luôn diễn ra trong bối cảnh chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, tác động đan xen hiện nay bao gồm cả những yếu tố ảnh hưởng tích cực từ môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, công nghệ số, mạng xã hội và cả những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực của môi trường.

Kết luận chương 2

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đa số HV các trường đại học CAND đã có nhận thức đúng và đầy đủ về chuẩn mực ĐĐNN CAND, có thái độ và hành vi phù hợp với các chuẩn mực ĐĐNN được biểu hiện thông qua các mối quan hệ của HV với Tổ quốc, với Đảng, với Nhân dân, với việc học tập, rèn luyện và các mối quan hệ với người khác, bản thân và cộng đồng... Tuy nhiên, trong một số biểu hiện về ĐĐNN của HV tại các trường còn cho thấy, có một bộ phận nhỏ HV còn nhận thức chưa đầy đủ về ĐĐNN, còn hạn chế về thái độ và hành vi ĐĐNN như vi phạm nội quy, điều lệnh, kết quả học tập, rèn luyện chưa đạt yêu cầu đề ra.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND đã được triển khai đồng bộ từ mục tiêu đến nội dung, phương pháp và các con đường giáo dục cũng như đánh giá kết quả giáo dục, các thành tố trên đều đã được triển khai ở mức thường xuyên và đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhiều mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV có kết quả đánh giá thực hiện tốt, tuy nhiên vẫn còn một vài mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN có kết quả đánh giá thực hiện chưa tốt. Các phương pháp, con đường giáo dục ĐĐNN mặc dù đã được triển khai theo hướng đa dạng hóa, tuy nhiên một số phương pháp, hình thức mang tính trải nghiệm nghề nghiệp giúp HV có cơ hội tập luyện, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN trong các mối quan hệ chưa được khai thác hiệu quả do nhiều nguyên nhân khác nhau:

Việc tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong giảng dạy học phần chuyên môn, nghiệp vụ chưa thực sự hiệu quả, GV, CB chưa khai thác được thế mạnh của các hoạt động thực tế chuyên môn, thực hành, thực tập tại cơ sở để giáo dục ĐĐNN cho HV. Việc phối hợp giữa trường đại học CAND với đơn vị Công an cơ sở chưa thường xuyên và chưa đem lại hiệu quả cao trong giáo dục ĐĐNN cho HV.

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó các yếu tố chủ quan là những yếu tố tác động rất ảnh hưởng tới kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV. Một bộ phận nhỏ HV còn có thái độ, hành vi chưa chuẩn mực không phù hợp với phẩm chất ĐĐNN, đặc biệt một số HV còn vi phạm kỷ luật về mặt đạo đức.

Những tồn tại trên là cơ sở để tác giả lựa chọn các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV nhằm khắc phục những tồn tại trên để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

Chương 3

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

3.1. Nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu giáo dục

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường CAND phải quán triệt mục tiêu phát triển đội ngũ CAND của ngành, bảo đảm đồng thời yêu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ và chất lượng đội ngũ, nhất là năng lực công tác và phẩm chất ĐĐNN. Mục tiêu này được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đây là mục tiêu chiến lược, có ý nghĩa định hướng và chỉ đạo toàn diện đối với công tác giáo dục, đào tạo trong CAND, nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở đó, việc đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND phải quán triệt đầy đủ, nghiêm túc và bám sát mục tiêu phát triển đội ngũ CAND trong tình hình mới. Nội dung, hình thức và cách thức tổ chức thực hiện các biện pháp phải được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo và phát triển đội ngũ của ngành. Đồng thời, việc đánh giá hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cũng phải dựa trên mục tiêu phát triển đội ngũ CAND để xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp.

3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn

Khi nghiên cứu đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND, phải căn cứ vào đặc điểm, tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh hiện nay những vấn đề đặt ra đối với ngành Công an và người chiến sĩ Công an nhân dân trong bối cảnh mới và mục tiêu giáo dục đào tạo trong CAND để lựa chọn các biện pháp thiết thực, phù hợp. Theo đó, công tác giáo dục ĐĐNN phải phù hợp với yêu cầu, tính chất và đặc thù của ngành Công an; phù hợp với từng ngành, chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực công tác của lực lượng CAND. Hiện nay tình hình thế giới và trong nước đang có nhiều biến động: An ninh

truyền thống và phi truyền thống diễn biến phức tạp; âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, xảo quyệt; tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự diễn biến phức tạp, khó kiểm soát; sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, chiến tranh công nghệ, diễn biến hòa bình, chiến tranh trên không và trên biển, vấn đề bất ổn ở Trung đông và tội phạm công nghệ cao ngày càng phổ biến, vấn đề bạo loạn, diễn biến hòa bình vv... tác động sâu sắc, đa chiều đến môi trường an ninh, trật tự của đất nước ta; sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ làm mất niềm tin trong nhân dân, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ đã và đang đặt ra nhiệm vụ nặng nề, cấp bách cho công tác giáo dục, đào tạo trong CAND. Vì vậy, các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên tại các trường CAND phải luôn xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn và hướng đến đáp ứng, giải quyết các vấn đề thực tiễn công tác công an đang đặt ra hiện nay.

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên tại các trường CAND phải xuất phát từ những bất cập và những tồn tại trong thực tiễn của ngành Công an và những tồn tại, bất cập trong hoạt động giáo dục cho HV trong các nhà trường CAND hiện nay nhằm giáo dục cho HV các phẩm chất ĐĐNN có tính bền vững và trở thành giá trị cốt lõi của mỗi học viên trong quá trình công tác sau này tại cơ sở.

3.1.3. Đảm bảo tính kế thừa

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND được đề xuất phải dựa trên cơ sở xem xét, đánh giá, kế thừa kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn công tác giáo dục ĐĐNN cho học viên các học viện, trường đại học CAND. Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường CAND phải kế thừa, phát huy những thành tích đã đạt được trong công tác giáo dục đào tạo, trong đó có kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên; đồng thời xác định đây là tiền đề, cơ sở để tiến hành các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND trong bối cảnh mới hiện nay.

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND được đề xuất phải dựa trên quan điểm về Sáu điều Bác Hồ dạy đối với người cán bộ, chiến sĩ CAND.

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên phải có sự kế thừa, phát huy các giá trị, truyền thống của lực lượng CAND, của Nhà trường. Đặc biệt, phải vận dụng tối đa những thành tựu của các công trình nghiên cứu khoa học đi trước về giáo dục,

đào tạo người chiến sĩ CAND trong các nhà trường; kế thừa các kết quả nghiên cứu của các khoa học có liên quan.

3.1.4. Đảm bảo tính hệ thống

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND phải nằm trong hệ thống giáo dục nhà trường, có mối quan hệ mật thiết với nội dung chương trình đào tạo chiến sĩ CAND trình độ đại học tại các nhà trường, đồng thời phải hướng tới thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường và mục tiêu phát triển đội ngũ của ngành Công an nhân dân.

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND phải có mối quan hệ mật thiết với nhau hỗ trợ nhau trong quá trình giáo dục học viên và thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường đại học, đồng thời đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục nhận thức với giáo dục thái độ và tập luyện rèn luyện kỹ năng hành vi ĐĐNN cho HV nhằm tạo ra sự thống nhất giữa ý thức và hành vi trong mỗi học viên trước những vấn đề đạo đức.

Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND phải đảm bảo sự thống nhất giữa cung cấp tri thức đạo đức với bồi dưỡng tình cảm đạo đức và tổ chức rèn luyện hành vi, thói quen tương ứng ở học viên trong quá trình học tập, rèn luyện ở trường đại học CAND.

3.1.5. Đảm bảo tính cần thiết và tính hiệu quả

Giáo dục ĐĐNN cho HV là quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên và liên tục được củng cố. Vì vậy, các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND phải được lựa chọn có cơ sở khoa học nhằm đảm bảo tính cần thiết và đem lại hiệu quả thiết thực, tránh lãng phí thời gian công sức cho những hoạt động và việc làm không hiệu quả.

Các biện pháp giáo dục đạo đức ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND phải có tác dụng nâng cao nhận thức, thái độ và kỹ năng hành vi cho HV trong bối cảnh mới hiện nay, giúp HV nhận diện được những vấn đề xã hội đặt ra đối với ngành và đối với bản thân, tự giác tích cực tập luyện, rèn luyện để trở thành người chiến sĩ CAND có đầy đủ phẩm chất và năng lực trung kiên với Đảng, Nhà nước, tận tụy với nhân dân, yêu Ngành, hết lòng phấn đấu vì sự nghiệp của lực lượng CAND.

Các biện pháp giáo dục đạo đức ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND phải được các chuyên gia giáo dục đánh giá cao về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay

3.2.1. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và động cơ rèn luyện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Công an nhân dân cho học viên

a. Mục tiêu biện pháp

Giúp học viên nhận thức đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ Công an nhân dân trong các mối quan hệ với Tổ quốc, Đảng, nhà nước, Nhân dân, công việc, với kẻ địch và với chính bản thân mình... Trên cơ sở đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn luyện phẩm chất ĐĐNN trong quá trình học tập, rèn luyện tham gia các hoạt động tại trường đại học CAND để giúp HV có động cơ rèn luyện đúng đắn và tích cực rèn luyện, tu dưỡng nhằm hình thành, phát triển các hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức của ngành, đáp ứng yêu cầu công tác tại Công an các đơn vị, địa phương sau khi tốt nghiệp.

b. Nội dung biện pháp

Trong cấu trúc nhân cách nghề nghiệp của người chiến sĩ Công an nhân dân, nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN giữ vai trò nền tảng, có chức năng định hướng giá trị, điều chỉnh thái độ và chi phối hành vi nghề nghiệp. Thực tiễn giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND cho thấy, sự chưa đồng đều về nhận thức, sự lệch chuẩn giữa hiểu biết và hành vi là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hạn chế trong quá trình rèn luyện phẩm chất ĐĐNN. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN và rèn luyện chuẩn mực ĐĐNN CAND cho HV không chỉ là nội dung giáo dục mang tính tuyên truyền, mà là giải pháp có ý nghĩa phương pháp luận nhằm tạo chuyển biến bền vững trong động cơ và hành vi nghề nghiệp của HV.

Thông qua các hoạt động giảng dạy, huấn luyện đầu khóa, sinh hoạt chính trị - tư tưởng, sinh hoạt tập thể và các hoạt động giáo dục khác, các chủ thể giáo dục cần tổ chức tác động một cách có hệ thống, giúp HV chuyển hóa nhận thức lý luận về chuẩn mực ĐĐNN thành niềm tin nghề nghiệp và nhu cầu tự giác rèn luyện trong thực tiễn học tập, sinh hoạt và huấn luyện. Nội dung biện pháp được triển khai trên các phương diện cơ bản sau:

i. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ của người chiến sĩ CAND với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân, giáo dục động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giáo dục HV nhận thức đầy đủ bản chất chính trị - xã hội của lực lượng CAND với tư cách là lực lượng vũ trang trọng yếu, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, là công cụ sắc bén bảo vệ độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành ở HV hệ giá trị chính trị - đạo đức vững chắc, trong đó lòng trung thành, tinh thần phụng sự và trách nhiệm trước Nhân dân được xác lập như những chuẩn mực cốt lõi của ĐĐNN CAND. Nhận thức đúng mối quan hệ này có ý nghĩa quyết định trong việc định hướng động cơ nghề nghiệp, phòng ngừa các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống trong quá trình đào tạo và công tác sau này. Giáo dục HV có động cơ rèn luyện đúng đắn các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND để thực sự là thanh bảo kiếm bảo vệ Đảng, Tổ quốc, Nhà nước và nhân dân.

ii. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ của người chiến sĩ CAND với công việc và giáo dục động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giúp HV nhận thức nghề nghiệp Công an là loại hình lao động nghề nghiệp đặc thù, gắn chặt với quyền lực Nhà nước và trách nhiệm xã hội cao, đòi hỏi sự tận tụy, kỷ luật, chính quy và tinh thần sẵn sàng hy sinh vì lợi ích chung. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ lao động nghề nghiệp nghiêm túc, ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ; coi việc không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ là chuẩn mực đạo đức mang tính bắt buộc. Đồng thời, giáo dục HV nhận thức rõ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cốt yếu của người chiến sĩ CAND. Đồng thời giáo dục động cơ rèn luyện đạo đức nghề nghiệp để phục vụ và cống hiến cho sự phát triển của ngành.

iii. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ của người chiến sĩ CAND với kẻ địch và đối tượng đấu tranh, giáo dục động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giáo dục HV nhận thức sâu sắc tính chất phức tạp, lâu dài và quyết liệt của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; từ đó xác lập quan

điểm hành động vừa kiên quyết, vừa linh hoạt trong xử lý các mối quan hệ với kẻ địch và tội phạm. Chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ này được thể hiện ở sự kiên định mục tiêu, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực nghiệp vụ và việc tuân thủ nghiêm pháp luật, kỷ luật ngành, bảo đảm tính chính danh, tính nhân văn và hiệu quả trong thực thi quyền lực Nhà nước. Giáo dục HV động cơ đúng đắn trong rèn luyện chuẩn mực đạo đức để tạo tính bền vững của hành vi đạo đức.

iv. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ của người chiến sĩ CAND với đồng chí, đồng nghiệp và động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giúp HV nhận thức rõ đoàn kết nội bộ là nguyên tắc tổ chức và là giá trị đạo đức cốt lõi bảo đảm sức mạnh tổng hợp của lực lượng CAND. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ tôn trọng, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau; thực hiện nghiêm mối quan hệ chỉ huy - phục tùng trên nền tảng kỷ luật, dân chủ và trách nhiệm. Nhận thức đúng chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ này góp phần xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh, phòng ngừa các biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, cục bộ, mất đoàn kết trong nội bộ nhà trường và đơn vị.

v. Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN trong mối quan hệ của người chiến sĩ CAND với bản thân và động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giáo dục HV nhận thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện là yêu cầu mang tính nội sinh, xuyên suốt và lâu dài của hoạt động nghề nghiệp Công an. Nhận thức đúng mối quan hệ với bản thân giúp HV chủ động hoàn thiện nhân cách, giữ gìn danh dự, phẩm giá, lối sống trong sáng; thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện sức khỏe, kỷ luật và tác phong chính quy, coi đó là điều kiện tiên quyết để thực hiện tốt các chuẩn mực ĐĐNN trong các mối quan hệ khác.

vi. Nâng cao nhận thức về trách nhiệm của người chiến sĩ CAND đối với gia đình, xã hội và động cơ rèn luyện phẩm chất ĐĐNN

Giúp HV nhận thức rõ trách nhiệm với gia đình và xã hội là bộ phận cấu thành của chuẩn mực ĐĐNN trong đời sống thường nhật, có tác động trực tiếp đến sự ổn định tâm lý, bản lĩnh nghề nghiệp và động lực cống hiến lâu dài. Việc thực hiện tốt trách nhiệm này góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nhân văn; đồng thời củng cố niềm tin của xã hội và nhân dân đối với hình ảnh người chiến sĩ CAND

trong tình hình mới. Giáo dục HV về động cơ rèn luyện để phát triển và hoàn thiện bản thân.

c. Cách thực hiện biện pháp

Để thực hiện được các nội dung giáo dục nêu trên, CB, GV và các lực lượng giáo dục có thể tiến hành các biện pháp sau đây:

Thực hiện tốt các hoạt động sinh hoạt chính trị đầu khóa học và sinh hoạt chính trị thường kỳ hàng tháng, hàng năm và sinh hoạt chính trị cuối khóa nhằm giáo dục ý thức ĐĐNN cho HV. Mỗi cán bộ, GV cần tham gia các hoạt động giáo dục HV nhằm xây dựng cho học viên bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yên tâm phấn đấu học tập, rèn luyện.

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục HV thông qua huấn luyện đầu khóa học nhằm giúp HV có nhận thức và động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn để trở thành người chiến sĩ CAND vừa hồng, vừa chuyên.

Thông qua các bài giảng, tăng cường giáo dục ĐĐNN cho HV giúp HV nhận diện đúng các chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ trên cơ sở đó có thái độ tích cực trong học tập, rèn luyện để có những hành vi phù hợp.

Thực hiện tốt công tác tư tưởng trong HV thường xuyên nắm tình hình diễn biến tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của học viên, hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho HV nhằm khắc phục những hạn chế về tư tưởng trong HV.

Cán bộ, GV nhà trường cần đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống của Đảng, của dân tộc, của ngành CAND và truyền thống Nhà trường bằng việc tổ chức các cuộc thi “Tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”, “Tìm hiểu lịch sử truyền thống của ngành CAND”, “Tìm hiểu lịch sử truyền thống nhà trường”; Nghiên cứu thực tiễn về học tập làm theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân... Thông qua các cuộc thi, các buổi báo cáo thực tế, tọa đàm trao đổi với chuyên gia, sinh hoạt theo chuyên đề... giúp HV nhận thức đúng và đầy đủ về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực học tập, rèn luyện, thực hiện tốt Sáu điều Bác Hồ dạy và các phong trào thi đua của nhà trường...

Thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể của lớp, của Đoàn, Hội giáo dục HV có tinh thần trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, chấp hành nghiêm kỷ luật của nhà trường, đơn vị, đoàn kết thống nhất vì mục đích hoạt động chung.

Mời các CB, chiến sĩ CAND là những gương điển hình tiên tiến trong ngành đến nói chuyện chia sẻ kinh nghiệm để HV có thể học tập và làm theo các chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND trong các mối quan hệ.

Tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị, trải nghiệm thực tế và nghe báo cáo chuyên đề giáo dục HV luôn cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng sai trái, lệch lạc, bảo vệ Tổ quốc, Đảng, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, xứng đáng với truyền thống của lực lượng CAND; trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, vì nước quên thân, vì dân phục vụ.

Mỗi CB, GV phải là tấm gương ĐĐNN để HV học tập và làm theo, đồng thời phải thường xuyên tự sửa, tự trau dồi, tự tu dưỡng, tự giáo dục, tự rèn luyện để thực sự là hình mẫu về người chiến sĩ CAND trong HV.

Tổ chức gặp mặt đối thoại giữa Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc, đơn vị chức năng trong Nhà trường với HV để nghe phản ánh tình hình nhằm đổi mới quản lý nhà trường và đổi mới hoạt động giáo dục HV, đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của HV để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của HV trong quá trình tham gia học tập, sinh hoạt tại Nhà trường.

Tổ chức tốt các phong trào tự quản, tự rèn luyện trong HV nhằm phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện của HV và nâng cao tinh thần trách nhiệm của HV trong quá trình học tập, rèn luyện trước khi bước vào nghề.

d. Điều kiện thực hiện

Cán bộ, GV nhà trường phải nhận thức đúng và đầy đủ về các chuẩn mực ĐĐNN và tầm quan trọng của giáo dục phẩm chất ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND.

Cán bộ, GV nhà trường phải thường xuyên quan tâm tới giáo dục ĐĐNN cho HV và có năng lực thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua các hoạt động của nhà trường theo hướng đa dạng hóa nhằm thu hút HV tích cực tham gia.

Nhà trường cần có nguồn tài chính hỗ trợ để cán bộ, GV triển khai thực hiện đa dạng hóa các loại hình hoạt động có tích hợp nội dung nâng cao nhận thức cho HV về ĐĐNN Công an nhân dân.

Học viên phải có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn, yêu nghề, tích cực học tập, phấn đấu để trở thành người chiến sĩ CAND thực thụ.

3.2.2. Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân

a. Mục tiêu biện pháp

Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân là nhằm thực hiện mục tiêu kép vừa phát triển năng lực HV theo chuẩn đầu ra của học phần đồng thời đạt được những yêu cầu về phẩm chất ĐĐNN cần hình thành ở HV dựa trên phát triển chương trình, nội dung dạy học theo hướng tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN và sự lựa chọn các nội dung, phương pháp và hình thức giảng dạy tích hợp giáo dục ĐĐNN cho HV sao cho nội dung giảng dạy vừa phát triển năng lực cho HV đồng thời lại hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐNN cho HV trong quá trình học tập, rèn luyện của HV.

b. Nội dung biện pháp

i. Thực hiện phát triển chương trình học phần theo hướng tích hợp nội dung giáo dục đạo đức cho HV:

Trên cơ sở khung chương trình và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành CAND do Bộ Công an ban hành, việc phát triển chương trình học phần theo hướng tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV được xác định là một biện pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN trong quá trình đào tạo tại các trường đại học CAND. Trong đó, GV giữ vai trò trực tiếp trong phát triển học phần, dưới sự chỉ đạo, quản lý của nhà trường và sự thẩm định của tổ chuyên môn.

Trước hết, GV tiến hành phân tích vị trí, vai trò của học phần trong chương trình đào tạo ngành CAND, làm rõ mức độ đóng góp của học phần đối với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình. Việc phân tích này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu chương trình đào tạo hiện hành, chuẩn đầu ra chương trình do Bộ Công an quy định và yêu cầu thực tiễn công tác, chiến đấu của lực lượng CAND,

qua đó xác định rõ khả năng và phạm vi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN trong học phần.

Tiếp theo, GV phối hợp với tổ chuyên môn và tham vấn ý kiến chuyên gia để rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra học phần, bảo đảm sự thống nhất với mục tiêu học phần và khả năng đối sánh với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành CAND. Trong quá trình hoàn thiện chuẩn đầu ra học phần, GV chú trọng xác định đầy đủ các thành tố cần đạt sau khi kết thúc học phần, bao gồm:

- (1) Chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn mà HV cần nắm vững;
- (2) Chuẩn đầu ra về các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn sâu phục vụ hoạt động nghề nghiệp CAND;
- (3) Chuẩn đầu ra về ý thức, thái độ và ĐĐNN của HV, thể hiện ở các yêu cầu cụ thể về nhận thức đạo đức, thái độ nghề nghiệp và hành vi đạo đức cần hình thành, phát triển trong quá trình học tập học phần.

Trên cơ sở chuẩn đầu ra học phần đã được hoàn thiện, GV xây dựng ma trận thể hiện mức độ đóng góp của học phần đối với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cán bộ, chiến sĩ CAND. Ma trận này là căn cứ khoa học để xác định mức độ, hình thức và nội dung tích hợp giáo dục ĐĐNN trong từng đơn vị học tập, đồng thời bảo đảm tính liên thông, đồng bộ giữa các học phần trong chương trình đào tạo.

Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, GV tiến hành thiết kế các đơn vị nội dung học tập và tổ chức các hoạt động học của HV theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động của HV trong học tập và rèn luyện. Trong đó, GV chú trọng lựa chọn và vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp như: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống nghề nghiệp, dạy học theo dự án, thảo luận nhóm, trải nghiệm thực tế..., nhằm tạo điều kiện cho HV được trải nghiệm, bộc lộ và rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong bối cảnh học tập cụ thể.

Song song với việc thiết kế nội dung và hoạt động học tập, GV xây dựng hệ thống công cụ đánh giá kết quả học phần, trong đó có đánh giá việc rèn luyện phẩm chất ĐĐNN của HV. Trên cơ sở chuẩn đầu ra và mục tiêu học phần, GV xây dựng Rubric đánh giá kết quả học tập, thể hiện rõ các tiêu chí, mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng và ĐĐNN. Việc đánh giá phẩm chất ĐĐNN của HV được lồng ghép trong đánh giá điểm chuyên cần, đánh giá thường xuyên thông qua ý thức học tập,

mức độ tham gia xây dựng bài, tinh thần rèn luyện kỷ luật, cũng như trong đánh giá kết quả kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần.

Cuối cùng, GV tổ chức thực hiện chương trình dạy học học phần theo đề cương đã được phê duyệt, linh hoạt lựa chọn và vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng HV và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Quá trình dạy học bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa việc hình thành kiến thức, kỹ năng với việc rèn luyện, giáo dục phẩm chất ĐĐNN cho HV, góp phần thực hiện hiệu quả chuẩn đầu ra học phần và mục tiêu đào tạo cán bộ, chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Thực hiện tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN trong quá trình tổ chức dạy học các học phần

GV, cán bộ quản lý học viên căn cứ vào Thông tư 26/2022 của Bộ Công an thực hiện các nội dung, hình thức giáo dục ĐĐNN cho HV, nội dung được lựa chọn tích hợp giáo dục ĐĐNN cho HV gồm các nội dung sau đây [Thông tư 26 của Bộ Công an]:

- Giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống lịch sử của ngành và 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân: Giáo dục cho học viên lòng yêu nước, lòng trung thành, tận tâm, tận lực phục vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân. Thực hiện nghiêm 6 điều Bác Hồ Công an nhân dân trong học tập chấp hành nội quy nhà trường và nội quy sinh hoạt tập thể; GV quán triệt các nội dung trên trong quá trình thiết kế bài giảng và tổ chức bài học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên. Giáo dục cho học viên giá trị lao động của người chiến sĩ CAND, lòng yêu Ngành, yêu nghề, tự hào về ngành nghề đã lựa chọn; giáo dục nghĩa vụ đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cho các học viên, nghĩa vụ đó phải bắt đầu từ việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập, rèn luyện trong các nhà trường để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Giáo dục quan điểm lập trường, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, quan hệ cộng đồng cho HV. Kiên định với chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đối với kẻ thù phải khôn khéo và có bản lĩnh kiên định rõ ràng, đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép, thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư, bảo vệ lẽ phải trong nhân dân và là công bộc của dân, đối với đồng đội phải đoàn kết hợp tác và chia sẻ... Có lối sống giản dị, khiêm tốn.

- Giáo dục ý thức, thái độ và kỹ năng, hành vi chấp hành điều lệnh Công an nhân dân, giáo dục ý thức và tính kỷ luật trong thực hiện các quy định của ngành, Nội quy của nhà trường, cơ quan, tổ chức; ý thức chấp hành quy chế học tập, sinh hoạt tập thể và tham gia cộng đồng, quy chế và nội quy ký túc xá của HV.

- Giáo dục ý thức và thái độ học tập, nghiên cứu khoa học để hoàn thiện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cho HV: Giáo dục cho học viên động cơ học tập vì ngày mai lập nghiệp, vì sự phát triển của bản thân và của ngành Công an; Giáo dục ý thức tự giác, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND. Ý thức đó phải bắt đầu từ ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện của HV trong mỗi học phần và chuyên đề học tập, mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập và chuẩn đầu ra học phần học tập của mỗi HV. Giáo dục ý thức tích cực tìm tòi, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong học tập, nghiên cứu để giải quyết các nhiệm vụ học tập đề ra.

- Giáo dục ý thức, thái độ và hành vi tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào ở trong và ngoài nhà trường cho HV.

- Giáo dục ý thức, thái độ và hành vi thực hiện các nhiệm vụ được giao và thái độ, kỹ năng hoàn thành các nhiệm vụ được giao: Khó khăn nào cũng phải vượt qua, kẻ thù nào cũng phải đánh thắng, đặc biệt là chiến thắng sự cám dỗ của chính bản thân mình trước các tình huống xảy ra.

- Giáo dục cho học viên có lối sống trong sáng, giản dị, lành mạnh trong mọi mối quan hệ và trong công việc ứng xử hàng ngày trong thế giới thực và thế giới ảo của người chiến sĩ Công an nhân dân. Giáo dục về nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức đấu tranh chống lại tội phạm, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao hiện nay và những thói hư tật xấu tồn tại trong xã hội. Giáo dục cho HV về ý thức trách nhiệm với dân tộc, đồng nghiệp và nhân dân, biết đấu tranh không khoan nhượng trước những biểu hiện của lối sống lạc hậu, ích kỷ.

Giáo dục cho học viên có thái độ, hành vi văn hóa giao tiếp, ứng xử trong các mối quan hệ với công việc học tập, rèn luyện và nhiệm vụ, với cấp trên, với đồng nghiệp, với thầy cô, bạn bè, với nhân dân và với kẻ địch trong mọi tình huống.

Hướng dẫn học viên cách thức tập luyện, rèn luyện các kỹ năng hành vi trong mọi tình huống cụ thể được xây dựng gắn với nội dung học tập của học phần để hình thành phát triển các kỹ năng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân

và sự nghiệp cách mạng của Đảng, giữ gìn uy tín danh dự của ngành nghề và phẩm chất của người Công an nhân dân.

Trong chương trình đào tạo của các trường CAND hiện nay, có rất nhiều môn học có liên quan trực tiếp đến việc giáo dục ĐĐNN cho học viên như: Xây dựng lực lượng; Lịch sử truyền thống CAND; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Triết học Mác - Lênin; các môn thuộc khối kiến thức Pháp luật; Tâm lý; các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ ngành, chuyên ngành... Do vậy, GV cần chủ động lựa chọn các nội dung giáo dục ĐĐNN để tích hợp trong giảng dạy học phần và trong đánh giá HV, theo đó là đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tăng cường sự trải nghiệm, rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN trong những tình huống cụ thể để giáo dục ĐĐNN cho học viên.

Lựa chọn các nội dung thích hợp, có liên quan đến đạo đức nghề Công an, xác định khả năng lồng ghép của mỗi môn học, tích hợp các nội dung một cách khéo léo làm cho học viên nắm được những vấn đề mới của thực tiễn dạy học, tạo nên mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với thực tiễn công tác của Công an các đơn vị, địa phương. GV đưa vào nội dung bài học với những câu chuyện giáo dục, tình huống thực tế để học viên có điều kiện trao đổi, phân tích, bày tỏ quan điểm, trên cơ sở giúp đỡ các em hình thành và rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp; hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm; tham quan thực tế, thực hành chính trị - xã hội để giáo dục các giá trị, chuẩn mực ĐĐNN cho học viên.

Các nội dung trên được tích hợp trong quá trình thiết kế bài giảng và trong quá trình tổ chức giảng dạy trên lớp, thực hành tại thao trường và thực tế tại cơ sở của Công an các đơn vị địa phương để tạo môi trường trải nghiệm, rèn luyện các phẩm chất đạo đức cho học viên Công an.

Khi triển khai xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá kết quả của các học phần giảng dạy, GV cần chú ý tích hợp tiêu chí đánh giá về ĐĐNN trong tiêu chí đánh giá năng lực của học phần, tích hợp các nội dung đánh giá về ý thức ĐĐNN của HV trong quá trình học tập và thực hiện nội dung học tập của học phần. Căn cứ vào kết quả đánh giá, GV phải có kế hoạch thường xuyên hoàn thiện quá trình giảng dạy học phần theo hướng tích hợp các nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên Công an.

Các khoa giảng dạy, GV cần đầu tư xây dựng các tình huống dạy học phù hợp với môn học, hàm chứa việc rèn luyện cho học viên kỹ năng giải quyết vấn đề

một cách sáng tạo, gắn với tình huống nghề nghiệp. Các tình huống nghiệp vụ công tác công an được xây dựng trên cơ sở tình huống có thật (qua vụ việc, chuyên án thực tế) hoặc tình huống giả định. Khi xây dựng tình huống GV có thể gạn lọc những thông tin cơ bản, cần thiết, cũng có thể đưa toàn bộ thông tin, thậm chí toàn bộ hồ sơ vụ việc... Trong tình huống, đòi hỏi phải có yêu cầu tháo gỡ những vấn đề cần giải quyết, từ đó học viên khi tham gia xử lý tình huống sẽ có cơ hội được trải nghiệm là những cán bộ, chiến sĩ Công an đang làm nhiệm vụ, học viên có quyền đưa ra các lựa chọn, phương án giải quyết của mình. Từ đó, GV sẽ hướng dẫn, dẫn dắt học viên đến phương án giải quyết tốt nhất. Các tình huống này, luôn luôn chứa đựng những yêu cầu về mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức và những yêu cầu về mặt nghiệp vụ, pháp luật. Thông qua việc phải cân đối, đáp ứng những yêu cầu đó mà học viên thấm nhuần những giá trị ĐĐNN của lực lượng CAND, từ đó hình thành những thói quen, hành vi ứng xử của người chiến sĩ CAND trong hoạt động nghề nghiệp.

c. Cách thực hiện biện pháp

i. Cách thực hiện phát triển chương trình dạy học học phần theo hướng tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV

Bước 1: Rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra học phần theo hướng tăng cường giáo dục ĐĐNN

GV định kỳ (hàng năm hoặc theo chu kỳ 2 năm) rà soát học phần đang giảng dạy trên cơ sở mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CAND và yêu cầu đổi mới đào tạo CAND trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đó, GV xác định mức độ đóng góp của học phần đối với việc hình thành tri thức, kỹ năng và phẩm chất ĐĐNN của HV.

GV tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo học phần, xin ý kiến góp ý của đồng nghiệp và chuyên gia để hoàn thiện chuẩn đầu ra học phần theo hướng tích hợp giáo dục ĐĐNN. Chuẩn đầu ra học phần cần được cấu trúc đầy đủ các thành tố: kiến thức chuyên môn; kỹ năng chung, kỹ năng chuyên sâu; và đặc biệt là chuẩn đầu ra về nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN CAND mà HV cần đạt được sau khi kết thúc học phần.

Bước 2: Thiết kế nội dung và kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục ĐĐNN

Trên cơ sở chuẩn đầu ra học phần đã được hoàn thiện, GV xác định và sắp xếp các đơn vị nội dung học tập phù hợp, bảo đảm sự thống nhất giữa nội dung

chuyên môn với nội dung giáo dục ĐĐNN. GV tiến hành cập nhật, bổ sung các đơn vị kiến thức mới, gắn các vấn đề ĐĐNN với nội dung chuyên môn của học phần.

Đồng thời, GV phân bổ thời lượng cho từng nội dung học tập, bao gồm số tiết học lý thuyết trên lớp, thực hành chuyên môn, trải nghiệm thực tế, học tập theo dự án và tự học, tự nghiên cứu. Trong quá trình thiết kế, GV chú trọng tích hợp giáo dục ĐĐNN thông qua các nội dung học tập, tình huống nghề nghiệp, nhiệm vụ trải nghiệm, tạo điều kiện để HV được rèn luyện và bộc lộ các phẩm chất ĐĐNN trong quá trình học tập.

Bước 3: Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tài liệu học tập

GV lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, tự giác và chủ động của HV như: dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học dự án, thảo luận nhóm, học tập trải nghiệm gắn với thực tiễn nghề nghiệp CAND.

Bên cạnh đó, GV thiết kế các nhiệm vụ học tập, bài tập tình huống, dự án học tập có nội dung giáo dục ĐĐNN gắn với chuyên môn học phần, nhằm tạo môi trường cho HV trải nghiệm, tự đánh giá và điều chỉnh hành vi đạo đức. GV xây dựng hệ thống tài liệu học tập bắt buộc và tài liệu tham khảo, định hướng HV tự học, tự nghiên cứu và tự rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN.

Bước 4: Xây dựng tiêu chí đánh giá và nghiệm thu đề cương học phần

Căn cứ chuẩn đầu ra và mục tiêu học phần, GV xây dựng hệ thống tiêu chí và công cụ đánh giá kết quả học tập của HV, trong đó có các tiêu chí đánh giá việc rèn luyện phẩm chất ĐĐNN. Các tiêu chí này có thể được tích hợp trong đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên trên lớp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, thái độ tham gia hoạt động trải nghiệm, thực hiện dự án học tập.

GV tổ chức nghiệm thu đề cương dạy học học phần theo quy định; tiếp thu nghiêm túc các ý kiến góp ý của Hội đồng chuyên môn để hoàn thiện đề cương, đảm bảo tính khoa học, khả thi và phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV.

Bước 5: Tổ chức thực hiện, theo dõi và điều chỉnh trong quá trình giảng dạy

GV tổ chức giảng dạy theo đề cương đã được phê duyệt; đồng thời đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy vai trò tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện của HV. Trong quá trình dạy học, GV chú trọng kết hợp

giữa trang bị kiến thức, kỹ năng với tổ chức các hoạt động tập luyện, rèn luyện ĐĐNN thông qua trải nghiệm thực tế.

GV thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của HV, kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN; đồng thời định kỳ cập nhật, phát triển đề cương học phần để đáp ứng yêu cầu đổi mới đào tạo cán bộ, chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Cách tiến hành tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua giảng dạy

Bước 1: Xác định nội dung giáo dục ĐĐNN và lựa chọn hình thức tích hợp giáo dục ĐĐNN trong giảng dạy học phần thuộc chương trình đào tạo.

GV nghiên cứu phân tích nội dung chương trình dạy học đối chiếu với yêu cầu về chuẩn mực ĐĐNN của CAND, tiêu chí về đánh giá kết quả rèn luyện phẩm chất đạo đức của nhà trường, chuẩn đầu ra của học phần để xác định mức độ có thể tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong giảng dạy học phần theo một trong 3 hình thức sau đây:

1. Tích hợp hoàn toàn nội dung giáo dục ĐĐNN của CAND cho HV trong nội dung học tập thuộc các bài giảng của học phần do GV giảng.
2. Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN của CAND trong một phần thuộc nội dung giảng dạy của học phần do GV chịu trách nhiệm giảng dạy.
3. Rút ra những kết luận về rèn luyện phẩm chất ĐĐNN sau khi kết thúc các nội dung giảng dạy của học phần gắn với việc nâng cao hiệu quả của công việc mà học viên phải đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp.

Bước 2: Thiết kế bài giảng theo hướng lồng ghép nội dung giáo dục ĐĐNN trong giảng dạy học phần thuộc chương trình đào tạo

- Xác định mục tiêu giáo dục tích hợp giữa nội dung bài giảng với mục tiêu giáo dục ĐĐNN của CAND cho HV. Trên cơ sở đó xác định các yêu cầu cần đạt của học viên về kiến thức, kỹ năng và thái độ ĐĐNN.

- Thiết kế nội dung học tập theo các đơn kiến thức và tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN của CAND cho HV trong nội dung dạy học. GV thiết kế bài giảng theo hướng lồng ghép các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV theo nhiều hình thức và phương pháp đa dạng nhằm thu hút sự tham gia của HV tránh áp đặt cứng nhắc.

+ Đối với các học phần không chiếm ưu thế, GV tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN theo hình thức liên hệ thực tiễn và rút ra những bài học về tập luyện, rèn

luyện các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ Công an nhân dân gắn với các nội dung thực hiện nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ công tác của người chiến sĩ Công an. Với loại bài này, GV cần khuyến khích HV tự rút ra những bài học kinh nghiệm về rèn luyện phẩm chất ĐĐNN và vận dụng những kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học vào thực tiễn lao động nghề nghiệp trong các mối quan hệ của HV sau khi tốt nghiệp, những tình huống có thể xảy ra và cần xử lý.

+ Đối với học phần chiếm ưu thế trong việc lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức cho học viên như các học phần: Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Lịch sử truyền thống CAND, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các môn Nghiệp vụ, Pháp luật, Tâm lý,... GV phải tiến hành các nội dung sau đây:

GV thiết kế bài giảng theo hướng lồng ghép hoàn toàn nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua thiết kế nội dung giảng dạy của học phần, GV cần thiết kế các tình huống dạy học gắn với tình huống giáo dục đạo đức cho học viên nhằm giúp học viên trải nghiệm và thể hiện về tư tưởng, tình cảm và kỹ năng hành vi ĐĐNN thông qua nghiên cứu và xử lý các tình huống do GV đề ra. GV có thể xây dựng các bài tập thực hành thực tế trải nghiệm theo hình thức trực tiếp tại cơ sở hoặc trải nghiệm ảo nhờ ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, GV có thể thiết kế các thực tế ảo tăng cường thông qua sử dụng các video tình huống để giáo dục ĐĐNN cho HV.

GV cần thiết kế các tình huống học tập có lồng ghép các tình huống ĐĐNN đòi hỏi HV vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức, kỹ năng, thái độ đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp để giải quyết tình huống và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

VD: khi giảng dạy các học phần Tâm lý học, Luật hình sự; Luật dân sự; các học phần nghiệp vụ, v.v... GV có thể thiết kế các nội dung học tập dưới dạng các dự án học tập hay các tình huống cần xử lý để thu hút học viên tham gia vận dụng kiến thức đã học xử lý tình huống ĐĐNN qua đó bộc lộ thái độ, nhận thức và quan điểm cũng như kỹ năng hành vi chuyên môn và phẩm chất ĐĐNN của HV.

GV khi thiết kế dự án học tập hay tình huống học tập cần lưu ý dự án học tập hay tình huống dạy học được xây dựng phải có tính vấn đề về vận dụng kiến thức kỹ năng chuyên môn và kiến thức, kỹ năng thái độ về ĐĐNN; Dự án, tình huống phải đề mở nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo của HV, tình huống phải phù hợp

với nội dung tiến trình bài dạy và phù hợp với thực tiễn có thể xảy ra trong lao động nghề nghiệp của ngành CAND trong các mối quan hệ của HV với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước, với kẻ địch, với đồng đội, với công việc và với nhân dân.

Hoặc GV có thể thiết kế các dự án giáo dục ĐĐNN thông qua việc nghiên cứu nội dung học tập và trải nghiệm thực tiễn ĐĐNN để giáo dục về việc vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để giải quyết các vấn đề về ĐĐNN cho HV. Thông qua cách giao các bài tập dự án, hoặc các nhiệm vụ nghiên cứu và yêu cầu HV phải hoàn thành gắn với các nội dung học tập của học phần.

Căn cứ nội dung của học phần chiếm ưu thế, GV thiết kế các bài học thực hành và bài học thực tế gắn liền với sự trải nghiệm rèn luyện các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND để học viên tìm hiểu thực tiễn và tập luyện, rèn luyện các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND.

GV thiết kế bài học theo hướng trải nghiệm, khám phá, tập luyện và rèn luyện các nội dung chuyên môn và rèn luyện các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND trong mọi hành động học của học viên và trong các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn tại cơ sở Công an hoặc thực hành trên thao trường.

GV cần lựa chọn các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học để tổ chức hoạt động học tập, nghiên cứu của HV theo mục tiêu và chuẩn đầu ra đã xác định nhằm giúp HV đạt được những yêu cầu về năng lực và phẩm chất ĐĐNN đặt ra.

- Dự kiến hệ thống các câu hỏi tương tác và câu hỏi đánh giá mức độ tiếp nhận nội dung học tập của HV, phản hồi thông tin để điều chỉnh quá trình học tập.

Bước 3: Tổ chức bài dạy theo hướng lồng ghép nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên.

Kết quả giáo dục ĐĐNN là tổng hợp của nhiều môn học khác nhau như các môn khoa học Mác - Lênin, xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, các môn Nghiệp vụ, Pháp luật, Tâm lý, Võ thuật quân sự... Các môn học này đều có liên hệ mật thiết với nhau và đóng vai trò quan trọng trong giáo dục ĐĐNN cho học viên. Vì vậy, Phòng Quản lý đào tạo chủ trì trong việc tổ chức đào tạo theo từng năm học cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, tính cách và sự phát triển của học viên.

Đối với học viên năm thứ nhất và năm thứ hai, tập trung giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, các môn Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Lịch sử

truyền thống CAND, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xây dựng lực lượng CAND nhằm trang bị thế giới quan, phương pháp luận cho học viên, trên cơ sở đó từng bước hình thành bản lĩnh chính trị, nền tảng tư tưởng, lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các môn học nên tập trung giảng dạy trong thời gian này gồm có: Triết học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đạo đức học, Xã hội học... Cùng thời gian này, học viên cũng được trang bị những kiến thức về Lịch sử Ngành, được giáo dục truyền thống vẻ vang của lực lượng CAND. Những môn học này được phân bố và chiếm thời lượng lớn trong chương trình đào tạo hai năm đầu tiên để góp phần giáo dục cho học viên ý thức đạo đức, nâng cao sự hiểu biết, lòng tự hào, lòng yêu nghề, tinh thần hi sinh cao cả vì sự nghiệp bảo vệ An ninh Tổ quốc của người chiến sĩ CAND.

Đối với học viên năm thứ ba, năm thứ tư, việc sắp xếp các chương trình giáo dục ĐĐNN không chỉ dừng lại ở những bài giảng trên lớp mà còn phải gắn liền với các hoạt động thực tiễn. Đây là giai đoạn hoàn thiện nhân cách người chiến sĩ CAND, nội dung giáo dục ĐĐNN không phải sắp xếp thành các chủ đề mà GV cần đi sâu trên từng vấn đề cụ thể, đẩy mạnh chương trình đào tạo trong trải nghiệm thực tiễn, tạo điều kiện để mỗi HV có thể được thể hiện, khẳng định và rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm.

GV phối hợp với cán bộ cơ sở để tổ chức thực tế dân vận với mục đích “ba cùng”: “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với nhân dân, từ đó giúp học viên cọ xát với thực tế từ đó tích lũy thêm kinh nghiệm. Trong quá trình thực tế đó, GV khuyến khích HV thiết kế và tổ chức các hoạt động tình nguyện giúp nhân dân trong công việc của địa phương như thu hoạch hoa màu, làm các công trình phúc lợi,... thông qua hoạt động này sẽ giúp học viên hình dung rõ hơn sứ mệnh của ngành và nhiệm vụ cao cả mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, phát triển tình cảm, trách nhiệm với nhân dân, với Tổ quốc.

GV lựa chọn các phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tăng cường sự khám phá, trải nghiệm ĐĐNN cho HV theo hình thức mô phỏng thông qua các tình huống có thực hoặc tình huống do GV tạo ra. GV cần ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đặc biệt là sử dụng trí tuệ nhân tạo trong triển khai vận dụng các tình huống trải nghiệm ảo thông qua các video câu truyện,

tình huống ĐĐNN để giáo dục HV về lòng quả cảm, đức hy sinh, sự mưu trí, gan dạ và tinh thần đấu tranh không khoan nhượng trước kẻ địch hay tội phạm.

GV lựa chọn những tấm gương điển hình về sự đấu tranh bản thân để giữ vững phẩm chất trung kiên và đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND trong thực tiễn để HV học tập, noi theo; Lựa chọn những tấm gương điển hình về sự mưu trí thông minh trong chiến đấu với kẻ thù để hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp HV học tập kinh nghiệm và noi theo; GV lựa chọn những tấm gương về sự tận trung với Đảng, hiếu với dân trong thực tiễn cuộc sống để giúp học viên học tập và noi theo.

Căn cứ bài giảng đã được thiết kế GV tổ chức bài học theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của học viên trong giải quyết các nhiệm vụ học tập do GV đặt ra:

+ GV tổ chức phối hợp các phương pháp giảng dạy thảo luận, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề giúp cho học viên trải nghiệm khá phá các nội dung chuyên môn của học phần và nội dung giáo dục đạo đức có liên quan đến nội dung bài học, phát hiện những vấn đề cần giải quyết thông qua cách nêu và đặt vấn đề của GV hay qua các tình huống dạy học được GV thiết kế sẵn nhằm giúp học viên nhận thức được các nội dung ĐĐNN học viên cần rèn luyện và cách thức tập luyện, rèn luyện để đạt được các tiêu chí về chuẩn mực đạo đức theo chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo đã công bố.

+ GV tạo ra nhiều tình huống có vấn đề và nhiệm vụ học tập có liên quan đến việc rèn luyện phẩm chất ĐĐNN để học viên có môi trường thực hành giải quyết các vấn đề về ĐĐNN đặt ra.

Bước 4: Đánh giá kết quả

Qua công tác giảng dạy tích hợp, lồng ghép để GV và học viên rút kinh nghiệm về những việc đã làm được và chưa làm được, đánh giá những điều kiện đảm bảo cho việc dạy học lồng ghép có hiệu quả hơn.

Quá trình đánh giá phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình lồng ghép, tích hợp để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng phương pháp dạy học này. Qua công tác giảng dạy bằng phương pháp dạy học qua tình huống để GV và học viên cùng trải nghiệm về những tình huống nghề nghiệp thực tế, đánh giá những cái được và chưa được, qua đó áp dụng các phương pháp dạy học tích cực có hiệu quả hơn.

Xem xét lại những việc đã làm được và rút ra bài học kinh nghiệm cho các bài giảng tiếp theo. Cần đánh giá về ý thức, thái độ, hành vi đối với tình huống mang tính nhóm, tập thể. Kết quả đánh giá góp phần động viên học viên, kích thích người học phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Tiến hành sơ kết, tổng kết thường xuyên, định kỳ theo học kỳ, năm học về đổi mới phương pháp dạy học để đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân điển hình tiên tiến, từ đó tạo ra phong trào triển khai sâu rộng trong toàn trường. Trong các cuộc sơ kết, tổng kết đó, cần tạo điều kiện để giáo viên toàn trường tham gia, cùng chia sẻ kinh nghiệm, nhất là trong tổ chức hội nghị học tập tốt, rèn luyện tốt; phong trào thi đua dạy giỏi học giỏi do nhà trường và Bộ Công an tổ chức.

Bước 5: Phát triển chủ đề bài học theo hướng tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên

Căn cứ vào kết quả đánh giá và phản hồi thông tin của HV, những nội dung, hành vi quan sát được từ HV, GV sử dụng những kết quả, thông tin để điều chỉnh và phát triển chủ đề, kế hoạch bài dạy theo hướng lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức cho HV.

d. Điều kiện thực hiện

GV phải nắm vững các yêu cầu về ĐĐNN HV cần đạt để cụ thể hóa trong chuẩn đầu ra học phần cho phù hợp. GV phải có năng lực xây dựng và phát triển đề cương dạy học theo hướng phát triển phẩm chất ĐĐNN, năng lực của HV. GV cần phát huy được vai trò của tổ chuyên môn với vai trò là chuyên gia trong hỗ trợ đồng nghiệp phát triển đề cương dạy học theo hướng tăng cường giáo dục ĐĐNN cho HV.

GV giảng dạy học phần phải nắm vững mục tiêu, nội dung kiến thức chuyên môn của học phần và nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên Công an ở các trường đại học; GV phải có năng lực tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN thông qua nội dung dạy học, tích hợp giữa học lý thuyết với học thực hành và rèn luyện phẩm chất đạo đức cho học viên. GV phải có năng lực nghiệp vụ sư phạm tốt để phát huy tính chủ động, tự giác của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện đạo đức.

Học viên phải có năng lực tự học, tự giác tích cực hợp tác cùng GV và hợp tác cùng các thành viên trong nhóm lớp để hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện đặt ra.

GV phải là tấm gương mẫu mực về chuẩn mực ĐĐNN của ngành Công an nhân dân để học viên học tập và làm theo.

Nhà trường phải có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ GV giảng dạy các học phần và HV học tập, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN theo yêu cầu đặt ra.

3.2.3. Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho học viên trong bối cảnh hiện nay

a. Mục tiêu biện pháp

Môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của HV là điều kiện, phương tiện giúp cho HV có thể phát triển các phẩm chất ĐĐNN ngành CAND theo hướng ngày càng hoàn thiện, thông qua môi trường tu dưỡng rèn luyện tích cực HV có thể phát triển được các phẩm chất nhân cách người chiến sĩ CAND một cách tốt nhất đáp ứng yêu cầu về phẩm chất ĐĐNN của người CAND. Vì vậy phát triển môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay là tạo cơ hội, tạo điều kiện để HV tích cực phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người chiến sĩ CAND vừa hồng, vừa chuyên.

b. Nội dung biện pháp

Xây dựng môi trường cảnh quan nhà trường mang tính truyền thống, văn hóa của nhà trường từ cách bài trí lô gô khẩu hiệu, biển hiệu của nhà trường phải phản ánh được truyền thống, giá trị ĐĐNN của ngành CAND qua đó giáo dục HV lòng yêu ngành, yêu nghề và yêu quý tôn trọng các giá trị nghề nghiệp của ngành mà HV đã lựa chọn theo học. Thông qua cách bài trí biển hiệu, lô gô còn giáo dục cho HV các nét văn hóa riêng của ngành về tính pháp luật, tính kỷ luật, tính nguyên tắc, tính điều lệnh của ngành.

Xây dựng không gian ký túc xá, không gian lớp học thể hiện các nét văn hóa đặc trưng của ngành nhằm giáo dục các phẩm chất đạo đức truyền thống và tính kỷ luật của công an nhân dân.

Bố trí các bảng trình bày truyền thống của ngành, các lời dạy về ĐĐNN của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quy tắc chuẩn mực đạo đức của ngành CAND, nội quy văn hóa ứng xử trong môi trường nhà trường vv... nhằm thường xuyên nhắc

nhỏ HV học tập, tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN ở mọi nơi, mọi lúc và mọi chỗ, kích thích tính tích cực học tập, rèn luyện ở mỗi HV, đặc biệt là các quy tắc ứng xử trong ngành CAND, cần được cụ thể hóa trong các bảng nội quy lớp học, nội quy ký túc xá của HV. Thông qua việc tổ chức thực hiện các lời dạy, các quy tắc ứng xử, nội quy trường lớp nâng cao hơn nữa ý thức tự giác, phát huy vai trò trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu, nêu gương trong tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN ở mọi nơi, mọi lúc trong mọi hoàn cảnh để hoàn thiện phẩm chất người chiến sĩ CAND. Bởi vì, đây chính là nguồn gốc, động lực của những hành động, hành vi đúng đắn, phù hợp.

Tổ chức đa dạng hóa các hình thức tu dưỡng rèn luyện ĐĐNN ở mọi nơi, mọi chỗ, mọi hoạt động của HV trong nhà trường: Học tập, rèn luyện đạo đức thông qua huấn luyện đầu khóa học, tu dưỡng rèn luyện đạo đức thông qua tổ chức học tập các học phần thuộc chương trình đào tạo; Tu dưỡng rèn luyện phẩm chất ĐĐNN thông qua hoạt động thực tế chuyên môn tại cơ sở, thực tập cuối khóa; Tu dưỡng rèn luyện phẩm chất ĐĐNN thông qua sinh hoạt chính trị; thông qua sinh hoạt Đoàn, hội, thông qua việc chấp hành nội quy lớp học và nội quy ký túc xá của HV, thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện vv..

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị, tư tưởng cách mạng cho HV trong các trường đại học, học viện CAND: Tuyên truyền lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản pháp quy của Bộ Công an về mục tiêu giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN nói riêng. Tổ chức tuyên truyền cho HV về học tập làm theo Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân.

Cần tuyên truyền, giáo dục cho học viên về những giá trị cốt lõi trong ĐĐNN của người cán bộ Công an cách mạng như: Sáu điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy CAND; truyền thống vẻ vang, anh hùng của lực lượng CAND; văn hóa, giao tiếp ứng xử của CAND; lương tâm, danh dự của lực lượng CAND; các phẩm chất tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kính trọng, lễ phép, tận tụy với nhân dân; tương thân, tương ái, đoàn kết, hợp tác cùng tiến bộ; đức hi sinh vì tập thể, vì xã hội, vì Nhân dân...

GV, nhà trường có thể phối hợp với các đơn vị CAND và chính quyền địa phương tổ chức cho HV tham gia trải nghiệm thực tế tại các đơn vị qua đó rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN, tại đây HV được thị phạm những chuẩn mực ĐĐNN trong môi trường thực của người chiến sĩ CAND.

Trong bối cảnh mới hiện nay, GV, nhà trường cần tổ chức cho học viên nghe các chuyên gia nói chuyện chuyên đề về bối cảnh đổi mới hiện nay với các vấn đề về hội nhập thế giới và Việt Nam, các vấn đề về "diễn biến hòa bình", chiến tranh trên biển, trên không và chiến tranh công nghệ cao, vấn đề an ninh mạng, an ninh phi truyền thống, tội phạm xuyên biên giới, tội phạm công nghệ cao vv... Thông qua các buổi nghe nói chuyện giúp HV nhận thức được nhiệm vụ của người chiến sĩ Công an nhân dân trong bối cảnh mới, tính phức tạp của nghề nghiệp và yêu cầu cao về phẩm chất ĐĐNN của người chiến sĩ CAND từ đó giáo dục HV tiếp tục rèn luyện phát huy các phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ công an trong bối cảnh mới để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là các phẩm chất đạo đức đấu tranh với chính bản thân mình, đấu tranh với những cám dỗ của xã hội, cám dỗ lừa đảo dựa vào công nghệ cao và sự tha hóa của đạo đức trong bối cảnh hiện nay. Giáo dục HV về các phẩm chất đạo đức của công dân số, công dân toàn cầu và người chiến sĩ CAND có năng lực số đúng mực, sử dụng trí tuệ nhân tạo theo đúng mục đích sử dụng để thực hiện chức năng nghĩa vụ của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức tốt các phong trào thi đua chấp hành nghiêm, kỷ luật tốt, học tập sáng tạo, rèn luyện đạo đức tốt trong HV.

Mỗi cán bộ, GV cần nâng cao trách nhiệm của mình trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho học viên đối với thực tiễn công tác công an; đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường và của bản thân mỗi cán bộ, chiến sĩ. Mỗi cán bộ, GV cần có ý thức cao hơn về nhiệm vụ, vai trò của mình trong giáo dục ĐĐNN cho HV từ đó phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của từng học viên trong nhà trường đại học CAND.

c. Cách thực hiện biện pháp

Nâng cao nhận thức và xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể giáo dục trong xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho HV. Các chủ thể giáo

dục trong nhà trường (CB quản lý, GV, nhân viên) cần được nâng cao nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của ĐĐNN đối với việc hình thành nhân cách người chiến sĩ CAND trong bối cảnh hiện nay. Mỗi CB, GV vừa là nhà giáo dục, vừa là người nêu gương, tuyên truyền viên, có trách nhiệm trực tiếp trong việc định hướng, giáo dục và tổ chức cho HV tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN. Trên cơ sở đó, xác định rõ trách nhiệm của từng lực lượng trong tham gia xây dựng môi trường giáo dục ĐĐNN thống nhất, đồng bộ trong toàn nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy và quy tắc ứng xử theo quy định của ngành trong trường học, theo dõi giám sát và phát hiện kịp thời những hành vi lệch chuẩn để giáo dục HV, khuyến khích những gương tốt, gương điển hình trong các tập thể.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua học phần và sinh hoạt tập thể. Giáo dục ĐĐNN cho HV được triển khai thường xuyên thông qua các học phần giảng dạy và các hoạt động sinh hoạt tập thể. Nội dung giáo dục tập trung giúp HV nhận thức rõ ý nghĩa, giá trị, chuẩn mực và biểu hiện của ĐĐNN CAND trong các mối quan hệ với Đảng, Nhà nước, Nhân dân; với tổ chức, đơn vị; với công việc, đồng chí, đồng đội; với bản thân. Thông qua đó, giúp HV xác định đúng trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện và chấp hành nội quy, quy chế đào tạo, nội quy kỷ túc xá và điều lệnh CAND.

Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục ĐĐNN gắn với xây dựng môi trường giáo dục toàn diện. GV và CB quản lý giáo dục HV chủ động đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục ĐĐNN theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác của HV. Tăng cường lồng ghép giáo dục ĐĐNN trong bài giảng, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, các tình huống nghề nghiệp, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong lực lượng CAND để định hướng giá trị, tạo động lực phấn đấu và môi trường rèn luyện ĐĐNN cho HV.

Phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục và tổ chức quần chúng trong nhà trường. Phát huy vai trò phối hợp của các đơn vị chức năng, các tổ chức quần chúng (Đoàn Thanh niên, Hội, trung đội, tiểu đội) trong tổ chức các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV. Đặc biệt, phát huy vai trò nòng cốt của GVCN và đội ngũ cán bộ lớp, cán bộ đoàn, hội trong quản lý, giáo dục và xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn

luyện ĐĐNN. Thông qua các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua, sinh hoạt chuyên đề, giao lưu, tọa đàm, nghiên cứu khoa học..., kích thích nhu cầu tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của HV.

Tăng cường quản lý, đánh giá và điều chỉnh hoạt động giáo dục ĐĐNN. Giáo dục ĐĐNN được gắn chặt với công tác quản lý HV, chấp hành điều lệnh, kỷ luật, phong trào thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm. Thường xuyên tổ chức đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN trên các phương diện: nhận thức, thái độ và hành vi của HV; qua đó kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục, góp phần hình thành môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN bền vững trong nhà trường.

d. Điều kiện thực hiện

GV các trường đại học CAND cần nhận thức đúng về bối cảnh hiện nay và nhiệm vụ của người cán bộ, chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức, từ đó xác định và thực hiện các nhiệm vụ và nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong quá trình giảng dạy, sinh hoạt tập thể, rèn luyện đạo đức, tác phong cho HV.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc có nhận thức sâu sắc và thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục ĐĐNN cho học viên. Phải xây dựng được kế hoạch tuyên truyền, giáo dục ĐĐNN cho học viên theo từng năm học, từng tháng và những trường hợp đặc biệt khác một cách khoa học, thiết thực, cụ thể.

Các hoạt động giáo dục ĐĐNN và tuyên truyền, giáo dục cần phải được tiến hành liên tục, thường xuyên với nhiều hình thức khác nhau. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục của nhà trường, của tập thể qua tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ với sự phát huy cao độ ý thức học tập, tu dưỡng rèn luyện của bản thân học viên.

Học viên tại các trường đại học CAND cần có ý thức tự giác, chủ động trong tu dưỡng rèn luyện ĐĐNN nhằm tu dưỡng, rèn luyện trong mọi hoạt động, ở mọi nơi, mọi chỗ qua đó phát triển ĐĐNN đáp ứng yêu cầu đặt ra.

3.2.4. Phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở

a. Mục tiêu biện pháp

Phối hợp giữa GV, nhà trường với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở nhằm tạo môi trường giáo dục gắn lý luận với

thực tiễn nghề nghiệp và thực hành rèn luyện hành vi và thói quen đạo đức nghề nghiệp cho HV, phát triển môi trường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho HV, huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường cùng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV nhằm nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV.

b. Nội dung biện pháp

Hoạt động huấn luyện đầu khóa học là giai đoạn đầu tiên khi HV mới vào trường nên GV và CB quản lý cần tăng cường giáo dục tính kỷ luật của ngành, của trường, giáo dục động cơ học tập, lòng yêu ngành, yêu nghề đã lựa chọn cho HV, đặc biệt là giáo dục truyền thống nhà trường, truyền thống của ngành CAND cho HV, từ đó giáo dục động cơ, ý chí quyết tâm học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp cho HV:

- Phối hợp giữa nhà trường, khoa chuyên ngành với cán bộ Công an tại địa phương tham gia giáo dục truyền thống của ngành, tính kỷ luật của ngành, động cơ và ý chí phấn đấu vì sự phát triển của ngành cho HV.

- Phối hợp giữa giảng viên huấn luyện với các phòng, ban chức năng của trường trong giáo dục truyền thống của nhà trường, giáo dục tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề cho HV.

- Phối hợp giữa giảng viên huấn luyện với cựu HV của trường hiện đã thành đạt là người có uy tín trong ngành tham gia giáo dục về động cơ và ý chí phấn đấu nghề nghiệp cho HV, chia sẻ về quá trình học tập, rèn luyện cho HV.

GV, cán bộ làm nhiệm vụ huấn luyện đầu khóa học có thể phối hợp với cán bộ Công an cơ sở để tổ chức hướng dẫn các hoạt động luyện tập về kỹ năng và phẩm chất ĐĐNN có tính đa dạng cho HV trước khi bước vào đào tạo chuyên môn theo ngành nghề, giáo dục những tấm gương người tốt việc tốt, gương điển hình của ngành CAND cho HV để khơi gợi lòng yêu ngành, yêu nghề.

Nhà trường, GV phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để tổ chức hoạt động thực hành, thực tập, thực tế cho học viên tại các đơn vị Công an địa phương để giáo dục ĐĐNN cho học viên. Các hoạt động này cần được tổ chức duy trì thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức khác nhau, do đặc thù của đơn vị giáo dục trong CAND.

Trong quá trình tổ chức hoạt động thực hành, thực tế, thực tập, GV chú trọng đến việc rèn luyện tay nghề, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, hướng đến hình thành năng lực của người cán bộ CAND, đồng thời phải quan tâm đến nâng cao nhận thức

cho HV về các phẩm chất ĐĐNN, giáo dục động cơ và giáo dục lòng yêu nghề, lòng tự hào nghề nghiệp cho HV, trên cơ sở đó giúp HV rèn luyện kỹ năng, hành vi và thói quen ĐĐNN cho HV đáp ứng yêu cầu của Ngành.

Thực tế cho thấy, các hoạt động thực hành, thực tập, thực tế của học viên tại Công an các đơn vị, địa phương là một trong những hình thức tổ chức dạy học rất quan trọng, đây là môi trường sinh động để học viên trải nghiệm, vận dụng tri thức đạo đức vào rèn luyện, hình thành hành vi đạo đức. Vì vậy, GV cần phát triển các chương trình giảng dạy theo hướng tăng cường thực tế chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho HV. Gắn với mỗi nội dung giảng dạy của các môn học, GV cần thiết kế các bài tập thực hành, thực tế chuyên môn cho HV và những yêu cầu cụ thể về rèn luyện phẩm chất ĐĐNN cho HV.

Trường đại học CAND cần có cơ chế phối hợp giữa GV với cán bộ Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục ĐĐNN cho HV, nhằm đảm bảo sự thống nhất về mục tiêu, nội dung giáo dục, cách thức và hình thức triển khai, tiêu chí, nội dung và hình thức đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HV.

GV làm nhiệm vụ tổ chức hướng dẫn HV đi thực tế chuyên môn và thực tập nghề nghiệp cần đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ tìm hiểu và rèn luyện ĐĐNN cho HV đặc biệt là các bài thu hoạch từ trải nghiệm nghề nghiệp về quan hệ ứng xử với nhân dân, với công việc và với cơ quan quản lý cấp trên với đồng nghiệp và những tình huống xảy ra. Qua các mối quan hệ và các tình huống kể trên, giáo dục HV về phẩm chất, thái độ, hành vi ĐĐNN, ý chí rèn luyện, tinh thần đấu tranh phê và tự phê trong công việc và cuộc sống.

Hoặc có thể thiết kế các bài tập, dự án nghiên cứu thực tiễn và yêu cầu HV triển khai thực hiện, báo cáo kết quả nghiên cứu trải nghiệm về ĐĐNN.

GV các trường đại học CAND căn cứ vào chương trình đào tạo, lịch trình giảng dạy để xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện và tổ chức hoạt động thực hành, thực tập, thực tế của học viên tại Công an các đơn vị, địa phương đảm bảo tính khoa học, thiết thực và hiệu quả. Trong việc tổ chức các hoạt động cần tạo ra môi trường, điều kiện để học viên thực hành ĐĐNN. Học viên, trên cơ sở các hoạt động do nhà trường tổ chức để tích cực, chủ động tham gia, vận dụng tri thức đạo đức, hình thành tình cảm đạo đức và rèn luyện thói quen đạo đức.

Theo chương trình đào tạo của các trường đại học CAND, học viên sẽ được trực tiếp tham gia các hoạt động thực tế chính trị - xã hội (3 cùng với nhân dân), thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp. Đây là khoảng thời gian, là môi trường và điều kiện rất thuận lợi để giáo dục, rèn luyện ĐĐNN. Vì vậy, GV cần phối hợp chặt chẽ với cán bộ thực tiễn của Công an các địa phương, tạo điều kiện, cơ hội để học viên được tiếp xúc với quần chúng nhân dân, tham gia giải quyết các công việc và tự soi mình trong các mối quan hệ, từ đó tự tu, tự sửa về ĐĐNN của bản thân. GV cần giáo dục HV tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng giáo dục tại địa phương tự giác, chủ động, tích cực tham gia hoạt động thực tập môn học, công tác dân vận, công tác "ba cùng", thực tập tốt nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN.

GV và nhà trường cần xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp của HV cần đảm bảo tính khoa học, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo, giáo dục ĐĐNN cho HV phù hợp với nhu cầu, đặc điểm tâm lý của học viên. GV cần tận dụng môi trường thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp để biến quá trình giáo dục ĐĐNN trở thành quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện ở học viên, xuất phát từ động cơ bên trong, từ nhu cầu của cá nhân khi tham gia trải nghiệm thực tế.

c. Cách thực hiện biện pháp

Bước 1: Chuẩn bị

GV chủ động phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nội dung phù hợp với chức năng nhiệm vụ, phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐĐNN để chuẩn bị các hoạt động thiết thực, hiệu quả.

GV liên hệ chặt chẽ với các địa bàn, đơn vị Công an địa phương nơi học viên xuống thực tế, thực tập để phối hợp trong quá trình quản lý giáo dục học viên thực hiện thực tế, thực tập. Giữa GV và các lực lượng giáo dục tại cơ sở cần có sự thống nhất về các nội dung sau đây để giáo dục ĐĐNN cho HV:

- Thống nhất về mục tiêu và yêu cầu cần đạt của các hoạt động thực tế chuyên môn, thực hành, thực tập tại Công an các đơn vị, địa phương.

- Thống nhất về các nội dung thực tế, thực hành, thực tập của HV tại cơ sở Công an địa phương, thời gian và lịch trình thực hiện và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình hoạt động.

- Thống nhất về các hình thức của các hoạt động thực tế chuyên môn, thực hành, thực tập tại cơ sở Công an địa phương.

- Thống nhất về tiêu chí đánh giá các hoạt động thực tế chuyên môn, thực hành, thực tập tại cơ sở Công an địa phương.

GV phụ trách hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập gặp gỡ và hướng dẫn học viên về việc tuân thủ những nội qui, qui định nơi thực tế, thực tập, ý thức kỷ luật ngành Công an, văn hóa ứng xử giao tiếp... đồng chí, đồng đội, công việc và nhân dân, đồng thời đưa ra những nội dung yêu cầu viết báo cáo thực tế, thực tập và những kết quả cần đạt.

Cử nhóm trưởng của mỗi đoàn thực tập tại một cơ sở để đôn đốc HV thực hiện những nội qui, qui định tại nơi thực tập. GV phải là người tư vấn, hỗ trợ cho nhóm trưởng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

GV phụ trách phải chuẩn bị những bài khảo sát, thu hoạch để phát cho HV hàng tuần nhằm giúp HV thu thập những thông tin về thực tế xã hội ở địa phương và thực tế công tác trên địa bàn.

GV trao đổi với lãnh đạo, cán bộ tại địa bàn, Công an các đơn vị, địa phương mà HV thực tế, thực tập về tình hình HV và điểm mạnh, điểm hạn chế của HV, mục tiêu giáo dục HV trong chuyến đi thực tế, thực tập của cơ sở đào tạo, những mục tiêu mong đợi và yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất đạo đức để phối kết hợp trong việc giáo dục ĐĐNN cho HV.

Bước 2: Cách thức tiến hành

GV phân công và giao việc cho học viên, yêu cầu học viên hoàn thành các báo cáo theo đúng thời hạn. Cung cấp, hướng dẫn cho học viên làm quen với những nội qui, qui định nơi thực tập, ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an.

GV kết hợp với cán bộ, lãnh đạo tại cơ sở thực tế, thực tập hướng dẫn, hỗ trợ cho học viên trong việc thực hành nghề nghiệp. Phân tích và chỉ rõ cho học viên những chuẩn mực, những giá trị ĐĐNN được thể hiện trong các hoạt động nghề nghiệp trong thực tế.

Hướng dẫn để học viên có cơ hội thực hiện các hành vi ĐĐNN trong môi trường làm việc thực tế. Kết hợp với cán bộ tại cơ sở thực tế, thực tập để đánh giá theo dõi thái độ, hành vi ĐĐNN của học viên.

Hướng dẫn học viên quan sát công việc tại nơi thực tập. Qua đó học viên thấy được thái độ, hành vi đạo đức của người cán bộ công an được bộc lộ như thế nào. Bước đầu học viên có thể nhận xét, đánh giá những thái độ hành vi nào là phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN. Sử dụng phiếu quan sát để học viên thu thập thông tin.

GV cần xây dựng bản kế hoạch thực tế, thực tập rõ ràng cụ thể cho HV tại cơ sở để HV có sự chuẩn bị tốt nhất. Các nhà trường đại học CAND phải có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị Công an địa phương để kết hợp giảng dạy giữa lí thuyết và thực hành để giúp HV có thể hiểu một cách sâu sắc những giá trị, những chuẩn mực ĐĐNN.

GV trao đổi với cán bộ Công an cơ sở thiết kế và tạo những tình huống thực tế trong công việc để HV có cơ hội trải nghiệm và quan sát cũng như học hỏi được những hành vi ĐĐNN. Động viên, khuyến khích HV thể hiện những hành vi ĐĐNN; tạo niềm tin cho HV thông qua những việc làm cụ thể tại nơi tổ chức thực tập nghề nghiệp. Đặc biệt GV phối hợp với CB cơ sở thiết kế và tạo ra những tình huống có tính thử thách các phẩm chất mang tính đặc thù của ngành để HV rèn luyện ý chí và lòng quả cảm khi phải vượt qua nhằm giáo dục ĐĐNN cho HV từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Bước 3: Đánh giá kết quả

GV tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cần phải được tiến hành thường xuyên, gắn liền với đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đồng thời trong quá trình tổ chức các hoạt động thực tế, thực tập, thực hành. GV, cán bộ Công an hướng dẫn cần trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc rèn luyện hành vi ứng xử, văn hóa giao tiếp, hành vi đạo đức trong quá trình làm việc, tiếp xúc với đồng chí đồng đội, với cán bộ thực tế, với nhân dân để kịp thời chỉnh sửa uốn nắn.

Kết thúc các đợt tổ chức hoạt động này, GV cần phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để xây dựng phiếu đánh giá kết quả thực hiện hoạt động. Trong đó, nội dung kiểm tra, đánh giá cần tập trung vào tri thức về các chuẩn mực ĐĐNN; việc vận dụng tri thức ĐĐNN trong thực tế công tác công an; thái độ, hành vi khi tham gia, xử lý các tình huống thực tiễn đặt ra.

Thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết việc tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập, thực tế của học viên để đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân. Từ

đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động, cũng như hiệu quả giáo dục ĐĐNN thông qua hoạt động đó.

d. Điều kiện thực hiện

GV cần có năng lực hướng dẫn thực hành, thực tập theo hướng tích hợp các nội dung giáo dục đạo đức cho HV. GV và lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cần có sự phối hợp, thống nhất chặt chẽ với nhau về mục tiêu, nội dung, hình thức... hướng dẫn thực hành thực tập cho HV, cần đa dạng về phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế và thực tập chuyên môn tại cơ sở nhằm tăng cường giáo dục năng lực và ĐĐNN cho HV.

Cán bộ tại Công an các đơn vị, địa phương cần nhận thức rõ về vai trò trách nhiệm của đơn vị trong phối hợp với nhà trường, GV để đào tạo, giáo dục ĐĐNN cho HV tại môi trường thực tế của đơn vị, chuẩn mực trong hành vi ứng xử để HV học tập làm theo.

Học viên tham gia thực hành, thực tế và thực tập nghề nghiệp cần có động cơ ý thức học tập rèn luyện vì sự phát triển nghề nghiệp của bản thân, tự giác, chủ động tích cực tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện tại cơ sở.

Các đơn vị chức năng của các nhà trường cần tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng; phân tích bối cảnh, các yếu tố tác động đến nhà trường đến ĐĐNN của lực lượng CAND, nhất là các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến sự suy thoái về đạo đức của CB CAND; những chuẩn mực, thái độ, hành vi còn thiếu của CB, chiến sĩ CAND trong quá trình công tác. Trên cơ sở đó để xác định nội dung trọng tâm cần giáo dục, lựa chọn phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp với nội dung, điều kiện thực tế của nhà trường và xã hội.

Trong quá trình triển khai các hoạt động thực hành, thực tập, GV phải thực hiện đúng kế hoạch, phù hợp với lịch trình đào tạo của Nhà trường, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Thông qua tổ chức các hoạt động thực tế, thực tập, thực hành để cho HV vận dụng kết quả học tập, tu dưỡng và rèn luyện trong thực tế công tác.

Các đơn vị chủ trì, cần tham mưu cho Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm về việc xây dựng nội dung, phương pháp và hình thức đã triển khai, thực

hiện. Qua đó đề đưa ra các biện pháp tác động kịp thời, hiệu quả vào nội dung, phương pháp và hình thức hoạt động thực tế, thực tập, thực hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV.

3.2.5. Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân

a. Mục tiêu biện pháp

Trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV đòi hỏi GV, nhà trường phải thường xuyên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục để phát huy vai trò chủ động, tích cực rèn luyện đạo đức của HV, việc phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân nhằm biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục ĐĐNN ở mỗi HV, qua đó nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay, đáp ứng yêu cầu của ngành trong đào tạo HV.

b. Nội dung biện pháp

Phát huy tính tự giác, tích cực của HV trong thực hiện nội quy, quy chế, điều lệnh, kỉ luật, quy định... của nhà trường: Thông qua việc xây dựng, tổ chức thực hiện nội quy, quy chế, điều lệnh, kỉ luật, quy tắc ứng xử của ngành trong nhà trường, giáo dục HV về việc ý thức tự giác chấp hành kỷ luật của ngành Công an, thực hiện quy tắc ứng xử có chuẩn mực của ngành thông qua những quy định cụ thể qua đó nhằm hình thành hành vi và thói quen ĐĐNN cho HV.

Phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của HV trong phong trào làm theo lời Bác, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thanh niên xung kích vv... đổi mới, sáng tạo trong mọi hoạt động học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp.

Phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của HV trong học tập, rèn luyện: Chủ động trong tự học, tự rèn luyện; chủ động tích cực trong xây dựng bài học, làm việc nhóm; chủ động, tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên đặt ra, chủ động tích cực trong phát triển cộng đồng học tập của HV.

Phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của HV trong sinh hoạt tập thể của lớp, Đoàn, Hội trong nhà trường, tự giác, tích cực tham gia góp ý xây dựng và phát triển môi trường tập thể, hoạt động Đoàn, Hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện phát triển cộng đồng.

Phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của HV trong đấu tranh phê và tự phê để hoàn thiện nhân cách bản thân.

Phát huy tính tự giác, tích cực chủ động của HV trong tham gia các phát động phong trào thi đua của của đất nước, Bộ Công an, nhà trường, Đoàn Thanh niên... Thông qua các phương pháp, cách thức giáo dục khác nhau, GV, cán bộ quản lý học viên, cán bộ quản lý các tổ chức đoàn thể cần khơi gợi lòng tự trọng, ý thức về quyền và nghĩa vụ của học viên đối với Tổ quốc, Đảng và Nhân dân, đối với lực lượng CAND, đối với cộng đồng và xã hội. Từ đó, hình thành ý thức tự giác, lương tâm, danh dự, trách nhiệm trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cán bộ CAND. Vì vậy, các lực lượng giáo dục cần giáo dục, bồi dưỡng giá trị của những chuẩn mực đạo đức như: Lương tâm, trách nhiệm, danh dự, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân, vì bình yên và cuộc sống hạnh phúc của nhân dân, đức hi sinh... cho học viên. Từ đó giúp học viên hình thành ý thức tự lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hành vi ứng xử của mình; học viên nắm vững mục đích, phương pháp và chủ động lập kế hoạch, tổ chức quá trình tự tu dưỡng, tự rèn luyện đạo đức người cán bộ CAND.

Thực tế cho thấy khi người cán bộ CAND có ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện thường có hiệu quả học tập, công tác cao hơn và trưởng thành nhanh chóng; tự tu dưỡng, tự giáo dục đạo đức của học viên CAND chỉ phát huy được hiệu quả khi họ tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, bởi đạo đức không chỉ là suy nghĩ mà có, mà nó phải được hình thành từ thực tế hoạt động, từ thực tế trải nghiệm về các chuẩn mực, hình thành tình cảm đạo đức, cảm nhận giá trị đạo đức và hình thành hành vi, thói quen đạo đức. Do vậy, cần thông qua tổ chức các hoạt động để bồi dưỡng cho học viên con đường, cách thức để tự giáo dục, hoàn thiện bản thân.

GV, cán bộ quản lý học viên, cán bộ quản lý các tổ chức quần chúng cần hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân và chủ động tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả. Thông qua các hoạt động dạy học, sinh hoạt tập thể GV, cán bộ quản lý học viên, cán bộ quản lý các tổ chức quần chúng cần giúp HV hiểu rằng kết quả thực hiện kế hoạch phụ thuộc vào sự nỗ lực rèn luyện của mỗi HV và cách thức thực hiện và tính kiên trì, tính kỷ luật trong tự rèn luyện của HV: Kỷ luật học tập, kỷ luật quân ngũ; kỷ luật trong sinh hoạt tập thể và tại kí túc xá vv...

GV, cán bộ quản lý học viên, cán bộ quản lý các tổ chức quần chúng, nhất là đội ngũ giáo viên chủ nhiệm cần hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch tự tu dưỡng, tự rèn luyện ĐĐNN của học viên, theo dõi sự tiến bộ của HV, động viên khuyến khích HV trong quá trình tập luyện, rèn luyện.

c. Cách thực hiện biện pháp

Ngay từ khi mới nhập học trong những giờ học nhập môn, sinh hoạt tập thể, GV, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ quản lý giáo dục và các tổ chức đoàn thể, quần chúng cần giáo dục HV về động cơ học tập và động cơ rèn luyện ĐĐNN của người chiến sĩ CAND. Thông qua các tuần sinh hoạt đầu tiên tại trường cần tiến hành giáo dục cho HV các nội dung về truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc, của ngành Công an và truyền thống của nhà trường; Giáo dục HV về Điều lệnh CAND, nội quy, quy chế học tập của nhà trường và tính kỷ luật của ngành đối với HV. Thông qua các buổi sinh hoạt tập thể của HV cần giúp HV có cách nhìn tổng thể về quá trình học tập, rèn luyện đạo đức toàn khóa của HV để trở thành người chiến sĩ Công an nhân dân, những mục tiêu, yêu cầu cần đạt, quá trình phấn đấu và rèn luyện của HV, những khó khăn mà HV sẽ phải vượt qua trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường và cả sau này.

Thông qua các học phần giảng dạy, GV cần giáo dục HV động cơ học tập đúng đắn, tinh thần, ý thức trách nhiệm đối với học tập và những yêu cầu cần đạt của nội dung học phần và rèn luyện phẩm chất ĐĐNN. Hướng dẫn HV cách thức và phương pháp học tập, rèn luyện để đạt được mục tiêu và yêu cầu hoạt động học tập, rèn luyện đề ra. Hướng dẫn HV xây dựng kế hoạch tự học, tự rèn luyện và bồi dưỡng cho HV cách tự tự học, tự rèn luyện và cách thức tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả tự học.

Thông qua các hoạt động tự quản, sinh hoạt tập thể, hoạt động phong trào và hoạt động phát triển cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ Đoàn, Hội, cán bộ quản lý cần giáo dục HV về động cơ rèn luyện đạo đức, vai trò, trách nhiệm của người chiến sĩ Công an nhân dân trong quá trình học tập, rèn luyện để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Mỗi học viên phải xác định mục đích rõ ràng, động cơ tu dưỡng, rèn luyện đúng đắn, có quyết tâm vượt qua khó khăn để đạt được mục đích đã định... từ đó xây dựng kế hoạch và tập trung sức mạnh thực hiện kế hoạch nhằm hình thành những chuẩn mực ĐĐNN.

Căn cứ kế hoạch của nhà trường, GV các khoa và giáo viên chủ nhiệm lớp phân công, giao cho học viên xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện trong toàn bộ khóa học, năm học, học kỳ. Đồng thời hướng dẫn, theo dõi quá trình xây dựng, triển khai kế hoạch.

Hướng dẫn học viên trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, trong đó đặc biệt chú trọng đến những chỉ tiêu phấn đấu rèn luyện; những giá trị, phẩm chất ĐĐNN của học viên cần đạt được trong mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

Định hướng cho học viên tổ chức, tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động do Bộ Công an, Nhà trường, các tổ chức đoàn thể quần chúng, các khoa, lớp học... thông qua đó, giáo dục ý thức tự giác, bồi dưỡng tình cảm đạo đức và khơi dậy ý thức trách nhiệm trong tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN.

GV, cán bộ quản lý học viên, các tổ chức quần chúng cần khai thác, sử dụng kỹ năng tự giáo dục, tự rèn luyện của học viên trong quá trình giáo dục; tìm cách phát huy tính năng động, sáng tạo, tự lập, tự chủ của học viên; xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc giáo dục.

Duy trì thực hiện tốt chế độ tự quản, tự giác chấp hành các quy chế, quy định về học tập, rèn luyện của học viên, thật sự biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Tổ chức bảo đảm chế độ học tập theo chương trình huấn luyện đầu khóa, huấn luyện của đơn vị dự bị chiến đấu cho học viên bảo đảm việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương một cách tự giác.

Định kỳ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học, các đơn vị như Phòng Quản lý học viên, các khoa và đội ngũ GV, giáo viên chủ nhiệm lớp cần đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tự tu dưỡng, tự rèn luyện của học viên để kịp thời uốn nắn, điều chỉnh, giáo dục ý thức, thái độ cho học viên.

Kết hợp với việc tổ chức các phong trào do Bộ Công an, nhà trường, các đoàn thể tổ chức để đánh giá thái độ, tinh thần trách nhiệm và nội dung tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của học viên. Trên cơ sở đó, đưa ra kiến nghị, giải pháp để động viên, lôi kéo, thu hút học viên tham gia hoạt động học tập, rèn luyện của nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh việc chấp hành điều lệnh, tư thế, lễ tiết, tác phong, giờ giấc, chế độ học tập, sinh hoạt của học viên các trung đội, thực hiện báo động, hành quân dã ngoại để nâng cao sức khỏe và tinh thần sẵn sàng chiến

đầu, ý thức tổ chức kỷ luật; duy trì nền nếp xếp hàng lên lớp, ra bãi tập, thao trường... để giáo dục ý thức kỷ luật, ý thức tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện.

d. Điều kiện thực hiện

Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu cần thực hiện các biện pháp, tạo điều kiện để học viên phát huy tính tích cực, chủ động, hình thành thói quen, hành vi đạo đức, văn hóa ứng xử trong mọi tình huống, mọi quan hệ xã hội. Qua đó củng cố tri thức, tình cảm, niềm tin, giá trị đạo đức, hình thành phong cách ứng xử có văn hóa của học viên.

Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu các trường cần tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ chế, chính sách, phương tiện kỹ thuật, phối hợp thống nhất các nguồn lực để xây dựng môi trường tích cực, xây dựng phong trào thi đua cho quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của học viên. Đặc biệt, Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu các nhà trường thông qua các tổ chức đoàn thể của nhà trường, kết hợp với chính quyền địa phương để huy động sức mạnh tập thể, tạo sự phối hợp thống nhất trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức cho học viên.

3.2.6. Xây dựng và thực hiện bộ chỉ số đánh giá kết quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường đại học Công an nhân dân

a. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân giúp GV và các lực lượng tham gia đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN và kết quả tự giáo dục ĐĐNN của HV được khách quan, sát thực, giúp HV nhìn nhận rõ những mặt còn hạn chế của bản thân để tự soi, tự sửa và hoàn thiện phẩm chất ĐĐNN đáp ứng chuẩn đầu ra của quá trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ CAND.

Thông qua kiểm tra, đánh giá để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên. Mặt khác, thông qua kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN để nắm chắc thông tin phản hồi trong quá trình tổ chức, phát hiện những bất cập tồn tại về mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức giáo dục ĐĐNN cho HV từ đó phát triển chương trình dạy học và các hoạt động giáo dục trong quá trình đào tạo HV nhằm đạt được mục tiêu về giáo dục ĐĐNN cho HV trường CAND, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trong các nhà trường.

b. Nội dung biện pháp

GV và cán bộ quản lý HV cần căn cứ vào những tiêu chí nội dung đánh giá kết quả học tập của từng học phần và quy định của ngành về đánh giá kết quả rèn luyện của HV được quy định trong Thông tư hướng dẫn [Thông tư 26 của Bộ Công an] để tiến hành kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết trong quá trình học tập các học phần của HV và quá trình sinh hoạt tập thể của HV trong quá trình đào tạo tại trường.

Trong quá trình giảng dạy, sinh hoạt tập thể, hoạt động phong trào, tự quản, GV, cán bộ quản lý học viên cần thực hiện các nội dung đánh giá sau đây:

Đánh giá về mức độ chuyên cần của HV trong quá trình học tập hàng ngày, thái độ tích cực để hoàn thành các nội dung học tập được giao của học viên trong suốt quá trình học tập môn học.

Đánh giá về tinh thần, thái độ hợp tác của HV với đồng đội, với GV để hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo nhóm lớp.

Đánh giá về quan điểm lập trường, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, quan hệ cộng đồng của HV trong quá trình học tập, trong tham gia sinh hoạt tập thể, tham gia phát triển cộng đồng; ý thức phát huy truyền thống của nhà trường và của ngành.

Đánh giá về sự khôn khéo và bản lĩnh kiên định rõ ràng của HV được bộc lộ trong các bài tập tình huống và bài tập thực hành nghề nghiệp, trong tình huống sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở đào tạo.

Đánh giá về ý thức, thái độ thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư khi HV thực hiện các nhiệm vụ thực hành, thực tế tại địa phương và trong các mối quan hệ ngoài trường của HV.

Đánh giá về ý thức, thái độ và kỹ năng, hành vi rèn luyện, chấp hành Điều lệnh Công an nhân dân của HV, đánh giá về ý thức và tính kỷ luật trong thực hiện các quy định của ngành, nội quy của nhà trường, ý thức chấp hành quy chế học tập, sinh hoạt tập thể và tham gia cộng đồng, quy chế và nội quy ký túc xá của HV trong quá trình học tập, rèn luyện.

Đánh giá về ý thức, thái độ và hành vi tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào ở trong và ngoài nhà trường của HV.

Đánh giá về lối sống trong sáng, giản dị, lành mạnh trong các mối quan hệ và trong công việc ứng xử hàng ngày trong thế giới thực và thế giới ảo của HV.

Đánh giá về thái độ, hành vi văn hóa giao tiếp, ứng xử trong các mối quan hệ của HV với công việc học tập, rèn luyện với cấp trên, với đồng nghiệp, với thầy cô, bạn bè và với nhân dân và với kẻ địch.

c. Cách thực hiện biện pháp

Nhà trường, GV, cán bộ quản lý học viên cần xác định nội dung và tiêu chí đánh giá ĐĐNN của HV trong suốt quá trình học tập, rèn luyện, từ các nội dung đánh giá nhà trường, GV và cán bộ quản lý cần cụ thể hóa thành các tiêu chí đánh giá cụ thể và thiết kế công cụ đo nhằm đánh giá phẩm chất ĐĐNN của HV một cách khách quan, sát thực.

Lập bảng thống kê về nội dung và tiêu chí đánh giá sau đây:

Nội dung đánh giá	Các chỉ số đo	Minh chứng
1. Mức độ chuyên cần của HV trong quá trình học tập hàng ngày, thái độ tích cực để hoàn thành các nội dung học tập được giao của HV trong suốt quá trình học tập môn học.	1.1. Tham gia đầy đủ các buổi học đúng giờ. 1.2. Hoàn thành nhiệm vụ tự học cá nhân và nhiệm vụ của nhóm do GV đề ra. 1.3. Thường xuyên tham gia phát biểu xây dựng bài .	- Sổ theo dõi của GV; - Sổ theo dõi của lớp; - Tự đánh giá của HV và đánh giá của đồng chí, đồng đội trong nhóm lớp.
2. Tinh thần, thái độ hợp tác của HV với đồng đội, với GV để hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo nhóm lớp.	2.1. Hợp tác với GV trong quá trình nghe giảng, tự học, thực hành, thực tế. 2.2. Hợp tác với đồng đội trong giải quyết nhiệm vụ của nhóm và nhiệm vụ của tập thể lớp, nhiệm vụ cá nhân.	- Nhận xét của GV; - Nhận xét của HV trong nhóm và trong tập thể lớp; - Kết quả hoạt động của nhóm, lớp HV tham gia.
3. Quan điểm lập trường, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, quan hệ cộng đồng của HV trong quá trình học tập, ý thức phát huy truyền thống của nhà	3.1. Quan điểm lập trường, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của HV bộc lộ trong học tập. 3.2. Quan điểm lập trường, phẩm chất chính trị, đạo	- Nhận xét của GV; - Nhận xét của HV trong nhóm và trong tập thể

Nội dung đánh giá	Các chỉ số đo	Minh chứng
trường và của ngành.	đức, lối sống của HV bộc lộ trong sinh hoạt tập thể, tham gia cộng đồng. 3.3. Ý thức phát huy truyền thống của nhà trường và của ngành.	lớp; - Kết quả hoạt động của nhóm, lớp HV tham gia.
4. Đánh giá về sự khôn khéo và bản lĩnh kiên định rõ ràng của HV được bộc lộ trong các bài tập tình huống và bài tập thực hành nghề nghiệp, trong tình huống sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở đào tạo.	4.1. Sự khôn khéo và bản lĩnh kiên định rõ ràng của HV được bộc lộ trong các bài tập tình huống. 4.2. Sự khôn khéo và bản lĩnh kiên định rõ ràng của HV được bộc lộ trong bài tập thực hành. 4.3. Sự khôn khéo và bản lĩnh kiên định rõ ràng của HV được bộc lộ trong tình huống sinh hoạt hàng ngày.	- Nhận xét của GV, cán bộ quản lý học viên - Nhận xét của HV trong nhóm và trong tập thể lớp; - Kết quả hoạt động của nhóm, lớp HV tham gia
5. Ý thức, thái độ thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư khi HV thực hiện các nhiệm vụ thực hành, thực tế tại địa phương và trong các mối quan hệ ngoài trường của HV.	5.1. Thái độ thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư của HV trong công việc. 5.2. Thái độ thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư của HV trong hợp tác với cán bộ, nhân dân địa phương. 5.3. Thái độ thân thiện, liêm khiết, chí công vô tư của HV trong hợp tác với đồng chí, đồng đội để thực hiện nhiệm vụ.	- Phản hồi của cán bộ, nhân dân nơi công tác, thực hành, thực tế. - Kết quả thực hành, thực tế do GV đánh giá. - Phản hồi của đồng chí, đồng đội nhóm, lớp. - Tự đánh giá của HV.
6. Ý thức, thái độ và kỹ năng, hành vi rèn luyện,	6.1. Ý thức thái độ, kỹ năng, hành vi chấp hành Điều	- Sổ nhật ký theo dõi HV trên lớp;

Nội dung đánh giá	Các chỉ số đo	Minh chứng
chấp hành Điều lệnh Công an nhân dân của HV, quy định của ngành, nội quy của nhà trường.	lệnh CAND. 6.2. Ý thức thái độ, kỹ năng, hành vi chấp hành quy định của ngành. 6.3. Ý thức thái độ, kỹ năng, hành vi chấp hành nội quy học tập, rèn luyện. 6.4. Ý thức thái độ, kỹ năng, hành vi chấp hành nội quy kí túc xá.	- Sổ theo dõi HV trong hoạt động tự quản, sinh hoạt tập thể; - Sổ theo dõi HV trong hoạt động phát triển cộng đồng; - Phản hồi của các bên liên quan; - Phản hồi của HV trong nhóm lớp; - Đánh giá của GV và cán bộ quản lý.
7. Ý thức, thái độ và hành vi tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào ở trong và ngoài nhà trường cho HV.	7.1. Ý thức thái độ tham gia các hoạt động Đoàn, Hội trong trường. 7.2. Ý thức thái độ tham gia các hoạt động tình nguyện.	- Phản hồi, đánh giá của cán bộ phụ trách Đoàn, Hội và đồng chí, đồng đội. - Kết quả tham gia hoạt động. - Tự đánh giá của cá nhân HV.
8. Lối sống	8.1. Chấp hành nghiêm Điều lệnh, nội quy, quy chế của ngành Công an, nhà trường. 8.2. Lối sống giản dị, khiêm tốn, hợp tác và nhường nhịn.	- Phản hồi của cán bộ phụ trách Đoàn, Hội và đồng chí, đồng đội. - Đánh giá của GV và tự đánh giá của học viên.
9. Hành vi văn hóa	9.1. Hành vi văn hóa thể hiện tính kỷ luật, nghiêm minh nền nếp trong học tập. 9.2. Hành vi văn hóa thân thiện, cởi mở, ôn hòa, hợp tác trong giao tiếp. 9.3. Hành vi văn hóa trong ứng xử với cộng đồng.	- Phản hồi của cán bộ phụ trách Đoàn, Hội và đồng chí, đồng đội. - Đánh giá của GV và tự đánh giá của học viên.

Các phương pháp đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND:

Giảng viên, cán bộ quản lý học viên, các lực lượng tham gia đánh giá có thể thực hiện đánh giá bằng các phương pháp sau đây:

Phương pháp đánh giá bằng phiếu hỏi.

Phương pháp quan sát trực tiếp các hoạt động học tập, rèn luyện của HV.

Phương pháp phỏng vấn sâu đồng nghiệp, các bên liên quan để làm rõ những vấn đề về đạo đức của HV mà GV và cán bộ đánh giá quan tâm.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm, kết quả hoạt động học tập, rèn luyện của HV, sổ theo dõi, sổ nhật ký trực tuần của các lớp học viên theo học ở trường và khi đi thực tế tại địa phương.

Các lực lượng tham gia đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND:

GV làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần tham gia đánh giá học viên về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức.

GV làm nhiệm vụ công tác chủ nhiệm lớp tham gia đánh giá học viên về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức.

Cán bộ quản lý HV, cán bộ Đoàn, Hội.

Học viên các lớp.

Học viên tự đánh giá.

Các lực lượng liên đới khác.

Giáo viên chủ nhiệm tập hợp các kết quả đánh giá về kết quả học tập, rèn luyện của HV lớp do GV phụ trách quản lý, báo cáo với bộ phận quản lý của nhà trường để xử lý kết quả học vụ hàng kỳ và hàng năm.

Quy trình đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND:

Bước 1: Học viên tự đánh giá dựa trên các tiêu chí, nội dung đánh giá

Bước 2: Đồng đội, các bên liên quan đánh giá học viên

Bước 3: GV đánh giá

Bước 4: Giáo viên chủ nhiệm tổng hợp các kết quả đánh giá để báo cáo Phòng quản lý học viên.

d. Điều kiện thực hiện

Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả quá trình giáo dục ĐĐNN cần được nhà trường tiến hành thường xuyên, liên tục, có hệ thống tổ chức theo quy trình chặt chẽ; tránh tình trạng kiểm tra tùy hứng, hoặc do thành kiến cá nhân; đánh giá, nhận xét với tinh thần góp ý để sửa chữa cùng tiến bộ, phê bình hành vi, phê bình sự việc chứ không phê bình con người.

Kiểm tra, đánh giá kết quả quá trình giáo dục ĐĐNN của học viên là vấn đề nhạy cảm, phức tạp và mang nhiều yếu tố chủ quan. Kết quả kiểm tra, đánh giá có ảnh hưởng rất lớn đến danh dự, uy tín của học viên, do đó cần bám sát thực tế của từng trường, từng học viên, từng hoàn cảnh, thời điểm và đảm bảo các nguyên tắc trung thực, khách quan, khoa học...

GV, các lực lượng tham gia đánh giá cần xác định được nội dung, tiêu chí đánh giá rõ ràng và phải có kế hoạch theo dõi, giám sát đánh giá thường xuyên đồng thời cần phát huy vai trò tích cực, tự giác của học viên trong tự kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục và tự giáo dục ĐĐNN. Thông qua đó, học viên biến kế hoạch, nội dung giáo dục của nhà trường thành của cá nhân và thực hiện nó một cách thường xuyên, hình thành thói quen tự bồi dưỡng ĐĐNN trong cuộc sống, sinh hoạt và trong công tác.

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá thực hiện đa dạng hóa các phương pháp, hình thức; tiến hành lồng ghép các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, đột xuất; kết hợp kiểm tra, đánh giá của GV, học viên và các lực lượng khác trong giáo dục ĐĐNN cho học viên.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Giáo dục ĐĐNN cho học viên là quá trình lâu dài, đòi hỏi nhà giáo dục và học viên phải kiên trì, bền bỉ. Các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND là một hệ thống thống nhất. Trong đó, mỗi biện pháp đều có ý nghĩa, vai trò riêng; tuy nhiên, các biện pháp có quan hệ gắn bó mật thiết, tác động qua lại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau và đều nhằm tới mục tiêu chung là nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND. Trong các biện pháp đề xuất, các biện pháp: “Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN và động cơ rèn luyện chuẩn mực ĐĐNN Công an nhân dân cho học viên” là cơ sở để tiến hành biện pháp “Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động

dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân” và biện pháp “Phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở” đạt hiệu quả cao và ngược lại việc thực hiện tốt hai biện pháp trên lại đặt ra những yêu cầu mới về phát triển chương trình dạy học các môn học, chủ đề hoạt động giáo dục đạo đức cho HV mới hiệu quả hơn.

Biện pháp “Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân” là biện pháp có chất quyết định kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV bởi ý thức, hành vi ĐĐNN của HV phải được thực hiện thông qua hoạt động của HV và do HV quyết định, biện pháp này là kết quả của việc thực hiện các biện pháp 2, biện pháp 3 và 4.

Biện pháp “Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay” và biện pháp “Xây dựng và thực hiện bộ chỉ số đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân” là các biện pháp có tác dụng tạo động lực cho các biện pháp kể trên thực hiện có hiệu quả và điều chỉnh những nội dung, biện pháp chưa đạt được mục tiêu và yêu cầu đề ra để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho HV.

Chính vì vậy, khi thực hiện các biện pháp phải chú ý đến mối quan hệ của các biện pháp, đặc biệt cần biết phối hợp linh hoạt, đồng bộ nhiều biện pháp trong hệ thống đa dạng, năng động của nó. Căn cứ vào điều kiện thực tế, có thể ưu tiên thực hiện biện pháp này hoặc biện pháp khác hoặc một nhóm biện pháp, nhưng về lâu dài và toàn cục, để đảm bảo mục đích thì không nên chia cắt và thực hiện đơn lẻ các biện pháp.

3.4. Thực nghiệm sư phạm

3.4.1. Mục đích, đối tượng thực nghiệm

i. Mục đích thực nghiệm

Khẳng định biện pháp giáo dục ĐĐNN cho HV có tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn trong hoạt động đào tạo góp phần nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii. Đối tượng thực nghiệm

Chúng tôi chọn mẫu nghiệm thử là 2 lớp hệ đại học chính quy gồm 96 học viên của Học viện Cảnh sát nhân dân (T02).

+ Lớp B3A - D47 chuyên ngành Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội là lớp thực nghiệm.

+ Lớp B3B - D47 chuyên ngành Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội là lớp đối chứng.

- Đối với lớp đối chứng: đảm bảo các điều kiện khách quan về môi trường học tập và sinh hoạt tương đồng với lớp thực nghiệm.

- Trước và sau thời điểm áp dụng thực nghiệm, chúng tôi điều tra tính toán các số liệu, tiêu chí, cho điểm để có cơ sở phân tích sự thay đổi của các lớp thực nghiệm, sự khác nhau giữa kết quả của các lớp thực nghiệm với kết quả của các lớp đối chứng về các biểu hiện của ĐĐNN (nhận thức, thái độ, hành vi).

3.4.2. Giả thuyết thực nghiệm và thời gian thực nghiệm

i. Giả thuyết thực nghiệm

Nếu thực hiện tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trường đại học CAND thông qua giảng dạy học phần chiếm ưu thế kết hợp với việc Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN tạo điều kiện để HV học tập và rèn luyện thì sẽ nâng cao kết quả rèn luyện ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay.

ii) Thời gian thực nghiệm:

- Thực nghiệm lần 1: từ 12/8/2024 đến 22/10/2024.

- Thực nghiệm lần 2: từ 23/10/2024 đến 22/11/2024.

Đây là khoảng thời gian diễn ra rất nhiều hoạt động và sự kiện của ngành Công an. Ví dụ, tổ chức kỉ niệm ngày truyền thống lực lượng CAND 19/8, Quốc khánh 2/9, ngày giải phóng thủ đô 10/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, chuẩn bị các công việc cho đợt thực tập của HV năm thứ 4.

3.4.3. Nội dung thực nghiệm

Từ những biện pháp trên chúng tôi lựa chọn biện pháp: “*Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân*” và biện pháp: “*Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay*” để tiến hành thực nghiệm.

Cụ thể là tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua giảng dạy học phần Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm bằng việc lồng ghép

có hệ thống các nội dung về chuẩn mực ĐĐNN của người chiến sĩ CAND trong quá trình phân tích hành vi tội phạm, xử lý tình huống nghiệp vụ, tổ chức thảo luận, nghiên cứu tình huống và đánh giá hành vi nghề nghiệp và xây dựng môi trường giáo dục ĐĐNN cho HV thông qua đa dạng hóa các hoạt động tu dưỡng, rèn luyện của HV: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục ĐĐNN cho HV, tổ chức sinh hoạt tập thể về ĐĐNN và rèn luyện ĐĐNN của HV; thực hiện nội quy ngành và nội quy của nhà trường; xây dựng môi trường văn hóa ứng xử trong trường học phù hợp với chuẩn mực của ngành CAND vv...

Thông qua thực nghiệm đồng thời hai biện pháp trên nhằm hướng tới đánh giá mức độ tác động tổng hợp đối với nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN của HV, làm cơ sở khoa học để khẳng định tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất.

3.4.4. Quy trình tổ chức thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành theo trình tự sau:

- Giai đoạn chuẩn bị

Bước 1: Xây dựng chương trình và nội dung TN;

Bước 2: Lựa chọn nhóm ĐC và TN;

Bước 3: Bồi dưỡng đội ngũ GV;

- Giai đoạn triển khai thực nghiệm

Bước 1: Khảo sát, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HV cả 2 nhóm TN và ĐC;

Bước 2: Tiến hành thực nghiệm tác động;

Bước 3: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HV lớp TN sau quá trình tác động so sánh với kết quả học tập của lớp ĐC sau khi tác động và so sánh với mức độ biểu hiện của HV lớp ĐC. Quan sát, đánh giá mức độ phát triển ĐĐNN của HV trước và sau TN. Nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HV.

- Giai đoạn xử lý kết quả thực nghiệm.

+ Xử lý kết quả định lượng;

+ Xử lý kết quả định tính.

3.4.5. Tiêu chí đo, thang đo kết quả thực nghiệm

3.4.5.1. Tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm.

i) *Về mặt định lượng:* Để đánh giá được hiệu quả của biện pháp tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học và các biện pháp

tạo môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho HV đã đề xuất, chúng tôi tiến hành thu thập và đánh giá kết quả thực nghiệm ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, kết quả học tập môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm; Đánh giá việc chấp hành nội quy của nhà trường, nội quy học tập và quy định của ngành, ý thức xây dựng môi trường văn hóa ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp của HV. Để đánh giá điều này, chúng tôi tiến hành xây dựng đề kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của HV, đề kiểm tra thường xuyên 1 (trước khi tiến hành thực nghiệm) và đề kiểm tra thường xuyên 2 (sau khi tiến hành thực nghiệm lần 1), đề kiểm tra định kỳ để đánh giá kết quả học tập của học viên (sau khi tiến hành thực nghiệm lần 2).

Thứ hai, mức độ phát triển ĐĐNN của HV thông qua đánh giá các tiêu chí nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN của HV. Tác giả thiết kế các phiếu cho GV đánh giá (phụ lục 4.1) và HV tự đánh giá (phụ lục 4.2); thiết kế các bài tập tình huống để HV trả lời, đưa ra cách giải quyết. Kết hợp quan sát, nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của HV, trưng cầu ý kiến... để đánh giá cả về mặt định lượng và định tính tác động của biện pháp thực nghiệm tới HV của HV lớp TN và lớp ĐC.

- Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập, tu dưỡng rèn luyện của HV thông qua học tập môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm cũng như tham gia môi trường tự tu dưỡng, tự rèn luyện của HV như sau:

Bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ (đánh giá học lực của HV khi học Bài 4 môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm trước và sau thực nghiệm) được xây dựng và đánh giá theo thang điểm 10. Cấu trúc bài kiểm tra thường xuyên (thời gian 45 phút), bài kiểm tra định kỳ (thời gian 60 phút) gồm các câu hỏi tự luận. Nội dung được thiết kế dựa trên các kiến thức trong các bài học môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm mà HV đã được học, kết hợp với việc theo dõi ý thức chấp hành nội quy học tập, ý thức tham gia học tập và các quy định của ngành, củ nhà trường vv...

Tổ chức cho HV lớp TN và lớp ĐC bài kiểm tra cùng đề kiểm tra đã được xây dựng. Dựa trên kết quả điểm đánh giá, các bài kiểm tra của HV được phân loại, tổng hợp, thống kê và sau đó xếp loại kết quả học tập môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm, cùng với kết quả tu dưỡng rèn luyện thông qua chấp hành các quy định, nội quy của trường, lớp và của ngành theo các mức độ sau:

+ Mức độ yếu, kém: < 5 điểm;

+ Mức độ trung bình: Từ 5 đến cận 7 điểm;

+ Mức độ khá: Từ 7 đến cận 8 điểm;

+ Mức độ giỏi: Từ 8 đến cận 9 điểm;

+ Mức độ xuất sắc: Từ 9 đến 10 điểm.

- Để đánh giá mức độ phát triển ĐĐNN của HV trong thực nghiệm, tác giả xây dựng như sau:

+ Sử dụng phiếu tự đánh giá về nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN của HV khi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học (phụ lục 4.2) để tìm hiểu nhận thức của HV về nội dung ĐĐNN đã được tích hợp trong nội dung giảng dạy và yêu cầu HV tự đánh giá mức độ của bản thân theo các tiêu chí mà tác giả luận án đưa ra.

+ Khi tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN trong dạy học, mỗi nội dung được đánh giá bằng hệ thống các tiêu chí: Nhận thức gồm 6 tiêu chí, Thái độ gồm 6 tiêu chí, Hành vi gồm 6 tiêu chí. Đánh giá sự phát triển ĐĐNN của HV gồm 3 tiêu chí. Mỗi tiêu chí có 5 mức độ thang đo và mỗi HV được đánh giá bằng 1 phiếu, sau đó chúng tôi xử lý kết quả trên phiếu đánh giá.

Các mức độ điểm được quy định:

- *Đánh giá về nhận thức*

+ Từ 4.20- 5.0 điểm: Loại rất tốt - nhận thức hoàn toàn đúng về các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 3.40 - cận 4.20 điểm: Loại tốt - nhận thức hầu hết đúng về các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 2.60- cận 3.40 điểm: Loại khá - cơ bản nhận thức được các yêu cầu, quy định của ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.80 - cận 2.60 điểm: Loại trung bình - nhận thức phần lớn là chưa đúng về các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.0 - cận 1.8 điểm: Loại yếu - nhận thức hoàn toàn sai về các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

- *Đánh giá về thái độ*

+ Từ 4.20- 5.0 điểm: Loại rất tốt - HV hoàn toàn nghiêm túc, hào hứng, ủng hộ các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 3.40 - cận 4.20 điểm: Loại tốt - HV ủng hộ, tán thành hầu hết các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 2.60- cận 3.40 điểm: Loại khá - HV ủng hộ, nhất trí với các yêu cầu, quy định cơ bản của ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.80 - cận 2.60 điểm: Loại trung bình - HV không ủng hộ, không tán thành phần lớn các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.0 - cận 1.8 điểm: Loại yếu - HV chống đối lại các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

- *Đánh giá về hành vi*

+ Từ 4.20- 5.0 điểm: Loại rất tốt - HV thực hiện nghiêm túc và có chất lượng các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 3.40 - cận 4.20 điểm: Loại tốt - HV thực hiện đúng hầu hết các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 2.60- cận 3.40 điểm: Loại khá - HV thực hiện đúng các yêu cầu, quy định cơ bản của ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.80 - cận 2.60 điểm: Loại trung bình - HV thực hiện chưa đúng đối với phần lớn các yêu cầu, quy định cơ bản của ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

+ Từ 1.0 - cận 1.8 điểm: Loại yếu - HV không thực hiện đúng các yêu cầu, quy định của ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

ii) *Về mặt định tính:* Tiến hành phỏng vấn xin ý kiến đánh giá của GV giảng dạy thực nghiệm về tính khả thi và khả năng áp dụng trên diện rộng của biện pháp thực nghiệm. Ngoài ra, kèm theo một số chỉ tiêu hỗ trợ đó là: Đánh giá thái độ, hứng thú của HV trong quá trình học tập thông qua quan sát và phiếu tự đánh giá. Các mức độ hứng thú và hành vi như sau:

Mức độ 1: Không thích:

- HV tỏ ra thờ ơ, chán nản và không chú ý trong quá trình dạy học. Có những biểu hiện không hài lòng, khó chịu;

- Thụ động, không tham gia vào hoạt động chung; không chuẩn bị cho hoạt động học trên lớp.

Mức độ 2: Bình thường:

- HV không hào hứng, tích cực trong quá trình dạy học;
- Đã tham gia vào hoạt động nhưng đôi khi còn mất tập trung, đôi khi biết phối hợp với GV và HV khác trong chuẩn bị và tổ chức hoạt động.

Mức độ 3: Thích:

- HV tỏ ra hào hứng, phấn khởi, vui vẻ với việc học tập;
- Tham gia tích cực vào hoạt động, có ý thức trách nhiệm trong hoạt động chung; chăm chú theo dõi, quan sát, có sự cộng tác tích cực chủ động trong phối hợp với bạn và nhóm; trao đổi, cộng tác với GV để thực hiện hiệu quả hoạt động học tập.

3.4.5.2. Phương thức xử lý kết quả thực nghiệm sư phạm

i) Về mặt định lượng: Sử dụng phần mềm excel để tính toán các tham số đặc trưng của mẫu và kiểm định sự khác biệt về giá trị trung bình.

- Sử dụng kiểm định t-test: Paired Two Sample for Means - để so sánh giá trị trung bình của HV trước và sau thực nghiệm.

- Sử dụng kiểm định t-test: Two-Sample Assuming Equal Variances- để so sánh giá trị trung bình của HV lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Giả thuyết H_0 : “Không có sự khác nhau giữa kết quả của hai nhóm”. H_1 : “Có sự khác nhau giữa kết quả hai nhóm” (sự khác nhau có ý nghĩa thống kê).

Phân vị hai phía $t_{\alpha/2}$ là: t Critical two - tall.

Nếu trị tuyệt đối của $t > t_{\alpha/2}$ thì bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1

Nếu trị tuyệt đối của $t \leq t_{\alpha/2}$ thì bác bỏ H_1 , chấp nhận H_0

ii) Về mặt định tính: Phân tích sản phẩm hoạt động của HV, quan sát HV trong quá trình tham gia hoạt động, phiếu tự đánh giá, phỏng vấn GV và HV.

3.4.6. Kết quả thực nghiệm

3.4.6.1. Phân tích kết quả học tập của học viên

i). Kết quả học tập của HV trước thực nghiệm

Bảng 3.1. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC trước thực nghiệm

Lớp	Kết quả điểm kiểm tra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	0	0	0	10	9	19	2	8	0	0
ĐC	0	0	0	11	9	18	6	4	0	0

Phân tích Bảng 3.1 cho thấy: Kết quả học tập của HV hai lớp TN và ĐC là tương đồng nhau. Điểm số các bài kiểm tra của HV cả hai nhóm không có sự chênh lệch nhiều. Điểm bài kiểm tra của HV lớp TN và lớp ĐC đều được trải từ điểm 4 đến điểm 8, trong đó, số lượng các bài kiểm tra đạt điểm 6 chiếm tỷ lệ nhiều nhất, xếp thứ hai là điểm 4. Kiểm định T- Test phụ thuộc giữa nhóm TN và ĐC ta có kết quả như sau:

Bảng 3.2. So sánh 2 giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC

Điểm	<i>TNĐv</i>	<i>ĐCđv</i>
1	0	0
2	0	0
3	0	0
4	10	11
5	9	9
6	19	18
7	2	6
8	8	4
9	0	0
10	0	0
Mean	5.770833333	5.645833333
Observations	48	48
Variance (weighted)	1.712322695	1.467641844
t Stat (manual)	0.485645639	
t Critical two-tail	1.985523442	

- Trị tuyệt đối của $t = 0.485645639 < 1.985523442$, điều này chứng tỏ sự khác nhau về điểm số của các bài kiểm tra của HV giữa hai lớp TN và ĐC không có ý nghĩa, sự khác nhau giữa kết quả các bài kiểm tra xảy ra phần lớn là do ngẫu nhiên.

ii). Kết quả học tập của HV sau thực nghiệm

** Kết quả học tập của HV nhóm TN và ĐC sau TN lần 1*

Tiến hành phân tích, so sánh kết quả các bài kiểm tra của HV sau khi tiến hành biện pháp TN lần 1 của cả lớp TN và lớp ĐC để có thể khẳng định hơn nữa tác động của biện pháp “Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân” đến kết quả học

tập môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm. Kết quả thể hiện ở bảng 3.3:

Bảng 3.3. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau thực nghiệm lần 1

Lớp	Kết quả điểm kiểm tra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	0	0	0	5	7	14	12	9	1	0
ĐC	0	0	0	10	9	18	7	4	0	0

Kết quả cho thấy: Số điểm khá giỏi của HV lớp TN cao hơn hẳn so với số điểm khá giỏi của HV lớp ĐC; số điểm khá, giỏi của lớp TN cũng tăng lên nhiều so với trước khi tiến hành TN lần 1 (22 HV so với 11 HV). Điểm trung bình các bài kiểm tra của HV cả lớp TN và lớp ĐC có sự chênh lệch về điểm số và mức độ. Kết quả học tập môn học của HV lớp TN và lớp ĐC trước TN đều ở mức độ trung bình thì sau TN mức độ của lớp TN đã tăng lên một bậc đạt mức độ khá. Xem xét những đặc trưng của mẫu ở bảng 3.4 có thể thấy sự khác biệt đó.

Bảng 3.4. Mô tả những tham số thống kê kết quả học tập của lớp TN và lớp ĐC sau TN lần 1

	Các tham số đặc trưng	
Giá trị trung bình	6.333333333	5.708333
Tổng	304	274
Số lượng mẫu	48	48
Phương sai mẫu	1.673758865	1.445035
Độ lệch chuẩn	1.29373833	1.202096
Khoảng biến thiên	9	9
Tối thiểu	1	1
Tối đa	10	10
Độ chính xác 95%	0.366000685	0.340075

Kết quả so sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 1 cho thấy có sự khác biệt kết quả học tập giữa lớp TN và lớp ĐC, điểm trung bình lần lượt là ($\bar{X}$) = 6,33 so với ($\bar{X}$) = 5,70. Tiến hành thực hiện phép kiểm định T-Test với mẫu bé, độc lập, hai phương sai khác nhau, hai mẫu riêng biệt để chứng minh nhận định trên.

Kết quả cho thấy: Trị tuyệt đối của T (trị số kiểm định giả thuyết) $TN = 2,451 > T \text{ Critical two-tail}$ (trị số kiểm định tiêu chuẩn) $= 1,985$. Do đó, giả thuyết H_0 bị bác bỏ và giả thuyết H_1 được chấp nhận. Như vậy, sự khác biệt giữa các giá trị trung bình ($\bar{X}$) ở lớp TN và lớp ĐC là có giá trị, ý nghĩa khoa học.

Bảng 3.5. So sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 1

Điểm	Số lượng TN	Số lượng ĐC
1	0	0
2	0	0
3	0	0
4	5	10
5	7	9
6	14	18
7	12	7
8	9	4
9	1	0
10	0	0
Mean	6.333333333	5.708333333
Observations	48	48
Variance (weighted)	1.673758865	1.445035461
t Stat (manual)	2.451925489	
t Critical two-tail	1.985523442	

** Kết quả học tập của HV nhóm TN và ĐC sau TN lần 2*

Tiến hành phân tích, so sánh đối chiếu kết quả các bài kiểm tra của HV sau khi tiến hành TN lần 2 của cả lớp TN và lớp ĐC để có thể khẳng định những tác động, hiệu quả mang lại của biện pháp thực nghiệm đã tiến hành đến kết quả học tập môn Tâm lý học và hoạt động điều tra tội phạm của HV. Kết quả cụ thể được thống kê trong bảng 3.6 dưới đây:

Bảng 3.6. Kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau thực nghiệm lần 2

Lớp	Kết quả điểm kiểm tra									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	0	0	0	0	8	12	11	13	4	0
ĐC	0	0	0	8	9	20	5	5	1	0

Kết quả bảng 3.6 cho thấy: Số điểm khá giỏi của HV lớp TN cao hơn hẳn so với số điểm khá giỏi của HV lớp ĐC. Số điểm khá, giỏi của lớp TN cũng tăng lên nhiều so với trước khi tiến hành TN và tiến hành TN lần 1 (28 HV so với 10 HV và 11 HV).

Điểm trung bình các bài kiểm tra của HV cả lớp TN và lớp ĐC có sự chênh lệch về điểm số và mức độ. Kết quả học tập môn Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm của HV lớp TN và lớp ĐC đều có sự tăng lên so với trước khi TN, sau khi TN lần 1 và lần 2 (trước TN là 5,77 và 5,64; sau TN lần 1 là 6,33 và 5,70; sau TN lần 2 là 6,85 và 5,85). So sánh điểm trung bình của lớp TN sau mỗi lần tiến hành biện pháp thực nghiệm cũng có sự tăng lên đáng kể (trước TN là 5,77; sau TN lần 1 là 6,33; sau TN lần 2 là 6,85). Kết quả trên là luận cứ khoa học để có thể chứng minh tác dụng, hiệu quả mang lại của biện pháp đối với kết quả học tập về nội dung ĐĐNN của HV. Xem xét những đặc trưng của mẫu có thể thấy sự khác biệt đó.

Bảng 3.7. Mô tả những tham số thống kê kết quả học tập của lớp TN và lớp ĐC sau TN lần 2

	Các tham số đặc trưng	
Giá trị trung bình	6.854166667	5.854167
Tổng	329	281
Số lượng mẫu	48	48
Phương sai mẫu	1.531471631	1.574025
Độ lệch chuẩn	1.237526416	1.254601
Khoảng biến thiên	9	9
Tối thiểu	1	1
Tối đa	10	10
Độ chính xác 95%	0.350098243	0.354929

Kết quả so sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 2 cho thấy có sự khác biệt kết quả học tập giữa lớp TN và lớp ĐC, điểm trung bình lần lượt là ($\bar{X}$) = 6,85 so với ($\bar{X}$) = 5,85. Tiến hành thực hiện phép kiểm định T-Test với mẫu bé, độc lập, hai phương sai khác nhau, hai mẫu riêng biệt cho thấy: Trị tuyệt đối của T (trị số kiểm định giải thuyết) TN= 3,931 > T Critical two-tail (trị số kiểm định tiêu chuẩn) = 1,985. Do đó, giả thuyết H0 bị bác bỏ và giả thuyết H1 được chấp nhận. Như vậy, sự khác biệt giữa các giá trị trung bình ($\bar{X}$) ở lớp TN và lớp ĐC, giữa TN lần 1 và TN lần 2 là có giá trị, ý nghĩa về mặt khoa học.

Bảng 3.8. So sánh giá trị trung bình ($\bar{X}$) kết quả học tập của lớp TN và ĐC sau TN lần 2

Điểm	Số lượng TN	Số lượng ĐC
1	0	0
2	0	0
3	0	0
4	0	8
5	8	9
6	12	20
7	11	5
8	13	5
9	4	1
10	0	0
Mean	6.854166667	5.854166667
Observations	48	48
Variance (weighted)	1.531471631	1.574024823
t Stat (manual)	3.931471211	
t Critical two-tail	1.985523442	

3.4.6.2. Phân tích mức độ phát triển ĐĐNN của HV trong dạy học tích hợp

i. Mức độ ĐĐNN của HV trước TN

Để đánh giá được một cách rõ ràng và chính xác, chúng tôi xây dựng một bộ câu hỏi mới dựa trên việc chọn lọc các câu hỏi có sẵn ở chương 2 và những câu hỏi xây dựng mới. Sau khi xử lý phiếu, số liệu thống kê được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.9. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo trước khi TN			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\bar{X}$	SD	$\bar{X}$	SD
1	Nhận thức	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.	4.06	0.77	4.08	0.78
2		Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.	4.08	0.78	4.14	0.79
3		Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.	4.14	0.73	4.12	0.83
4		Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.	4.21	0.70	4.12	0.72
5		Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.	4.10	0.74	4.04	0.75
6		Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.	4.12	0.69	4.08	0.70
ĐTB nhận thức			4.12		4.10	
7	Thái độ	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.	4.12	0.78	4.10	0.79
8		Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	4.14	0.70	4.14	0.79
9		Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.	4.25	0.72	4.19	0.75
10		Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.	4.19	0.75	4.12	0.78
11		Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.	4.14	0.81	4.16	0.77
12		Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.	4.21	0.79	4.19	0.78

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo trước khi TN			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\bar{X}$	SD	$\bar{X}$	SD
ĐTB thái độ			4.17		4.15	
13	Hành vi	Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.	4.02	0.78	4.06	0.72
14		Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...	4.00	0.76	4.00	0.73
15		Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.	4.06	0.77	4.02	0.78
16		Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.	4.10	0.79	4.10	0.79
17		Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.	4.06	0.80	4.04	0.79
18		Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.	4.04	0.79	4.02	0.80
ĐTB hành vi			4.04		4.04	
Điểm chung bình chung			4.11		4.10	

Qua bảng số liệu cho thấy đa số HV ở cả nhóm TN và ĐC có mức độ phát triển ĐĐNN chưa thực sự tốt; chưa có nhận thức sâu sắc, thái độ đúng đắn đối với các giá trị, chuẩn mực ĐĐNN; việc thực hiện các yêu cầu, quy định ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân cũng chưa tốt. Cụ thể:

- Về nhận thức

Nhóm ĐC: Điểm trung bình chung của nhóm ĐC là 4.11, trong đó số lượng HV đạt điểm trung bình nhận thức là 4.12. Số HV có điểm nhận thức ở mức độ khá chiếm 22,22%, mức độ tốt và rất tốt là 77,78%.

Nhóm TN: Điểm trung bình chung là 4.10, trong đó điểm trung bình nhận thức là 4.10. Số lượng HV nhận thức về ĐĐNN ở mức độ tốt và rất tốt là 72,92%, điểm nhận thức ở mức độ khá là 27,08%.

- Về thái độ

Nhóm ĐC: Điểm trung bình chung là 4.11, trong đó điểm trung bình thái độ là 4.17. Số lượng HV có thái độ mức độ tốt và rất tốt là 78,13%, mức độ khá là 21,87%.

Nhóm TN: Điểm trung bình chung là 4.10, trong đó, điểm trung bình thái độ là 4.15. Số lượng HV có thái độ mức độ tốt và rất tốt là 73,27%, mức độ khá là 26,73%.

Điều này cho thấy HV ở cả 2 nhóm TN và ĐC chưa có thái độ đúng đắn với các yêu cầu, quy định ĐĐNN Công an nhân dân.

- Về hành vi

Điểm trung bình nhóm ĐC đạt 4.11, trong đó điểm trung bình về hành vi đạt 4.04. Số lượng HV có biểu hiện về hành vi ở mức độ khá chiếm 28,47%, HV đạt điểm đo hành vi ở mức độ tốt và rất tốt chiếm 71,53% khi thực hiện các yêu cầu, quy định về ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Điểm trung bình nhóm TN đạt 4.10, trong đó điểm trung bình về hành vi đạt 4.04. Số lượng HV có biểu hiện về hành vi ở mức độ khá chiếm 27,77%, HV đạt điểm đo hành vi ở mức độ tốt và rất tốt chiếm 72,23% khi thực hiện các yêu cầu, quy định về ĐĐNN của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Phân tích về mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN của HV các trường đại học CAND cho thấy sự thống nhất giữa các nội dung này. Tuy nhiên, số lượng HV có đánh giá về hành vi ở mức độ khá vẫn còn khá cao, chiếm 27,77%. Do vậy, trong công tác giáo dục ĐĐNN cho HV cần tập trung chuyển hóa nhận thức, thái độ thành hành vi, thói quen trong thực hiện các chuẩn mực ĐĐNN của lực lượng CAND.

ii. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN của học viên sau thực nghiệm lần 1

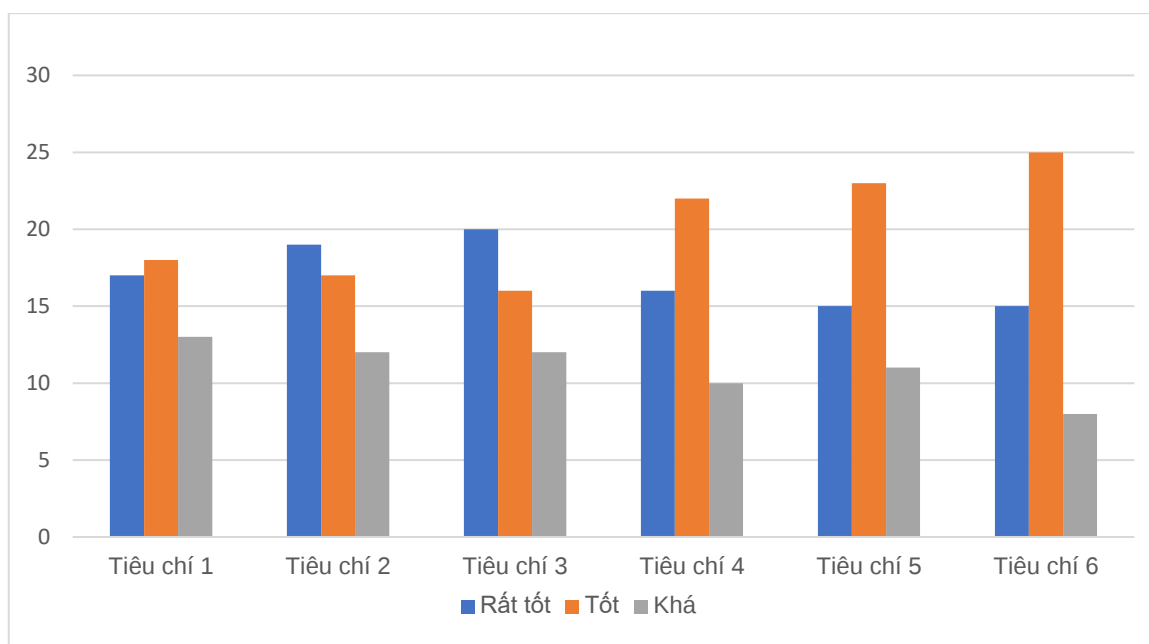
Bảng 3.10. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 1

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo sau TN lần 1			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\overline{X}$	SD	$\overline{X}$	SD
1	Nhận thức	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.	4.06	0.77	4.08	0.78
2		Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.	4.08	0.78	4.14	0.79
3		Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.	4.14	0.73	4.17	0.83
4		Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.	4.20	0.70	4.12	0.72
5		Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.	4.10	0.74	4.08	0.72
6		Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.	4.12	0.69	4.14	0.67
ĐTB nhận thức			4.12		4.12	
7	Thái độ	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.	4.21	0.76	4.27	0.73
8		Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	4.25	0.69	4.31	0.71
9		Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.	4.31	0.68	4.27	0.70
10		Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.	4.27	0.73	4.27	0.67
11		Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.	4.21	0.76	4.30	0.71
12		Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.	4.31	0.74	4.29	0.70
ĐTB thái độ			4.26		4.28	

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo sau TN lần 1			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\overline{X}$	SD	$\overline{X}$	SD
13	Hành vi	Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.	4.08	0.76	4.23	0.68
14		Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...	4.16	0.74	4.14	0.70
15		Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.	4.19	0.75	4.16	0.71
16		Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.	4.25	0.75	4.21	0.73
17		Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.	4.23	0.74	4.19	0.69
18		Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.	4.10	0.77	4.14	0.73
ĐTB hành vi			4.17		4.18	
Điểm trung bình chung			4.18		4.19	

- Về nhận thức

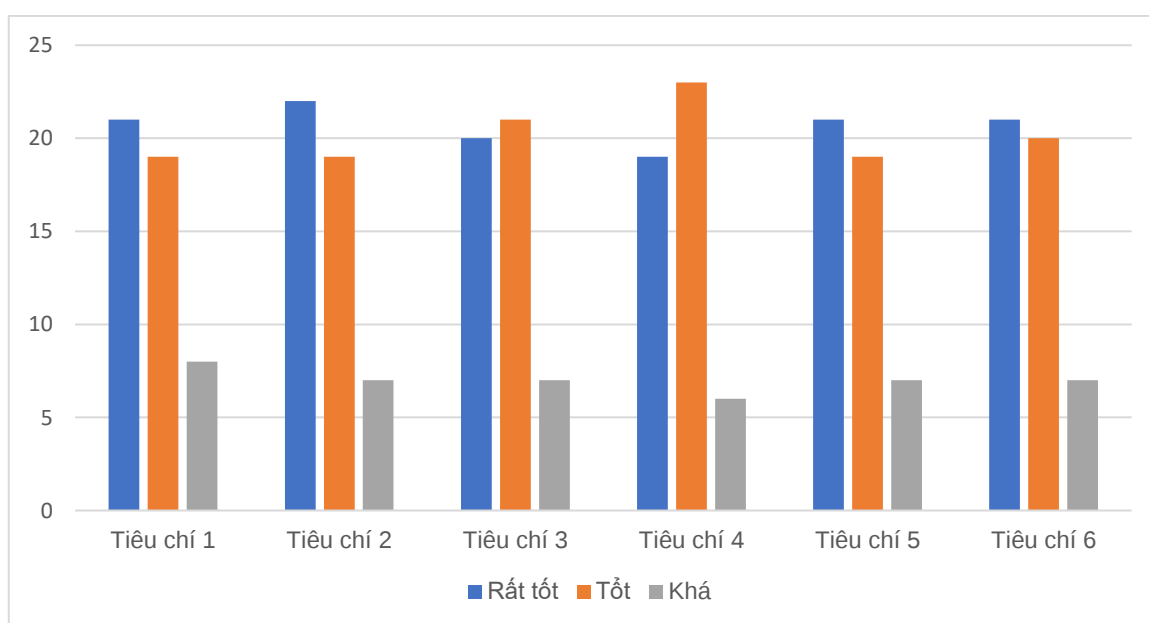
Phân tích bảng số liệu cho thấy có sự thay đổi về giá trị điểm trung bình nhận thức đo được so với thời điểm trước thực nghiệm. Điểm trung bình tăng từ (4.10 lên 4.12). Số HV mức độ nhận thức khá giảm từ (22,22% xuống còn 16,31%). Số HV có điểm tốt và rất tốt tăng (từ 77,78% lên 83,69%). Những kết quả này rất phù hợp với nghiên cứu lí luận và chứng tỏ biện pháp đưa ra TN đã đạt được hiệu quả. Kết quả nhận thức của HV sau TN lần 1 thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.1. Kết quả nhận thức sau TN lần 1

- Về thái độ

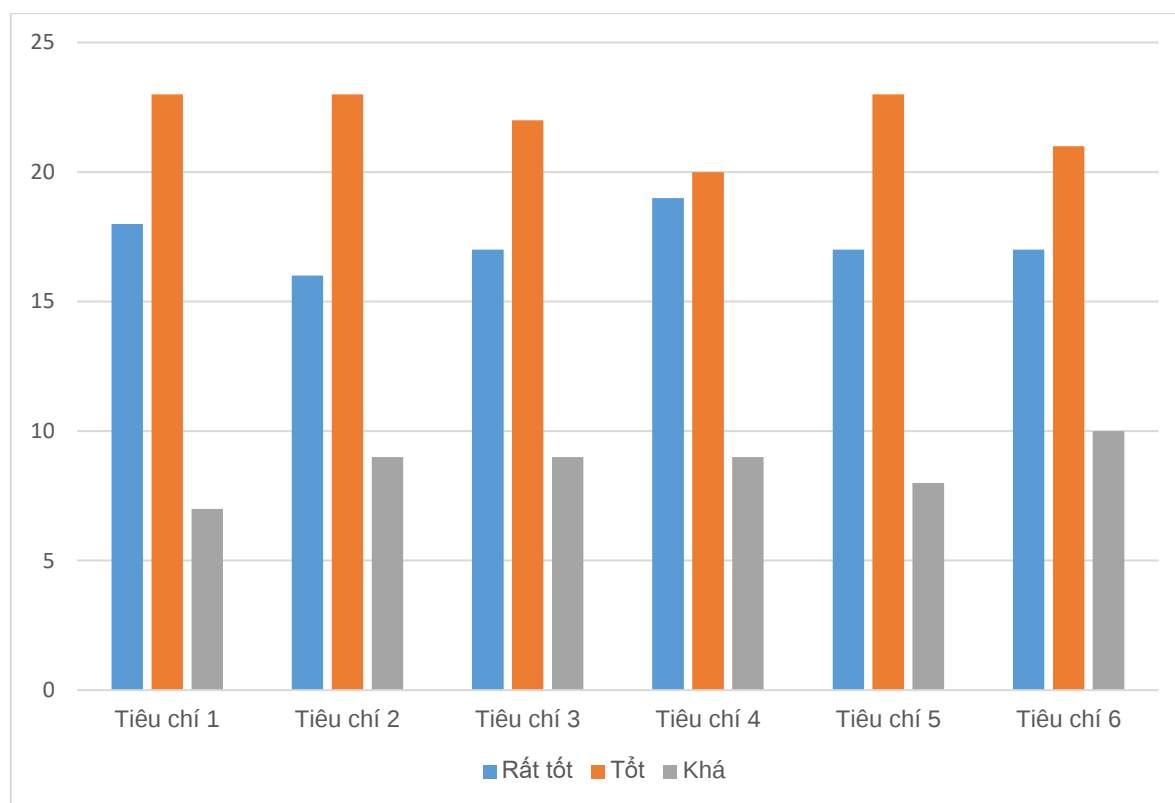
Từ bảng số liệu cho thấy điểm trung bình của nhóm ĐC tăng từ 4.17 lên lần lượt là 4.26 và lớp TN tăng từ 4.15 lên 4.28. Kết quả đó chứng tỏ thái độ của HV dần dần phù hợp hơn với yêu cầu xã hội và ĐĐNN của lực lượng CAND. HV đã có thái độ tích cực, nghiêm túc hơn khi thực hiện các yêu cầu, quy định, chuẩn mực ĐĐNN CAND so với trước thực nghiệm. Để thể hiện kết quả, chúng tôi sử dụng biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.2. Kết quả thái độ sau TN lần 1

- Về hành vi

Kết quả bảng số liệu cho thấy vẫn còn một số HV có những biểu hiện hành vi ở mức độ khá. Cụ thể số HV có điểm khá là 18,05%. Điểm trung bình trước TN và sau TN có sự tăng lên đáng kể, từ 4.04 lên 4.17 đối với nhóm ĐC và 4.18 đối với nhóm TN.



Biểu đồ 3.3. Kết quả hành vi sau TN lần 1

Đối chiếu kết quả đo trước TN và sau TN cho thấy điểm trung bình trung có sự biến đổi lớn, nhóm ĐC tăng từ 4.11 lên 4.20; lớp TN tăng từ 4.10 lên 4.21. Kết quả trên cho thấy lớp TN đã có sự chuyển biến tích cực hơn cả về nhận thức, thái độ và hành vi trong việc thực hiện các chuẩn mực ĐĐNN.

iii. Sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi ĐĐNN của học viên sau TN lần 2

Bảng 3.11. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 2

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo sau TN lần 2			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\bar{X}$	SD	$\bar{X}$	SD
1	Nhận thức	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.	4.06	0.73	4.31	0.71
2		Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.	4.08	0.74	4.35	0.69
3		Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.	4.14	0.72	4.27	0.70
4		Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.	4.20	0.73	4.39	0.60
5		Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.	4.10	0.70	4.29	0.70
6		Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.	4.12	0.67	4.37	0.63
ĐTB nhận thức			4.12		4.33	
7	Thái độ	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.	4.21	0.74	4.46	0.64
8		Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	4.25	0.70	4.42	0.67
9		Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.	4.31	0.66	4.48	0.61
10		Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.	4.27	0.68	4.48	0.57

TT	Nội dung đánh giá		Kết quả đo sau TN lần 2			
			Lớp ĐC		Lớp TN	
			$\overline{X}$	SD	$\overline{X}$	SD
11		Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.	4.21	0.74	4.46	0.64
12		Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.	4.31	0.71	4.44	0.64
ĐTB thái độ			4.26		4.46	
13	Hành vi	Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.	4.08	0.73	4.5	0.54
14		Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...	4.16	0.74	4.41	0.69
15		Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.	4.19	0.74	4.5	0.61
16		Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.	4.25	0.73	4.5	0.58
17		Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.	4.23	0.70	4.48	0.57
18		Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.	4.10	0.76	4.48	0.61
ĐTB hành vi			4.17		4.48	
ĐTB chung			4.18		4.42	

- Về nhận thức

Nhìn bảng số liệu cho thấy có sự khác biệt rất lớn về nhận thức của nhóm ĐC và nhóm TN. Nhóm TN có điểm đo trung bình tăng từ 4.12 (sau TN lần 1) lên 4.33. Số

HV có điểm tốt và rất tốt tăng nhanh. Cụ thể HV có điểm nhận thức rất tốt là 45,14%; HV có điểm nhận thức ở mức độ tốt là 43,05%; số HV có điểm khá nhận thức là 11,81%. Điều này khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN. Đặc biệt điểm trung bình đo nhận thức của nhóm TN trước TN, sau TN lần 1 và TN lần 2 tăng cao, lần lượt là 4.10; 4.12 và 4.33).

- Về thái độ

Phân tích kết quả bảng số liệu cho thấy: Điểm trung bình về thái độ của nhóm TN và ĐC đều tăng so với TN lần 1, số lượng HV đo ở mức độ khá giảm, mức độ tốt và rất tốt tăng. Điều đó cho thấy có sự khác biệt ngày càng lớn của TN lần 1 so với TN lần 2. HV có thái độ tích cực hơn rất nhiều đối với việc thực hiện các yêu cầu, quy định, chuẩn mực ĐĐNN của ngành Công an.

- Về hành vi

Sau thực nghiệm lần 2, dưới tác động của biện pháp thực nghiệm, trong khi nhóm ĐC không có sự thay đổi nhiều, nhưng nhóm TN có sự thay đổi rất lớn, điểm trung bình tăng lên 4.48. Như vậy, cho thấy biện pháp giáo dục đã có tác động đến HV, thực sự mang lại hiệu quả và ý nghĩa.

3.4.6.3. Phân tích định tính sau thực nghiệm

- Quan sát giờ học khi tiến hành thực nghiệm nhận thấy: HV có hứng thú với giờ học hơn, thể hiện ở mức độ tập trung và số lần giờ tay phát biểu, tinh thần học tập hợp tác trong lớp học.

- Thu thông tin phản hồi từ phía HV: Sử dụng kỹ thuật 321 để thu thông tin phản hồi từ phía HV sau khi kết thúc thực nghiệm. Yêu cầu HV viết ra giấy:

+ 03 điều thích nhất khi tham gia những tiết học có tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN.

+ 02 điều mong muốn sau khi tham gia những tiết học có tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN.

+ 01 ý kiến góp ý để có những giờ học hiệu quả hơn.

Các ý kiến trả lời có nhiều nội dung trùng lặp, tác giả liệt kê những câu trả lời điển hình như sau:

+ Có 03 điều thích nhất khi tham gia những tiết học có tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN:

➤ Hiểu bài nhanh và nhớ bài lâu hơn.

- Giờ học rất sôi nổi, tạo được cảm giác thoải mái, không gò bó.
- Có cơ hội để trao đổi với đồng chí, đồng đội về những nội dung học tập.
- Có cơ hội để rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống xảy ra.
- Được thể hiện quan điểm của mình về nội dung học tập và phải thuyết phục được các HV khác đồng ý với quan điểm của mình.
- Có cơ hội để hợp tác với đồng chí, đồng đội trong học tập và hình thành ý thức làm việc trong nhóm.
- Tạo ra môi trường thân thiện giữa GV - HV và HV - HV.
- ...

+ Có 02 điều mong muốn sau khi tham gia những tiết học có tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN:

- Mong muốn được tham dự nhiều tiết học tổ chức như vậy hơn nữa.
- Mong muốn phương pháp dạy học này của GV sẽ được áp dụng cho tất cả các môn học.
- HV có cơ hội để trải nghiệm tình huống mô phỏng.
- Mong muốn phương pháp dạy học này sớm được áp dụng.
- ...

+ Có 01 ý kiến góp ý để có những giờ học hiệu quả hơn

- GV cần đưa thêm nhiều ví dụ và nhiều bài tập tình huống hơn cho HV.
- Trong một số bài tập tình huống, HV sử dụng máy tính để làm việc nhóm và trình bày sản phẩm sẽ tốt hơn là dùng giấy A0.

- Phỏng vấn GV sau giờ thực nghiệm: Tiến hành phỏng vấn GV Nguyễn Thị Nhung (GV dạy thực nghiệm và đối chứng): “Cô giáo có nhận xét và cảm giác thế nào về những tiết dạy thực nghiệm của mình?”, cô Nhung chia sẻ: “Thứ nhất, qua thực tiễn trao đổi với Công an các đơn vị, địa phương, tôi biết HV của mình còn yếu về kỹ năng xử lý tình huống thông qua các hoạt động trải nghiệm như tham quan thực tế, thực hành chính trị - xã hội. Tôi hiểu ĐĐNN được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm và được củng cố thường xuyên, liên tục. Thứ hai, khi được hướng dẫn soạn giáo án tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN tôi thấy rất hay, tuy nhiên do chúng tôi quen với những phương pháp dạy học truyền thống và trong dạy học chỉ quan tâm đến nội dung kiến thức của môn học, bởi vậy lần đầu soạn giáo án tích hợp cảm thấy rất khó. Thứ ba, sau mỗi giờ dạy thực nghiệm, tôi lại rút kinh

nghiệm và điều chỉnh nội dung, phương pháp của giáo án tiếp theo. Hiệu quả dạy học có thể thấy ngay được ở ý thức và thái độ tham gia của HV trong giờ học. Theo tôi, dạy học tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cần được triển khai rộng để HV có nhiều hơn nữa những cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp, rèn luyện ĐĐNN, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.

3.4.6.4. Nhận xét, đánh giá

- Giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND là hết sức cần thiết, nhằm đào tạo ra những cán bộ, chiến sĩ CAND “vừa hồng”, “vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

- Kết quả thực nghiệm sư phạm đã khẳng định:

+ Biện pháp “Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân” tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của HV trong quá trình học tập các học phần và biện pháp “Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay” tạo điều kiện, không gian và bối cảnh thuận lợi để HV được trải nghiệm, thực hành và củng cố các giá trị ĐĐNN đã được hình thành trong hoạt động dạy học. Sự kết hợp giữa hai biện pháp đã tạo nên tác động đồng bộ, liên tục và bền vững trong giáo dục ĐĐNN cho HV.

+ Nội dung từng biện pháp và quy trình thực nghiệm tường minh. GV vận dụng tốt và hiệu quả để tổ chức dạy học tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học. Điều này chứng tỏ khả năng chuyển giao các biện pháp được đề xuất trong luận án cho Bộ Công an, Cục Đào tạo, các nhà trường CAND, Công an các đơn vị, địa phương dễ dàng, thuận lợi và chứng minh cho tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

- Trong quá trình nghiên cứu tác giả nhận thấy, những kết quả của thực nghiệm sư phạm mới chỉ là bước đầu. Để đảm bảo những giá trị ĐĐNN được hình thành, phát triển và rèn luyện từ khi bước chân vào học tập trong các nhà trường CAND, các biện pháp trên cần được tiếp tục nghiên cứu và triển khai trên diện rộng, điều này sẽ mang lại giá trị rất lớn trong quá trình giáo dục và đào tạo của các nhà trường CAND.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận về giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học Công an nhân dân và phân tích thực trạng công tác giáo dục ĐĐNN cho học viên, đặc biệt là những tồn tại, hạn chế hiện nay, luận án đã đề xuất 6 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho học viên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học CAND.

Các biện pháp được đề xuất bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN và động cơ rèn luyện chuẩn mực ĐĐNN Công an nhân dân cho học viên; (2) Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học CAND; (3) Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay; (4) Phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương trong giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở; (5) Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của học viên; (6) Xây dựng và thực hiện bộ chỉ số đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học CAND.

Tổ chức thực nghiệm tác động sư phạm hai biện pháp “Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay” và “Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học CAND” cho thấy các biện pháp được đề xuất đều có tính cần thiết và tính khả thi cao, tường minh về nội dung và quy trình thực hiện từng biện pháp, phù hợp với mục tiêu giáo dục, đào tạo và phát triển đội ngũ CAND trong tình hình mới. Thực nghiệm đã bước đầu khẳng định tác động tích cực của các biện pháp đối với việc nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN của học viên.

Các biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau; vì vậy, trong quá trình tổ chức giáo dục ĐĐNN cho học viên, cần được triển khai một cách đồng bộ, linh hoạt, gắn với điều kiện cụ thể của từng trường đại học CAND và sự tham gia trách nhiệm của GV, CB quản lý cùng các lực lượng giáo dục có liên quan, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN và chất lượng đào tạo trong các trường đại học CAND.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nghiên cứu giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND trên cơ sở đã khai thác, chọn lọc, kế thừa những quan điểm, hướng tiếp cận nghiên cứu liên quan để có căn cứ xây dựng các khái niệm cơ bản, quá trình giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời, xác định thực trạng ĐĐNN, thực trạng giáo dục ĐĐNN yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND.

Về mặt lý luận, luận án đã khẳng định: Giáo dục ĐĐNN cho HV ở trường đại học CAND là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có nội dung, phương pháp của các lực lượng giáo dục trong nhà trường đến HV nhằm hình thành tri thức, tình cảm và hành vi ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội, chuẩn mực ngành Công an và truyền thống của lực lượng CAND trong các hoạt động nghề nghiệp. Nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND là hệ thống các giá trị, chuẩn mực ĐĐNN mà người giáo viên cần phải giáo dục cho HV. Giáo dục ý thức, thái độ, hành vi, rèn luyện những thói quen cho bản thân cả về trí tuệ, tâm hồn lẫn nhân cách của HV trong học tập, công tác. Luận án đã xây dựng 7 nội dung cụ thể cần giáo dục và đưa ra mức độ đánh giá rèn luyện, kết quả thực hiện ĐĐNN của học viên. Đồng thời, luận án cũng đã xác định 8 yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN của HV các trường đại học Công an nhân dân.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND, nhận thức về ĐĐNN và giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường đại học CAND còn có những hạn chế, việc thực hiện mục tiêu, nội dung và phương pháp, con đường giáo dục còn có những bất cập cần khắc phục do nhiều nguyên nhân khác nhau. Đặc biệt, GV chưa đạt hiệu quả cao trong tích hợp các nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong giảng dạy các môn chính trị, pháp luật, nghiệp vụ và chưa khai thác được thế mạnh của các hoạt động thực tế, thực hành môn học và thực tập tại công an các đơn vị, địa phương để giáo dục ĐĐNN cho HV. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó các yếu tố chủ quan là những yếu tố tác động rất ảnh hưởng tới kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV. Một bộ

phần nhỏ HV còn có thái độ, hành vi chưa chuẩn mực không phù hợp với phẩm chất ĐĐNN, đặc biệt một số HV còn có hành vi vi phạm kỷ luật về mặt đạo đức.

Như vậy, kết quả nghiên cứu thực tiễn có sự phù hợp với giả thuyết đặt ra và được chứng minh.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về giáo dục ĐĐNN cho HV tại các trường đại học CAND, đã đề xuất 06 biện pháp tâm lý - sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND, gồm: “Nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐNN và động cơ rèn luyện chuẩn mực ĐĐNN Công an nhân dân cho học viên”; “Tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân”; “Xây dựng môi trường tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho học viên trong bối cảnh hiện nay”; “Phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở”; “Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân”; “Xây dựng và thực hiện bộ chỉ số đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân” cho học viên các trường đại học CAND.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Công an

Bộ Công an cần tiếp tục dành sự quan tâm và đầu tư sâu rộng hơn đối với các trường CAND thông qua việc xây dựng chiến lược hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, qua đó tạo dựng môi trường và điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và rèn luyện của CB, GV và HV. Việc bảo đảm đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục trong CAND theo hướng hiện đại, đặc biệt đối với các học viện, trường đại học có quy mô đào tạo lớn, là yêu cầu mang tính cấp thiết. Từ đó góp phần phục vụ hiệu quả cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, giảng dạy, đồng thời phát huy tối đa tính chủ động và tích cực của học viên trong quá trình tiếp thu tri thức và rèn luyện.

Bộ Công an ban hành các Quy định về tiêu chuẩn ĐĐNN một cách cụ thể và áp dụng trong hoạt động giảng dạy, thực hành nghề để từ đó CB, GV, HV có mục tiêu giáo dục ĐĐNN phù hợp.

Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách đối với HV các trường CAND và chính sách đối với các lĩnh vực nghề nghiệp trong CAND. Nhằm hình thành và

củng cố hơn nữa sự nhận thức tích cực về các giá trị của nghề nghiệp CAND. Thu hút nhiều hơn nữa sự tham gia của các đơn vị, tổ chức đối với giáo dục ĐĐNN trong CAND.

Hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật, cụ thể hóa các quy định cho phù hợp với đặc điểm hoạt động của lực lượng CAND. Trực tiếp hoặc chỉ đạo Cục Đào tạo (X02) tăng cường chỉ đạo và kiểm tra công tác giáo dục ĐĐNN cho học viên của các trường đại học CAND.

2.2. Đối với các trường đại học Công an nhân dân

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo bằng cách xây dựng, đổi mới, bổ sung các chương trình, nội dung có liên quan đến giáo dục ĐĐNN CAND. Trao quyền chủ động cho GV về phát triển chương trình dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất ĐĐNN Công an nhân dân cho học viên. Để từng bước đưa nội dung giáo dục ĐĐNN là một nội dung cơ bản, cốt lõi của giáo dục, đào tạo trong CAND.

Tổ chức đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học, phối hợp chặt chẽ với Công an các đơn vị, địa phương để giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa và thực hành, thực tập, thực tế tại cơ sở. Vận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại vào quá trình thiết kế nội dung bài giảng, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của HV trong việc tiếp thu, lĩnh hội, hiện thực hoá các giá trị ĐĐNN. Thống nhất cao trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp tăng cường để giáo dục ĐĐNN cho học viên.

Tổ chức các hoạt động, phong trào có quy mô cấp trường, cấp khoa chuyên ngành, tăng cường phối hợp với các đơn vị tổ chức các hoạt động có ý nghĩa nhằm tạo ra môi trường sư phạm tích cực, lành mạnh, đưa nội tuyên truyền, giáo dục, phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐNN của học viên trong các trường đại học Công an nhân dân vào các hoạt động đó.

2.3. Đối với cán bộ, GV trong các nhà trường

Các cá nhân lãnh đạo, GV cần tăng cường tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV trong hoạt động giảng dạy, hoạt động ngoại khóa và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện ĐĐNN của HV.

GV cần thường xuyên phát triển đề cương dạy học các học phần do GV đảm nhiệm theo hướng cập nhật bổ sung các yêu cầu mới về chuyên môn và ĐĐNN cần

có ở HV để tổ chức giảng dạy, học tập cho HV đáp ứng yêu cầu về năng lực và ĐĐNN cần có của người chiến sĩ CAND.

GV, cán bộ các trường đại học CAND cần đa dạng hóa các phương pháp và hình thức giảng dạy, giáo dục ĐĐNN cho HV theo hướng tăng cường sự trải nghiệm, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp của HV nhằm tạo môi trường để HV học tập, rèn luyện ĐĐNN.

2.4. Đối với học viên, sinh viên

Học viên tích cực tự giáo dục, tự rèn luyện để hình thành ý thức tự giác, thói quen, biến tri thức đạo đức thành niềm tin, tình cảm, hành vi và thói quen đạo đức, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục đạo đức của HV. Học viên cần xây dựng kế hoạch tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân và chủ động tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả.

Chủ động, tự giác tham gia các hoạt động học tập trên lớp và ngoài giờ lên lớp, đồng thời tìm kiếm các cách thức phù hợp để phát huy tinh thần tự giác, tự rèn luyện phẩm chất ĐĐNN của người CAND bằng nhiều hình thức khác nhau, đạt kết quả tốt. Đồng thời, mạnh dạn đề xuất với cán bộ lớp, GV, giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và lãnh đạo nhà trường về các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp trong phạm vi điều kiện và khả năng cho phép.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Đỗ Thị Quyên (2023), “Giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường Công an nhân dân trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, số 04, tháng 10/2023.
2. Đỗ Thị Quyên (2024), “Yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 20, số 07, tháng 7/2024.
3. Đỗ Thị Quyên (2024), “Tích hợp giáo dục ĐĐNN cho học viên qua hoạt động đào tạo ở các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 20 số 10, tháng 10/2024.
4. Đỗ Thị Quyên (2024), “Tổng quan một số nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường Công an nhân dân”, *Tạp chí Giáo dục*, tập 24, số đặc biệt tháng 10/2024.
5. Đỗ Thị Quyên (2025), “Thực trạng ĐĐNN của học viên các trường đại học Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, tập 25, số đặc biệt 5, tháng 6/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Hoàng Anh (2011), “Một số biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV sư phạm trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí KH&CN*.
2. Nguyễn Quốc Anh (1997), “Công tác giáo dục đạo đức - chính trị cho học sinh, SV”, *Tạp chí Cộng sản*.
3. Trương Công Am (2010), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb CAND, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bảo (1982), *Tâm lý học Đại học - Những đặc điểm hoạt động của SV và CB giảng dạy đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2009), *Thông tư số 50/TT-BCA(X11) Quy định về quản lý giáo dục HV các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp Công an nhân dân*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2012), *Điều lệnh đội ngũ Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2012), *Nghi lễ Công an nhân dân*, Nxb CAND Hà Nội.
8. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 27/TT- BCA Quy định về quy tắc ứng xử của Công an nhân dân*, ngày 22/8/2017.
9. Bộ Công an (2022), *Thông tư số 26/2022/TT- BCA Quy định về đánh giá rèn luyện và phân loại cá nhân, tập thể học viên các trường Công an nhân dân*, ngày 20/5/2022.
10. Bộ Công an (2020), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA của Đảng uỷ CATW và Chỉ thị số 13/CT-BCA ngày 28/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong CAND*, Hà Nội.
11. Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân năm học 2022 - 2023 và chương trình nhiệm vụ năm học 2023-2024*, Hà Nội.
12. Bộ Công an (2024), *Báo cáo tổng kết công tác giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân năm học 2023 - 2024 và chương trình nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Bích (2006), *Tâm lý học nhân cách - một số vấn đề lí luận*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

14. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Xác định hệ thống các tiêu chí về ĐĐNN của giáo viên Việt Nam hiện nay*, Đề tài NCKH&CN cấp Bộ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
15. Phạm Khắc Chương (1995), *Một số vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục đạo đức ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Phạm Khắc Chương (2004), *Rèn luyện đạo đức và ý thức công dân*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
17. Đinh Xuân Dũng (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Chỉ thị số 40-CT/TW về xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 29, Hội nghị TW8, Khóa XI của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết TW4, Khóa XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng ủy Công an Trung ương, *Nghị quyết Đại hội Đảng Bộ Công an Trung ương khóa XVII*, Nxb CAND.
23. Đảng ủy Công an Trung ương, *Nghị quyết số 12/NQ/ĐUCA*, ngày 16 tháng 3 năm 2022 về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.
24. Đảng ủy Công an Trung ương, *Nghị quyết số 17/NQ/ĐUCA*, ngày 14 tháng 3 năm 2014 về “đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo trong CAND”.
25. Đỗ Ngọc Đạt (2000), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
26. Trần Thị Minh Đức (2013), *Nghiên cứu thực trạng hoạt động trợ giúp tâm lý nhằm xây dựng Bộ Tiêu chuẩn ĐĐNN cho các nhà Tâm lý học Việt Nam*, Đề tài cấp bộ, mã số VI1.1-2013.10, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Trường Giang (2010), *ĐĐNN nhà báo Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Truyền thông đại chúng, Học viện Báo chí tuyên truyền, Hà Nội.
28. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. Đào Minh Hải - Minh Tiến (sưu tầm, tuyển chọn) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Lao động, Hà Nội.
30. Lại Ngọc Hải (2002), *Định hướng giá trị nhân cách đội ngũ sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
31. Vũ Quang Hải (2009), *Nghiên cứu quy trình tổ chức giáo dục kỷ luật cho HV trong các nhà trường Quân đội*, Luận án TS Tâm lý học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
32. Lê Trọng Hanh (2019), “Giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo trong giai đoạn hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo Bộ Công an*, Nxb CAND, Hà Nội.
33. Nguyễn Ngọc Huân (2023), *Quản lý giáo dục ĐĐNN cho học viên các học viện, trường đại học Công an nhân dân ở khu vực phía Bắc*, Luận án TS Quản lý giáo dục, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
34. Trịnh Xuân Huân (2018), “Vai trò của giáo dục ĐĐNN cho HV các trường CAND trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 6, tr 102 - 104.
35. Nguyễn Thị Huệ (2022), *Định hướng giá trị ĐĐNN của HV các học viện, trường đại học CAND*, Luận án TS Tâm lý học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
36. Nguyễn Bá Hùng (2010), *Giáo dục ĐĐNN cho HV sư phạm trong nhà trường quân sự hiện nay*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
37. Đặng Thành Hưng (2012), “Quan niệm đạo đức và giáo dục đạo đức trong nhà trường hiện đại”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 8.
38. Trần Thu Hương (2018), “Vận dụng Sáu điều Bác Hồ dạy trong xây dựng ĐĐNN cho HV các trường CAND hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 11. Tr 89 - 91.
39. Đặng Xuân Khang (2015), *Kỷ yếu Hội nghị Sơ kết 05 năm thực hiện chuẩn đầu ra tại Học viện Cảnh sát nhân dân*, Hà Nội.
40. Trần Hậu Kiểm (1997), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Vũ Trọng Lâm (2021), Công an nhân dân thực hành đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 31-01-2021.
42. Phạm Bá Lượng (2009), *Giá trị đạo đức truyền thống trong việc giáo dục đạo đức cho HV CAND Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

43. Bùi Thị Tuyết Mai (2016), *Giáo dục ĐĐNN cho HV Cao đẳng sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
44. Hồ Chí Minh (1975), *Đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
45. Hồ Chí Minh (1983), *Về đạo đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia.
47. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 292.
48. Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Nguyễn Huy Phòng (2013), “ĐĐNN trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng Sản*, số 65, tr.22.
50. Trần Đại Quang (2015), *Văn hoá ứng xử CAND Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
51. Trần Hữu Quang (2004), “Luận về ĐĐNN”, *Tạp chí kinh tế Sài Gòn*, số 39/2014, tr.22.
52. Nguyễn Văn Quân (2016), “Nghiên cứu về giáo dục nếp sống chính quy cho HV ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục số đặc biệt*, tháng 12. Tr 262 - 264.
53. Nguyễn Văn Quân (2024), *Quản lý giáo dục ĐĐNN cho HV ở các trường Trung cấp Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
54. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Giáo dục 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2014*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật Viên chức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật CAND*, Nxb CAND, Hà Nội.
57. Trần Đăng Sinh (2011), *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
58. Đặng Vũ Tuấn Sơn (2015), Có say mê mới có ĐĐNN, *Tạp chí Tri Thức và Phát triển*, số 34, tr.50.
59. Trần Quang Tám (2016), *Đạo đức phong cách Hồ Chí Minh và những bài học đối với CB, chiến sĩ CAND*, Nxb CAND, Hà Nội.

60. Bùi Thị Hồng Thái (2016), “Những khía cạnh đạo đức trong mối quan hệ giữa người trợ giúp tâm lý và tổ chức làm việc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hoá dịch vụ công tác xã hội*, TP Hồ Chí Minh, tr.293-299.
61. Hoàng Văn Thanh (2003), “Giáo dục giá trị nghề nghiệp quân sự cho HV sĩ quan trong quá trình đào tạo ở Nhà trường quân đội”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, Số 3, tr. 25-28.
62. Nguyễn Đình Thắng (2009), *Sự lựa chọn nghề nghiệp quân sự của nhóm sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. Lê Thanh Thập (2005), “Về ĐĐNN”, *Tạp chí Triết học*, số 6 (169), tr.2.
64. Phạm Minh Thụ (2003), *Sử dụng tổng hợp các phương pháp giáo dục thói quen hành vi kỷ luật cho HV sĩ quan ở các trường đại học quân sự*, Luận án TS Giáo dục học, Học viện Chính trị, Hà Nội.
65. Vũ Tình (2016), “Đạo đức trong chương trình đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hoá các dịch vụ công tác xã hội ở Việt Nam”, *Hội thảo quốc tế Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hoá dịch vụ công tác xã hội*, TP Hồ Chí Minh, 01/2016.
66. Thích Giác Toàn (2012), “Phật giáo và ĐĐNN”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 140, tr.12.
67. Nguyễn Thu Trang, Trần Tiến Khoa, Lê Thị Thanh Xuân (2014), “ĐĐNN - Tổng quan lý thuyết và nhận thức của HV đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Đại học mở TP Hồ Chí Minh*, số 3(36), tr.80-91.
68. Trần Ngọc Tuấn (2001), *Những giải pháp giáo dục đạo đức cho sỹ quan Biên phòng ở đơn vị cơ sở trong tình hình hiện nay*, Luận án TS Giáo dục học, Hà Nội.
69. Nguyễn Anh Tuấn (2008), *Những biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận án TS Giáo dục học.
70. Trịnh Quang Từ (2024), *Thách thức và giải pháp giáo dục ĐĐNN khi ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào giáo dục*, *Hội thảo khoa học Quốc tế lần thứ 2 về Ứng dụng hiệu quả công nghệ trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*, Hà Nội, 05/11/2024.

71. Nguyễn Quang Uẩn (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*. Chương trình khoa học cấp nhà nước KX07-04.
72. Nguyễn Quang Uẩn (1995), *Những đặc trưng và xu thế phát triển nhân cách của con người Việt Nam trong sự phát triển kinh tế xã hội*, Đề tài khoa học, mã số KX-07-04.
73. Nguyễn Quang Uẩn (2001), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
74. Lưu Minh Văn, Trần Văn Kham (2016), *Giá trị trong lối sống của SV Việt Nam hiện nay - thực trạng và xu hướng (nghiên cứu tại Hà Nội)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
75. Huỳnh Khái Vinh (2011), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.52.
76. Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tiếng Anh

77. Abessolo. M, Rossier. J, and Hirschi. A (2017), *Basic Values, Career Orientations, and Career Anchors: Empirical Investigation of Relationships*, Frontiers in Psychology, US National Centre for Biotechnology Information.
78. Alla M. (2003), *The concept of professional ethics development as a condition of mastering value and ethic culture of personality*, Taras Shevchenko National University of Kiev, Ukraine.
79. Alan S. (1969), “A structural study of the occupational value orientations of engineering students”, *The Vocational Aspect of Education*, 21:50, 129-134
80. Alley. A, Waugh. L and Ede. A (1998), *Police culture, women police and attitudes towards misconduct*.
81. Bjerregaard. B, Lord. V.B (2004), “An examination of the ethical and value orientation of Criminal Justice Students”, *Police Quarterly*, University of North Carolina Charlotte.
82. Blatz C. V (1991), *Ethics and agriculture: an anthology on current issues world context*, University of Idado press.
83. Buckley. L.B, Petrunik. M.G (1995), “Socio-Demographic Factors, Feferencr Rroups, and the career orientation, career aspiration and career satisfaction of Canadian police officers”, *American Journal of Police*, Vol. XIV, No. 2 1995 pp.107.

84. Collste, G. (2012), "Aphuong pháplied and professional ethics". *The Asian Journal of Humanities*, 19(1), pp.17-33.
85. Daniel E. Wueste (1998), *Professional ethics and social responsibility*, Rowman and Littlefield publishers, Inc.
86. Daryl Koel, *The ground of Profesional ethics*, Chicago, America.
87. Gerber M. (2009), "Exploring types of career orientation: A latent class analysis aphuong pháproach", *Journal of Vocational Behavior*, Vol.6, pp.4-16.
88. J. Patrick Dobel (1990), "*Integrity in the public service*", public addministrantion review 50(3), 1990, P354-66.
89. Jonh Hardwig (1991), *Toward and ethics of expertise*, Journal of Philosophy 88, P28-29.
90. Joshua Joseph (2000), *Ethics in workplace*, Autralia.
91. Josephson. M (2009), *Becoming an exemplary peace officer - The guide to ethical decision making*, California Commission on peace official Standards and training, Josephson Institute of Ethice, pp.32.CALIFORNIA
92. Juntunen. A, PhD. Department of Political Science (2008), *Police corruption, ethics and values of police and respondents*.
93. Liddell D.L., Davis T.L. (2016), "The Measure of Moral Orientation: Reliability and Validity Evidence", *Journal of College Student Development*.
94. Macera M.H., Choen S.H. (2006), "Psychology as a Profession: An Effective Career Exploration and Orientation Course for Undergraduate Psychology Majors", *The career development quarterly*, Vol.54, pp367-371.
95. McCarthy, I. N. (1997), "Professional Ethics Code Conflict Situations: Ethical and Value Orientation of Collegiate Accounting Students", *Journal of Business Ethics*, Kluwer Academic Publishers, pp.257-258.
96. Ministry of the Interior Police of Slovenia (2014), *Code Of Slovenia Police Ethics 2014*.
97. Ministry of the Interior of France (2014), *Code of Ethics of the police and the gendarmerie in France*.
98. Musser S.J., Eric A. (1992), "Orke, Ethical Values System: A Typology", *The journal of aphuong pháplied behavior science*, US National Training Laboratories Institute, pp.348-362.
99. Rest J. R. (Ed.) (1994), *Moral development in the professions: Psychology and aphuong pháplied ethics*. Psychology Press.

100. Ruibytė. L, Adamonienė. R (2012), "Individual and Work Values of Police Officers Peculiarities and Interrelation". *Mykolas Romeris University*, V.Putvinskio str. 70, LT-44248 Kaunas, Lithuania, pp.242-253.
101. Sarah C. Rennie (2001), *Attitude of medical students*, United Kingdom, pp.145-148.
102. Smith D. G. and Rosenstein J. E. (2016), "Gender and the Military Profession", *Journal of Armed Forces and Society*, Vol.43(2) pp.260-279.
103. Soeters J. L. (1997), "Value Orientations in Military Academies: A Thirteen Country Study", *Journal of Armed Forces and Society*, Vol.24 (1) pp. 7-32.
104. Voloshyba (2018), "System of personality value orientations", *Психологічні виміри культури, економіки, управління: науковий журнал*, 2018, 11: pp.282-303.
105. Whiston S. C. and Keller B. K. (2004), "The influences of the Family of Origin on Career Development A Review and Analysis", *The Counseling Psychologist*, Vol.32, pp.493-568.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1

Phụ lục 1.1

PHIẾU KHẢO SÁT CÁN BỘ, GV

(Dành cho cán bộ, GV các trường đại học Công an nhân dân)

Đồng chí thân mến!

Với mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề cho học viên ở các trường đại học Công an nhân dân phù hợp với quy tắc, chuẩn mực của Lực lượng Công an nhân dân, chúng tôi rất mong đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây theo các phương án gợi ý sẵn bằng cách tích vào phương án phù hợp với mình.

Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin mà đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được bảo mật.

Các mức độ đánh giá:

- Mức độ nhận thức: 1. Hoàn toàn không cần thiết; 2. Không cần thiết; 3. Tương đối cần thiết; 4. Cần thiết; 5. Rất cần thiết.
- Mức độ thái độ: 1. Hoàn toàn không phù hợp; 2. Không phù hợp; 3. Tương đối phù hợp; 4. Phù hợp; 5. Hoàn toàn phù hợp;
- Mức độ vi phạm: 1. Thường xuyên vi phạm; 2. Vi phạm; 3. Vi phạm không thường xuyên; 4. Không vi phạm và 5. Hoàn toàn không vi phạm;
- Mức độ thực hiện: 1. Hoàn toàn không thực hiện; 2. Không thực hiện; 3. Không thường xuyên; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên;
- Kết quả thực hiện: 1. Yếu; 2. Trung Bình; 3. Khá; 4. Tốt; 5. Rất tốt;
- Mức độ ảnh hưởng: 1. Hoàn toàn không ảnh hưởng; 2. Không ảnh hưởng; 3. Tương đối ảnh hưởng; 4. Ảnh hưởng; 5. Rất ảnh hưởng;
- Mức độ hiệu quả: 1. Không hiệu quả; 2. Ít hiệu quả; 3. Tương đối hiệu quả; 4. Hiệu quả; 5. Rất hiệu quả.

Câu 1. Xin đồng chí cho biết các phẩm chất ĐĐNN nào sau đây cần giáo dục cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân ?

TT	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Phẩm chất ĐĐNN đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân					
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân					
1.2	Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước					
1.3	Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam					
1.4	Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân					
1.5	Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.					
1.6	Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân					
2	Phẩm chất ĐĐNN trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ					
2.1	Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao					
2.2	Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao					
2.3	Trung thực, kỷ luật trong công việc, nhiệm vụ được giao					
2.4	Guơng mẫu, kỷ luật trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ					
2.5	Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ					
3	Phẩm chất ĐĐNN đối với nghề nghiệp CAND					
3.1	Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao					
3.2	Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp					
3.3	Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm					
3.4	Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...					
4	Phẩm chất ĐĐNN đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống					
4.1	Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt					
4.2	Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm trong lối sống					
4.3	Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc					

Câu 2. Theo đồng chí, trong quá trình học tập và rèn luyện học viên thường có biểu hiện như thế nào?

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Thái độ đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân					
1.1	Mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để cống hiến cho quê hương, đất nước và Nhân dân					
1.2	Mong muốn được cống hiến nhiều hơn cho Đảng, Tổ quốc và Nhân dân					
1.3	Phấn đấu cống hiến vì Đảng, tổ quốc, nhân dân là mục tiêu cao cả của mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an					
1.4	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá của lực lượng CAND					
1.5	Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND					
1.6	Cảm thấy không đồng tình và khó chịu khi thấy những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội					
2	Thái độ đối với học tập, rèn luyện					
2.1	Hứng thú trong học tập và rèn luyện trong các trường CAND					
2.2	Say mê học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân					
2.3	Say mê học tập và rèn luyện để sớm trở thành CB, chiến sĩ CAND					
2.4	Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi					
2.5	Hứng thú với các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường đại học CAND.					
2.6	Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV					
3	Thái độ đối với nghề nghiệp Công an nhân dân					
3.1	Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn					
3.2	Có cảm hứng và động lực cao đối với nghề nghiệp CAND					
3.3	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập và làm việc trong ngành CA					
3.4	Tôi tự hào về nghề nghiệp CAND mình đã chọn					
3.5	Các giá trị đạo đức của nghề nghiệp CAND có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ động cơ nghề nghiệp của HV					

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
4	Thái độ đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống					
4.1	Thường xuyên học hỏi từ những người xung quanh về cách sống, cách làm việc trong ngành Công an					
4.2	Tập thể lớp là môi trường để chúng tôi trải nghiệm và phát triển tình đồng chí, đồng đội					
4.3	Những tấm gương tốt của CB, chiến sĩ Công an có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và hành vi của HV.					

Câu 3. Theo đồng chí, trong quá trình học tập và rèn luyện học viên thường có biểu hiện nào trong các hành vi sau đây và mức độ thể hiện?

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Hành vi đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân					
1.1	Thể hiện trách nhiệm cống hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV					
1.2	Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc					
1.3	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội					
1.4	Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, Nhà nước					
1.5	Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND					
2.	Hành vi đối với học tập, rèn luyện					
2.1	Nghiêm túc chấp hành những quy định về học tập và rèn luyện trong môi trường kỷ luật của trường CAND					
2.2	Duy trì nỗ lực học tập và rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề đã lựa chọn					

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
2.3	Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao					
2.4	Khi gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, HV vẫn kiên trì, cố gắng vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ.					
2.5	HV tự giác, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường					
2.6	HV tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường lớp học					
3.	Hành vi đối với nghề nghiệp Công an nhân dân					
3.1	HV thể hiện sự gắn bó với nghề nghiệp CAND thông qua việc nghiêm túc học tập và rèn luyện					
3.2	Giữ gìn hình ảnh, tác phong và danh dự của HV CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày					
3.3	HV tích cực học tập và làm theo những tấm gương điển hình tiên tiến của người chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp					
3.4	Lựa chọn và thực hành các giá trị đạo đức nghề nghiệp CAND					
4.	Hành vi đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống					
4.1	Đoàn kết, chủ động, khiêm tốn, học hỏi từ thầy cô, đồng nghiệp và mọi người xung quanh để hoàn thiện bản thân					
4.2	Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu kí túc xá					
4.3	Giao tiếp, ứng xử văn hóa, chuẩn mực, giữ gìn tác phong, hình ảnh của người học viên CAND					
4.4	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học					
4.5	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội					

Câu 4. Đồng chí hãy đánh giá các hành vi sau của học viên theo các mức độ biểu hiện?

TT	Hành vi chưa phù hợp với đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Vi phạm quy chế học tập, rèn luyện					
2	Vi phạm trong luyện tập Điều lệnh Công an nhân dân					
3	Vi phạm khi tham gia các hoạt động của nhà trường, lớp học tổ chức					
4	Vi phạm khi tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện...					
5	Chào hỏi chưa đúng điều lệnh, văn hóa ứng xử trong Công an nhân dân					
6	Vi phạm quy định khi tham gia hoạt động thực hành chính trị xã hội, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân					
7	Tham gia chưa đầy đủ các cuộc họp quán triệt về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng của ngành					
8	Tham gia chưa đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề do Nhà trường tổ chức					
9	Sử dụng rượu, bia trong quá trình học tập tại trường					
10	Ra ngoài trường để giải quyết công việc cá nhân không xin phép chủ nhiệm trung đội					

Câu 5. Theo đồng chí, mục tiêu giáo dục ĐĐNN Công an nhân dân ở cơ sở đào tạo được thực hiện như thế nào và mức độ thực hiện mục tiêu?

[illegible]

[illegible]

Câu 6. Những nội dung giáo dục ĐĐNN sau đây được đồng chí thực hiện như thế nào? Kết quả thực hiện các nội dung đó?

[illegible]

[illegible]

Câu 7. Đồng chí cho biết GV nhà trường thường xuyên sử dụng phương pháp giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sử dụng của các phương pháp đó?

[illegible]

Câu 8. Đồng chí cho biết GV nhà trường đã sử dụng những con đường giáo dục nào sau đây để giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sử dụng của các con đường đó?

[illegible]

[illegible]

Câu 9. Đồng chí cho biết có những lực lượng nào sau đây đã tham gia giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sự tham gia của các lực lượng giáo dục đó?

[illegible]

Câu 10: Theo đồng chí hoạt động đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV tại nhà trường được thực hiện như thế nào và kết quả thực hiện?

[illegible]

Câu 11. Theo đồng chí, những yếu tố sau đây ảnh hưởng đến giáo dục ĐĐNN cho học viên như thế nào và mức độ ảnh hưởng ?

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng CAND					
2	Năng lực giáo dục của GV và cán bộ quản lý nhà trường					
3	Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của HV					
4	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trong CAND					
5	Môi trường giáo dục của các trường đại học CAND					
6	Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường					
7	Sự phối hợp giữa trường đại học CAND với cơ quan Công an các đơn vị, địa phương					
8	Điều kiện kinh tế- chính trị, xã hội					

Câu 12. Để giáo dục ĐĐNN Công an nhân dân cho học viên các trường đại học Công an nhân dân, đồng chí có kiến nghị, đề xuất gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí!

Phụ lục 1.2**PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO HỌC VIÊN**

(Dành cho học viên các trường đại học Công an nhân dân)

Đồng chí thân mến!

Với mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề cho học viên ở các trường Đại học Công an nhân dân phù hợp với quy tắc, chuẩn mực của lực lượng Công an nhân dân, chúng tôi rất mong đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây theo các phương án gợi ý sẵn bằng cách tích vào phương án phù hợp với mình.

Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin mà đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được bảo mật.

Các mức độ đánh giá:

- Mức độ nhận thức: 1. Hoàn toàn không cần thiết; 2. Không cần thiết; 3. Tương đối cần thiết; 4. Cần thiết; 5. Rất cần thiết.
- Mức độ thái độ: 1. Hoàn toàn không phù hợp; 2. Không phù hợp; 3. Tương đối phù hợp; 4. Phù hợp; 5. Hoàn toàn phù hợp;
- Mức độ vi phạm: 1. Thường xuyên vi phạm; 2. Vi phạm; 3. Vi phạm không thường xuyên; 4. Không vi phạm và 5. Hoàn toàn không vi phạm;
- Mức độ thực hiện: 1. Hoàn toàn không thực hiện; 2. Không thực hiện; 3. Không thường xuyên; 4. Thường xuyên; 5. Rất thường xuyên;
- Kết quả thực hiện: 1. Yếu; 2. Trung Bình; 3. Khá; 4. Tốt; 5. Rất tốt;
- Mức độ hiệu quả: 1. Không hiệu quả; 2. Ít hiệu quả; 3. Tương đối hiệu quả; 4. Hiệu quả; 5. Rất hiệu quả.

Câu 1. Xin đồng chí cho biết các phẩm chất đạo đức nào sau đây cần giáo dục cho học viên ở trường đại học Công an nhân dân? Mức độ cần thiết?

TT	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Phẩm chất ĐĐNN đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân					
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân					
1.2	Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước					
1.3	Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam					
1.4	Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân					
1.5	Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.					
1.6	Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân					
2	Phẩm chất ĐĐNN trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ					
2.1	Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao					
2.2	Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao					
2.3	Trung thực, kỷ luật trong công việc, nhiệm vụ được giao					
2.4	Guơng mẫu, kỷ luật trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ					
2.5	Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ					
3	Phẩm chất ĐĐNN đối với nghề nghiệp CAND					
3.1	Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao					
3.2	Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp					
3.3	Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm					
3.4	Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...					
4	Phẩm chất ĐĐNN đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống					
4.1	Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt					
4.2	Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm trong lối sống					
4.3	Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc					

Câu 2. Theo đồng chí, trong quá trình học tập và rèn luyện học viên thường có biểu hiện như thế nào?

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Thái độ đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân					
1.1	Mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để cống hiến cho quê hương, đất nước và Nhân dân					
1.2	Mong muốn được cống hiến nhiều hơn cho Đảng, Tổ quốc và Nhân dân.					
1.3	Phấn đấu cống hiến vì Đảng, tổ quốc, nhân dân là mục tiêu cao cả của mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an					
1.4	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá của lực lượng CAND					
1.5	Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND					
1.6	Cảm thấy không đồng tình và khó chịu khi thấy những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội					
2	Thái độ đối với học tập, rèn luyện					
2.1	Hứng thú trong học tập và rèn luyện trong các trường CAND					
2.2	Say mê học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân					
2.3	Say mê học tập và rèn luyện để sớm trở thành CB, chiến sĩ CAND					
2.4	Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi					
2.5	Hứng thú với các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường đại học CAND.					
2.6	Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV					
3	Thái độ đối với nghề nghiệp Công an nhân dân					
3.1	Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn					
3.2	Có cảm hứng và động lực cao đối với nghề nghiệp CAND					
3.3	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập và làm việc trong ngành CA					
3.4	Tôi tự hào về nghề nghiệp CAND mình đã chọn					

TT	Thái độ đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
3.5	Các giá trị đạo đức của nghề nghiệp CAND có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ động cơ nghề nghiệp của HV					
4	Thái độ đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống					
4.1	Thường xuyên học hỏi từ những người xung quanh về cách sống, cách làm việc trong ngành Công an					
4.2	Tập thể lớp là môi trường để chúng tôi trải nghiệm và phát triển tình đồng chí, đồng đội					
4.3	Những tấm gương tốt của CB, chiến sĩ Công an có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và hành vi của HV.					

Câu 3. Theo đồng chí, trong quá trình học tập và rèn luyện bản thân và đồng nghiệp thường có hành vi nào trong các biểu hiện sau đây và mức độ thể hiện?

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Hành vi đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân					
1.1	Thể hiện trách nhiệm cống hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV					
1.2	Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc					
1.3	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội					
1.4	Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, Nhà nước					
1.5	Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND					
2.	Hành vi đối với học tập, rèn luyện					
2.1	Nghiêm túc chấp hành những quy định về học tập và rèn luyện trong môi trường kỷ luật của trường CAND					
2.2	Duy trì nỗ lực học tập và rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề đã lựa chọn					

TT	Hành vi đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
2.3	Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao					
2.4	Khi gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, HV vẫn kiên trì, cố gắng vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ.					
2.5	HV tự giác, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường					
2.6	HV tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường lớp học					
3.	Hành vi đối với nghề nghiệp Công an nhân dân					
3.1	HV thể hiện sự gắn bó với nghề nghiệp CAND thông qua việc nghiêm túc học tập và rèn luyện					
3.2	Giữ gìn hình ảnh, tác phong và danh dự của HV CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày					
3.3	HV tích cực học tập và làm theo những tấm gương điển hình tiên tiến của người chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp					
3.4	Lựa chọn và thực hành các giá trị đạo đức nghề nghiệp CAND					
4.	Hành vi đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống					
4.1	Đoàn kết, chủ động, khiêm tốn, học hỏi từ thầy cô, đồng nghiệp và mọi người xung quanh để hoàn thiện bản thân					
4.2	Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu kí túc xá					
4.3	Giao tiếp, ứng xử văn hóa, chuẩn mực, giữ gìn tác phong, hình ảnh của người học viên CAND					
4.4	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học					
4.5	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội					

Câu 4. Đồng chí nhận thấy học viên thực hiện các hành động sau ở mức độ nào?

TT	Hành vi chưa phù hợp với đạo đức nghề nghiệp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Vi phạm quy chế học tập, rèn luyện					
2	Vi phạm trong luyện tập Điều lệnh Công an nhân dân					
3	Vi phạm khi tham gia các hoạt động của nhà trường, lớp học tổ chức					
4	Vi phạm khi tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện...					
5	Chào hỏi chưa đúng điều lệnh, văn hóa ứng xử trong Công an nhân dân					
6	Vi phạm quy định khi tham gia hoạt động thực hành chính trị xã hội, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân					
7	Tham gia chưa đầy đủ các cuộc họp quán triệt về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng của ngành					
8	Tham gia chưa đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề do Nhà trường tổ chức					
9	Sử dụng rượu, bia trong quá trình học tập tại trường					
10	Ra ngoài trường để giải quyết công việc cá nhân không xin phép chủ nhiệm trung đội					

Câu 5. Theo đồng chí, mục tiêu giáo dục ĐĐNN Công an nhân dân ở cơ sở đào tạo được thực hiện như thế nào và mức độ thực hiện mục tiêu?

[illegible]

Câu 6. Những nội dung giáo dục ĐĐNN sau đây được GV và học viên thực hiện như thế nào? Kết quả thực hiện các nội dung đó?

[illegible]

[illegible]

Câu 7. Đồng chí cho biết GV nhà trường thường xuyên sử dụng phương pháp giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sử dụng của các phương pháp đó?

[illegible]

STT	Các phương pháp giáo dục	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ									
		Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
6	Phương pháp giao việc										
7	Phương pháp tập luyện tại thao trường										
8	Phương pháp rèn luyện kỹ năng, hành vi										
9	Phương pháp xử lý tính huống										
10	Phương pháp nghiên cứu trường hợp										
11	Phương pháp thi đua										
12	Phương pháp khen thưởng										
13	Phương pháp trách phạt										
14	Phương pháp nêu gương										

Câu 8. Đồng chí cho biết GV nhà trường đã sử dụng những con đường giáo dục nào sau đây để giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sử dụng của các con đường đó?

[illegible]

[illegible]

Câu 9. Đồng chí cho biết có những lực lượng nào sau đây đã tham gia giáo dục ĐĐNN nào cho học viên và kết quả sự tham gia của các lực lượng giáo dục đó?

[illegible]

[illegible]

Câu 10. Theo đồng chí hoạt động đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV tại nhà trường được thực hiện như thế nào và kết quả thực hiện?

[illegible]

STT	Nội dung, phương pháp và lực lượng đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ									
		Mức độ thực hiện					Kết quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1.5	Lối sống và ý thức phục vụ nhân dân của HV										
1.6	Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ										
1.7	Ý thức phát triển nghề nghiệp										
2	Phương pháp đánh giá										
2.1	Đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm										
2.2	Đánh giá thông qua tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HV										
2.3	Đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực hành chính trị - xã hội, thực tập										
2.4	Đánh giá sản phẩm hoạt động										
2.5	Đánh giá qua hồ sơ HV										
3	Các lực lượng tham gia đánh giá										
3.1	Cán bộ, lãnh đạo nhà trường										
3.2	GV, giáo viên chủ nhiệm										
3.3	Cán bộ phục vụ của các phòng ban										
3.4	Cán bộ cơ sở Công an nơi công tác										
3.5	Tự đánh giá của HV										
3.6	Đánh giá đồng đẳng giữa các HV										

Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của đồng chí!

Phụ lục 1.3**PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU***(Dành cho học viên các trường đại học Công an nhân dân)*

- Thời gian phỏng vấn:giờ.....ngày.....tháng.....năm 2024

- Địa điểm phỏng vấn:

- Thông tin về người được phỏng vấn:

+ Họ và tên:..... + Giới tính:.....

+ Lớp:..... + Trường:.....

NỘI DUNG PHÒNG VẤN

1. Lý do nào khiến em chọn vào học các trường CAND?
2. Sau một thời gian học tập và rèn luyện? Em có cảm nhận như thế nào về ngành nghề mình đã lựa chọn?
3. Quá trình học tập và rèn luyện, em có cảm nhận được sự khó khăn, vất vả không?
4. Ngoài việc học tập và rèn luyện, em có quan tâm đến việc tìm hiểu những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với một cán bộ CAND thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị thực tế không? Nhưng yêu cầu đó là gì?
5. Em đã làm gì để đạt được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với một cán bộ CAND?
6. Em hiểu gì về các phẩm chất đạo đức của nghề Công an nhân dân?
7. Các phẩm chất đạo đức của nghề CAND được thể hiện như thế nào?
8. Em đã làm những gì để thực hiện tốt Sáu điều Bác dạy Công an nhân dân?
9. Theo thông tư 27 về Quy tắc ứng xử trong CAND, Em đã thực hiện hành vi ứng xử CAND đó như thế nào?
10. Nhà trường có những hoạt động gì giúp các em hình thành và phát triển các giá trị chuẩn mực ĐĐNN CAND?
11. Em hãy tự đánh giá về tính tự giác học tập và rèn luyện của bản thân?

Phụ lục 1.4**PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU***(Dành cho cán bộ, giáo viên các trường đại học CAND)*

- Thời gian phỏng vấn:..... giờ.....ngày.....tháng.....năm 2024
- Địa điểm phỏng vấn:
- Thông tin về người được phỏng vấn
 - + Họ và tên: + Giới tính:.....
 - + Đơn vị công tác:.....

NỘI DUNG PHÒNG VẤN

1. Đồng chí hãy cho biết, trong quá trình học tập và rèn luyện, học viên có thực sự quan tâm tới các phẩm chất đạo đức của nghề nghiệp CAND mà mình đang theo đuổi hay không?
2. Biểu hiện rõ nhất của sự quan tâm đó là gì? Và ngược lại?
3. Theo đồng chí, học viên nhận thức về vai trò của giáo dục đạo đức nghề Công an nhân dân ở mức độ nào?
4. Nhà trường đang làm cách nào để giáo dục ĐĐNN CAND cho học viên?
5. Những biểu hiện của sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Công an nhân dân hiện nay có ảnh hưởng gì tới nhận thức, thái độ và hành vi của học viên các trường CAND hay không?
6. Các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho học viên được cán bộ, giáo viên thực hiện như thế nào?
7. Một bộ phận học viên trong quá trình học tập, có biểu hiện lười học, có suy nghĩ tiêu cực, vay nợ, cầm quán, chơi bời và tìm mọi cách để che giấu những hành động đó? Theo đồng chí nguyên nhân của hiện tượng này xuất phát từ đâu?
8. Khi gặp trường hợp: học viên đang mất niềm tin vào ngành nghề mà mình đã lựa chọn, học viên biểu hiện rõ sự bất bình về các tiêu cực trong tập thể, đơn vị? với vai trò là cán bộ, giáo viên của nhà trường, đồng chí sẽ làm gì?
9. Theo đồng chí, các nhà trường CAND có thực sự cần thiết phải quan tâm đến vấn đề giáo dục ĐĐNN cho học viên hay không? Vì sao?
10. Để giáo dục ĐĐNN cho học viên các trường CAND, chúng ta cần phải làm những việc gì?

MẪU BIÊN BẢN QUAN SÁT

1. Thời gian quan sát (ngày/tháng/năm):

2. Địa điểm quan sát:

3. Thông tin về người/hoạt động quan sát:

- | | |
|----------------|-----------------|
| - Họ tên: | - Tuổi: |
| - Lớp: | - Chuyên ngành: |
| - Năm thứ mấy: | - Đơn vị: |

NỘI DUNG QUAN SÁT

Quan sát thái độ, hành vi của học viên thông qua việc tri giác và ghi chép lại những biểu hiện bên ngoài: nét mặt, cử chỉ, lời nói, điệu bộ, hành vi, thao tác, sự tích cực hoạt động... trong các hoạt động sau:

- Hoạt động học tập trên lớp, tự học
- Hoạt động tham gia các nhiệm vụ tập thể
- Hoạt động chấp hành kỷ cương nề nếp, điều lệnh nội vụ.
- Hoạt động giao tiếp, ứng xử với thầy cô, bạn bè trong lớp và ngoài giờ học.
- Các hoạt động khác có sự tham dự của người được quan sát.

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC TRẠNG ĐĐNN VÀ
GIÁO DỤC ĐĐNN CHO HỌC VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN
NHÂN DÂN

Bảng 2.3. Đánh giá của HV về nhận thức ĐĐNN của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân

TT	Phẩm chất ĐĐNN	Mức độ nhận thức					ĐTB
		5	4	3	2	1	
	1. Phẩm chất ĐĐNN đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân						
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân	41	258	12	23	16	3.81
1.2	Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	47	214	60	29	0	3.79
1.3	Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam	57	248	17	17	11	3.92
1.4	Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân	59	199	59	33	0	3.81
1.5	Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.	64	182	72	32	0	3.79
1.6	Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân	49	118	146	34	3	3.50
	2. Phẩm chất ĐĐNN trong học tập, rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ						
2.1	Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao	53	166	118	13	0	3.74
2.2	Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao	44	162	105	34	5	3.59
2.3	Trung thực, kỷ luật trong công việc, nhiệm vụ được giao	51	153	111	32	3	3.62
2.4	Guơng mẫu, kỷ luật trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ	48	127	148	26	1	3.56
2.5	Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	41	100	193	16	0	3.47
	3. Phẩm chất ĐĐNN đối với nghề nghiệp CAND						
3.1	Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nghiệp với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp	77	142	127	4	0	3.83

TT	Phẩm chất ĐĐNN	Mức độ nhận thức					ĐTB
		5	4	3	2	1	
3.2	Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao	61	123	155	11	0	3.67
3.3	Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm	72	242	16	11	9	4.02
3.4	Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...	50	149	134	12	5	3.64
4.	Phẩm chất ĐĐNN đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống						
	Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc	63	139	119	29	0	3.67
4.2	Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt	54	133	153	9	1	3.66
4.3	Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm	83	171	64	32	0	3.87
Trung bình chung							3.73

Bảng 2.4. Đánh giá của HV về biểu hiện của thái độ đối với ĐĐNN của học viên ở các trường đại học CAND

Thái độ ĐĐNN	Mức độ nhận thức					ĐTB
	5	4	3	2	1	
1. Thái độ đối với Đảng, Nhà nước, Nhân dân						
1.1. Mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để cống hiến cho quê hương, đất nước và Nhân dân	64	182	72	32	0	3.79
1.2. Mong muốn được cống hiến nhiều hơn cho Đảng, Tổ quốc và Nhân dân.	39	98	199	13	1	3.46
1.3. Phấn đấu cống hiến vì Đảng, tổ quốc, nhân dân là mục tiêu cao cả của mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an	59	121	149	16	5	3.61
1.4. Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá của lực lượng CAND	71	179	92	7	1	3.89
1.5. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nền tảng đạo đức của người cán bộ CAND	42	68	230	8	2	3.40

Thái độ ĐĐNN	Mức độ nhận thức					ĐTB
	5	4	3	2	1	
1.6. Cảm thấy không đồng tình và khó chịu khi thấy những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội	37	146	152	13	2	3.58
2. Thái độ đối với học tập, rèn luyện						
2.1. Hứng thú trong học tập và rèn luyện trong các trường Công an nhân dân.	28	182	123	10	7	3.61
2.2. Say mê học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân	77	146	92	32	3	3.75
2.3. Say mê học tập và rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	41	163	136	6	4	3.66
2.4. Khi học tập, rèn luyện, những bài học về đạo đức luôn nhận được sự quan tâm của tôi	25	129	150	35	11	3.35
2.5. Hứng thú với các hoạt động trải nghiệm trong học tập và rèn luyện tại trường đại học CAND.	20	139	157	33	1	3.41
2.6. Việc đạt các tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND là mục tiêu quan trọng với HV	10	159	140	33	8	3.37
3. Thái độ đối với nghề nghiệp Công an nhân dân						
3.1. Yêu thích nghề nghiệp CAND mình đã chọn	82	134	118	11	5	3.79
3.2. Có cảm hứng và động lực cao đối với nghề nghiệp CAND	50	203	80	15	2	3.81
3.3. Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập và làm việc trong ngành Công an	13	217	97	13	10	3.60
3.4. Tôi tự hào về nghề nghiệp CAND mình đã chọn	65	126	137	15	6	3.65
3.5. Các giá trị đạo đức của nghề nghiệp CAND có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ động cơ nghề nghiệp của HV	47	117	179	6	1	3.58
4. Thái độ đối với đồng nghiệp, mọi người và lối sống						
4.1. Thường xuyên học hỏi từ những người xung quanh về cách sống, cách làm việc trong ngành Công an	28	198	102	18	4	3.65
4.2. Tập thể lớp là môi trường để chúng tôi trải nghiệm và phát triển tình đồng chí, đồng đội	54	152	109	32	3	3.63

Thái độ ĐĐNN	Mức độ nhận thức					ĐTB
	5	4	3	2	1	
4.3. Những tấm gương tốt của CB, chiến sĩ Công an có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức và hành vi của HV	15	236	58	40	1	3.64
Trung bình chung						3.61

Bảng 2.5. Đánh giá của CB, GV, HV về hành vi ĐĐNN của học viên ở các trường đại học Công an nhân dân (N1=165; N2=350)

Hành vi đạo đức nghề nghiệp	ĐTKS	Kết quả thực hiện					$\bar{X}$
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1. Hành vi đối với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước và Nhân dân							
1.1. Thể hiện trách nhiệm công hiến cho Đảng, Nhà Nước và Nhân dân thông qua nghiêm túc học tập và rèn luyện hằng ngày của HV	GV, CB	47	51	62	2	3	3.83
	HV	112	108	101	24	5	3.85
1.2. Tích cực tham gia học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tế nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ Tổ quốc	CB, GV	47	52	57	6	3	3.81
	HV	108	101	118	16	7	3.82
1.3. Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của cán bộ Công an trong xã hội	GV, CB	31	57	63	11	3	3.62
	HV	75	100	154	12	9	3.63
1.4. Đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, Nhà nước	CB,GV	35	51	68	7	4	3.64
	HV	84	105	136	15	10	3.68
1.5. Thường xuyên rèn luyện và điều chỉnh hành vi theo tiêu chuẩn đạo đức cách mạng của người CB CAND	GV, CB	34	3	118	7	3	3.35
	HV	56	39	231	22	2	3.36
2. Hành vi đối với học tập, rèn luyện							
2.1. Nghiêm túc chấp hành những quy định về học tập và rèn luyện trong môi trường kỷ luật của trường CAND	GV, CB	41	47	72	3	2	3.74
	HV	103	101	121	23	2	3.80
2.2. Duy trì nỗ lực học tập và rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của ngành nghề đã lựa chọn	CB, GV	36	56	65	5	3	3.71
	HV	86	111	125	18	10	3.70

Hành vi đạo đức nghề nghiệp	ĐTKS	Kết quả thực hiện					$\bar{X}$
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
2.3. Vượt qua khó khăn để hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập, rèn luyện được giao	CB,GV	22	51	70	15	7	3.40
	HV	42	107	167	10	24	3.38
2.4. Khi gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, HV vẫn kiên trì, cố gắng vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ	CB,GV	32	54	58	19	2	3.57
	HV	67	103	153	20	7	3.58
2.5. Tự giác, tích cực tham gia trải nghiệm trong học tập và rèn luyện ở các trường CAND	CB,GV	20	55	67	14	9	3.38
	HV	44	101	155	23	27	3.32
2.6. Tự giác, tích cực học tập, rèn luyện tính kỷ luật trong môi trường lớp học	GV, CB	40	55	59	7	4	3.73
	HV	96	107	120	21	6	3.76
3. Hành vi đối với nghề nghiệp Công an nhân dân							
3.1. HV thể hiện sự gắn bó với nghề nghiệp CAND thông qua việc nghiêm túc học tập và rèn luyện	GV, CB	37	58	57	9	4	3.70
	HV	83	104	137	20	6	3.68
3.2. Giữ gìn hình ảnh, tác phong và danh dự của HV CAND trong học tập, sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày	CB,GV	41	54	62	5	3	3.75
	HV	105	109	110	18	8	3.81
3.3. HV tích cực học tập và làm theo những tấm gương điển hình tiên tiến của người chiến sĩ CAND trong rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp	CB,GV	34	52	71	2	6	3.64
	HV	78	109	134	21	8	3.65
3.4. Lựa chọn và thực hành các giá trị đạo đức nghề nghiệp CAND	GV, CB	34	54	67	5	5	3.65
	HV	74	112	133	22	9	3.63
4. Hành vi đối với đồng nghiệp, người khác và lối sống							
4.1. Đoàn kết, chủ động, khiêm tốn, học hỏi từ thầy cô, đồng nghiệp và mọi người xung quanh để hoàn thiện bản thân	GV, CB	32	62	54	12	5	3.63
	HV	78	105	139	23	5	3.65

Hành vi đạo đức nghề nghiệp	ĐTKS	Kết quả thực hiện					$\bar{X}$
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
4.2. Tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong môi trường kỷ luật tại khu kí túc xá	GV, CB	42	48	69	4	2	3.75
	HV	104	101	124	13	8	3.80
4.3. Giao tiếp, ứng xử văn hóa, chuẩn mực, giữ gìn tác phong, hình ảnh của người học viên CAND	GV, CB	24	49	84	6	2	3.53
	HV	73	104	147	19	7	3.62
4.4. Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức trong môi trường kí túc xá, lớp học	GV, CB	20	2	127	12	4	3.13
	HV	46	17	278	3	6	3.27
4.5. Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn khi tham gia các hoạt động xã hội	GV, CB	22	53	79	8	3	3.50
	HV	57	102	165	18	8	3.52
Trung bình chung							3.62

Bảng 2.6. Đánh giá của CB, GV, HV về một số biểu hiện hành vi chưa phù hợp với ĐĐNN của HV ở các trường đại học Công an nhân dân (N1=165; N2=350)

Các biểu hiện hành vi chưa phù hợp đạo đức nghề nghiệp	ĐTKS	Kết quả thực hiện					$\bar{X}$
		5	4	3	2	1	
1. Vi phạm quy chế học tập, rèn luyện	GV, CB	0	0	76	61	28	2.29
	HV	0	0	160	130	60	2.28
2. Vi phạm trong luyện tập Điều lệnh CAND	GV, CB	0	30	63	51	21	2.62
	HV	0	71	113	136	30	2.64
3. Vi phạm khi tham gia các hoạt động của nhà trường, lớp học tổ chức	GV, CB	0	25	61	51	28	2.50
	HV	0	60	110	126	54	2.50
4. Vi phạm khi tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện...	GV, CB	0	20	63	51	31	2.43
	HV	0	45	113	136	56	2.42
5. Chào hỏi chưa đúng điều lệnh, văn hóa ứng xử trong CAND	GV, CB	0	33	61	51	20	2.64
	HV	0	67	134	108	41	2.64
6. Vi phạm quy định khi tham gia hoạt động thực hành chính trị – xã hội, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân	GV, CB	0	30	53	61	21	2.55
	HV	0	76	113	111	30	2.56

Các biểu hiện hành vi chưa phù hợp đạo đức nghề nghiệp	ĐTKS	Kết quả thực hiện					$\bar{X}$
		5	4	3	2	1	
7. Tham gia chưa đầy đủ các cuộc họp quán triệt về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng của ngành	GV, CB	0	28	58	54	25	2.53
	HV	0	60	130	112	48	2.57
8. Tham gia chưa đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề do Nhà trường tổ chức	GV, CB	0	30	57	54	24	2.56
	HV	0	62	131	113	44	2.60
9. Sử dụng rượu, bia trong quá trình học tập tại trường	GV, CB	0	0	87	51	27	2.36
	HV	0	0	193	110	47	2.42
10. Ra ngoài trường để giải quyết công việc cá nhân không xin phép chủ nhiệm trung đội	GV, CB	0	30	53	61	21	2.55
	HV	0	76	113	111	30	2.56

Bảng 2.7. Đánh giá của CB, GV, HV về mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Mục tiêu giáo dục ĐĐNN	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1. Hình thành, phát triển các tri thức hiểu biết về chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND												
1.1.	218	220	39	35	3	4.06	208	215	52	32	8	4.04
1.2.	224	215	41	31	4	4.21	221	211	45	33	5	4.18
2. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV												
2.1.	218	217	42	33	5	4.18	219	205	42	44	5	4.07
2.2	214	204	46	44	7	4.17	215	201	47	46	6	4.14
2.3	221	219	31	38	6	4.19	204	202	55	46	8	4.06
2.4	204	190	78	36	7	4.11	202	203	52	48	10	4.11
2.5	213	221	44	32	5	4.19	198	207	65	41	4	4.13
3. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN cho HV												
3.1	214	209	49	40	3	4.15	200	210	57	40	8	4.07
3.2	220	200	65	27	3	4.18	196	191	61	55	11	3.98
3.3	211	221	44	33	6	4.16	199	209	59	41	7	4.07
3.4	210	226	39	35	5	4.17	193	194	60	56	12	3.97
3.5	215	204	49	39	8	4.12	183	206	58	57	11	3.96
Trung bình chung						4.16						4.06

Ghi chú:**1. Hình thành, phát triển các tri thức hiểu biết về chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ CAND**

1.1. Nhận diện được vai trò của các chuẩn mực ĐĐNN

1.2. Hiểu phương pháp, con đường rèn luyện ĐĐNN

2. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV

2.1. Hình thành, phát triển thái độ ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với tổ quốc, với Đảng

2.2. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với nhân dân

2.3. Hình thành, phát triển thái độ, tình cảm, niềm tin ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với công việc

2.4. Hình thành, phát triển thái độ, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với kẻ thù

2.5. Hình thành, phát triển thái độ, niềm tin, tình cảm ĐĐNN cho HV trong mối quan hệ với bản thân

3. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN cho HV

3.1. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với tổ quốc, với Đảng

3.2. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với nhân dân

3.3. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với công việc

3.4. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với kẻ thù

3.5. Hình thành, phát triển các hành vi ĐĐNN trong mối quan hệ với bản thân

Bảng 2.8. Đánh giá của CB, GV, HV về nội dung giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Nội dung giáo dục ĐĐNN	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1. Giáo dục lòng yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân												
1.1.	199	270	15	18	13	4.21	176	276	16	28	19	4.09
1.2.	204	261	14	21	15	4.20	89	376	11	34	5	3.99
1.3.	208	257	14	22	14	4.21	113	336	21	33	12	3.98
2. Giáo dục ý thức tự giác, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN, lối sống												
2.1.	212	237	30	34	2	4.21	154	253	65	25	18	3.97
2.2.	216	250	22	21	6	4.26	103	366	11	19	16	4.01
2.3.	49	298	115	34	19	3.63	47	126	291	32	19	3.29

Nội dung giáo dục ĐĐNN	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
2.4.	200	220	51	29	15	4.09	190	239	43	24	19	4.08
3. Giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an												
3.1.	225	191	71	23	5	4.18	118	298	62	19	18	3.93
3.2.	229	176	84	20	6	4.17	94	357	38	17	9	3.993
3.3.	233	172	82	21	7	4.17	123	280	77	22	13	3.93
4. Giáo dục lòng yêu nghề, giá trị nghề nghiệp												
4.1.	191	241	43	23	17	4.10	107	347	37	17	7	4.03
4.2.	187	265	15	29	19	4.11	194	246	32	24	19	4.11
4.3.	238	121	122	32	2	4.09	80	380	12	24	19	3.93
5. Giáo dục lối sống giản dị phục vụ nhân dân												
5.1.	194	228	55	22	16	4.09	103	366	11	19	16	4.01
5.2.	221	232	30	19	13	4.22	208	258	14	19	16	4.21
5.3.	81	390	12	17	15	3.98	129	211	147	15	13	3.83
6.	206	207	61	24	17	4.09	138	266	71	32	8	3.96
7.	129	336	21	15	14	4.07	51	351	69	32	12	3.77
Trung bình chung						4.12						3.95

Ghi chú:**1. Giáo dục lòng yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân**

1.1. Lòng yêu nước, trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân

1.2. Tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

1.3. Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam

2. Giáo dục ý thức tự giác, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất ĐĐNN, lối sống

2.1. Cần cù, chịu khó của cá nhân trong công việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao

2.2. Kính trọng, lễ phép và có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

2.3. Thanh liêm, chính trực của cá nhân trong đời sống và công việc

2.4. Tự giác thực hiện và trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao

3. Giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an

3.1. Trung thực, kỷ luật, bảo mật trong công việc, nhiệm vụ được giao

3.2. Gương mẫu, chuẩn mực trong thực hiện mọi nhiệm vụ, mối quan hệ

3.3. Gắn bó, tận tụy với công việc, nhiệm vụ được giao

4. Giáo dục lòng yêu nghề, giá trị nghề nghiệp

4.1. Đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm với hành vi của mình trong hoạt động nghề nghiệp

4.2. Kiên quyết, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm

4.3. Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng đội trong công việc và sinh hoạt

5. Giáo dục lối sống giản dị phục vụ nhân dân

5.1. Đức tính khiêm tốn, giản dị, cần kiệm

5.2. Yêu thương, tận tình giúp đỡ, phục vụ nhân dân

5.3. Khách quan, công bằng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân

6. Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ

7. Ý thức phát triển nghề nghiệp: Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ...

Bảng 2.9. Đánh giá của CB, GV, HV về phương pháp giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Phương pháp giáo dục ĐĐNN	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		RHQ	IHQ	TĐHQ	IHQ	KHQ	
9.1.	79	303	86	34	13	3.78	41	374	58	32	10	3.78
9.2.	67	339	71	20	18	3.80	73	272	101	52	17	3.64
9.3.	89	293	82	36	15	3.78	79	305	86	33	12	3.78
9.4.	99	240	174	2	0	3.85	111	243	123	38	0	3.83
9.5.	45	122	312	33	3	3.33	52	108	302	34	19	3.27
9.6.	88	266	122	34	5	3.77	83	251	145	34	2	3.74
9.7.	63	299	120	32	1	3.76	64	299	118	29	5	3.75
9.8.	83	327	65	31	9	3.86	79	343	51	22	20	3.85
9.9.	82	339	49	28	17	3.86	80	334	53	29	19	3.83
9.10.	56	126	288	32	13	3.35	47	119	296	33	20	3.27
9.11.	92	277	107	34	5	3.81	118	189	191	17	0	3.79
9.12.	104	252	129	30	0	3.83	62	293	108	33	19	3.67
9.13.	68	340	60	32	15	3.80	118	189	191	17	0	3.79
9.14.	81	363	32	24	15	3.91	95	316	69	29	6	3.90
Trung bình chung						3.75						3.71

Ghi chú:

9.1. Giải thích, minh họa

9.2. Thuyết trình, giảng giải

- 9.3. *Nêu và giải quyết vấn đề*
- 9.4. *Đàm thoại hoặc tổ chức diễn đàn*
- 9.5. *Dự án giáo dục*
- 9.6. *Phương pháp giao việc*
- 9.7. *Phương pháp tập luyện tại thao trường*
- 9.8. *Phương pháp rèn luyện kỹ năng, hành vi*
- 9.9. *Phương pháp xử lý tính huống*
- 9.10. *Phương pháp nghiên cứu trường hợp*
- 9.11. *Phương pháp thi đua*
- 9.12. *Phương pháp khen thưởng*
- 9.13. *Phương pháp trách phạt*
- 9.14. *Phương pháp nêu gương*

**Bảng 2.10. Đánh giá của CB, GV, HV về con đường giáo dục ĐĐNN cho HV
các trường đại học CAND**

Con đường giáo dục ĐĐNN	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Mức độ hiệu quả					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		RHQ	IHQ	TĐHQ	IHQ	KHQ	
1.	62	147	255	39	12	3.40	57	116	291	32	19	3.31
2. Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học và thực hiện nội quy kí túc xá												
2.1.	85	335	58	33	4	3.90	94	316	68	30	7	3.89
2.2.	79	303	86	34	13	3.78	76	296	96	34	13	3.75
3. Thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể												
3.1.	71	375	31	23	15	3.90	104	305	70	28	8	3.91
3.2.	65	321	88	28	13	3.77	65	311	98	28	13	3.75
3.3.	45	185	250	32	3	3.46	57	125	283	37	13	3.34
3.4.	62	295	109	32	17	3.68	59	288	113	36	19	3.64
3.5.	78	301	95	33	8	3.79	79	303	88	33	12	3.78
3.6.	67	339	71	20	18	3.81	99	293	69	35	19	3.81
3.7.	45	109	325	34	2	3.31	43	111	322	37	2	3.30
4. Giáo dục ĐĐNN thông qua hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp												
4.1.	52	128	282	34	19	3.31	57	116	290	32	20	3.30
4.2.	56	398	17	27	17	3.87	85	327	63	31	9	3.87
4.3.	97	295	71	33	19	3.81	99	293	69	35	19	3.81
4.4.	110	267	95	30	13	3.83	93	242	111	42	27	3.64
5.	41	409	13	34	18	3.81	43	373	57	31	11	3.78
6.	52	108	302	34	19	3.27	59	104	298	32	22	3.28
Trung bình chung						3.66						3.63

Ghi chú:

1. Thông qua việc dạy học các môn học

2. Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học và thực hiện nội quy kí túc xá

2.1. Thông qua hoạt động huấn luyện đầu khóa học

2.2. Thông qua thực hiện nội quy, kỷ luật kí túc xá

3. Thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể

3.1. Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

3.2. Thông qua học tập chính trị đầu năm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Ngành

3.3. Sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt Đảng

3.4. Qua các hoạt động từ thiện nhân đạo

3.5. Thông qua báo cáo, nói chuyện chuyên đề về đạo đức, lối sống

3.6. Thông qua tọa đàm, hội thảo khoa học

3.7. Tổ chức hội thi nghiệp vụ CAND

4. Giáo dục ĐĐNN thông qua hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp

4.1. Qua thực tế chuyên môn tại cơ sở, thực tập và nghiên cứu thực tế tại các đơn vị cơ sở

4.2. Qua tham quan thực tế chuyên môn thuộc môn học

4.3. Qua hoạt động thực hành chính trị - xã hội

4.4. Thông qua thực hành, luyện tập, rèn luyện tại thao trường

5. Thông qua sự giáo dục của gia đình và xã hội

6. Thông qua hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HV

Bảng 2.11. Đánh giá của CB, GV, HV về lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

TT	Các lực lượng giáo dục ĐĐNN	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ											
		Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
		5	4	3	2	1		5	4	3	2	1	
1.	Bộ Công an	94	348	27	33	13	3.92	54	369	43	33	16	3.80
2.	Nhà trường												
2.1	Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc nhà trường	113	343	12	31	16	3.98	41	397	33	33	11	3.82
2.2	Lãnh đạo các Khoa, Phòng	106	339	45	17	8	4.01	64	313	104	28	6	3.78
2.3	Giáo viên chủ nhiệm	126	326	42	17	4	4.07	85	339	48	25	18	3.87
2.4	GV giảng dạy	121	332	43	13	6	4.06	112	351	12	22	18	4.00
2.5	Phòng Quản lý học viên	169	278	34	18	16	4.10	138	321	25	17	14	4.07
2.6	Đoàn thanh niên	140	313	23	30	9	4.05	127	306	38	29	15	3.97
2.7	Hội sinh viên	146	289	53	17	10	4.05	89	373	14	24	15	3.96
2.8	Tập thể lớp	41	374	54	33	13	3.77	74	276	152	13	0	3.80
2.9	Ban chỉ huy lớp học	135	294	55	19	12	4.01	104	346	27	24	14	3.97
2.10	Phòng Quản lý đào tạo	55	378	30	34	18	3.81	82	244	181	8	0	3.77
2.11	Phòng Chính trị	100	309	60	32	14	3.87	78	301	120	14	2	3.85
2.12	Các đơn vị chức năng khác trong Nhà trường	45	138	291	34	7	3.35	59	123	282	34	17	3.34
3.	Gia đình và các tổ chức xã hội	78	301	102	25	9	3.80	97	236	152	30	0	3.77
4.	Công an các đơn vị, địa phương nơi HV đến học tập, thực tập, công tác...	42	108	323	34	8	3.27	49	115	298	34	19	3.27
Trung bình chung							3.88						3.80

Bảng 2.12. Đánh giá của CB, GV, HV về kết quả giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá											
	Mức độ thực hiện					ĐTB	Kết quả thực hiện					ĐTB
	RTX	TX	KTX	KTH	HT KTH		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1	Nội dung đánh giá											
1.1	173	206	115	12	9	4.01	75	290	113	23	14	3.75
1.2	117	315	38	31	14	3.95	74	298	115	24	4	3.80
1.3	195	250	26	31	13	4.13	118	327	53	15	2	4.05
1.4	115	317	39	32	12	3.95	95	309	68	25	18	3.85
1.5	95	329	48	25	18	3.89	53	335	108	19	0	3.82
1.6	113	334	26	30	12	3.98	73	365	40	34	3	3.91
1.7	72	300	115	24	4	3.80	71	279	117	21	12	3.75
2	Phương pháp đánh giá											
2.1	118	322	41	20	14	3.99	66	328	90	31	0	3.83
2.2	80	391	14	29	1	4.00	78	295	117	25	0	3.82
2.3	64	310	116	25	0	3.80	48	134	284	33	16	3.32
2.4	89	362	29	32	3	3.97	111	269	86	32	17	3.82
2.5	108	349	46	11	1	4.07	83	351	28	34	19	3.86
3	Lực lượng tham gia đánh giá											
3.1	69	356	51	32	7	3.87	93	282	104	33	3	3.83
3.2	194	254	17	31	19	4.11	118	347	27	16	7	4.07
3.3	42	120	315	32	6	3.31	42	114	318	33	8	3.29
3.4	49	267	168	31	0	3.65	49	127	290	33	16	3.31
3.5	73	406	15	12	9	4.01	123	239	107	33	13	3.82
3.6	127	306	38	30	14	3.97	99	305	66	28	17	3.85
Trung bình chung						3.81						3.68

Ghi chú:

1. Nội dung đánh giá

1.1. Lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân

1.2. Ý thức tự giác, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của HV

1.3. Ý thức tổ chức kỷ luật ngành Công an của HV

1.4. Lòng yêu nghề và giá trị nghề nghiệp của HV

1.5. *Lối sống và ý thức phục vụ nhân dân của HV*

1.6. *Ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ*

1.7. *Ý thức phát triển nghề nghiệp*

2. Phương pháp đánh giá

2.1. *Đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm*

2.2. *Đánh giá thông qua viết bài tự luận*

2.3. *Đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn, thực hành chính trị - xã hội, thực tập*

2.4. *Đánh giá sản phẩm hoạt động*

2.5. *Đánh giá qua hồ sơ HV*

3. Lực lượng tham gia đánh giá

3.1. *Cán bộ, lãnh đạo nhà trường*

3.2. *GV, Giáo viên chủ nhiệm*

3.3. *Cán bộ phục vụ của các phòng ban*

3.4. *Cán bộ cơ sở Công an nơi công tác*

3.5. *Tự đánh giá của HV*

3.6. *Đánh giá đồng đẳng giữa các HV*

Bảng 2.13. Đánh giá của CB, GV về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho HV các trường đại học CAND

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng					ĐTB
	5	4	3	2	1	
1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về đào tạo lực lượng CAND	86	42	37	0	0	4.29
2. Năng lực giáo dục của GV và cán bộ quản lý nhà trường	73	77	15	0	0	4.35
3. Động cơ và ý thức, năng lực tự giáo dục của HV	89	63	8	0	0	4.37
4. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trong CAND	83	57	20	0	0	4.26
5. Môi trường giáo dục của các trường đại học CAND	79	63	18	0	0	4.25
6. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường	63	59	24	19	0	4.01
7. Sự phối hợp giữa trường đại học CAND với cơ quan Công an các đơn vị, địa phương	67	52	33	13	0	4.05
8. Điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội	65	47	35	18	0	3.96
Trung bình chung						4.19

PHỤ LỤC 3

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

Tình huống 1

Khoảng 7h30' ngày thứ hai, đồng chí Nguyễn Văn Dũng, cán bộ phòng PX01 Công an tỉnh H được tin báo mất. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng chạy vội lên phòng làm việc chung của đơn vị không thấy ai, đồng chí Nguyễn Văn Dũng quay sang phòng đồng chí Trưởng phòng. Không như mọi lần gõ cửa xin phép mà đồng chí Nguyễn Văn Dũng đã đẩy cửa vào ngay. Chưa kịp nói gì, đồng chí Dũng đã nghe đồng chí Trưởng phòng nói to: “Đồng chí chưa hiểu điều lệnh nội vụ sao? Hay đồng chí không có ý thức làm những việc như thế? Gõ cửa, xin phép là phép lịch sự tối thiểu mà một chiến sỹ như cậu cũng không làm được! Đồng chí ra ngoài có việc gì nói sau, hôm nay tôi không giải quyết bất cứ việc gì với đồng chí...”.

Đồng chí Nguyễn Văn Dũng quay về phòng làm việc tập thể, đúng lúc đó trực ban đơn vị cũng có mặt. Dũng báo cáo rồi về giải quyết việc gia đình.

Nếu là đồng chí Nguyễn Văn Dũng trong trường hợp trên, đồng chí sẽ ứng xử như thế nào?

Tình huống 2

Đồng chí Trần Thành là điều tra viên phòng An ninh điều tra Công an Tỉnh X, được lãnh đạo giao nhiệm vụ hỏi cung can Nguyễn Thu Hiền. Hiền là một cô gái trẻ, xinh, trông rất nữ tính và ăn nói khéo léo. Khi bước vào phòng hỏi cung, cô gái đã đưa mắt nhìn Trần Thành dễ thương và có vẻ ân hận về việc mình đã làm. Sau một vài câu trả lời ban đầu theo đúng trình tự, thủ tục... Hiền bắt đầu hướng những câu trả lời của mình vào vấn đề quan hệ tế nhị và có cả những hành động khêu gợi...

Trong tình huống này đồng chí Trần Thành cần làm gì để hoàn thành tốt nhiệm vụ?

Tình huống 3

Tại một ngã tư, có một người đàn ông lưng tuổi vượt đèn đỏ và bị cảnh sát giao thông còn trẻ, ra hiệu lệnh dừng xe. Người cảnh sát giao thông tỏ thái độ cáu gắt và quát to “Già rồi mà còn đi bố láo”.

Người cảnh sát giao thông lập tức gặp phản ứng gay gắt không chỉ của người dân đi đường mà còn của chính người vi phạm. Trong tình huống trên, khi làm nhiệm vụ cùng đồng chí đồng đội, chúng ta cần có cách giải quyết như thế nào?

Tình huống 4

Tại một ngã tư có cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, có một xe máy chở 3 người lại vượt đèn đỏ mà một trong 2 người ngồi sau lại là một cụ già mang bệnh nặng đang trên đường đi cấp cứu thì người cảnh sát giao thông phải giải quyết như thế nào?

Tình huống 5

Ngày 20 tháng 8, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xảy ra một vụ cướp giết. Đối tượng sau khi gây án đã bị người dân truy đuổi, do tắc đường nên bỏ xe máy và chạy vào một nhà dân. Tại đây, đối tượng đã dùng dao nhọn khống chế một phụ nữ cùng đưa con nhỏ và cố thủ trong nhà.

Là một cán bộ Công an có mặt tại hiện trường lúc bấy giờ, nhưng đang mặc thường phục, đồng chí sẽ xử lý như thế nào?

Tình huống 6

Trong một buổi tiếp dân tại Công an Phường X, Công an Quận T, Thiếu úy Minh phải giải quyết rất nhiều việc. Người dân đến xin giải quyết vẫn còn rất đông, đang ngồi xếp hàng đợi vào. Đến lượt anh Hùng khi được mời vào giải quyết việc liên quan đến xác nhận lý lịch để đi xuất khẩu lao động, trong lý lịch có nội dung yêu cầu kê khai về bố và mẹ đẻ nhưng không thấy Hùng kê khai. Khi đó, Minh yêu cầu Hùng kê khai vào phần thông tin của bố, mẹ anh Hùng, nhưng vẫn không thấy anh Hùng kê khai, Minh lại yêu cầu lần nữa. Anh Hùng vẫn đứng đó và im lặng, Minh nói to: “Tôi yêu cầu anh kê khai phần nội dung của bố, mẹ anh để tôi giải quyết, sao anh không làm? Không nghe rõ à? Hay anh không có bố, mẹ”. Nghe vậy anh Hùng bỏ ra về không cần giải quyết việc nữa. Sau buổi hôm đó, Minh mới được hay, anh Hùng là đứa trẻ mồ côi cha mẹ từ nhỏ, phải sống và lớn lên trong trại trẻ mồ côi, trưởng thành và lập nghiệp.

Đồng chí hãy đánh giá về cách ứng xử của Thiếu úy Minh trong trường hợp trên?

Tình huống 7

Công an huyện Bát Xát, Lào Cai nhận được nguồn tin do ông Tẩn Láo Lùng cung cấp với nội dung như sau: Xã Bản Xèo đang lan truyền tin người Mông sắp có vua một bộ phận quần chúng đã bỏ sản xuất, chuẩn bị rước đón vua. Nhận được nguồn tin trên, Công an huyện đã cử trình sát đến địa bàn xác minh, kết quả như sau: Hiện nay, Bản Xèo đang lan truyền những luận điệu người Mông sắp có vua, vua ra người Mông sẽ sung sướng... đang gây xôn xao trong quần chúng. Một số người Mông đang tụ tập ở nhà Vàng A Long, tổ chức cúng bái. Đi sâu tìm hiểu

nhân thân đối tượng được biết: Vàng A Long là thầy cúng có uy tín ở xã Bản Xèo, là người thân trong dòng họ của nguyên chủ tịch xã, tham ô công quỹ bị kỷ luật khai trừ Đảng. Bản Xèo, là xã biên giới, có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, như: Mông, Dao, Thái,.. cùng cư trú, ở đây còn tồn tại nhiều phong tục mê tín, lạc hậu.

Trong trường hợp trên đồng chí cần làm gì để tác động, răn đe đối với Vàng A Long?

Tình huống 8

Ngày 10/5, bà Hoàng Xuân Thu đã tới Công an thành phố Y tố giác một người đàn ông là hàng xóm của nhà bà, tên là Đặng Đình Anh. Đối tượng này đã lôi kéo con trai bà cùng nhau chế tạo và đánh bom khu vực tượng đài Bác Hồ tại thành phố Y, nếu thành công con trai bà sẽ được Anh cho 100 triệu đồng, nhưng anh chưa đồng ý.

Cơ quan an ninh công an thành phố Y đã khẩn trương tiến hành công xác minh. Kết quả xác minh, đối tượng đó tên là Đặng Đình Anh, nguyên là cán bộ tài chính của UBND thành phố Y. Vì làm thất thoát tài sản lớn nên đã bị đi tù. Trong thời gian Đặng Đình Anh đi tù, vợ Đặng Đình Anh đã bỏ đi để lại 2 đứa con cho bố mẹ Anh nuôi, đồng thời nhà Anh lại nằm trong diện giải tỏa để làm trục đường chính của thành phố, nhưng cũng đã được đền bù thỏa đáng. Tuy nhiên sau khi ra tù, Đặng Đình Anh lại trở thành đối tượng tiêu cực, bất mãn, thường tâm sự với con trai bà Thu rằng vì cái chế độ này mà Đặng Đình Anh mất tất cả, mất việc, mất vợ, mất nhà. Nguồn tin của trinh sát ngoại tuyến cho biết, đối tượng này đang tìm mua rất nhiều dây cháy chậm, nhiều loại bột, kim loại nghi là dùng để chế tạo chất nổ. Được biết còn một tháng nữa, thành phố Y sẽ diễn ra cuộc bầu cử Hội Đồng nhân dân cấp thành phố.

Tuy nhiên, trong quá trình xác minh điều tra, Đặng Đình Anh đã gặp gỡ cán bộ Công an, xin nếu được giữ bí mật thông tin, sẽ trả cho cán bộ Công an số tiền là 300 triệu đồng. Trong tình huống trên, người cán bộ Công an cần phải làm gì?

Tình huống 9

Theo kế hoạch, ngày 03/02 tới, Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ về thăm và làm việc tại xã A, huyện C, tỉnh D. Đây là địa bàn có một số đối tượng phản động, trong đó cầm đầu là đối tượng Hòa. Hiện nay, Cơ quan An ninh đã có một số chứng cứ về những hoạt động vi phạm pháp luật của Hòa, nhưng chưa đủ để đưa ra đấu tranh, xử lý. Nhiều khả năng trong thời gian Tổng bí thư thăm và làm việc tại xã các đối tượng phản động này sẽ tuyên truyền, rải tờ rơi, gửi tâm thư, thậm chí tổ chức các hoạt động chống đối, gây mất ANTT trên địa bàn. Để đảm bảo ANTT trên địa bàn trong thời gian Tổng bí thư thăm và làm việc tại xã, Công an

huyện C lập kế hoạch tổ chức cảm hóa, giáo dục đối tượng Hòa, không để đối tượng lợi dụng tình hình để tiến hành các hoạt động gây mất ANTT.

Là Trinh sát được phân công nhiệm vụ trực tiếp tiến hành hoạt động cảm hóa, giáo dục đối tượng Hòa. Đồng chí cần làm gì?

Tình huống 10

Lạng Sơn là tỉnh biên giới phía Bắc có cửa khẩu Quốc gia và nhiều đường mòn sang Trung Quốc. Từ nhiều năm nay, lợi dụng việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, một số dân ở Trung Quốc thường xuyên sang xâm canh, xâm cư, chăn thả trâu bò, khai thác lâm thổ sản... trên lãnh thổ Việt Nam, tại một số xã của các huyện biên giới. Bên cạnh đó, một số đối tượng trên địa bàn móc nối với đối tượng buôn lậu ở Trung Quốc để buôn bán ma túy, vũ khí, phụ nữ, trẻ em, dẫn đường cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép...

Là cán bộ phụ trách địa bàn, các đối tượng buôn lậu đến gặp và đánh tiếng xin được tạo điều kiện làm ăn sẽ chia phần trăm thỏa đáng. Là cán bộ Công an trong trường hợp này sẽ xử lý như thế nào?

PHỤ LỤC 4

Phụ lục 4.1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho GV)

Đồng chí thân mến!

Để giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay đạt hiệu quả nhất, đề nghị các đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số vấn đề dưới đây bằng cách lựa chọn phù hợp với suy nghĩ của bản thân. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin mà đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được bảo mật. Rất mong nhận được sự giúp đỡ từ các đồng chí

Câu 1: Đồng chí cho biết ý kiến của mình (đánh dấu X vào ô tương ứng) về mức độ cần thiết của sự tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên thông qua hoạt động dạy học ở các trường đại học Công an nhân dân?

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Tương đối cần thiết ☐
- Ít cần thiết ☐
- Không cần thiết ☐

Câu 2: Dưới đây là biểu hiện mức độ phát triển ĐĐNN của học viên chuyên ngành Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội. Đồng chí hãy cho biết đánh giá của mình về mức độ phát triển ĐĐNN đó của học viên bằng cách đánh dấu X vào mức độ mà đồng chí cho là phù hợp nhất.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1.	Nhận thức					
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.					
1.2	Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.					

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1.3	Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.					
1.4	Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.					
1.5	Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.					
1.6	Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.					
2.	Thái độ					
2.1	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.					
2.2	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND					
2.3	Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.					
2.4	Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.					
2.5	Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những					

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
	biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.					
2.6	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.					
3.	Hành vi					
3.1	Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.					
3.2	Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...					
3.3	Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.					
3.4	Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.					
3.5	Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.					
3.6	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.					

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình, trách nhiệm của Đồng chí!

Phụ lục 4.2

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN*(Dành cho học viên lớp TN và lớp ĐC)*

Gửi các đồng chí!

Để giáo dục ĐĐNN cho học viên ở các trường đại học CAND trong bối cảnh hiện nay đạt hiệu quả nhất, đề nghị các đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về một số nội dung dưới đây bằng cách lựa chọn phù hợp với suy nghĩ, nguyện vọng của bản thân. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin mà đồng chí cung cấp chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được bảo mật.

Xin đồng chí đánh giá những nội dung dưới đây theo các mức độ bằng cách đánh dấu X vào cột tương ứng dưới đây:

Câu 1: Các đồng chí cho biết ý kiến của mình (đánh dấu X vào ô tương ứng) về mức độ cần thiết của sự tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho học viên trong bài dạy môn học Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm?

- Rất cần thiết ☐
- Cần thiết ☐
- Tương đối cần thiết ☐
- Ít cần thiết ☐
- Không cần thiết ☐

Câu 2: Dưới đây là biểu hiện mức độ phát triển ĐĐNN của học viên chuyên ngành Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội. Đồng chí hãy cho biết đánh giá của mình về mức độ phát triển ĐĐNN bằng cách đánh dấu X vào mức độ mà đồng chí cho là phù hợp nhất.

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1.	Nhận thức					
1.1	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.					
1.2	Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.					
1.3	Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo					

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
	vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.					
1.4	Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.					
1.5	Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.					
1.6	Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.					
2.	Thái độ					
2.1	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.					
2.2	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND					
2.3	Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.					
2.4	Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.					
2.5	Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.					
2.6	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô					

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ				
		Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
	giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.					
3.	Hành vi					
3.1	Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.					
3.2	Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...					
3.3	Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.					
3.4	Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.					
3.5	Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.					
3.6	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.					

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình của đồng chí!

**KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG
PHÁT TRIỂN ĐDDN THÔNG QUA
DẠY HỌC TÍCH HỢP**

Bảng 3.9. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của nhóm TN và ĐC trước TN

Nội dung đánh giá		Kết quả đo trước khi thực nghiệm											
		Lớp đối chứng						Lớp thực nghiệm					
		1	2	3	4	5	ĐTB	1	2	3	4	5	ĐTB
Nhận thức	1	16	19	13	0	0	4.06	17	18	13	0	0	4.08
	2	17	18	13	0	0	4.08	19	17	12	0	0	4.14
	3	17	21	10	0	0	4.14	20	14	14	0	0	4.12
	4	18	22	8	0	0	4.21	16	22	10	0	0	4.12
	5	16	21	11	0	0	4.10	15	21	13	0	0	4.04
	6	15	24	9	0	0	4.12	14	24	10	0	0	4.08
ĐTB chung nhận thức							4.12						4.10
Thái độ	7	18	18	12	0	0	4.12	18	17	13	0	0	4.10
	8	16	23	9	0	0	4.14	19	17	12	0	0	4.14
	9	20	20	8	0	0	4.25	19	19	10	0	0	4.19
	10	19	19	10	0	0	4.19	18	18	12	0	0	4.12
	11	20	15	13	0	0	4.14	19	18	11	0	0	4.16
	12	21	16	11	0	0	4.21	20	17	11	0	0	4.19
ĐTB chung thái độ							4.17						4.15
Hành vi	13	15	19	14	0	0	4.02	14	23	11	0	0	4.06
	14	14	20	14	0	0	4.00	13	22	13	0	0	4.00
	15	16	19	13	0	0	4.06	15	19	14	0	0	4.02
	16	18	17	13	0	0	4.10	18	17	13	0	0	4.10
	17	17	17	14	0	0	4.06	16	18	14	0	0	4.04
	18	16	18	14	0	0	4.04	16	17	15	0	0	4.02
ĐTB hành vi							4.04						4.04
Điểm trung bình chung							4.11						4.10

Ghi chú:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.

2. *Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gần bó, hăng say, tận tụy với công việc.*
3. *Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân*
4. *Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.*
5. *Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.*
6. *Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.*
7. *Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân.*
8. *Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND*
9. *Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.*
10. *Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.*
11. *Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.*
12. *Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.*
13. *Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.*
14. *Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...*
15. *Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.*
16. *Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.*
17. *Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.*
18. *Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.*

Bảng 3.10. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 1

Nội dung đánh giá		Kết quả đo trước khi thực nghiệm											
		Lớp đối chứng						Lớp thực nghiệm					
		1	2	3	4	5	ĐTB	1	2	3	4	5	ĐTB
Nhận thức	1	16	19	13	0	0	4.06	17	18	13	0	0	4.08
	2	17	18	13	0	0	4.08	19	17	12	0	0	4.14
	3	17	21	10	0	0	4.14	20	16	12	0	0	4.17
	4	18	22	8	0	0	4.20	16	22	10	0	0	4.12
	5	16	21	11	0	0	4.10	15	23	11	0	0	4.08
	6	15	24	9	0	0	4.12	15	25	8	0	0	4.14
ĐTB chung nhận thức							4.12						4.12
Thái độ	7	20	18	10	0	0	4.21	21	19	8	0	0	4.27
	8	19	22	7	0	0	4.25	22	19	7	0	0	4.31
	9	21	21	6	0	0	4.31	20	21	7	0	0	4.27
	10	21	19	8	0	0	4.27	19	23	6	0	0	4.27
	11	20	18	10	0	0	4.21	21	19	7	0	0	4.30
	12	23	17	8	0	0	4.31	21	20	7	0	0	4.29
ĐTB chung thái độ							4.26						4.27
Hành vi	13	16	20	12	0	0	4.08	18	23	7	0	0	4.23
	14	18	20	10	0	0	4.16	16	23	9	0	0	4.14
	15	19	19	10	0	0	4.19	17	22	9	0	0	4.16
	16	21	18	9	0	0	4.25	19	20	9	0	0	4.21
	17	20	19	9	0	0	4.23	17	23	8	0	0	4.19
	18	17	19	12	0	0	4.10	17	21	10	0	0	4.14
ĐTB hành vi							4.17						4.18
Điểm trung bình chung							3.18						4.19

Bảng 3.11. Kết quả đo nhận thức, thái độ, hành vi của học viên sau TN lần 2

Nội dung đánh giá		Kết quả đo trước khi thực nghiệm											
		Lớp đối chứng						Lớp thực nghiệm					
		1	2	3	4	5	ĐTB	1	2	3	4	5	ĐTB
Nhận thức	1	17	21	14	0	0	4.14	22	19	7	0	0	4.31
	2	18	20	10	0	0	4.17	23	19	6	0	0	4.35
	3	18	21	9	0	0	4.19	20	21	7	0	0	4.27
	4	19	20	9	0	0	4.21	22	23	3	0	0	4.39
	5	18	22	8	0	0	4.21	21	20	7	0	0	4.29
	6	19	23	6	0	0	4.27	22	22	4	0	0	4.37
ĐTB chung nhận thức							4.20						4.33
Thái độ	7	20	19	9	0	0	4.23	26	18	4	0	0	4.46
	8	20	21	7	0	0	4.27	25	18	5	0	0	4.42
	9	22	21	5	0	0	4.35	26	19	3	0	0	4.48
	10	21	21	6	0	0	4.31	25	21	2	0	0	4.48
	11	20	19	9	0	0	4.23	26	18	4	0	0	4.46
	12	23	18	7	0	0	4.33	25	19	4	0	0	4.44
ĐTB chung thái độ							4.28						4.45
Hành vi	13	17	21	10	0	0	4.14	25	22	1	0	0	4.5
	14	18	20	10	0	0	4.17	26	17	6	0	0	4.41
	15	20	19	9	0	0	4.23	27	18	3	0	0	4.5
	16	22	18	8	0	0	4.29	26	20	2	0	0	4.5
	17	21	20	7	0	0	4.29	25	21	2	0	0	4.48
	18	18	19	11	0	0	4.14	26	19	3	0	0	4.48
ĐTB hành vi							4.21						4.48
Điểm trung bình chung							4.23						4.42

	Nội dung đánh giá		ĐC trước	TN trước	ĐC sau 1	TN sau 1	ĐC sau 2	TN sau 2
1	Nhận thức	Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với Nhà nước và Nhân dân; sẵn sàng phụng sự Tổ quốc.	4.06	4.08	4.06	4.08	4.14	4.31
2		Tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam; yêu ngành, yêu nghề; gắn bó, hăng say, tận tụy với công việc.	4.08	4.14	4.08	4.14	4.17	4.35
3		Sẵn sàng công hiến, hi sinh, đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích của Nhân dân; kính trọng, lễ phép, sẵn sàng phục vụ Nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của Nhân dân.	4.14	4.12	4.14	4.17	4.19	4.27
4		Kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, mưu trí, dũng cảm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.	4.21	4.12	4.20	4.12	4.21	4.39
5		Trung thực, kỷ luật, nghiêm minh, khách quan, thanh liêm, chính trực trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.	4.10	4.04	4.10	4.08	4.21	4.29
6		Đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống.	4.12	4.08	4.12	4.14	4.27	4.37
			4.12	4.10	4.12	4.12	4.20	4.33
7	Thái độ	Tràn đầy năng lượng trong học tập, rèn luyện. Luôn luôn tự hào, mong muốn trở thành chiến sĩ CAND để được cống hiến cho Đảng, Nhà nước và	4.12	4.10	4.21	4.27	4.23	4.46

	Nội dung đánh giá	ĐC trước	TN trước	ĐC sau 1	TN sau 1	ĐC sau 2	TN sau 2
	Nhân dân.						
8	Cảm thấy hạnh phúc khi được học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm việc trong ngành Công an; say sưa học tập, rèn luyện để sớm trở thành cán bộ, chiến sĩ CAND	4.14	4.14	4.25	4.31	4.27	4.42
9	Luôn cảm thấy thích thú với những trải nghiệm trong học tập, rèn luyện trong môi trường CAND.	4.25	4.19	4.31	4.27	4.35	4.48
10	Luôn cố gắng, nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng của người chiến sĩ CAND.	4.19	4.12	4.27	4.27	4.31	4.48
11	Cảm thấy việc học tập, rèn luyện lối sống, phong cách cách người cán bộ CAND rất ý nghĩa. Cảm thấy khó chịu trước những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về đạo đức của người cán bộ CAND.	4.14	4.16	4.21	4.30	4.23	4.46
12	Sáu điều Bác Hồ dạy là tài sản tinh thần vô giá, là kim chỉ nam cho mọi hành động của cán bộ chiến sĩ và toàn lực lượng CAND.	4.21	4.19	4.31	4.29	4.33	4.44
		4.17	4.15	4.26	4.28	4.28	4.45
13	Hành vi Chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định về học tập, rèn luyện trong môi trường kỷ luật CAND.	4.02	4.06	4.08	4.23	4.14	4.5

	Nội dung đánh giá	ĐC trước	TN trước	ĐC sau 1	TN sau 1	ĐC sau 2	TN sau 2
14	Tham gia tích cực các đợt sinh hoạt chính trị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề...	4.00	4.00	4.16	4.14	4.17	4.41
15	Tích cực hưởng ứng và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Nhà trường tổ chức.	4.06	4.02	4.19	4.16	4.23	4.5
16	Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt.	4.10	4.10	4.25	4.21	4.29	4.5
17	Tích cực học tập, phấn đấu, rèn luyện theo tiêu chuẩn đạo đức người Công an cách mạng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những tấm gương tiêu biểu của cán bộ, chiến sĩ CAND.	4.06	4.04	4.23	4.19	4.29	4.48
18	Đấu tranh, phản đối với những biểu hiện lệch chuẩn, tiêu cực, suy thoái về đạo đức trong CAND trong môi trường Nhà trường và xã hội.	4.04	4.02	4.10	4.14	4.14	4.48
		4.04	4.04	4.17	4.18	4.21	4.48
Điểm trung bình		4.11	4.10	4.18	4.19	4.23	4.42

PHỤ LỤC 5**KẾT QUẢ HỌC TẬP****Môn: Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm****Lớp: Lớp B3B - D47 (Lớp thực nghiệm)**

STT	Họ và tên		Điểm KT thường xuyên (trước TN)	Điểm KT thường xuyên (TN lần 1)	Điểm KT định kỳ (TN lần 2)	Ghi chú
1	Lê Việt	Anh	4,0	4,0	5,0	
2	Phạm Huy	Cảnh	6,0	6,0	7,0	
3	Lê Văn	Cao	8,0	8,0	8,0	
4	Đào Hải	Đăng	6,0	6,0	7,0	
5	Hà Hải	Đăng	4,0	4,0	5,0	
6	Nguyễn Đình Trung	Đức	6,0	6,0	6,0	
7	Lê Văn	Giang	8,0	8,0	8,0	
8	Nguyễn Hoàng	Hà	4,0	4,0	5,0	
9	Trần Huy	Hải	7,0	8,0	8,0	
10	Nguyễn Văn	Hiếu	6,0	6,0	6,0	
11	Phạm Trung	Hiếu	8,0	8,0	8,0	
12	Nguyễn Việt	Hoàng	5,0	5,0	5,0	
13	Trần Việt	Hoàng	5,0	5,0	5,0	
14	Lê Thị	Huệ	6,0	6,0	6,0	
15	Bùi Ngọc	Huy	5,0	5,0	5,0	
16	Nguyễn Quang	Huy	8,0	8,0	8,0	
17	Nguyễn Trần	Huy	7,0	7,0	7,0	
18	Lê Minh	Hùng	4,0	4,0	5,0	
19	Nguyễn Tuấn	Khanh	6,0	6,0	6,0	
20	Lô Tuấn	Kiệt	6,0	6,0	6,0	
21	Đỗ Tùng	Lâm	4,0	4,0	5,0	
22	Ngô Thùy	Linh	8,0	8,0	9,0	
23	Hoàng Đức	Mạnh	8,0	8,0	9,0	
24	Lê Hồng	Minh	6,0	7,0	7,0	
25	Tạ Văn	Minh	5,0	7,0	7,0	
26	Trần Bá	Minh	6,0	7,0	8,0	

STT	Họ và tên		Điểm KT thường xuyên (trước TN)	Điểm KT thường xuyên (TN lần 1)	Điểm KT định kỳ (TN lần 2)	Ghi chú
27	Phạm Như	Nghĩa	6,0	6,0	7,0	
28	Lương Thanh	Ngọc	5,0	6,0	6,0	
29	Đào Trọng	Phú	6,0	7,0	7,0	
30	Trần Minh	Quang	4,0	5,0	6,0	
31	Trần Việt	Quang	5,0	7,0	8,0	
32	Nguyễn Minh	Quân	6,0	7,0	8,0	
33	Bùi Thái	Sơn	4,0	6,0	6,0	
34	Đặng Thái	Sơn	8,0	9,0	9,0	
35	Lò Văn	Sơn	6,0	8,0	8,0	
36	Nông Thanh	Sơn	4,0	5,0	6,0	
37	Vừ A	Thào	6,0	7,0	8,0	
38	Phạm Thị	Thuý	5,0	7,0	8,0	
39	Thái Văn	Tuấn	6,0	7,0	8,0	
40	Nguyễn Cảnh	Tùng	4,0	5,0	6,0	
41	Đặng Đình	Trường	5,0	7,0	7,0	
42	Phan Tiến	Trường	6,0	6,0	7,0	
43	Nguyễn Hữu	Việt	6,0	6,0	7,0	
44	Trương Đình Quang	Vũ	5,0	5,0	6,0	
45	Hoàng Thảo	Vy	6,0	7,0	8,0	
46	Lê Anh	Xuân	4,0	6,0	6,0	
47	Nguyễn Thị Bình	Yên	8,0	8,0	9,0	
48	Nguyễn Hải	Yến	6,0	6,0	7,0	

Giáo viên giảng dạy

Nguyễn Thị Nhung

KẾT QUẢ HỌC TẬP**Môn: Tâm lý học tội phạm và hoạt động điều tra tội phạm****Lớp: Lớp B3A - D47 (Lớp đối chứng)**

STT	Họ và tên		Điểm KT thường xuyên (trước TN)	Điểm KT thường xuyên (TN lần 1)	Điểm KT định kỳ (TN lần 2)	Ghi chú
1	Vũ Đức	An	7,0	7,0	6,0	
2	Hồ Việt	Anh	8,0	8,0	6,0	
3	Lê Đức	Anh	4,0	6,0	8,0	
4	Lê Quốc	Anh	6,0	6,0	6,0	
5	Nguyễn Việt	Anh	7,0	7,0	7,0	
6	Võ Trọng Hoàng	Anh	6,0	6,0	7,0	
7	Cao Tấn	Dũng	7,0	7,0	8,0	
8	Chu Đức	Dũng	7,0	7,0	6,0	
9	Hoàng Minh	Dũng	6,0	6,0	7,0	
10	Hồ Mai	Dũng	4,0	4,0	6,0	
11	Chu Tuấn	Đạt	4,0	4,0	4,0	
12	Nguyễn Bá	Đạt	6,0	6,0	6,0	
13	Nguyễn Hồng	Giang	5,0	5,0	6,0	
14	Lê Song	Hào	5,0	5,0	6,0	
15	Nguyễn Kim	Hải	6,0	6,0	6,0	
16	Nguyễn Xuân	Hiếu	6,0	6,0	6,0	
17	Đinh Việt	Hoàng	7,0	7,0	7,0	
18	Nguyễn Hữu	Hoàng	6,0	6,0	6,0	
19	Hồ Sỹ	Huy	4,0	4,0	4,0	
20	Nguyễn Việt	Hùng	5,0	5,0	5,0	
21	Nguyễn Xuân	Hưng	6,0	6,0	6,0	
22	Nguyễn Khánh	Hưng	6,0	6,0	6,0	
23	Nguyễn Minh	Khánh	6,0	6,0	4,0	
24	Nguyễn Trung	Kiên	6,0	6,0	6,0	
25	Phan Hồng	Kiên	8,0	8,0	8,0	
26	Lường Đức	Long	4,0	4,0	4,0	
27	Bùi Thị	Lương	6,0	6,0	9,0	

STT	Họ và tên		Điểm KT thường xuyên (trước TN)	Điểm KT thường xuyên (TN lần 1)	Điểm KT định kỳ (TN lần 2)	Ghi chú
28	Hoàng Thị Ngọc	Minh	4,0	4,0	4,0	
29	Nguyễn Trà	My	8,0	8,0	8,0	
30	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	5,0	5,0	5,0	
31	Hoàng Đăng	Quang	5,0	5,0	6,0	
32	Nguyễn Sỹ	Quyền	6,0	6,0	4,0	
33	Đào Thanh	Son	4,0	4,0	4,0	
34	Hoàng Luân Bảo	Son	8,0	8,0	8,0	
35	Vũ Hoàng	Son	4,0	4,0	4,0	
36	Đinh Minh	Thành	5,0	5,0	5,0	
37	Hoàng Lê	Thành	6,0	6,0	5,0	
38	Chu Ngọc	Thắng	5,0	5,0	6,0	
39	Đỗ Ngọc	Tuyên	4,0	4,0	5,0	
40	Mạc Văn	Tuyên	4,0	4,0	5,0	
41	Đặng Thanh	Tùng	5,0	5,0	5,0	
42	Đặng Quốc	Trí	6,0	6,0	5,0	
43	Đỗ Quang	Trung	5,0	5,0	6,0	
44	Phạm Tuấn	Trường	6,0	6,0	6,0	
45	Nguyễn Đình	Văn	6,0	6,0	6,0	
46	Chu Xuân	Vũ	7,0	7,0	7,0	
47	Nguyễn Thanh	Vân	6,0	7,0	6,0	
48	Hoàng Bảo	Việt	4,0	4,0	5,0	

Giáo viên giảng dạy

Nguyễn Thị Nhung